

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC CHÍNH QUI**

**NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN**

**MÃ NGÀNH: 7480104**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCN ngày tháng năm 2022 của  
Hiệu trưởng trường Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh)*

**Thành phố Hồ Chí Minh - Năm 2022**

# MỤC LỤC

<b>PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>5</b>
1. Mục tiêu .....	5
2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015) .....	6
3. Khối lượng kiến thức toàn khoá .....	6
4. Đối tượng tuyển sinh: .....	7
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp .....	7
6. Cách thức đánh giá.....	7
7. Nội dung chương trình.....	7
8. Hướng dẫn thực hiện: .....	32
<b>PHẦN 2: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC .....</b>	<b>34</b>
2112012 - Triết học Mác - Lênin.....	34
2112013 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin .....	38
2112005 - Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	42
2131472 - Pháp luật đại cương .....	46
2113431 - Toán cao cấp 1 .....	53
2113432 - Toán cao cấp 2 .....	56
2132001 - Kỹ năng làm việc nhóm.....	59
2113433 - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học .....	63
2120405 - Giáo dục thể chất 1 .....	67
2120406 - Giáo dục thể chất 2 .....	72
2120501 - Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 .....	79
2120502 - Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 .....	87
2112014 - Chủ nghĩa xã hội khoa học .....	93
2112015 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	98
2113434 - Toán ứng dụng.....	102
2113436 - Hàm phức và biến đổi Laplace .....	105
2113435 - Phương pháp tích.....	108
2113437 - Vật lý đại cương .....	111
2113438 - Logic học .....	115
2107402 - Địa lý kinh tế Việt Nam.....	119
2132002 - Kỹ năng xây dựng kế hoạch .....	124
2123800 - Môi trường và con người.....	129
2101777 - Công nghệ thông tin trong chuyển đổi số.....	135

2104486 - Ứng dụng hóa học trong công nghiệp .....	139
2104487 - Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất.....	143
2106529 - Hội họa .....	148
2113439 - Xã hội học.....	151
2132003 - Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản.....	156
2111492 - Tiếng Việt thực hành .....	159
2110585 - Tâm lý học đại cương.....	163
2111491 - Cơ sở văn hóa Việt Nam .....	169
2101727 - Kỹ năng sử dụng bàn phím và thiết bị văn phòng.....	173
2101539 - Nhập môn Tin học .....	179
2101436 - Hệ cơ sở dữ liệu.....	186
2101425 - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu .....	191
2101628 - Phân tích và quản lý yêu cầu .....	195
2101600 - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python.....	200
2101411 - Nhập môn an toàn thông tin .....	203
2101584 - Lập trình phân tích dữ liệu 1 .....	207
2101625 - Phân tích thiết kế hệ thống .....	211
2101579 - Phát triển ứng dụng Web.....	216
2101652 - Thương mại điện tử .....	220
2101546 - Bảo mật cơ sở dữ liệu.....	224
2101482 - Hệ thống thông tin quản lý .....	228
2101657 - Phát triển ứng dụng .....	232
2101658 - Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử.....	236
2101860 - Lập trình hướng dịch vụ .....	242
2101543 - Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp.....	245
2101561 - Công nghệ mới trong phát triển ứng dụng CNTT.....	248
2101731 - Quản lý dự án Hệ thống thông tin .....	252
2101689 - Giao dịch định lượng .....	257
2101726 - Phân tích định lượng.....	263
2101428 - Tương tác người máy .....	268
2101589 - Lập trình phân tích dữ liệu 2 .....	272
2101544 - Tiếp thị điện tử .....	277
2101725 - Nguyên lý mô hình hóa định lượng.....	281
2101545 - Các hệ thống thông minh doanh nghiệp.....	286
2101728 - Cơ sở dữ liệu nâng cao .....	291
2101582 - Nhập môn dữ liệu lớn.....	297

2101729 - Nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu .....	301
2101622 - Nhập môn lập trình.....	304
2101405 - Kỹ thuật lập trình.....	308
2101624 - Thống kê máy tính và ứng dụng.....	312
2101595 - Trực quan hóa dữ liệu.....	316
2101525 - Những vấn đề xã hội và đạo đức nghề nghiệp .....	320
2101627 - Khai thác dữ liệu và ứng dụng .....	323
2101623 - Lập trình hướng đối tượng .....	327
2101551 - Hệ thống và Công nghệ Web .....	331
2101661 - Kiến trúc hướng dịch vụ và Điện toán đám mây.....	336
2101567 - Hệ thống Máy tính.....	339
2101425 - Mạng máy tính.....	343
2127402 - Nguyên lý kế toán.....	348
2107415 - Hành vi tổ chức .....	354
2127482 - Kế toán tài chính.....	358
2107490 - Quản trị bán hàng .....	364
2127483 - Kế toán quản trị .....	371
2108435 - Nguyên lý quản trị tài chính .....	377
2107420 - Quản trị nguồn nhân lực .....	382
2127439 - Kiểm toán cơ bản.....	388
2101537 - Quản lý quy trình nghiệp vụ.....	393
2111108 - Tiếng Anh 1 .....	396
2111188 - Tiếng Anh 2.....	404
2101521 - Thực tập doanh nghiệp .....	412
2101700 - Khóa luận tốt nghiệp .....	414
<b>PHẦN 3 : BẢNG TÍCH HỢP CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..</b>	<b>420</b>

# PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh.)*

Tên chương trình: **HỆ THỐNG THÔNG TIN**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC CHÍNH QUI**

Ngành đào tạo: **HỆ THỐNG THÔNG TIN**; Mã số: **7480104**

### **1. Mục tiêu**

Chương trình nhằm mục tiêu đào tạo kỹ sư hệ thống thông tin có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức, sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội, có ý thức tổ chức kỷ luật, có đạo đức nghề nghiệp, có phương pháp làm việc và kỹ năng thích hợp để làm việc trong lĩnh vực hệ thống thông tin, nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hệ thống thông tin; có năng lực tổ chức, có kỹ năng ứng dụng và tích hợp các mô hình kinh doanh vào ứng dụng tin học nhằm hỗ trợ doanh nghiệp quản lý hoạch định tài nguyên, tạo ra các sáng tạo mới trong hoạt động doanh nghiệp, định hướng phát triển lâu dài cho doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng phân tích, thiết kế hệ thống, tổng hợp, đề xuất giải pháp, phát triển khả năng tư duy, rèn luyện kỹ năng lập trình và kỹ năng nghề nghiệp nhằm hướng đến đào tạo nguồn nhân lực hệ thống thông tin chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xây dựng nguồn nhân lực ngành công nghiệp công nghệ thông tin trong cả nước.

### **Cơ hội việc làm**

Hệ thống thông tin là ngành học tập trung vào phân tích dữ liệu, kết nối giữa các bên liên quan trong doanh nghiệp và các chuyên gia công nghệ thông tin, lãnh đạo, quản lý dự án, dịch vụ khách hàng, cũng như cách làm thế nào để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và có lợi thế cạnh tranh hơn. Đây cũng chính là các khía cạnh tạo nên sự khác biệt giữa một chuyên gia Hệ thống thông tin và một chuyên gia về khoa học máy tính. Khi công nghệ càng phát triển thì nhu cầu nhân lực về lĩnh vực này càng gia tăng.

Nguồn nhân lực về Hệ thống thông tin tại Việt nam hiện nay rất khan hiếm. Nhiều tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu ngày càng cao về nhân lực nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh doanh, tin học và hệ thống thông tin; có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng nghề nghiệp về thiết kế, vận hành, quản trị các hệ thống thông tin – kinh doanh; có năng lực tổng hợp, phân tích thông tin, trợ giúp hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách, dự án về phát triển và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các tổ chức, doanh nghiệp.

### **Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Hệ Thống Thông Tin có thể đảm nhận các công việc như

- Phân tích viên hệ thống (systems analysis, business analysis), tích hợp hệ thống

(system integrator), quản trị cơ sở dữ liệu (database administrator).

- Quản trị hệ thống thông tin trong cơ quan, xí nghiệp.
- Lập trình quản lý cơ sở dữ liệu (database developer).
- Quản lý cơ sở dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định cho lãnh đạo.
- Đào tạo và hướng dẫn các nhân viên ở các bộ phận khác sử dụng thông tin và hệ thống một cách có hiệu quả.
- Đảm nhận vai trò của một CIO (giám đốc thông tin).
- Cán bộ quản lý dự án trong các hướng ngành đang có nhu cầu rất lớn của xã hội: thương mại điện tử (e-commerce), chính phủ điện tử (e-government), các hệ thống thông tin địa lý (GIS)...
- Nghiên cứu viên, giảng viên.
- Phân tích thiết kế và xây dựng các hệ thống thông tin
- Lập trình ứng dụng, phát triển web, lập trình cho các thiết bị di động, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại điện tử
- Tham gia quản lý các dự án phát triển phần mềm
- Triển khai các hệ thống bảo mật an toàn thông tin cho tổ chức.

### **Trình độ Ngoại ngữ:**

- Đạt trình độ ngoại ngữ TOEIC 450

### **2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)**

- Khả năng phân tích bài toán phức tạp và áp dụng các nguyên tắc về tính toán và các nguyên tắc liên quan khác để nhận diện và xác định các yêu cầu tính toán phù hợp với giải pháp.
- Khả năng thiết kế, hiện thực và đánh giá một hệ thống, quy trình, thành phần hoặc một chương trình máy tính đáp ứng được các nhu cầu mong muốn.
- Khả năng giao tiếp hiệu quả với các khách hàng.
- Nhận thức trách nhiệm nghề nghiệp và đưa ra những đánh giá trong ứng dụng tin học dựa trên pháp lý và đạo đức nghề nghiệp.
- Khả năng làm việc nhóm hiệu quả để đạt được mục tiêu chung.
- Khả năng hỗ trợ việc sử dụng, phân phối và quản lý các hệ thống thông tin trong môi trường hệ thống thông tin.

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khoá**

- Tổng số tín chỉ của chương trình đào	: 162 TC
- Tổng số tín chỉ không tính vào trung bình chung tích lũy	: 18 TC
- Tổng số tín chỉ phải tích lũy	: 162 TC
<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>: 48 TC</b>
+ Bắt buộc	: 39 TC
+ Tự chọn	: 09 TC
<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>: 114 TC</b>

- Khối kiến thức cơ sở ngành : **54 TC**
  - + Bắt buộc : **48 TC**
  - + Tự chọn : **06 TC**
- Khối kiến thức ngành : **24 TC**
  - + Bắt buộc : **15 TC**
  - + Tự chọn : **09 TC**
- Khối kiến thức chuyên ngành : **36 TC**
  - + Bắt buộc : **30 TC**
  - + Tự chọn : **06 TC**
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp : **13 TC**
- Số tín chỉ thực hành: **42 – 49 TC** chiếm **25,9 – 30,2%**
- Số tín chỉ Lý thuyết: **113 – 120 TC** chiếm **69,8 – 74,1%**

#### **4. Đối tượng tuyển sinh:**

Học sinh tốt nghiệp THPT và được xét tuyển theo quy định hướng dẫn của Bộ Giáo Dục & Đào Tạo.

#### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

##### **5.1 Quy trình đào tạo**

Thời gian đào tạo: 4.5 năm

Hình thức đào tạo: chính qui.

##### **5.2 Điều kiện tốt nghiệp**

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Có chứng chỉ tiếng Anh (hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương theo quy định ở khung năng lực ngoại ngữ của BGD&ĐT).

#### **6. Cách thức đánh giá**

Theo quy chế đào tạo học chế tín chỉ của Bộ giáo dục và đào tạo và qui chế đào tạo của Trường Đại học Công Nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

#### **7. Nội dung chương trình**

##### **7.1 Chương trình khung**

STT	Mã học phần	Học phần	Mục tiêu của học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>48(38-41,14-20,96)</b>
<b>Bắt buộc</b>				<b>39(32,14,78)</b>

1	2112012	Triết học Mác-Lênin	<p><i>Về kiến thức:</i> Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin</p> <p><i>Về kỹ năng:</i> Xây dựng thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác.</p> <p><i>Về thái độ:</i> Sinh viên phải nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin</p>	3(3,0,6)
2	2112013	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	<p>- <i>Một là</i>, trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hặc những nội dung mang tính kinh viện.</p> <p>- <i>Hai là</i>, trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.</p> <p>- <i>Ba là</i>, góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.</p>	2(2,0,4)
3	2112014	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	<p>- <i>Về kiến thức</i>, trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.</p> <p>- <i>Về kỹ năng</i>, giúp cho sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.</p> <p>- <i>Về thái độ</i>, Giúp sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung.</p>	2(2,0,4)
4	2112015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)	<p>- Trang bị cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống về quá trình ra đời, lãnh đạo Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, sinh viên hiểu rõ chủ trương, đường lối, cương lĩnh và quá trình lãnh đạo, thực hiện đổi mới, đưa cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.</p> <p>- Trên cơ sở trang bị tri thức về lịch sử Đảng, giúp sinh viên nhận thức đúng đắn thực tiễn lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó nâng cao lòng tự hào, niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng trong quá khứ, hiện</p>	2(2,0,4)

			<p>tại và tương lai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam.</li> </ul>	
5	2112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên hiểu được cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng của Hồ Chí Minh.</li> <li>- Hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; về Nhà nước, văn hóa, đạo đức và con người mới.</li> <li>- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.</li> </ul>	2(2,0,4)
6	2131472	Pháp luật đại cương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm bắt một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, các kiến thức cơ bản của một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng.</li> <li>- Giúp cho sinh viên có điều kiện thuận lợi hơn khi tiếp cận với các môn học khác có liên quan đến pháp luật; xây dựng ý thức sống, làm việc và thói quen xử sự phù hợp với Hiến pháp và pháp luật.</li> </ul>	2(2,0,4)
7	2113431	Toán cao cấp 1	<p>Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàm số liên tục, đạo hàm, vi phân của hàm một biến số thực.</li> <li>- Tích phân và ứng dụng tích phân.</li> <li>- Chuỗi số.</li> <li>- Vi phân, cực trị hàm hai biến số.</li> </ul>	2(2,0,4)
8	2113432	Toán cao cấp 2	<p>Cung cấp cho người học kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ma trận.</li> <li>- Hệ phương trình tuyến tính.</li> <li>- Không gian vector <math>R^n</math>, ánh xạ tuyến tính.</li> </ul> <p>Nhằm trang bị cho người học một số phương tiện tính toán, phương pháp giải quyết các vấn đề, giúp ích cho việc học các môn học khác và cho công việc sau này.</p>	2(2,0,4)
9	2132001	Kỹ năng làm việc nhóm	<p>Môn học này giúp sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng hợp được những kiến thức về kỹ năng làm việc nhóm; Thực hiện được một số kỹ năng, cách thức hoạt động nhóm hiệu quả.</li> <li>- Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm trong học tập, trong công việc một cách hiệu quả.</li> <li>- Hình thành thái độ tích cực trong hoạt động nhóm nhằm đạt hiệu quả cao trong công việc và trong cuộc sống.</li> </ul>	2(1,2,4)
10	2113433	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	<p>Sau khi học xong học phần người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự logic tiến hành một nghiên cứu</li> </ul>	2(2,0,4)

			khoa học; - Có một số kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng đọc, viết học thuật, và một số kỹ năng tư duy; - Có ý thức học tập tích cực, có thái độ trung thực trong nghiên cứu khoa học.	
11	2120405	Giáo dục thể chất 1	Mục tiêu học phần - Trình bày được những kiến thức cơ bản của bộ môn Điền kinh. - Thực hiện được những kỹ năng cơ bản môn chạy cự ly ngắn, nhảy cao. - Vận dụng được kiến thức nền để tiếp thu kiến thức các môn thể thao chuyên sâu	2(0,4,4)
12	2120406	Giáo dục thể chất 2	Mục tiêu học phần - Trình bày được những kiến thức cơ bản của môn thể thao đã chọn. - Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản của môn đã chọn. - Vận dụng những kiến thức đã học về : Luật thi đấu, thể thức thi đấu, cách tổ chức giải để tổ chức một giải thể thao phong trào.	2(0,4,4)
13	2120501	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 1	Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 giúp sinh viên hiểu, biết những kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. - Xây dựng cho sinh viên có ý thức, thái độ, trách nhiệm, trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	4(4,0,8)
14	2120502	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 2	Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự và các kỹ năng thực hành về quân sự, hiểu được lịch sử và truyền thống của một số quân, binh chủng quân đội nhân dân Việt Nam sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. - Giáo dục cho sinh viên có bản lĩnh, chính trị vững vàng, ý thức trách nhiệm, tác phong nhanh nhẹn, khoa học, có ý thức tổ chức kỷ luật cao trong sinh hoạt tập thể, cộng đồng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam trên mọi cương vị công tác.	4(2,4,8)
15	2111108	Tiếng Anh 1	Ôn tập kiến thức ngữ pháp cơ bản tiếng Anh về thì, từ loại, cấu trúc câu thường gặp trong đề thi TOEIC - Sinh viên nhớ cách đọc, cách viết, và nghĩa của ít nhất 1000 từ vựng thường xuất hiện trong đề thi TOEIC - Nắm được cấu trúc đề thi TOEIC, nội dung và yêu cầu trong từng phần thi. - Có kiến thức/kỹ năng tiếng Anh cần thiết để đạt chuẩn TOEIC 250 nội bộ hoặc quốc tế.	3(3,0,6)
16	2111188	Tiếng Anh 2	Hoàn thiện kiến thức ngữ pháp cơ bản tiếng	3(3,0,6)

			<p>Anh về thì, từ loại, cấu trúc câu thường gặp trong đề thi TOEIC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm được cấu trúc chi tiết từng phần thi và phương pháp hoàn thành đề thi TOEIC với hiệu quả cao nhất trong thời gian quy định.</li> <li>- Có kiến thức/kỹ năng tiếng Anh cần thiết để đạt chuẩn TOEIC 350 nội bộ hoặc quốc tế.</li> </ul>	
<b>Tự chọn</b>				<b>9(6-9,0-6,18)</b>
<b>Nhóm 1</b>				<b>3(3,0,6)</b>
1	2113434	Toán ứng dụng	<p>Cung cấp cho người học kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính.</li> <li>- Biến ngẫu nhiên.</li> <li>- Ước lượng, kiểm định giả thiết cho tham số thống kê.</li> <li>- Các phương pháp thống kê nhiều chiều: hồi quy tương quan, ANOVA, PCA.</li> <li>- Nhằm trang bị cho người học phương pháp lập mô hình toán, phương pháp giải quyết một số bài toán tối ưu và phương pháp ước lượng, kiểm định giả thiết thống kê.</li> </ul>	3(3,0,6)
2	2113435	Phương pháp tính	<p>Cung cấp cho người học kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp tìm nghiệm gần đúng của phương trình và hệ phương trình tuyến tính cũng như phi tuyến.</li> <li>- Phương pháp tính gần đúng các bài toán vi tích phân mà các phương pháp giải đúng không giải được.</li> <li>- Phương pháp liên tục hóa số liệu rời rạc.</li> </ul>	3(3,0,6)
3	2113436	Hàm phức và phép biến đổi Laplace	<p>Môn học cung cấp cho người học các kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phép tính đạo hàm, xét tính giải tích, tích phân hàm biến phức;</li> <li>- Khai triển chuỗi Taylor, chuỗi Laurent, tính thặng dư và ứng dụng để tính tích phân;</li> <li>- Thực hiện được các phép biến đổi Laplace, biến đổi Laplace ngược;</li> <li>- Ứng dụng của phép biến đổi Laplace để giải phương trình vi phân, hệ phương trình vi phân và một số bài toán trong kỹ thuật.</li> </ul>	3(3,0,6)
4	2113437	Vật lý đại cương	<p>Cung cấp cho sinh viên những khái niệm, định luật cơ bản về Cơ học chất điểm, Nhiệt học, Điện từ học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo được nền cơ sở, cơ bản cho sinh viên khi học các kiến thức chuyên ngành và thực tế đời sống có liên quan.</li> <li>- Giúp sinh viên giải được các bài toán vật lý có liên quan đến kiến thức chuyên ngành.</li> </ul>	3(3,0,6)
5	2113438	Logic học	<p>Môn học cung cấp cho người học các kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được chính xác các khái niệm phán đoán, suy luận, chứng minh logic thường dùng;</li> <li>- Trình bày chặt chẽ và nhất quán từ đầu đến</li> </ul>	3(2,2,6)

			<p>cuối tư tưởng của mình, lập luận chặt chẽ, biết cách chứng minh, bác bỏ một vấn đề; nhận biết và chỉ ra được những lập luận nguy hiểm;</p> <p>- Biết cách suy luận đúng (hợp logic), có khả năng nhận biết và bác bỏ sai lầm trong suy luận.</p>	
<b>Nhóm 2</b>				3(2-3, 0-2,6)
1	2107402	Địa lý kinh tế Việt Nam	<p>- Giúp cho sinh viên khối ngành kinh tế làm quen với việc đánh giá sơ bộ các tiềm lực kinh tế, xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của các quốc gia từ đó có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản đã được học để sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc gia.</p> <p>- Sinh viên thực hiện tiểu luận nhóm hình thành kỹ năng làm việc nhóm; Sinh viên thuyết trình tiểu luận trước lớp hình thành kỹ năng diễn thuyết trước đám đông; Sinh viên biên tập thiết kế slide thuyết trình hình thành kỹ năng tổng hợp tài liệu.</p> <p>- Sinh viên sẽ nhận thấy môn học Địa lý kinh tế Việt nam quan trọng và rất cần thiết cho nhà lãnh đạo kinh tế ở tầm vĩ mô, cho nhà nghiên cứu kinh tế, cho chủ doanh nghiệp hay một nhân viên bình thường khi họ đối mặt với quyết định có nên hay không thực hiện chính sách nào đó.</p>	3(3,0,6)
2	2132002	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	<p>Môn học này giúp sinh viên:</p> <p>- Tổng hợp được các kiến thức cơ bản về kỹ năng xây dựng kế hoạch như: Các khái niệm, phân loại kế hoạch, cấu trúc của một bản kế hoạch, qui trình xây dựng kế hoạch và các phương pháp để xây dựng kế hoạch.</p> <p>- Áp dụng được kỹ năng xây dựng kế hoạch trong học tập và phát triển cá nhân, kế hoạch sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Hình thành được kỹ năng phân tích đánh giá và kiểm tra được kết quả thực hiện kế hoạch.</p>	3(2,2,6)
3	2123800	Môi trường và con người	<p>Mục đích của môn học là cung cấp cho người học các khái niệm, kiến thức cơ bản về môi trường; Giới thiệu cho người học các vai trò của môi trường tự nhiên, hậu quả và việc xử lý hậu quả của việc làm môi trường bị ô nhiễm</p> <p>- Thông tin cho người học các chương trình, chính sách bảo vệ môi trường trong nước và toàn cầu. Từ đó môn học hướng người học đến việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.</p>	3(2,2,6)
4	2101777	Công nghệ thông tin trong chuyên đổi số	<p>Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng của chuyển đổi số trong đó bao gồm cơ sở lý thuyết và một số ứng dụng các kỹ thuật hiện đại ngày nay như trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, BigData, Cloud Computing, Security để giải quyết các bài toán thực tiễn.</p>	3(3,0,6)

5	2104486	Ứng dụng hóa học trong Công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức hóa học ứng dụng trong đời sống, sản xuất sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nhiên liệu và năng lượng, xây dựng, cơ khí, điện-điện tử và môi trường.</li> <li>- Có kỹ năng làm việc nhóm, tìm tài liệu, viết báo cáo và thuyết trình các chuyên đề ứng dụng hóa học trong đời sống, công nghiệp và các lĩnh vực liên quan.</li> <li>- Có kỹ năng nhận biết các đặc tính của sản phẩm: chất lượng, cách sử dụng, tính thương mại, tính an toàn đối với sức khỏe con người và môi trường.</li> </ul>	3(3,0,6)
6	2104487	Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được các kiến thức về Kaizen, 5S3D, PRO-3M, các công cụ quản lý chất lượng để nhận diện và loại bỏ các loại lãng phí, nâng cao năng lực cải tiến liên tục trong công nghiệp;</li> <li>- Có kỹ năng thực hiện, duy trì 5S3D, PRO-3M và các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao năng lực bản thân trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;</li> <li>- Có ý thức học tập, nhận thức được vai trò của Kaizen, 5S3D, PRO-3M trong hoạt động quản lý bản thân và công việc.</li> </ul>	3(2,2,6)
<b>Nhóm 3</b>				3(1-3,0-4,6)
1	2110585	Tâm lý học đại cương	<p>Hiểu và giải thích được các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người theo quan điểm khoa học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức tâm lý vào giải quyết các bài tập thực hành, những tình huống xảy ra trong cuộc sống và nghề nghiệp.</li> <li>- Có ý thức trong việc rèn luyện và hoàn thiện nhân cách bản thân.</li> </ul>	3(2,2,6)
2	2113439	Xã hội học	<p>Sau khi học xong học phần người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có các kiến thức cơ bản về các khái niệm, phạm trù xã hội học, các quan điểm lý thuyết xã hội học và các phương pháp nghiên cứu xã hội học;</li> <li>- Hiểu được sự khác biệt về văn hóa, cơ chế điều chỉnh xã hội, quá trình ổn định và biến đổi xã hội; mối quan hệ giữa cá nhân, nhóm/ tổ chức xã hội và xã hội;...</li> <li>- Có khả năng phân tích, đánh giá một số hiện tượng xã hội đã và đang diễn ra trong đời sống xã hội Việt Nam dưới góc độ xã hội học.</li> </ul>	3(3,0,6)
3	2111491	Cơ sở văn hóa Việt nam	<p>Cung cấp cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những tri thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam.</li> <li>- Giúp sinh viên có thái độ yêu mến, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc.</li> </ul>	3(2,2,6)

4	2111492	Tiếng Việt thực hành	Cung cấp cho sinh viên: - Đặc điểm, cấu trúc cơ bản của tiếng Việt. - Nhận biết và khắc phục những sai sót khi nói, viết, dùng từ, đặt câu. - Trình bày mạch lạc một văn bản, tự tin khi nói và viết tiếng Việt.	3(2,2,6)
5	2112011	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản	- Nắm được nhạc lý căn bản để đọc được bản nhạc, làm nền tảng cho xướng âm và thực hành các nhạc cụ. - Diễn tấu được đàn guitar ở mức độ cơ bản. - Vận dụng được kiến thức âm nhạc để thưởng thức, cảm thụ các tác phẩm âm nhạc.	3(1,4,6)
6	2106529	Hội họa	Sinh viên khi học xong sẽ: - Hiểu biết cơ bản về một số thể loại tranh và cách đọc hiểu một tác phẩm hội họa. - Tổng hợp được kiến thức và nội dung cơ bản về nguyên tắc bố cục, màu sắc. - Vận dụng được kiến thức cơ bản của hội họa để chép/vẽ được một số tranh ở mức căn bản như: chân dung, tĩnh vật và phong cảnh. - Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm và ý thức học tập nghiêm túc.	3(1,4,6)
7	2101727	Kỹ năng sử dụng bàn phím và thiết bị văn phòng	- Sử dụng thành thạo 10 ngón tay để soạn thảo văn bản trên máy tính, hình thành tác phong soạn thảo văn bản chuyên nghiệp. - Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng thường gặp.	3(2,2,6)
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>114(75-79,70-78,228)</b>
<b>2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>54(41-43,22-26,108)</b>
<b>Bắt buộc</b>				<b>48(37,22,96)</b>
1	2101539	Nhập môn Tin học	- Hiểu các khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, các thành phần cơ bản trong hệ thống máy tính và các hoạt động cơ bản trong hệ thống máy tính - Phân biệt được các loại phần mềm - Phân biệt được các hệ thống số, thực hiện được các phép tính trên hệ nhị phân, biết cách biểu diễn dữ liệu trên máy tính, phân biệt được các loại mã máy. - Có khả năng tìm hiểu và sử dụng được những phần mềm ứng dụng thông dụng - Tìm hiểu các môi trường làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin - Nhận thức về các mối đe dọa đến an toàn dữ liệu và thông tin trên máy tính	2(2,0,4)
2	2101622	Nhập môn Lập trình	- MÔ HÌNH HÓA bài toán bằng mô hình toán học để giải quyết trên máy tính. - XÂY DỰNG giải thuật để giải quyết yêu cầu bài toán trong đó sử dụng một vòng lặp và rẽ nhánh. - XÁC ĐỊNH được các tham số vào/ra của hàm và gọi được hàm từ một phân rã cho trước có tối thiểu 2 hàm. - CÀI ĐẶT đúng chương trình với giải thuật	2(0,4,4)

			<p>cho trước có tối đa 2 vòng lặp lồng nhau và rẽ nhánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CÀI ĐẶT đúng chương trình thao tác trên cấu trúc dữ liệu mảng 1 chiều có độ phức tạp <math>O(n)</math></li> </ul>	
3	2101628	Phân tích và quản lý yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các kỹ thuật thu thập yêu cầu và vận dụng được các kỹ thuật đó trong việc thu thập yêu cầu</li> <li>- Trình bày được quá trình phân tích yêu cầu và các phương pháp phân tích yêu cầu. Vận dụng được các phương pháp phân tích yêu cầu trong việc phân tích yêu cầu</li> <li>- Viết được tài liệu đặc tả yêu cầu theo yêu cầu nghiệp vụ của bài toán</li> <li>- Quản lý, kiểm tra và xác định được tính hợp lệ của các yêu cầu.</li> <li>- Biết cách quản lý các rủi ro và đưa ra được các giải pháp để giải quyết rủi ro</li> </ul>	3(3,0,6)
4	2101567	Hệ Thống Máy tính	<p>Môn học này cung cấp lần lượt các kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động và tổ chức các máy tính số, vấn đề đánh giá hiệu suất, tính toán số học, đường đi của dữ liệu và tín hiệu điều khiển, hệ thống bộ nhớ, giao tiếp với ngoại vi. Kiến trúc các bộ xử lý Intel được sử dụng làm minh họa cho môn học này. Nắm được tổng quan về hệ điều hành, nắm được định thì và các giải thuật định thì. Nắm được quản lý hệ thống file và cấu hình được máy tính.</p>	4(3,2,8)
5	2101405	Kỹ thuật lập trình	<p>Khi hoàn thành môn học, người học có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- SỬ DỤNG được kỹ thuật đệ quy để giải quyết bài toán chia để trị.</li> <li>- HIỆN THỰC được bài toán (có tối đa 1 vòng lặp và rẽ nhánh) sử dụng dữ liệu kiểu cấu trúc.</li> <li>- VẬN DỤNG con trỏ để giải quyết bài toán sử dụng vùng nhớ động.</li> <li>- PHÂN RÃ một bài toán quản lý cho trước thành những bài toán con đơn giản hơn.</li> <li>- ĐƯA RA các giá trị đầu vào để kiểm thử chương trình.</li> </ul>	3(2,2,6)
6	2101655	Những vấn đề xã hội và đạo đức nghề nghiệp	<p>Trình bày và giải thích được chính sách an toàn thông tin doanh nghiệp/tổ chức và TRÌNH BÀY được các điều khoản để kiểm soát ATTT cho một hệ thống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày và giải thích được tính pháp lý trong lĩnh vực CNTT, bao gồm: Sở hữu trí tuệ, khai thác phần mềm và Thương mại điện tử.</li> <li>- Trình bày được đầy đủ trách nhiệm của kỹ sư máy tính (CNTT) và bày tỏ được quan điểm đạo đức nghề nghiệp.</li> </ul>	3(3,0,6)

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được tối thiểu 5 tác động làm thay đổi hoặc ảnh hưởng của CNTT đến cá nhân, tổ chức, xã hội kể từ khi máy tính ra đời.</li> <li>- Trình bày và mô tả được tối thiểu 5 xu hướng mới về nghề nghiệp CNTT.</li> </ul>	
7	2101435	Mạng máy tính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các thành phần cấu thành một hệ thống mạng máy tính, các mặt ứng dụng của mạng máy tính trong thực tế.</li> <li>- Diễn đạt được sự liên hệ của 1 quá trình truyền thông tin trên mạng trong mô hình OSI, họ giao thức TCP/IP.</li> <li>- Giải thích được được nguyên lý vận hành của các thiết bị kết nối mạng như: Hub, Bridge, Switch, Router, modem, Access point ... và các phương tiện truyền dẫn như cáp đồng, cáp quang,...</li> <li>- Giải thích được nguyên lý hoạt động của các giao thức cơ bản trong protocol stack TCP/IP như : DHCP, DNS, HTTP, SMTP, FTP, TCP, UDP, IP, ARP ...</li> <li>- Giải thích được cơ chế định tuyến và chuyển mạch trong hệ thống mạng</li> <li>- Đọc, hiểu và tổng hợp được các kiến thức nguồn tài liệu liên quan đến mạng máy tính cơ bản.</li> <li>- Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm</li> </ul>	3(3,0,6)
8	2101624	Thống kê máy tính & ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên tích lũy kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê máy tính sử dụng vào trong ngành học mình đang chọn. Sinh viên có khả năng thực hiện thống kê mô tả và biểu diễn hình học cho tập dữ liệu mẫu. Sinh viên hiểu được một số phân phối xác suất cơ bản cho các biến ngẫu nhiên rời rạc và biến ngẫu nhiên liên tục: Phân phối nhị thức, phân phối Poisson, phân phối chuẩn, phân phối chuẩn chuẩn hóa, phân phối t, F và <math>\chi^2</math>. Phân tích phương sai và phân tích hồi qui tuyến tính đơn giản trên các thuộc tính của tập dữ liệu mẫu. Sinh viên nắm được việc sử dụng ngôn ngữ R vào việc phân tích số liệu thống kê</li> </ul>	3(2,2,6)
9	2101436	Hệ cơ sở dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các mô hình dữ liệu và cơ sở dữ liệu quan hệ. Lý thuyết và phương pháp thiết kế logic cơ sở dữ liệu quan hệ từ phân tích nghiệp vụ của tổ chức. Vai trò của đại số quan hệ, ngôn ngữ SQL thao tác dữ liệu. Các quy luật bảo toàn dữ liệu và ràng buộc, phụ thuộc hàm, các dạng chuẩn hóa dữ liệu.</li> <li>- Thiết kế cơ sở dữ liệu vật lý, vai trò chỉ mục. Các khái niệm về kho dữ liệu, mục đích sử dụng và cách tạo</li> </ul>	4(3,2,8)
10	2101625	Phân tích thiết kế hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên hiểu rõ vai trò của các giai đoạn phân tích và thiết kế trong quá trình phát triển hệ thống. Giúp sinh viên tiếp cận phương pháp phân tích thiết kế hướng đối tượng.</li> </ul>	3(2,2,6)

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên khả năng phân tích và xác định được các yêu cầu của người dùng đối với hệ thống, biết cách phân tích và hiểu được nghiệp vụ trong phạm vi của bài toán.</li> <li>- Giúp sinh viên xác định được yêu cầu chức năng và phi chức năng của hệ thống.</li> <li>- Trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng công cụ mô hình hóa yêu cầu của bài toán (UML), xây dựng tài liệu phần mềm.</li> <li>- Trang bị cho sinh viên có khả năng thiết kế một hệ thống mới và biết cách kế thừa những hệ thống đã có.</li> <li>- Môn học cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, biết cách thảo luận và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề chung của nhóm.</li> </ul>	
11	2101551	Hệ Thống và Công nghệ Web	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về các hệ thống và công nghệ phát triển ứng dụng Web thực tế, đồng thời cung cấp các kiến thức và kỹ năng để thiết kế trang Web bằng HTML kết hợp với CSS.</li> <li>- Ngoài ra, môn học cũng cung cấp các kiến thức về lập trình phía client bằng JavaScript và một số thư viện mở jQuery, Bootstrap.</li> </ul>	3(2,2,6)
12	2101411	Nhập môn an toàn thông tin	Môn học này cung cấp cho sinh viên về tính cần thiết của an toàn hệ thống thông tin đối với tổ chức, cá nhân và xã hội; các bài toán an toàn thông tin cơ bản, cùng các kỹ thuật để giải quyết chúng như mã hóa, chữ ký điện tử, hàm băm và mã chứng thực... Từ đó người học hiểu được các giao thức bảo mật và vận dụng trong các hệ thống thông tin an toàn.	3(3,0,6)
13	2101623	Lập trình hướng đối tượng	Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu những lợi ích của việc phát triển phần mềm theo hướng đối tượng.</li> <li>- Hiểu được những khái niệm cơ bản và thuật ngữ trong lập trình hướng đối tượng</li> <li>- Hiểu vai trò của UML trong phân tích và thiết kế, ý nghĩa của các lược đồ phổ biến</li> <li>- Vận dụng được UML trong thu thập yêu cầu, phân tích và thiết kế</li> <li>- Hiện thực được các thiết kế bằng ngôn ngữ lập trình</li> <li>- Hiểu được sự ảnh hưởng của thiết kế để ứng dụng có thể thích ứng với sự thay đổi yêu cầu của người dùng.</li> </ul>	3(2,2,6)
14	2101584	Lập trình phân tích dữ liệu 1	Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được các thư viện trong Python để tiền xử lý dữ liệu</li> <li>- Viết được chương trình có sử dụng được các lệnh, hàm và các thư viện trong Python để phân tích và trực quan hóa dữ liệu</li> </ul>	3(2,2,6)
15	2127402	Nguyên lý kế toán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được các dạng chính của tổ chức doanh nghiệp; Trình bày ba loại hoạt động</li> </ul>	3(3,0,6)

			<p>sản xuất kinh doanh chính; Mô tả nội dung và mục đích của mỗi loại báo cáo tài chính; Xác định phương trình kế toán cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện và tính toán các tỉ số để phân tích khả năng sinh lời, khả năng thanh toán bằng tiền mặt và khả năng trả nợ của công ty; Giải thích mối quan hệ giữa một báo cáo lợi nhuận giữ lại với một báo cáo vốn chủ sở hữu; Sử dụng báo cáo lưu chuyển tiền tệ để đánh giá khả năng trả nợ.</li> <li>- Phân tích ảnh hưởng của nghiệp vụ kinh doanh lên phương trình kế toán cơ bản; Định nghĩa nợ và có và giải thích chúng được dùng như thế nào để ghi nhận các giao dịch kinh doanh; Giải thích một nhật ký và một sổ cái là gì và chúng trợ giúp thế nào trong quá trình ghi nhận; Giải thích mục tiêu của cân bằng thử.</li> <li>- Trình bày nguyên lý ghi nhận doanh thu và chi phí; Hiệu chỉnh đầu vào cho các tài khoản dồn tích (accruals) và tài khoản trì hoãn (deferrals). Mô tả bản chất và mục đích của bảng cân bằng thử đã hiệu chỉnh; Mô tả các bước cần thiết trong chu trình kế toán.</li> <li>- Trình bày việc ghi nhận mua và ghi nhận bán trong hệ thống kiểm kho thường xuyên; Xác định chi phí hàng bán trong hệ thống kiểm kho định kỳ; Trình bày các yếu tố ảnh hưởng khả năng sinh lời.</li> </ul>	
16	2101600	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành hệ thống thông tin các kiến thức cơ sở về cấu trúc dữ liệu và giải thuật từ cơ bản đến nâng cao được sử dụng trong các hệ thống lưu trữ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, dữ liệu no-sql và dữ liệu lớn.	3(2,2,6)
<b>Tự chọn</b>				<b>6(4-6,0-4,12)</b>
<b>Nhóm 1</b>				<b>3(2-3,0-2,6)</b>
1	2101678	Trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên kiến thức về trực quan hóa dữ liệu. Biểu diễn dữ liệu thành những dạng đồ thị có thể đọc và phân tích dễ dàng.</li> <li>- Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về việc đánh giá hiệu quả của thiết kế.</li> <li>- Sinh viên có thể tạo các ứng dụng trực quan hóa dữ liệu sử dụng một số công cụ mã nguồn mở như Chart.js hay D3.js</li> </ul>	3(2,2,6)
2	2101689	Giao dịch định lượng (Quantitative Trading)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị cho sinh viên kiến thức về thị trường tài chính và các loại giao dịch.</li> <li>- Trang bị cho sinh viên các chiến lược giao dịch dựa trên phân tích kỹ thuật, phân tích cơ bản, phân tích ý kiến, và học máy</li> <li>- Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản lý rủi ro trong giao dịch chứng khoán</li> </ul>	3(2,2,6)

3	2101726	Phân tích định lượng (Quantitative Analysis)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận diện được vai trò của phân tích định lượng trong quá trình ra quyết định</li> <li>- Nhận diện sự khác biệt giữa các phương pháp định lượng</li> <li>- Sử dụng các phương pháp phân tích định lượng trong giải quyết vấn đề</li> </ul>	3(3,0,6)
<b>Nhóm 2</b>				3(2-3,0-2,6)
1	2127482	Kế toán tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức về kế toán tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</li> <li>- Có khả năng vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để đo lường, ghi nhận và lập báo cáo tài chính ở mức độ cơ bản.</li> <li>- Có khả năng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li> <li>- Có kỹ năng làm việc nhóm.</li> <li>- Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.</li> </ul>	3(2,2,6)
2	2101544	Tiếp thị điện tử	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Tiếp thị điện tử trong thời đại số và những khái niệm liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp cận được với ba loại nền tảng Paid, Owned, Earned và các nền tảng cơ bản Website, Digital media, Social media, Email marketing, Mobile, Search...</li> <li>- Lên kế hoạch và đánh giá cho một chiến lược tiếp thị điện tử</li> </ul>	3(2,2,6)
3	2107415	Hành vi tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm và tổ chức.</li> <li>- Vận dụng được các lý thuyết động viên, lý thuyết kỳ vọng vào kỹ năng lãnh đạo làm việc nhóm có hiệu quả</li> <li>- Lựa chọn được hình thức truyền thông phù hợp với thông tin muốn truyền đi trong tổ chức giúp nâng cao hiệu quả của truyền thông.</li> <li>- Trình bày được các yếu tố chính hình thành nên cơ cấu tổ chức và lựa chọn được hình thức thiết kế của tổ chức phù hợp.</li> <li>- Phân tích được các yếu tố xây dựng và duy trì văn hóa tổ chức có tác động đến hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức.</li> </ul>	3(3,0,6)
<b>2.2 Kiến thức ngành</b>				<b>24(16-18,12-16,48)</b>
<b>Bắt buộc</b>				<b>15(10,10,30)</b>
1	2101425	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	<p>Nắm được các nguyên lý cơ bản của một hệ quản trị CSDL</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cách tạo cơ sở dữ liệu, thiết lập các ràng buộc toàn vẹn dữ liệu, đưa các dữ liệu vào trong CSDL</li> <li>- Biết cách tạo lập, quản lý, truy xuất và bảo trì dữ liệu</li> <li>- Lập trình bằng ngôn ngữ T-SQL</li> </ul>	3(2,2,6)

			- Kiến thức về tính sẵn sàng cao (high availability) như log shopping, database mirroring và replication.	
2	2101579	Phát triển ứng dụng Web	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên phân biệt được môi trường hoạt động và giải thích được cơ chế client/server của một website.</li> <li>- Sinh viên vận dụng được ngôn ngữ lập trình phía server để xây dựng một website (với giao diện cho trước) có dữ liệu động được lấy từ cơ sở dữ liệu</li> <li>- Sinh viên giải thích được các kiến thức liên quan đến phát triển ứng dụng web</li> <li>- Sinh viên triển khai (deploy) được một website lên mạng internet</li> </ul>	3(2,2,6)
3	2101652	Thương mại điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên trình bày được thực trạng thương mại điện tử của Việt Nam</li> <li>- Sinh viên giải thích được các vấn đề về an ninh và các biện pháp bảo mật trong thương mại điện tử</li> <li>- Sinh viên phân tích được mô hình kinh doanh để khởi nghiệp kinh doanh TMĐT</li> <li>- Sinh viên xây dựng được một website TMĐT phù hợp với mô hình kinh doanh đã chọn</li> <li>- Trình bày được các trường hợp vi phạm luật TMĐT trong thực tế</li> </ul>	3(2,2,6)
4	2101657	Phát triển ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình hóa được yêu cầu của đề tài</li> <li>- Thiết kế được một hệ thống theo yêu cầu</li> <li>- Viết được tài liệu phân tích thiết kế hệ thống</li> <li>- Hiện thực hóa được chương trình theo đúng thiết kế</li> <li>- Đánh giá được hệ thống đã phát triển theo các tiêu chí đã cho</li> <li>- Trình bày hiệu quả các yêu cầu trước giảng viên và tập thể lớp</li> <li>- Làm việc nhóm hiệu quả để đạt được mục tiêu chung <ul style="list-style-type: none"> <li>o Tham gia tích cực vào các buổi hoạt động nhóm</li> <li>o làm việc dễ dàng với các thành viên khác trong nhóm</li> <li>o Hoàn thành nhiệm vụ được giao</li> </ul> </li> </ul>	3(2,2,6)
5	2101546	Bảo mật Cơ sở dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên vận dụng được một trong các mô hình bảo mật của Access Control để phân quyền cho các đối tượng theo yêu cầu nghiệp vụ đã cho.</li> <li>- Sinh viên hiện thực được giám sát tự động cho một CSDL bất kỳ.</li> <li>- Sinh viên thực hiện được mã hóa và giải mã dữ liệu mức cột trong một bảng dữ liệu.</li> <li>- Sinh viên hiện thực được một chính sách theo điều kiện của nghiệp vụ cho trước.</li> </ul>	3(2,2,6)
<b>Tự chọn</b>				<b>9(6-8,2-6,18)</b>

<b>Nhóm 1</b>				3(2,2,6)
1	2101627	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt các kiến trúc kho dữ liệu</li> <li>- Giải thích được quy trình khai phá dữ liệu</li> <li>- Sử dụng được công cụ ETL để chuẩn bị dữ liệu cho kho dữ liệu</li> <li>- Vận dụng các giải thuật khai phá dữ liệu vào kho dữ liệu cụ thể để thống kê và dự báo</li> </ul>	3(2,2,6)
2	2101545	Các hệ thống thông minh doanh nghiệp (Business Intelligence Systems)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt các kiến trúc kho dữ liệu</li> <li>- Giải thích được quy trình khai phá dữ liệu</li> <li>- Sử dụng được công cụ ETL để chuẩn bị dữ liệu cho kho dữ liệu</li> <li>- Vận dụng các giải thuật khai phá dữ liệu vào kho dữ liệu cụ thể để thống kê và dự báo</li> </ul>	3(2,2,6)
3	2101728	Cơ sở dữ liệu nâng cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên xác định, so sánh và sử dụng được bốn loại Cơ sở dữ liệu NoQuery.</li> <li>- Sinh viên trình bày được kiến trúc cơ sở dữ liệu NoSQL, xác định các đối tượng, tải dữ liệu, truy vấn dữ liệu và điều chỉnh hiệu suất truy xuất Cơ sở dữ liệu NoQuery theo các hướng cột, hướng tài liệu, hướng Key-Value Pair NoQuery và biểu đồ.</li> <li>- Sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ phát triển cơ sở dữ liệu NoSQL và các ngôn ngữ lập trình trên cơ sở dữ liệu NoQuery.</li> <li>- Sinh viên có khả năng sử dụng một trong bốn loại cơ sở dữ liệu NoQuery thông qua các sản phẩm như Cassandra, Hadoop Hbase, MongoDB, Neo4J và Riak.</li> </ul>	3(2,2,6)
<b>Nhóm 2</b>				3(2-3,0-2,6)
1	2101589	Lập trình phân tích dữ liệu 2 (Data Analysis Programming 2)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có khả năng sử dụng công cụ để phân tích dự báo dữ liệu.</li> <li>- Sinh viên có khả năng sử dụng công cụ học có giám sát (supervised learning) để phân tích dữ liệu.</li> <li>- Sinh viên có khả năng sử dụng công cụ học không có giám sát (unsupervised learning) để phân tích dữ liệu</li> </ul>	3(2,2,6)
2	2101725	Nguyên lý mô hình hóa định lượng (Fundamentals of Quantitative Modeling)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định các mô hình định lượng cơ bản và các thành phần chính của chúng</li> <li>- Biết cách áp dụng các mô hình tuyến tính. Mô hình hồi quy.</li> <li>- Xác định và hiệu cấu trúc chính của các mô hình tuyến tính và đề xuất thời điểm và cách sử dụng chúng để cải thiện kết quả cho doanh nghiệp.</li> </ul> <p>Xem xét cách các mô hình xác suất kết hợp độ không đảm bảo và cách độ không chắc chắn.</p>	3(3,0,6)
3	2101428	Tương tác người máy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về quy trình phân tích và thiết kế giao diện, cách đánh giá giao diện có đáp ứng tiêu</li> </ul>	3(3,0,6)

		(Human Computer Interaction)	chuẩn tính tiện dụng của người dùng hay không.	
<b>Nhóm 3</b>				<b>3(2-3,0-2,6)</b>
1	2107490	Quản trị bán hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được được các vấn đề cơ bản về quản trị bán hàng</li> <li>- Vận dụng tính toán được số lượng nhân viên bán hàng và doanh số dự báo bằng các kỹ thuật khác nhau</li> <li>- Hiểu được các vấn đề liên quan đến tổ chức cơ cấu của lực lượng bán hàng</li> <li>- Trình bày được các vấn đề liên quan đến tuyển chọn, đào tạo, giám sát đánh giá, kỹ năng của đội ngũ bán hàng và chăm sóc khách hàng</li> </ul>	3(2,2,6)
2	2108435	Nguyên lý quản trị tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được các nguyên tắc lập và dự báo báo cáo tài chính</li> <li>- Sử dụng được các thông tin trên báo cáo tài chính trong việc phân tích tình hình tài chính và lập kế hoạch tài chính</li> <li>- Áp dụng được các nguyên tắc và phương pháp thẩm định có xét đến yếu tố rủi ro của dự án đầu tư dài hạn</li> <li>- Giải thích được vai trò của thị trường tài chính đối với hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp</li> <li>- Tổ chức, thực hiện, và báo cáo được các kết quả hoạt động theo nhóm</li> </ul>	3(3,0,6)
3	2127483	Kế toán quản trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được các khái niệm, phương pháp, nguyên tắc để ghi nhận, đo lường và công bố thông tin kế toán quản trị</li> <li>- Ước tính được chi phí</li> <li>- Lập được dự toán cố định và dự toán linh hoạt</li> <li>- Đo lường và đánh giá được các vấn đề để đưa ra các phương án và lựa chọn giải pháp tối ưu</li> <li>- Có kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu và tự thực hiện công việc theo đúng tiến độ</li> <li>- Có thái độ chuẩn mực và ý thức trách nhiệm xã hội</li> </ul>	3(2,2,6)
<b>2.3 Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>36(18,36,72)</b>
<b>Bắt buộc</b>				<b>30(13,34,60)</b>
1	2101482	Hệ thống thông tin quản lý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày cách thức các hệ thống thông tin giúp doanh nghiệp phát triển chiến lược cạnh tranh.</li> <li>- Trình bày các vấn đề về đạo đức, nghề nghiệp, chính trị gây ra bởi việc sử dụng rộng rãi hệ thống thông tin.</li> <li>- Trình bày các ứng dụng hệ thống thông tin cốt lõi các tổ chức hiện đang dùng để nâng cao tính ưu việt về vận hành và việc ra</li> </ul>	2(2,0,4)

			<ul style="list-style-type: none"> <li>quyết định.</li> <li>Giải thích được ảnh hưởng toàn cục của hệ thống thông tin mạng xã hội đối với chiến lược của tổ chức.</li> </ul>	
2	2101658	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giải thích được một số khái niệm, đặc điểm, nội dung và vai trò của quản trị tác nghiệp TMDT</li> <li>Chỉ ra được thể nào là bán lẻ điện tử và các công cụ hỗ trợ, các mô hình TMDT B2B cũng như các hoạt động mua bán trong B2B</li> <li>Chỉ ra được tầm quan trọng của quản trị logistic, quản trị quan hệ khách hàng CRM, các giải pháp công nghệ cho e-CRM</li> <li>Xây dựng được chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong TMDT</li> <li>Giải thích được khái niệm tái cấu trúc doanh nghiệp và quản trị sự thay đổi</li> </ul>	3(3,0,6)
3	2101860	Lập trình hướng dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cài đặt và ứng dụng cấu trúc XML</li> <li>Ứng dụng được Python xây dựng website theo kiến trúc 3-tiers</li> <li>Ứng dụng được Django xây dựng website theo mô hình MVC</li> <li>Xây dựng dịch vụ RESTFUL tương tác với ứng dụng</li> <li>Thiết kế được kiến trúc Micro-service trong hệ thống thông tin</li> <li>Triển khai được ứng dụng lên đám mây</li> </ul>	3(2,2,6)
4	2101543	Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giải thích được các đặc điểm chính của hệ thống ERP</li> <li>Thu thập được yêu cầu về quy trình nghiệp vụ của một doanh nghiệp</li> <li>Phân tích được quy trình nghiệp vụ của một doanh nghiệp</li> <li>So sánh được sự khác biệt giữa quy trình thực tế tại doanh nghiệp và quy trình chuẩn của ERP</li> <li>Triển khai được các chức năng cơ bản trong 1 phân hệ của hệ thống ERP mã nguồn mở cho nghiệp vụ đã phân tích.</li> <li>Làm việc nhóm hiệu quả để triển khai được module ERP đã chọn.</li> </ul>	3(2,2,6)
5	2101561	Công nghệ mới trong phát triển ứng dụng Công Nghệ Thông Tin	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh viên trình bày được xu hướng công nghệ mới trong ứng dụng CNTT và giải thích lại được ưu và khuyết điểm khi áp dụng công nghệ mới.</li> <li>Sinh viên phân tích được hiệu quả của ứng dụng Công nghệ mới đến cá nhân, tổ chức và xã hội.</li> <li>Sinh viên ứng dụng dc công nghệ mới để phát triển ứng dụng minh họa.</li> <li>Có khả năng làm việc dễ dàng với các thành viên khác trong nhóm</li> <li>Làm việc nhóm hiệu quả để đạt được mục</li> </ul>	3(2,2,6)

			tiêu chung – 5.1. Tham gia tích cực vào các buổi hoạt động nhóm – 5.2. Làm việc dễ dàng với các thành viên khác trong nhóm – 5.3. Hoàn thành nhiệm vụ được giao	
6	2101731	Quản lý dự án Hệ Thống Thông Tin	– Trình bày được vòng đời phát triển của một dự án – Xác định được phạm vi của dự án, xây dựng được kế hoạch của dự án, xác định các nguồn lực, thời gian và kinh phí của dự án – Trình bày được các rủi ro có thể xảy ra và cách giảm thiểu rủi ro trong dự án – Xây dựng được các nhóm dự án thực hiện công việc hiệu quả theo kế hoạch của dự án, trình bày được các biện pháp giải quyết xung đột trong nhóm dự án – Trình bày được mục tiêu chất lượng của dự án và biện pháp đảm bảo chất lượng của dự án – Viết được tài liệu dự án – Sử dụng các công cụ để truyền thông, hợp tác, phân tích, quản lý thông tin, và hỗ trợ quyết định. – Khả năng ra quyết định và phân tích các vấn đề kinh doanh phức tạp để đề xuất các giải pháp dựa trên dự án	3(2,2,6)
7	2101521	Thực tập doanh nghiệp	– Sinh viên vận dụng được kiến thức để giải quyết được các yêu cầu chuyên môn tại doanh nghiệp – Sinh viên trình bày được nội dung thực tập dưới dạng viết báo cáo kỹ thuật – Sinh viên thuyết trình hiệu quả các vấn đề được yêu cầu trước doanh nghiệp	5(0,10,10)
8	2101700	Khoá luận tốt nghiệp	– Xác định được yêu cầu của khóa luận cần thực hiện. – Phân tích yêu cầu (hiện trạng, nghiệp vụ) và mô hình hóa được yêu cầu của đề tài. – Thiết kế một hệ thống thông tin/đưa ra giải pháp đáp ứng được yêu cầu của đề tài. – Hiện thực hóa hệ thống thông tin theo thiết kế đã đưa ra/Hiện thực giải pháp đã đưa ra. – Viết được báo cáo khóa luận tốt nghiệp. – Trình bày được các kiến thức nền tảng liên quan đến đề tài khóa luận. – Đánh giá việc hiện thực khóa luận đáp ứng yêu cầu đề tài khóa luận. – Bảo vệ (defend) kết quả khóa luận trước giảng viên hướng dẫn và phản biện. – Khả năng phỏng vấn đề thu thập yêu cầu khách hàng	8(0,16,16)
<b>Tự chọn</b>				<b>6(5,2,12)</b>

<b>Nhóm 1</b>				3(3,0,6)
1	2101537	Quản lý quy trình nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình hóa được quy trình nghiệp vụ.</li> <li>- Xác định quy trình cải tiến cho nghiệp vụ của doanh nghiệp.</li> </ul>	3(3,0,6)
2	2107420	Quản trị nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích được những nội dung cơ bản và những tình huống có liên quan của nhóm chức năng thu hút nguồn nhân lực.</li> <li>- Giải thích được nội dung cơ bản và tình huống có liên quan của nhóm chức năng đào tạo - phát triển nguồn nhân lực.</li> <li>- Giải thích được những nội dung cơ bản và những tình huống có liên quan của nhóm chức năng duy trì nguồn nhân lực.</li> <li>- Xây dựng được một thông báo tuyển dụng và các thành phần cơ bản của bảng mô tả công việc.</li> <li>- Xây dựng được bảng đánh giá thành tích nhân viên</li> </ul>	3(3,0,6)
3	2127439	Kiểm toán cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có kiến thức về các loại hình kiểm toán, kiểm soát nội bộ, bằng chứng, trọng yếu và rủi ro kiểm toán, quy trình kiểm toán và báo cáo kiểm toán.</li> <li>- Có khả năng vận dụng các phương pháp kiểm toán vào quy trình kiểm toán báo cáo tài chính</li> <li>- Có kỹ năng làm việc nhóm</li> <li>- Có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội</li> </ul>	3(3,0,6)
<b>Nhóm 2</b>				3(2,2,6)
1	2101582	Nhập môn dữ liệu lớn (Introduction to Big data)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nắm được các đặc tính cơ bản của big data.</li> <li>- Sinh viên nắm được các đặc tính của hadoop.</li> <li>- Sinh viên hiểu được kiến trúc HDFS và Map/reduce</li> <li>- Sinh viên có khả năng vận dụng để phân tích dữ liệu lớn.</li> </ul>	3(2,2,6)
2	2101729	Nguyên lý hệ Cơ Sở Dữ Liệu	Môn học này cung cấp cho học viên các vấn đề nâng cao về cơ sở dữ liệu quan hệ: Lưu trữ và tổ chức tệp tin; Lập chỉ mục và băm; Tối ưu hóa truy vấn; Quản lý giao dịch trong cơ sở dữ liệu; Điều khiển tương tranh; Phục hồi hệ thống.	3(2,2,6)
3	2101661	Kiến trúc hướng dịch vụ và Điện toán đám mây	<p>Môn học giới thiệu những kiến thức nền tảng liên quan đến điện toán đám mây: IaaS, PaaS, SaaS, BPaaS.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp cận và sử dụng được các dịch vụ điện toán đám mây dựa nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây</li> <li>- Sử dụng và khai thác các dịch vụ Big Data và Cơ sở dữ liệu quan hệ trên đám mây.</li> </ul>	3(2,2,6)

## 7.2.Kế hoạch toàn Khóa

### KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **HỆ THỐNG THÔNG TIN**

Tên tiếng Anh: **Information Systems**

Mã ngành: **7480104**

*Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo là 162 tín chỉ, không tính môn các môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất. Sinh viên thi sát hạch đầu vào theo thể thức thi TOEIC quốc tế, nếu đạt trên 250 điểm thì được miễn Tiếng Anh 1, đạt trên 350 điểm được miễn cả Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2.*

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>				<b>17</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>17</b>		
1	2101539	Nhập môn Tin học Foundations of Computing	4203002009	2(2,0,4)		
2	2132001	Kỹ năng làm việc nhóm * Teamwork Skills	4203003192	2(1,2,4)		
3	2120501	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1 National Defence Education and Security 1	4203003242	4(4,0,8)		
4	2113431	Toán cao cấp 1 Calculus 1	4203003259	2(2,0,4)		
5	2120405	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	4203003307	2(0,4,4)		
6	2101622	Nhập môn Lập trình Programming Fundamentals	4203003848	2(0,4,4)		
7	2112012	Triết học Mác - Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	4203014164	3(3,0,6)		
<b>Học kỳ 2</b>				<b>21</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>18</b>		
1	2101405	Kỹ thuật lập trình Programming Techniques	4203000941	3(2,2,6)	2101622(a)	
2	2101567	Hệ thống Máy tính Computer Systems	4203002137	4(3,2,8)		
3	2120406	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	4203003306	2(0,4,4)		
4	2120502	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 National Defence Education and Security 2	4203003354	4(2,4,8)		
5	2112013	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	4203014165	2(2,0,4)		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Ghi chú
6	2111108	Tiếng Anh 1 English 1	4203015253	3(3,0,6)		
<b>Học phần tự chọn</b> (Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)				<b>3</b>		
1	2113434	Toán ứng dụng Applied Mathematics	4203003193	3(3,0,6)		
2	2113436	Hàm phức và phép biến đổi Laplace Complex Analysis and Laplace Transform	4203003240	3(3,0,6)		
3	2113435	Phương pháp tính Numerical Analysis	4203003320	3(3,0,6)		
4	2113437	Vật lý đại cương General Physics	4203003345	3(3,0,6)		
5	2113438	Logic học Logics	4203003395	3(3,0,6)		
<b>Học kỳ 3</b>				<b>20</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>17</b>		
1	2101435	Mạng máy tính Computer Networks	4203001058	3(3,0,6)		
2	2101436	Hệ cơ sở dữ liệu Database Systems	4203001146	4(3,2,8)		
3	2113433	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học Research Methodology	4203003198	2(2,0,4)		
4	2113432	Toán cao cấp 2 Calculus 2	4203003288	2(2,0,4)		
5	2101624	Thống kê máy tính và ứng dụng Statistics Computing and Applications	4203003451	3(2,2,6)	2101405(a)	
6	2101623	Lập trình hướng đối tượng Object Oriented Programming	4203003591	3(2,2,6)	2101622(a)	
<b>Học phần tự chọn</b> (Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)				<b>3</b>		
1	2107402	Địa lý kinh tế Economic Geography	4203001103	3(3,0,6)		
2	2132002	Kỹ năng xây dựng kế hoạch * Planning Skills	4203003197	3(2,2,6)		
3	2123800	Môi trường và con người * Environment and Human	4203003206	3(2,2,6)		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Ghi chú
4	2101777	Công nghệ thông tin trong chuyển đổi số Information Technology in Digital Transformation	4203015296	3(3,0,6)		
5	2104486	Ứng dụng hóa học trong Công nghiệp Industrial Applications of Chemistry	4203015299	3(3,0,6)		
6	2104487	Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất * Application of Kaizen Method and 5S Technique for Manufacturing	4203015300	3(2, <u>2</u> ,6)		
<b>Học kỳ 4</b>				<b>21</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>18</b>		
1	2127402	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	4203000999	3(3,0,6)		
2	2101425	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Database Management System	4203001207	3(2,2,6)	2101436(a)	
3	2101655	Những vấn đề xã hội và đạo đức nghề nghiệp Social Issues and Professional Ethics	4203003347	3(3,0,6)		
4	2101628	Phân tích và quản lý yêu cầu Requirement Analysis And Management	4203003779	3(3,0,6)		
5	2111188	Tiếng Anh 2 English 2	4203015254	3(3,0,6)		
6	2101600	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python Data Structures and Algorithms using Python	4203015408	3(2,2,6)		
<b>Học phần tự chọn</b> (Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)				<b>3</b>		
1	2106529	Hội họa * Fine Art	4203003194	3(1, <u>4</u> ,6)		
2	2113439	Xã hội học Sociology	4203003195	3(3,0,6)		
3	2112011	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản * Music - Music Theory and Guitar Basics	4203003203	3(1, <u>4</u> ,6)		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Ghi chú
4	2111492	Tiếng Việt thực hành * Vietnamese Language in Use	4203003245	3(2, <u>2</u> ,6)		
5	2110585	Tâm lý học đại cương * Psychology	4203003325	3(2, <u>2</u> ,6)		
6	2111491	Cơ sở văn hóa Việt Nam * Introduction to Vietnamese Culture	4203010665	3(2, <u>2</u> ,6)		
7	2101727	Kỹ năng sử dụng bàn phím và thiết bị văn phòng Using keyboard and office equipment skills	4203014193	3(2,2,6)		
<b>Học kỳ 5</b>				<b>17</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>14</b>		
1	2101411	Nhập môn an toàn thông tin Introduction to Information Security	4203001004	3(3,0,6)		
2	2101584	Lập trình phân tích dữ liệu 1 Data analysis programming 1	4203002031	3(2,2,6)	2101622(b)	
3	2101551	Hệ thống và Công nghệ Web Web systems and technologies	4203002145	3(2,2,6)		
4	2131472	Pháp luật đại cương General laws	4203002422	2(2,0,4)		
5	2101625	Phân tích thiết kế hệ thống System Analysis and Design	4203003753	3(2,2,6)		
<b>Học phần tự chọn</b> <i>(Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)</i>				<b>3</b>		
1	2101678	Trực quan hóa dữ liệu Data Visualization	4203014063	3(2,2,6)		
2	2101689	Giao dịch định lượng Quantitative Trading	4203014113	3(2,2,6)		
3	2101726	Phân tích định lượng Quantitative Analysis	4203014177	3(3,0,6)	2101624(b)	
<b>Học kỳ 6</b>				<b>17</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>11</b>		
1	2112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	4203000664	2(2,0,4)		
2	2101579	Phát triển ứng dụng Web Web Application Development	4203003281	3(2,2,6)	2101551(a)	
3	2101652	Thương mại điện tử E-Commerce	4203003436	3(2,2,6)	2101551(a)	
4	2101546	Bảo mật cơ sở dữ liệu Database Security	4203004093	3(2,2,6)	2101436(b)	
<b>Học phần tự chọn</b>				<b>6</b>		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Ghi chú
<b>Nhóm 1</b> (Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)				<b>3</b>		
1	2101428	Tương tác người máy Human Computer Interaction	4203001076	3(3,0,6)		
2	2101589	Lập trình phân tích dữ liệu 2 Data analysis programming 2	4203002330	3(2,2,6)	2101624(a)	
3	2101725	Nguyên lý mô hình hóa định lượng Fundamentals of Quantitative Modeling	4203014178	3(3,0,6)	2101624(b)	
<b>Nhóm 2</b> (Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)				<b>3</b>		
1	2107415	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	4203001276	3(3,0,6)		
2	2101544	Tiếp thị điện tử E-marketing	4203003453	3(2,2,6)		
3	2127482	Kế toán tài chính * Financial Accounting	4203003454	3(2, <u>2</u> ,6)	2127402(b)	
<b>Học kỳ 7</b>				<b>19</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>13</b>		
1	2101482	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	4203001119	2(2,0,4)		
2	2101657	Phát triển ứng dụng Application Development	4203003501	3(2,2,6)		
3	2101658	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử E-Commerce Management	4203003668	3(3,0,6)	2101551(b)	
4	2112014	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	4203014167	2(2,0,4)		
5	2101860	Lập trình hướng dịch vụ Service-oriented Programming	4203015409	3(2,2,6)		
<b>Học phần tự chọn</b>				<b>6</b>		
<b>Nhóm 1</b> (Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)				<b>3</b>		
1	2107490	Quản trị bán hàng * Sales Management	4203003893	3(2, <u>2</u> ,6)	2127402(b)	
2	2127483	Kế toán quản trị * Management Accounting	4203003894	3(2, <u>2</u> ,6)	2127402(b)	
3	2108435	Nguyên lý quản trị tài chính Principles of financial management	4203004033	3(3,0,6)	2127402(b)	
<b>Nhóm 2</b> (Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)				<b>3</b>		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Ghi chú
1	2101545	Các hệ thống thông minh doanh nghiệp Business Intelligence Systems	4203003091	3(2,2,5)	2101436(b)	
2	2101627	Khai thác dữ liệu và ứng dụng Data mining and application	4203003443	3(2,2,6)	2101436(b)	
3	2101728	Cơ sở dữ liệu nâng cao Advanced Database Systems	4203014346	3(2,2,6)		
<b>Học kỳ 8</b>				<b>17</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>11</b>		
1	2101543	Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp Enterprise Resource Planning	4203002789	3(2,2,6)	2127402(b)	
2	2101561	Công nghệ mới trong phát triển ứng dụng CNTT New Technology in the Application Development	4203003147	3(2,2,6)		
3	2112015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	4203014169	2(2,0,4)		
4	2101731	Quản lý dự án Hệ thống thông tin IS Project management	4203014348	3(2,2,6)		
<b>Học phần tự chọn</b>				<b>6</b>		
<b>Nhóm 1</b>				<b>3</b>		
<i>(Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)</i>						
1	2101582	Nhập môn dữ liệu lớn Introduction to big data	4203002329	3(2,2,6)	2101436(b)	
2	2101661	Kiến trúc hướng dịch vụ và Điện toán đám mây SOA and Cloud Computing	4203003758	3(2,2,6)		
3	2101729	Nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu Principles of Database Systems	4203014347	3(2,2,6)	2101436(b)	
<b>Nhóm 2</b>				<b>3</b>		
<i>(Sinh viên chọn 1 trong các học phần sau đây)</i>						
1	2107420	Quản trị nguồn nhân lực Human Resource Management	4203001295	3(3,0,6)		
2	2127439	Kiểm toán cơ bản Principles of Auditing	4203002296	3(3,0,6)		
3	2101537	Quản lý quy trình nghiệp vụ Business process management	4203002788	3(3,0,6)		
<b>Học kỳ 9</b>				<b>13</b>		
<b>Học phần bắt buộc</b>				<b>13</b>		

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần: học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Ghi chú
1	2101521	Thực tập doanh nghiệp Internship	4203003098	5(0,10,10)		
2	2101700	Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	4203014170	8(0,16,16)		
3	2199451	Chứng chỉ Tiếng Anh Certificate of English Language Proficiency	4203015216	0(0,0,0)		

## 8. Hướng dẫn thực hiện:

Khi thực hiện chương trình đào tạo cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

### 8.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy. Chuẩn bị kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng kí các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

### 8.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, bài tập theo nhóm..., giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại xưởng, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### **8.3 Đối với sinh viên**

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đề án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

### **8.4. Kiểm tra, đánh giá**

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.
- Phải tổ chức thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá học phần để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Giảng viên phải thực hiện đúng theo quy chế của học chế tín chỉ.
- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(ký tên, đóng dấu)*

## **PHẦN 2: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC**

### **2112012 - Triết học Mác - Lênin**

#### **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

#### **1. Tên và mã học phần: Triết học Mác – Lênin (2112012)**

#### **2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 3

Thực hành: 0

Tự học: 6

#### **3. Giảng viên phụ trách**

Họ và tên	Email	Điện thoại
TS. Nguyễn Trung Dũng	ntdunghui@gmail.com	0918108326
TS. Hồ Văn Đức	hohienminh1118@gmail.com	0973545429
ThS. NCS Huỳnh Ngọc Bích	huynhbich2910@gmail.com	0942912249
ThS. NCS Nguyễn Thị Thu Hiền	thuhien_dhcn@yahoo.com.vn	0943022244
ThS. Lại Quang Ngọc	laiquangngoc@iuh.edu.vn	0914788578
ThS. Mai Thị Hồng Hà	huong.my1981@gmail.com	0907619681
ThS. Vũ Bá Hải	vuhaikinhte@gmail.com	0972444558
ThS. Trương Thị Chuyên	chuyenthitruong@gmail.com	0976273447
ThS. Hoàng Thị Duyên	duyengianhi@gmail.com	0975188719
ThS. Huỳnh Thị Yến Ny	huynhthiyenny@gmail.com	0987202068
ThS. Nguyễn Thị Nụ	nuhaiduong@gmail.com	0977196982
ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	tofu1114@gmail.com	0903999111
ThS. Nguyễn Lâm Thanh Hoàng	tig104meg@gmail.com	0903059268
TS. Phạm Thị Lan	thulandhsp@gmail.com	0977419826
ThS. Lê Đình Trường	truongthi1971@gmail.com	0339835092
ThS. Trương Ngọc Lân	truongngoclan@iuh.edu.vn	0932146395
TS Nguyễn Thị Thúy Cường	nguyenthithuycuong@iuh.edu.vn	0917107268

#### **4. Tài liệu học tập**

Giáo trình chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Triết học Mác - Lênin. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021. [100294873]

Tài liệu tham khảo:

[1] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia. Giáo trình Triết học Mác - Lênin. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014. [00287714-100287723]

[2] Nguyễn Hữu Vui. Giáo trình Triết học Mác - Lênin. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006. [100103068]

#### **5. Thông tin về học phần**

##### **a. Mục tiêu học phần**

- *Về kiến thức*: Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.

- *Về kỹ năng*: Xây dựng thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác.

- *Về thái độ*: Sinh viên phải nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin.

**b. Mô tả vắn tắt học phần**

Chương 1. Trình bày khái quát về lịch sử triết học và triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2. Trình bày những nội dung cơ bản của CNDV BC, gồm vật đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của CNDVBC. Chương 3. Trình bày những nội dung cơ bản của CNDVLS, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

**c. Học phần trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

- Học phần trước (A)

**d. Yêu cầu khác**

Mục đích của bài giảng là hướng dẫn các nội dung chính trước khi sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình...).

Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn trên lớp. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp.

Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Giảng viên luôn khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp.

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	<i>Trình bày (hoặc hiểu) được</i> : những kiến thức cơ bản của triết học Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.	
2	<i>Giải thích được</i> : những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống thực tiễn xã hội hiện nay.	
3	<i>Phân tích được</i> : những vấn đề cơ bản của triết học Mác - Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử) biểu hiện trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Từ đó, vận dụng vào tìm hiểu đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong thời kỳ quá độ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

**7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
-----	--------------------	---------	------	-----------------------	------------------------------

1	Chương 1. Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội	8	1,2,3	L, D, H	- Đọc giáo trình trước khi lên lớp. - Hoàn thành bài tập giảng viên giao. - Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...
2	Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.3. Lý luận nhận thức của CNDV biện chứng	20	1,2,3	L, S, D, H	- Đọc giáo trình trước khi lên lớp. - Hoàn thành bài tập giảng viên giao. - Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...
3	Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử. 3.1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội 3.2. Giai cấp và dân tộc 3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.4. Ý thức xã hội 3.5. Triết học về con người	17	1,2,3	L, S, D, H	- Đọc giáo trình trước khi lên lớp. - Hoàn thành bài tập giảng viên giao. - Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...

*Ghi chú thuật ngữ viết tắt:*

**L:** Lecture; **S:** Seminar; **D:** Discussion; **H:** Instruction for Homework.

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	90%
2	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	80%
3	Thường kỳ Cuối kỳ	Tự luận/thảo luận Tự luận	20% 80%	70%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Thường kỳ:</b>	<b>20</b>
	- Bài tập thường xuyên (tự luận/thảo luận)	10
	- Thuyết trình	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>

	<b>Thi cuối kỳ</b>	<b>50</b>
--	--------------------	-----------

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ*

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 19 tháng 03 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

TS. Hồ Văn Đức

**Trưởng khoa:**

TS. Nguyễn Trung Dũng

**2112013 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2112013)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 2                      Lý thuyết: 2    Thực hành: 0                      Tự học: 4

**3. Giảng viên phụ trách**

Họ và tên	Email	Điện thoại
TS. Nguyễn Trung Dũng	<a href="mailto:ntdunghui@gmail.com">ntdunghui@gmail.com</a>	0918108326
TS. Hồ Văn Đức	<a href="mailto:hohienminh1118@gmail.com">hohienminh1118@gmail.com</a>	0973545429
ThS. NCS Huỳnh Ngọc Bích	<a href="mailto:huynhbich2910@gmail.com">huynhbich2910@gmail.com</a>	0942912249
ThS. NCS Nguyễn Thị Thu Hiền	<a href="mailto:thuhien_dhcn@yahoo.com.vn">thuhien_dhcn@yahoo.com.vn</a>	0943022244
ThS. Lại Quang Ngọc	<a href="mailto:laiquangngoc@iuh.edu.vn">laiquangngoc@iuh.edu.vn</a>	0914788578
ThS. Mai Thị Hồng Hà	<a href="mailto:huong.my1981@gmail.com">huong.my1981@gmail.com</a>	0907619681
ThS. Vũ Bá Hải	<a href="mailto:vuhaikinhte@gmail.com">vuhaikinhte@gmail.com</a>	0972444558
ThS. Trương Thị Chuyên	<a href="mailto:chuyenthitruong@gmail.com">chuyenthitruong@gmail.com</a>	0976273447
ThS. Hoàng Thị Duyên	<a href="mailto:duyengianhi@gmail.com">duyengianhi@gmail.com</a>	0975188719
ThS. Huỳnh Thị Yến Ny	<a href="mailto:huynhthiyenny@gmail.com">huynhthiyenny@gmail.com</a>	0987202068
TS. Bùi Thị Hảo	<a href="mailto:haosaigon74@gmail.com">haosaigon74@gmail.com</a>	0913293836
ThS. Nguyễn Lâm Thanh Hoàng	<a href="mailto:tig104meg@gmail.com">tig104meg@gmail.com</a>	0903059268
ThS. Lê Đình Trường	<a href="mailto:truongthi1971@gmail.com">truongthi1971@gmail.com</a>	0339835092
TS. Phạm Thị Lan	<a href="mailto:thulandhsp@gmail.com">thulandhsp@gmail.com</a>	0977419826
ThS. Ngô Văn Duẩn	<a href="mailto:ngovanduan08@gmail.com">ngovanduan08@gmail.com</a>	0903882886
ThS. Trương Ngọc Lân	<a href="mailto:truongngoclan@iuh.edu.vn">truongngoclan@iuh.edu.vn</a>	0932146395
TS Nguyễn Thị Thúy Cường	<a href="mailto:nguyenthithuycuong@iuh.edu.vn">nguyenthithuycuong@iuh.edu.vn</a>	0917107268

**4. Tài liệu học tập**

Giáo trình chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021. [100294888]

Tài liệu tham khảo:

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016. [KML000003]

[2] Hội đồng Trung ương. Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006. [100102537,100102547]

**5. Thông tin về học phần**

a. Mục tiêu học phần

- *Một là*, trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hặc những nội dung mang tính kinh viện.

- *Hai là*, trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

- *Ba là*, góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin đối với sinh viên.

b. Mô tả văn tắt học phần

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế trong quá trình phát triển của Việt Nam.

c. Học phần trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Sinh viên phải học xong (hoặc học song hành) học phần Triết học Mác - Lênin (2112012).

d. Yêu cầu khác

Mục đích của bài giảng là hướng dẫn các nội dung chính trước khi sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình...).

Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn trên lớp. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp.

Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Giảng viên luôn khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	<i>Trình bày (hoặc hiểu) được:</i> Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và những kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin (Hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế).	
2	<i>Giải thích được:</i> Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin và những nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin về: Hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay.	
3	<i>Phân tích được:</i> những vấn đề cơ bản của môn kinh tế chính trị Mác - Lênin biểu hiện ở lĩnh vực kinh tế trong đời sống xã hội như: Hàng hóa, thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế). Từ đó, vận dụng vào việc tìm hiểu đường lối của Đảng và chính sách của nhà nước trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.3. Chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong phát triển	2	1,2	L, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>
2	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.1. Lý luận của c. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường 2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường	8	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>
3	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.2. Tích lũy tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường	8	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>
4	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Lý luận của V.I.Lênin về các đặc điểm của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. 4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của CNTB	4	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>
5	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	4	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>

6	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	4	1,2,3	L, S, D, H	- Đọc giáo trình trước khi lên lớp. - Hoàn thành bài tập giảng viên giao. - Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...
---	--	---	-------	------------	---

*Ghi chú thuật ngữ viết tắt:*

**L:** Lecture; **S:** Seminar; **D:** Discussion; **H:** Instruction for Homework.

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	90%
2	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	80%
3	Thường kỳ Cuối kỳ	Tự luận/thảo luận Tự luận	20% 80%	70%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Thường kỳ:</b>	<b>20</b>
	- Bài tập thường xuyên (tự luận/thảo luận)	10
	- Thuyết trình	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Thi cuối kỳ</b>	<b>50</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 19 tháng 03 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

TS. Hồ Văn Đức

**Trưởng khoa:**

TS. Nguyễn Trung Dũng

## 2112005 - Tư tưởng Hồ Chí Minh

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh (2112005)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 2      Lý thuyết: 2      Thực hành: 0      Tự học: 4

#### 3. Giảng viên phụ trách

Họ và tên	Email	Điện thoại
TS. Bùi Thị Hảo	buiythihao@iuh.edu.vn	0913293836
TS. Trần Hữu Thắng	tranhuuthang2013@gmail.com	0909263509
TS. Đặng Thị Minh Phượng	minhphuonglsd@gmail.com	0918841782
TS. Đỗ Thị Hiên	dothihien@iuh.edu.vn	0917223839
ThS. Ngô Văn Duẩn	<a href="mailto:ngovanduan08@gmail.com">ngovanduan08@gmail.com</a>	0973545429
ThS. Lê Hoài Nam	hoainambthcm@gmail.com	0989954775
ThS. Lê Thị Quỳnh Hương	quynhhuong@yahoo.com	0909379180
ThS. Nguyễn Thị Hồng Lợi	hongloixdd@yahoo.com	0834241111
ThS. Bùi Văn Như	nhulsd@gmail.com	0976277407
ThS. Vũ Thị Thu Trang	trangvt217@gmail.com	0989488961

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, Giáo trình chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021. [100294878]

Tài liệu tham khảo:

[1] Phạm Ngọc Anh (Chủ biên), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009. [100075326]

[2] Mạch Quang Thắng (Chủ biên), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006. [100103049]

[3] Đặng Xuân Kỳ, Vũ Khiêu, Song Thành, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006. [100038654]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên những tri thức về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.

- Trên cơ sở được trang bị tri thức, sinh viên nhận thức đúng bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu rõ giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với con đường giải phóng dân tộc Việt Nam và những đóng góp của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự tiến bộ của nhân loại.

- Sinh viên tích cực bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phương pháp và phong cách theo gương Hồ Chí Minh xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh có 6 chương, chương 1 bàn về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh. Các chương còn lại bàn về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Học phần học trước (A): Sinh viên phải học xong các học phần Triết học Mác - Lênin (2112012); Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2112013); Chủ nghĩa xã hội khoa học (2112014).

**d. Yêu cầu khác**

- Sinh viên nắm vững khái niệm, đối tượng, phương pháp, nội dung môn học, rèn luyện kỹ năng tư duy, nâng cao nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống.

- Nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các ý kiến thảo luận; đọc, sưu tầm tư liệu liên quan đến môn học, hoàn thành bài tập.

- Tham dự đầy đủ việc lên lớp, tích cực thảo luận, kiểm tra, thi theo quy định (không nghỉ quá 20% số tiết).

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	<i>Trình bày được:</i> Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.	
2	<i>Giải thích được:</i> Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.	
3	<i>Phân tích được:</i> Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Vận dụng những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

**7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2; 0)	1,2,3	L, D, H	- Tìm hiểu các nội dung trong chương. - Tìm hiểu cuộc đời, thân thế, sự nghiệp HCM.

	1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học Tu tưởng Hồ Chí Minh				
2	Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	4 (4;0)	1,2,3	L, S, D, H	- Tình hình thế giới, trong nước trong các giai đoạn hình thành, phát triển TT HCM
3	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay	6 (6;0)	1,2,3	L, S, D, H	- Tìm hiểu các luận điểm của HCM về độc lập dân tộc và CNXH.
4	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước	6 (6;0)	1,2,3	L, S, D, H	- Tìm hiểu các luận điểm của HCM về ĐCS, Nhà nước
5	Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	6 (6;0)	1,2,3	L, S, D, H	- Tìm các luận điểm của HCM về đại đoàn kết dân tộc và ĐKQT. - Tìm hiểu tình hình QT hiện nay.
6	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	6 (6;0)	1,2,3	L, S, D, H	- Nghiên cứu quan điểm của ĐCS VN về văn hóa, đạo đức, con người và việc vận dụng TT HCM hiện nay.

*Ghi chú thuật ngữ viết tắt:*

**L:** Lecture; **S:** Seminar; **D:** Discussion; **H:** Instruction for Homework.

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	90%
2	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	80%
3	Thường kỳ Cuối kỳ	Tự luận/thảo luận Tự luận	20% 80%	70%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Thường kỳ:</b>	<b>20</b>
	<i>Bài tập thường xuyên (tự luận/thảo luận)</i>	10
	<i>Thuyết trình</i>	5
	<i>Hoạt động khác</i>	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Thi cuối kỳ</b>	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/cập nhật: 20 tháng 3 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

TS. Bùi Thị Hào

**Trưởng khoa:**

TS. Nguyễn Trung Dũng

**1. Tên và mã học phần: Pháp luật đại cương (2131472)**

**2. Số tín chỉ:**

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

Tự học: 4

**3. Giảng viên phụ trách**

TS. Đặng Công Tráng

ThS. Nguyễn Thị Hải Vân

ThS. NCS.Lê Văn Thắng

ThS. NCS.Nguyễn Quang Đạo

ThS Nguyễn Thị Lê Thủy

ThS. Trần Thị Ngọc Hết

ThS. Lương Thị Thùy Dương

ThS Trần Thị Thúy Hằng

ThS .NCS.Trần Thị Tâm Hảo

ThS. Bùi Thị Hải Đăng

ThS. NCS.Đào Nguyễn Hương Duyên

ThS Nguyễn Thị Đan Quế

ThS. Nguyễn Thái Bình

ThS. NCS.Nguyễn Lê Thành Minh

ThS. Lê Thị Hồng Liễu

ThS. Đào Thị Nguyệt

ThS. Nguyễn Thị Bảo Trọng

TS. Huỳnh Minh Luân

ThS. NCS. Nguyễn Thành Minh Chánh

ThS.NCS. Bùi Thị Thu Thủy

ThS. Nguyễn Thị Huệ

ThS. Nguyễn Thế Anh

ThS. Lê Nguyễn Thanh Trà

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính:*

[1] Vũ Thế Hoài, Đặng Công Tráng. *Giáo trình Pháp luật đại cương*. TP.Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trường Đại học Công Nghiệp TP.HCM, 2017. [100288731]

*Tài liệu tham khảo:*

[1] Trường Đại học luật Hà Nội. *Giáo trình Lý luận về Nhà nước và Pháp luật*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, 2017.

[2] Lê Minh Toàn. *Giáo trình Pháp luật đại cương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật, 2019.

[3] Văn bản Quy phạm pháp luật.

**5. Thông tin về học phần**

a. Mục tiêu học phần

- Giúp cho sinh viên có sự hiểu biết và nắm bắt một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, các kiến thức cơ bản của một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng.
- Giúp cho sinh viên có điều kiện thuận lợi hơn khi tiếp cận với các môn học khác có liên quan đến pháp luật; xây dựng ý thức sống, làm việc và thói quen xử sự phù hợp với Hiến pháp và pháp luật.

*b. Mô tả vấn đề học phần*

*Học phần bao gồm:*

*Phần 1:* Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

*Phần 2:* Trang bị cho sinh viên những nội dung về pháp luật chuyên ngành bao gồm: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Dân sự - Luật Tố tụng Dân sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Hình sự - Luật Tố tụng Hình sự và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

*c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C):*

Không có

*d. Yêu cầu khác*

- Dự lớp: Từ 80% trở lên.
- Bài tập: Trên lớp và ở nhà.
- Thực hiện các yêu cầu khác theo yêu cầu của giảng viên.

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật nói chung; Nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa XHCNVN nói riêng.	A1
2	Giải thích được những vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật và những chế định cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	A1
3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống cụ thể góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.	K1

*Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra học phần với chuẩn ra chương trình đào tạo*

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

**7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương I: Những vấn đề cơ bản về nhà nước 1.1 Nguồn gốc nhà nước và bản chất nhà nước	02	1	- Thuyết giảng - Vấn đáp	- Tìm hiểu các kiểu nhà nước trong lịch sử XH loài người;

	1.2 Thuộc tính của nhà nước 1.3 Chức năng của nhà nước				- Phân biệt được giữa Nhà nước và các tổ chức khác; - Hiểu và so sánh được giữa bản chất nhà nước Việt nam với các nhà nước khác
2	Chương I: Những vấn đề cơ bản về nhà nước (tt_01 tiết) 1.4 Kiểu và hình thức nhà nước Chương II: Những vấn đề cơ bản về pháp luật 2.1 Nguồn gốc và bản chất pháp luật 2.2 Thuộc tính cơ bản của pháp luật 2.3 Chức năng, vai trò của pháp luật	02	1	- Thuyết giảng - Vấn đáp	- Tìm hiểu các kiểu pháp luật trong lịch sử XH loài người; - Phân biệt được giữa PL và các tổ chức khác; Hiểu và so sánh được giữa bản chất PL nhà nước Việt nam với các nhà nước khác
3	Chương II: Những vấn đề cơ bản về pháp luật (tt_01 tiết) 2.4 Quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác 2.5 Kiểu và hình thức pháp luật Chương III: Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật 3.1 Quy phạm pháp luật	02		- Thuyết giảng - Vấn đáp	- Lấy các ví dụ và so sánh sự khác biệt giữa QPPL - QPHX; -Tìm hiểu các văn bản QPPL của Việt Nam
4	Chương III: Quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật (tt_01 tiết) 3.2 Văn bản quy phạm pháp luật Chương IV: Quan hệ pháp luật 4.1 Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật	02	1,2,3	- Thuyết giảng - Vấn đáp - Thảo luận	- So sánh được QPXH và QPPL; - Cho các ví dụ và phân tích các thành phần của QPPL; -Phân biệt giữa hành vi pháp lý và sự biến pháp lý

5	<p>Chương IV: Quan hệ pháp luật (tt)</p> <p>4.2 Thành phần quan hệ pháp luật</p> <p>4.3 Sự kiện pháp lý</p>	02	1,2,3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Thảo luận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh được QPXH và QPPL;</li> <li>- Cho các ví dụ và phân tích các thành phần của QPPL;</li> <li>-Phân biệt giữa hành vi pháp lý và sự biến pháp lý</li> </ul>
6	<p>Chương V: Thực hiện pháp luật – Vi phạm pháp luật – Trách nhiệm pháp lý</p> <p>5.1 Thực hiện pháp luật</p> <p>5.2 Vi phạm pháp luật</p> <p>5.3 Trách nhiệm pháp lý</p>	02	1,2,3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Thảo luận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra các ví dụ về thực hiện PL rồi cho biết nó thuộc hình thức nào;</li> <li>-Phân biệt giữa VPPL và các vi phạm khác;</li> <li>-Hiểu và phân biệt được giữa TNPL và các loại trách nhiệm khác không phải là TNPL.</li> </ul>
7	<p>Chương V: Thực hiện pháp luật – Vi phạm pháp luật – Trách nhiệm pháp lý (tt_01 tiết)</p> <p>Chương VI: Các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam</p> <p>6.1 Khái quát về hệ thống pháp luật</p>	02	1,2,3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Thảo luận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt giữa các ngành luật trong HTPLVN;</li> <li>-So sánh giữa các bản HP;</li> <li>-Hiểu về các quyền cơ bản của công dân;</li> <li>-Hiểu và thực hiện các trách nhiệm hành chính.</li> </ul>
8	<p>Chương VI: Các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam (tt)</p> <p>6.2 Luật Hiến pháp – Luật Hành chính</p>	02	1,2,3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Thảo luận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt giữa các ngành luật trong HTPLVN;</li> <li>-So sánh giữa các bản HP;</li> <li>-Hiểu về các quyền cơ bản của công dân;</li> </ul>

					-Hiểu và thực hiện các trách nhiệm hành chính.
9	Chương VI: Các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam (tt) 6.3 Luật Dân sự - Luật Tố tụng Dân sự	02	1,2,3	- Thuyết giảng - Thuyết trình - Vấn đáp - Thảo luận	- Tìm hiểu và phân biệt được các loại hợp đồng dân sự; - Tìm hiểu về cách thức thừa kế và chia di sản thừa kế; -Đánh giá về quy trình giải quyết vụ việc dân sự.
10	Chương VI: Các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam (tt) 6.4 Luật Hình sự - Luật Tố tụng Hình sự	02	1,2,3	- Thuyết giảng - Thuyết trình - Vấn đáp - Thảo luận	- Tìm hiểu và phân biệt được các loại tội phạm; - Tìm hiểu về cách thức áp dụng hình phạt; -Đánh giá về quy trình giải quyết vụ án hình sự.
11	Chương VI: Các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam (tt) 6.5 Luật Lao động	02	1,2,3	- Thuyết giảng - Thuyết trình - Vấn đáp - Thảo luận	- Tìm hiểu và phân biệt được các loại hợp đồng lao động; - Tìm hiểu về cách thức áp dụng hình thức hợp đồng; -Đánh giá về quy trình giải quyết tranh chấp lao động.
12	Chương VI: Các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam (tt) 6.6 Luật Hôn nhân và Gia đình	02	1,2,3	- Thuyết giảng - Thuyết trình - Vấn đáp - Thảo luận	- Tìm hiểu và phân biệt được quan hệ hôn nhân hợp pháp; - Tìm hiểu về

					cách thức áp dụng điều kiện kết hôn; -Đánh giá về quy trình giải quyết liên quan đến Hôn nhân và gia đình.
13	Chương VII. Pháp luật về phòng chống tham nhũng 7.1 Những vấn đề chung về tham nhũng và phòng chống tham nhũng 7.2 Các biện pháp phòng chống tham nhũng 7.3 Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng	02	1,2,3	- Thuyết giảng - Thuyết trình - Vấn đáp - Thảo luận	- Tìm hiểu và phân biệt được các hành vi tham nhũng; - Tìm hiểu về cách thức áp dụng hình thức xử lý; -Đánh giá về quy trình giải quyết phòng chống tham nhũng.
14	Chương VII. Pháp luật về phòng chống tham nhũng (tt) 7.2 Các biện pháp phòng chống tham nhũng 7.3 Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng	02	1,2,3	- Thuyết giảng - Thuyết trình - Vấn đáp - Thảo luận	- Tìm hiểu và phân biệt được các hành vi tham nhũng; - Tìm hiểu về cách thức áp dụng hình thức xử lý; -Đánh giá về quy trình giải quyết phòng chống tham nhũng.
15	- Chương VII. Pháp luật về phòng chống tham nhũng (tt_01 tiết) - Ôn tập, giải đáp thắc mắc cho sinh viên	02	1,2,3	- Thuyết giảng - Thuyết trình - Vấn đáp - Thảo luận	- Tìm hiểu và phân biệt được các hành vi tham nhũng; - Tìm hiểu về cách thức áp dụng hình thức xử lý; -Đánh giá về quy trình giải quyết phòng

					chống tham nhũng.
--	--	--	--	--	----------------------

Khuyến khích giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kỳ số 1	Tự luận/Tiểu luận/Trắc nghiệm	100%	75%
2	Bài thường kỳ số 2	Tự luận/Tiểu luận/Trắc nghiệm	100%	85%
3	Bài thi Giữa kỳ	Tự luận/Tiểu luận/Trắc nghiệm	100%	80%
4	Bài thi cuối kỳ (câu 1)	Tự luận/Tiểu luận/Trắc nghiệm	100%	65%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn: 01 tháng 3 năm 2022

**Chủ nhiệm bộ môn:**

ThS.NCS. Lê Văn Thắng

**Trưởng khoa:**

TS. Đặng Công Tráng

# 2113431 - Toán cao cấp 1

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### 1. Tên và mã học phần: Toán cao cấp 1 (2113431)

### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 2      Lý thuyết: 2      Thực hành: 0      Tự học: 4

### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Lê Văn Lai  
ThS. Đỗ Hoài Vũ  
ThS. Ngô Quốc Nhân  
TS. Mai Thi Thu  
TS. Ngô Ngọc Hưng  
ThS. Đoàn Vương Nguyên  
ThS. Mai Thành Long  
ThS. Tôn Thất Quang Nguyên  
ThS. Bùi Văn Liêm  
ThS. Trần Anh Dũng  
ThS. Phan Quang Hưng

### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Lê Văn Lai. *Toán cao cấp A1*. Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017. [100288710]

Tài liệu tham khảo

[1] James Stewart. *Multivariable Calculus* 8th Edition. Brooks Cole, 2015. [KCB0000003]

[2] James Stewart. *Calculus: Early Transcendentals* 8th Edition. Brooks Cole, 2015. [KCB0000005]

[3] Laurence D. Hoffmann, Geral L. Bradley. *Calculus for business, Economics, and the Social and Life sciences*. McGraw-Hill Higher Education, 2007. [100253549]

[4] Nguyễn Đình Trí và nhiều tác giả khác. *Tập 2: Giải tích*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2015. [100285287-100285306]

[5] Nguyễn Đình Trí và nhiều tác giả khác. *Tập 3: Chuỗi và phương trình vi phân*. Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2015. [100285227-100285246]

### 5. Thông tin về học phần

#### a. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Hàm số liên tục, đạo hàm, vi phân của hàm một biến số thực.
- Tích phân và ứng dụng tích phân.
- Chuỗi số.
- Vi phân, cực trị hàm hai biến số.

Nhằm trang bị cho người học một số phương tiện tính toán, phương pháp giải quyết các vấn đề, giúp ích cho việc học các môn học khác

#### b. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của giải tích hàm một biến, hai biến và lý thuyết chuỗi số. Học phần nhằm giúp cho người học có nền tảng kiến thức để tiếp thu kiến thức chuyên ngành một cách hiệu quả.

c. **Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

Không.

d. **Yêu cầu khác**

Yêu cầu người học:

- Tham gia ít nhất 80% thời lượng trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập.

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	PLO
1	Tính được giới hạn, đạo hàm và các ứng dụng của đạo hàm	
2	Xét được sự hội tụ của tích phân suy rộng	
3	Xét được sự hội tụ của chuỗi số	
4	Tìm được cực trị hàm hai biến số	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

**7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Phép tính vi phân của hàm một biến số</b> 1.1 Giới hạn của hàm số 1.2 Tính liên tục của hàm số 1.3 Đạo hàm và vi phân. 1.4 Ứng dụng đạo hàm	9	1	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 1
2	<b>Chương 2. Tích phân</b> 2.1 Nguyên hàm 2.2 Tích phân bất định 2.3 Tích phân xác định 2.4 Tích phân suy rộng 2.5 Ứng dụng của tích phân	9	2	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 2
3	<b>Chương 3. Chuỗi số</b> 3.1 Đại cương về chuỗi số 3.2 Chuỗi số dương 3.3 Chuỗi có dấu bất kỳ	6	3	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 3
4	<b>Chương 4. Phép tính vi phân của hàm hai biến số</b> 4.1 Đạo hàm riêng 4.2 Vi phân 4.3 Cực trị hàm hai biến	6	4	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 4

**8. Phương pháp đánh giá**

**a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần**

<b>CLOs</b>	<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Tỷ trọng %</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
1	Bài kiểm tra thường xuyên 1	100	80%
2	Kiểm tra giữa kỳ	100	80%
3	Bài kiểm tra thường xuyên 2	100	80%
4	Kiểm tra cuối kỳ	100	80%

**b. Các thành phần đánh giá**

<b>Phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỷ trọng %</b>
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên 1	10
	- Bài kiểm tra thường xuyên 2	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

**c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.**

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 20 tháng 02 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

ThS. Nguyễn Đức Phương

**Trưởng khoa phụ trách:**

TS. Ngô Ngọc Hưng

**1. Tên và mã học phần: Toán cao cấp 2 (2113432)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 2      Lý thuyết: 2      Thực hành: 0      Tự học: 4

**3. Giảng viên phụ trách**

TS. Ngô Ngọc Hưng  
TS. Nguyễn Thị Thu Hà  
TS. Võ Thị Thanh Hà  
TS. Mai Thị Thu  
ThS. Nguyễn Ngọc Chương  
ThS. Trần Anh Dũng  
ThS. Nghiêm Vân Anh  
ThS. Đoàn Thị Thanh Xuân  
ThS. Lê Ngọc Linh  
ThS. Phạm Anh Lộc  
ThS. Nguyễn Minh Hải  
ThS. Trần Mạnh Tuấn  
ThS. Võ Hoàng Trụ

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] Đoàn Vương Nguyên, *Toán cao cấp A2-C2*. Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017. [100288707]

Tài liệu tham khảo

[1] David C. Lay, Steven R. Lay, Judi J. McDonald. *Linear Algebra and Its Applications*. Pearson education limited, 2016. [100287845]

[2] Đỗ Công Khanh, Nguyễn Minh Hằng, Ngô Thu Lương. *Đại số tuyến tính*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2011. [KDT000078]

**5. Thông tin về học phần**

**a. Mục tiêu học phần**

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính:

- Giải các phép toán trên ma trận, tính định thức, hệ phương trình tuyến tính
- Không gian vector  $\mathbb{R}^n$ , ánh xạ tuyến tính

Nhằm trang bị cho người học một số phương tiện tính toán, phương pháp giải quyết các vấn đề, giúp ích cho việc học các môn học khác

**b. Mô tả vấn đề học phần**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính như ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ, ánh xạ tuyến tính, chéo hóa một ma trận. Từ đó có thể tự hoàn thiện, phát triển, vận dụng và giải quyết những vấn đề liên quan.

**c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

Không

**d. Yêu cầu khác**

Yêu cầu sinh viên:

- Tham gia ít nhất 80% thời lượng trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	PLO
1	Thực hiện được các phép toán cơ bản trên ma trận, tính được định thức và giải được hệ phương trình tuyến tính.	
2	Tìm được cơ sở của không gian vector, và tính được tọa độ của vector theo cơ sở. Tính được ma trận của ánh xạ tuyến tính $f$ trong cặp cơ sở, chéo hóa được ma trận vuông.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Ma trận – Định thức</b> 1.1 Ma trận 1.2 Các phép toán 1.3 Hạng của ma trận 1.4 Ma trận nghịch đảo 1.3 Định thức	8	1	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 1
2	<b>Chương 2. Hệ phương trình tuyến tính</b> 2.1 Hệ phương trình tổng quát 2.1.1 Phương pháp Cramer 2.1.2 Phương pháp Gauss 2.2 Hệ phương trình thuần nhất	6	1	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 2
3	<b>Chương 3. Không gian vector</b> 3.1 Khái niệm không gian vector 3.2 Sự độc lập tuyến tính 3.3 Số chiều, cơ sở 3.4 Tọa độ của vector trong một cơ sở	8	2	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 3
4	<b>Chương 4. Ánh xạ tuyến tính</b> 4.1 Khái niệm ánh xạ tuyến tính 4.2 Ma trận của ánh xạ tuyến tính 4.3 Trị riêng, vector riêng 4.4 Chéo hóa ma trận vuông	8	2	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 4

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu %
1	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	100%	80
2	Kiểm tra cuối kỳ	Tự luận	100%	80

### b. Các thành phần đánh giá

<b>Phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỷ trọng %</b>
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	Bài kiểm tra thường kỳ 1	10
	Bài kiểm tra thường kỳ 2	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

**c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ**

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 20 tháng 02 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

ThS. Nguyễn Đức Phương

**Trưởng khoa phụ trách:**

TS. Ngô Ngọc Hưng

## 2132001 - Kỹ năng làm việc nhóm

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã môn học: Kỹ năng làm việc nhóm (2132001)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 2      Lý thuyết: 1      Thực hành: 1      Tự học: 4

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Nguyễn Văn Bình ThS. Nguyễn Thị Châu ThS. Đỗ Thị Hồng Hạnh ThS. Đồng Phú Hào ThS. Phạm Thị Oanh ThS. Lê Thanh Hòa  
ThS. Đào Thị Nguyệt  
Ánh

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính:

[1] *Bài giảng Kỹ năng làm việc nhóm*, Lưu hành nội bộ IUH, 2020.

[2] Nguyễn Thị Ngọc Anh (chủ biên), *Phát triển kỹ năng cá nhân 1*, Nhà xuất bản Lao động, 2012. [THT000004].

[3] Isa N.Engleberg, Dianna R. Wynn, *Working in Groups: Communication Principles and Strategies*, Boston: Pearson, 2017. [302.14 ENG-1]

Tài liệu tham khảo:

[1] Phan Thị Tố Oanh (chủ biên), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, NXB Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, 2017. [153.6GIA-T]

[2] Steven Lock, *Tuyệt chiêu xây dựng nhóm*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2012. [THT000001]

[3] Blair Singer, *Xây dựng một nhóm kinh doanh thành công*, Nhà xuất bản Trẻ: Tái bản lần thứ 10, 2017. [THT000002]

[4] Huỳnh Văn Sơn, *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Đại học Sư phạm*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2012. [THT000003]

#### 5. Thông tin về môn học

##### a. Mục tiêu học phần:

*Môn học này giúp sinh viên:*

- Tổng hợp được những kiến thức về kỹ năng làm việc nhóm;
- Thực hiện được một số kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng ra quyết định trong hoạt động nhóm hiệu quả.
- Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm trong học tập, trong công việc một cách hiệu quả.
- Hình thành thái độ tích cực trong hoạt động nhóm nhằm đạt hiệu quả cao trong công việc và trong cuộc sống.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Kỹ năng làm việc nhóm bao gồm những nội dung như sau:

- Nội dung lý thuyết: Một số khái niệm cơ bản về nhóm; Vai trò của làm việc theo nhóm, Các nguyên tắc làm việc nhóm; Mô hình PDCA và tiến trình làm việc nhóm; Các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm
- Nội dung thực hành: Kỹ năng thành lập nhóm làm việc, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức nhóm làm việc, kỹ năng điều hành và kiểm soát nhóm làm việc, kỹ năng làm việc nhóm toàn cầu và nhóm ảo.

c. *Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

Không

d. *Yêu cầu khác*

- *Phương pháp học tập*: Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu, hoàn thành bài tập hàng tuần và thảo luận với bạn, giảng viên giảng dạy trực tiếp nếu gặp khó khăn ở bất kỳ nội dung nào. Trong các giờ học, sinh viên cần chủ động tương tác bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp.

- *Phương pháp đánh giá*: Sinh viên tham dự học và kiểm tra theo quy chế học vụ hiện hành của Nhà trường. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra ngày đến hạn của những hoạt động đánh giá. Những bài tập không được giao hạn thời gian nộp, nếu sinh viên nộp bài trễ sẽ bị điểm không.

- *Đảm bảo sự trung thực trong học thuật*: Sinh viên cần phải trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo (nếu có) trong các bài đánh giá và sẽ bị điểm không nếu bị phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào.

## 6. Chuẩn đầu ra môn học

*Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:*

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	PLO
1	Trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm	
2	Thực hiện được các hoạt động làm việc nhóm	
3	Áp dụng được những kỹ năng cần thiết để làm việc nhóm hiệu quả	
4	Hình thành được thái độ tích cực, tinh thần đoàn kết trong làm việc nhóm	

*Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và của chương trình đào tạo.*

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết (LT/TH) 30(15/15)	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
-----	--------------------	------------------------------	------	-----------------------	------------------------------

1	<b>Chương 1. Khái quát về Kỹ năng làm việc nhóm</b> 1.1 Một số khái niệm căn bản 1.2 Quá trình hình thành và phát triển nhóm 1.3 Mô hình PDCA và tiến trình làm việc nhóm 1.4 Các hình thức làm việc nhóm 1.5 Vai trò quan trọng của làm việc nhóm 1.6 Kỹ năng giao tiếp trong làm việc nhóm	4(3/1)	1 1 1 1 3	Thảo luận nhóm  Thực hành	Sinh viên đọc tài liệu học tập và thảo luận nhóm  Thực hiện bài tập thực hành về kỹ năng
2	<b>Chương 2. Kỹ năng thành lập nhóm làm việc</b> 2.1 Xác định mục tiêu, nhiệm vụ 2.2 Nguyên tắc thành lập nhóm làm việc	6(2/4)	1 1	Thảo luận nhóm	Sinh viên đọc tài liệu học tập và thảo luận nhóm
	2.3 Biểu mẫu thành lập nhóm 2.4 Xây dựng nội qui, qui chế hoạt động nhóm 2.5 Kỹ năng cần thiết trong thành lập nhóm 2.6 Thực hành thành lập nhóm		1 3 2,4	Thực hành	Sinh viên thảo luận nhóm và thực hiện bài tập về biểu mẫu và thực hành kỹ năng
3	<b>Chương 3. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức nhóm làm việc</b> 3.1 Lập kế hoạch làm việc nhóm 3.2 Tổ chức nhóm làm việc 3.3 Kỹ năng cần thiết trong lập kế hoạch và tổ chức nhóm làm việc 3.4 Thực hành lập kế hoạch và tổ chức nhóm làm việc	6(3/3)	2 2 3 2,4	Thảo luận nhóm  Thực hành	Sinh viên thảo luận nhóm và thực hành lập kế hoạch làm việc nhóm, tổ chức thực hiện kế hoạch
4	<b>Chương 4. Kỹ năng điều hành và kiểm soát nhóm làm việc</b> 4.1 Điều hành nhóm làm việc 4.2 Kiểm soát nhóm làm việc 4.3 Những Kỹ năng cần thiết để điều hành và kiểm soát nhóm làm việc 4.4. Bài tập thực hành	6(3/3)	2 2 3 2,4	Thảo luận nhóm  Thực hành	Sinh viên thảo luận nhóm và thực hành các kỹ năng điều hành, kiểm soát nhóm
	<b>Chương 5. Kỹ năng làm việc nhóm toàn cầu</b> 5.1 Khái quát về nhóm toàn cầu 5.2 Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa 5.3 Điều hành nhóm làm việc toàn cầu.	6(3/3)	3 2	Thảo luận nhóm	Sinh viên thảo luận nhóm và thực hiện bài tập thực hành làm việc nhóm toàn

5	5.4 Mô hình CAAP 5.5 Thực hành kỹ năng làm việc nhóm toàn cầu		3	Thực hành	câu
6	<b>Chương 6. Kỹ năng làm việc nhóm trực tuyến</b> 6.1 Đặc điểm công nghệ trong làm việc nhóm trực tuyến 6.2 Huấn luyện nhóm làm việc trực tuyến 6.3 Điều hành và kiểm soát nhóm làm việc trực tuyến 6.4 Thực hành làm việc nhóm trực tuyến	2(1/1)	3  2 2 2	Thảo luận nhóm  Thực hành	Sinh viên thảo luận nhóm và hiện bài tập thực hành làm việc nhóm trực tuyến

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	100%	85%
2	Thường kỳ (thực hành trên lớp)	50%	100%
	Cuối kỳ (Báo cáo/thuyết trình)	50%	100%
3	Thường kỳ (thực hành trên lớp)	50%	100%
	Cuối kỳ (thực hành)	50%	100%
4	Thường kỳ (thực hành trên lớp)	60%	100%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Thường kỳ	Thực hành trên lớp (CLO2)	10
	Thực hành trên lớp (CLO3)	10
Giữa kỳ	Lý thuyết (CLO1)	30
Cuối kỳ	Thực hành (CLO2)	20
	Thực hành (CLO3)	15
	Thực hành (CLO4)	15

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ

Ngày biên soạn/ cập nhật: 1/12/ 2021

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

**2113433 - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Research Methodology - 2113433)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 2 Lý thuyết: 2 Thực hành: 0 Tự học: 4

**3. Giảng viên phụ trách**

**Họ và Tên**

**Email**

PGS. TS. Đinh Đại Gái

dinhdaigai@iuh.edu.vn

PGS.TS Lưu Thế Vinh

luuthevinh@iuh.edu.vn

PGS. TS. Nguyễn Tấn Lũy

nguyentanluy@iuh.edu.vn

PGS. TS. Trần Nguyễn Minh Ân

trannguyenminhan@iuh.edu.vn

PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Nguyenthiminhnguyetg@iuh.edu.vn

TS. Đặng Hữu Phúc

danghuuphuc@iuh.edu.vn

TS. Nguyễn Thị Thu Trang

nguyenthithutrang@iuh.edu.vn

TS. Văn Hồng Thiên

vanhongthien@iuh.edu.vn

TS. Nguyễn Thị Kim Anh

nguyenthikimanh@iuh.edu.vn

TS. Trần Thị Thanh Nhã

tranthithanhnhha@iuh.edu.vn

TS. Võ Thị Thanh Hà

vothithanhha@iuh.edu.vn

TS. Nguyễn Thị Thu Hà

nguyenthithuha@iuh.edu.vn

TS. Huỳnh Tấn Dũng

nguyentandung@iuh.edu.vn

TS. Trần Thị Tường Vân

tranthituongvan@iuh.edu.vn

TS. Bùi Tấn Nghĩa

buitannghia@iuh.edu.vn

TS. Võ Trung Âu

votrungau@iuh.edu.vn

NCS. Nguyễn Minh Hải

nguyenminhhai@iuh.edu.vn

ThS. Lý Thanh Bình

lythanhbinh@iuh.edu.vn

ThS. Đào Thị Nguyệt Ánh

daothinguyetanh@iuh.edu.vn

ThS. Phạm Thị Oanh

phamthioanh@iuh.edu.vn

ThS. Đỗ Thị Thìn

dothithin@iuh.edu.vn

**4. Tài liệu học tập**

**a. Tài liệu chính**

[1] Nguyễn Thị Thu Trang và Đặng Hữu Phúc. *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. TP. HCM: NXB Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM, 2022. [001.42NGU-T]

**b. Tài liệu tham khảo**

[1] Vũ Cao Đàm. *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Tái bản lần thứ bảy. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam, 2015. [100286811 - 100286830]

[2] Nguyễn Văn Tuấn. *Từ nghiên cứu đến công bố - Kỹ năng mềm cho nhà khoa học*. Tái bản. T.P. Hồ Chí Minh : NXB Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2018. [808.0665 NGU-T]

[3] J. W. Creswell. *Research design : Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches* . Thousand Oaks : SAGE Publications, 2014. [300.721 CRE-J]

**5. Thông tin về học phần**

### a. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần người học:

- Có các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học và trình tự logic tiến hành một nghiên cứu khoa học;
- Phát triển được một số kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng đọc, viết học thuật, và một số kỹ năng tư duy;
- Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả.
- Có ý thức học tập tích cực, có thái độ trung thực trong nghiên cứu khoa học.

### b. Mô tả vắn tắt học phần

Nội dung của môn học bao gồm các khái niệm cơ bản, quy trình và các phương pháp thường sử dụng trong nghiên cứu khoa học. Môn học cũng hướng đến việc phát triển cho sinh viên các kỹ năng học thuật và nghiên cứu cơ bản như kỹ năng đọc, viết học thuật, kỹ năng tư duy, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu. Môn học còn tạo điều kiện cho sinh viên làm việc nhóm. Qua đó, sinh viên có thể phát triển khả năng làm việc nhóm hiệu quả. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức và kỹ năng được học để thực hiện các đồ án môn học hay đồ án tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp một cách khoa học và hiệu quả. Sinh viên cũng có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng này để tiến hành các nghiên cứu khoa học trong học tập cũng như trong công việc sau này.

### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

### d. Yêu cầu khác

- Sinh viên có mặt trên 80% thời lượng môn học, tích cực tham gia vào các hoạt động nhóm, thực hiện đầy đủ các bài tập, bài kiểm tra.
- Sinh viên phải thể hiện được sự trung thực trong nghiên cứu khoa học thông qua việc không đạo văn, luôn thực hiện đầy đủ việc trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo trong đề cương nghiên cứu cuối khóa theo đúng các quy định về trích dẫn. Nếu bị phát hiện đạo văn, sinh viên sẽ nhận điểm 0 cho đề cương nghiên cứu cuối khóa và sẽ bị đánh rớt môn học.

### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Giải thích được các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, phương pháp và quy trình nghiên cứu khoa học.	
2	Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để xây dựng đề cương nghiên cứu.	
3	Tham gia, đóng góp tích cực vào hoạt động nhóm, có khả năng giải quyết hiệu quả công việc nhóm.	
4	Thể hiện thái độ trung thực trong nghiên cứu khoa học.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<u>Chương 1:</u> Đại cương về Khoa học, Nghiên cứu khoa học và Phương pháp luận nghiên cứu khoa học 1.1. Khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học 1.4. Trình tự logic tiến hành một nhiệm vụ khoa học và công nghệ	4	1, 3	L: Lecture D: Discussion	Đọc trước tài liệu môn học Bài tập nhóm: + Lập bản đồ tư duy chỉ ra mối quan hệ giữa các khái niệm
2	<u>Chương 2:</u> Các phương pháp nghiên cứu khoa học 2.1 Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết 2.2 Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn.	2	1, 3	L: Lecture D: Discussion	Đọc trước tài liệu môn học Bài tập nhóm: + So sánh các phương pháp nghiên cứu khoa học
3	<u>Chương 3:</u> Giai đoạn khám phá 3.1. Xác định vấn đề nghiên cứu 3.2. Xây dựng cơ sở lý thuyết cho đề tài 3.3. Vận hành hóa khái niệm 3.4. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu	5	2, 3	L: Lecture D: Discussion	Đọc trước tài liệu môn học Bài tập nhóm: + Xác định vấn đề nghiên cứu của nhóm + Vận hành hóa khái niệm + Xây dựng CSLT
4	<u>Chương 4:</u> Giai đoạn phát triển nghiên cứu 4.1. Thiết kế nghiên cứu 4.2. Chọn phương pháp nghiên cứu 4.3. Thiết kế bảng câu hỏi 4.4. Chọn mẫu	5	2, 3	L: Lecture D: Discussion	Đọc trước tài liệu môn học Bài tập nhóm: + Xây dựng thiết kế nghiên cứu của nhóm + Thiết kế bảng câu hỏi khảo sát
5	<u>Chương 5:</u> Viết đề cương nghiên cứu 5.1. Khái niệm “Đề cương nghiên cứu” 5.2. Nội dung đề cương 5.3. Những lưu ý khi viết đề cương	4	2, 3, 4	L: Lecture D: Discussion	Đọc trước tài liệu môn học Bài tập nhóm: + Xây dựng đề cương cho đề tài nghiên cứu của nhóm
6	<u>Chương 6:</u> Xử lý và phân tích dữ liệu 6.1. Xử lý và phân tích dữ liệu định lượng 6.2. Xử lý và phân tích dữ liệu định tính 6.3. Trình bày kết quả phân	2	2, 3	L: Lecture D: Discussion	Bài tập nhóm: + Xây dựng đề cương (tt)

	tích dữ liệu				
7	<u>Chương 7: Công bố kết quả nghiên cứu</u> 7.1. Bài báo khoa học 7.2. Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học 7.3. Luận văn, luận án khoa học 7.4. Thuyết trình khoa học	2	2, 3	L: Lecture D: Discussion	Bài tập nhóm: + Xây dựng đề cương (tt)
8	Thuyết trình đề cương nghiên cứu nhóm	6	2, 3	S: Seminar	Bài tập nhóm: + Chuẩn bị bài thuyết trình của nhóm

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Kiểm tra thường kỳ	Kiểm tra 15', bài tập, trả lời trên lớp ...	30%	75%
	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận đề mở	70%	75%
2	Kiểm tra thường kỳ	Bài tập nhóm, thuyết trình	20%	70%
	Kiểm tra cuối kỳ	Tiểu luận nhóm	80%	70%
3	Báo cáo đánh giá của nhóm về mức độ tham gia và đóng góp của từng thành viên trong nhóm.	Bài tập nhóm Tiểu luận nhóm	100	80%
4	Kiểm tra cuối kỳ	Tiểu luận nhóm	100%	65%

### b. Các thành phần đánh giá

	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra 15', bài tập	10
	- Thuyết trình	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

TS. Đặng Hữu Phúc

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

TS. Ngô Ngọc Hưng

## 2120405 - Giáo dục thể chất 1

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Giáo dục thể chất 1 - 2120405

#### 2. Số tín chỉ:

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 0

Thực hành: 2

Tự học: 4

#### 3. Giảng viên phụ trách

Họ và tên	Email	Điện thoại
ThS. Nguyễn Minh Luận	nguyenminhluan08@gmail.com	0908550760
ThS. Nguyễn Phúc Thanh Phong	phongcongiothoang@gmail.com	0906369251
ThS. Tạ Hồng Hà	tahongha1975@gmail.com	0988885161
ThS. Nguyễn Thanh Liêm	thanhliemnguyen1286@gmail.com	0902373770
ThS. Trần Văn Tường	tranvantuongct@gmail.com	0913143060
ThS. Nguyễn Lâm Văn Luật	nguyenlamvanluat@gmail.com	0907182469

#### 4. Tài liệu học tập

##### 4.1 Sách, giáo trình chính [TLC]

[1] Giáo dục Đại học đại cương – Bộ Giáo dục và Đào tạo. [TQP 000001]

[2] Giáo dục Thể chất – Bộ Giáo dục và Đào tạo. [TQP 000002]

##### 4.2 Tài liệu tham khảo [TLP]

[3] Nguyễn Công Hân. *Hướng dẫn Tập luyện kỹ năng các môn thể thao trong trường học*. Nhà xuất bản Thể dục Thể thao 2017. [TQP 000003]

[4] Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Kim Thanh, Nguyễn Khắc Ngọc, Võ Đức Phùng, Võ Đại Cương. *Điện kinh*. Nhà xuất bản Trường Đại học Thể dục Thể thao. [TQP 000004]

[5] Tổ Điện kinh Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao TP. HCM. *Giáo trình Điện kinh*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, 2017. [TQP 000005]

## 5. Thông tin học phần

### a. Mục tiêu học phần

*Học phần cung cấp cho sinh viên:*

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	SO/PI
O1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của bộ môn Điền kinh.	
O2	Thực hiện được những kỹ năng cơ bản môn chạy cự ly ngắn, nhảy cao.	
O3	Vận dụng được kiến thức nền để tiếp thu kiến thức các môn thể thao chuyên sâu	
O4	Thái độ chuẩn mực và trách nhiệm xã hội	

### b. Mô tả vắn tắt học phần

*Lý thuyết:*

- Kiến thức về bộ môn Điền kinh
- Nguyên tắc, phương pháp tập luyện môn Điền kinh nói riêng, tự tập luyện thể dục thể thao nói chung.

*Thực hành:*

- Kỹ năng môn chạy cự ly ngắn.
- Kỹ năng môn nhảy cao kiểu “Úp Bụng”.

### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không có

### d. yêu cầu khác

*- Cách thức học tập*

Mục đích của bài giảng là hướng dẫn các nội dung chính trước khi sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc trước tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình, ...). Vì các giảng viên không thể giảng dạy tất cả nội dung trong một bài giảng, do đó sinh viên không nên cho rằng các tài liệu dùng để đọc nhưng không được mô tả trong bài giảng là không quan trọng.

Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn giải bài tập. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp. Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Chúng tôi khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp. Hãy nhớ rằng việc đạt được tất cả các chuẩn đầu ra của môn học rất quan trọng với thành công của sinh viên sau này.

*- Thông tin về việc tuân thủ sự đánh giá*

Sinh viên tham dự học và kiểm tra theo quy chế học vụ hiện hành của Nhà trường.

Sinh viên lưu ý ngày hết hạn phải được tuân thủ chặt chẽ. Trách nhiệm của sinh viên là kiểm tra các ngày đến hạn của các hoạt động đánh giá và các mốc thời gian theo lịch làm việc của giảng viên.

Theo quy định của Khoa thì các bài tập không được gia hạn về mặt thời gian nộp, nghĩa là sinh viên sẽ bị 0 điểm nếu nộp bài trễ.

- *Đảm bảo sự trung thực trong học thuật:*

Sinh viên cần phải trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo (nếu có) trong các bài đánh giá và sẽ nhận điểm 0 nếu bị phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

*Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:*

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Thực hiện được kỹ thuật của môn chạy cự ly ngắn, môn nhảy cao kiểu “Úp bụng”	
2	Trình bày được nguyên tắc, phương pháp tập luyện môn Điền kinh	
3	Thái độ học tập: chuyên cần, tự giác, tích cực trong tập luyện	

Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra môn học và phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá

CLOs	Phương pháp giảng dạy		Phương pháp đánh giá			
	Thuyết giảng	Thực hành	Vấn đáp	Thực hành	Điểm danh	Quan sát
1	x	x	✓	✓		
2	x	x	✓			
3					✓	✓

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Chạy cự ly ngắn</b> 1.1 Chạy ngắn. 1.1.1 Giới thiệu 1.1.2 Khỏi động chung; chuyên môn 1.1.3 Giới thiệu các động tác hỗ trợ; 1.1.4 Thực hiện động tác hỗ trợ;  1.2 Kỹ thuật xuất phát thấp. 1.2.1 Ôn động tác hỗ trợ; 1.2.2 Kỹ thuật xuất phát thấp; 1.2.3 Thực hiện các bước xuất, chạy lao  1.3 Hoàn chỉnh kỹ thuật chạy ngắn 1.3.1 Kỹ thuật chạy giữa quãng; 1.3.2 Chạy tăng tốc 30 m- 60m; 1.3.3 Kỹ thuật về đích;	20  5  5  5	1	Giảng giải: Dùng tài liệu, lời nói.  Thực quan: Tranh ảnh và làm mẫu các động tác  Thực hành phân đoạn và hoàn chỉnh động tác  Sửa chữa động tác sai	

	1.4 Kiểm tra chạy cự ly ngắn				
2	<p><b>Chương 2. Nhảy cao kiểu “Úp bụng”</b></p> <p>2.1 Nhảy cao</p> <p>2.1.1 Phân tích động tác nhảy cao kiểu “Úp bụng”</p> <p>2.1.2 Các phương pháp chạy, nhảy qua xà;</p> <p>2.1.3 Thực hành động tác giậm nhảy;</p> <p>2.2. Kỹ thuật giậm nhảy</p> <p>2.2.1 Ôn 3 bước thực hiện giậm nhảy;</p> <p>2.2.2 Thực hành chạy đà 3 bước giậm nhảy;</p> <p>2.2.3 Thực hành chạy đà giậm nhảy nhưng không qua xà;</p> <p>2.3 Kỹ thuật rơi xuống đất</p> <p>2.3.1 Giới thiệu;</p> <p>2.3.2 Một bước thực hiện giậm nhảy qua xà thấp kiểu &lt;&lt; Úp bụng&gt;&gt;</p> <p>2.3.2 Ba bước thực hiện giậm nhảy cao kiểu &lt;&lt; Úp bụng&gt;&gt;;</p> <p>2.3.3 Nâng xà lên dần;</p> <p>2.4 Chạy đà 3 bước qua xà mức trung bình</p> <p>2.4.1 Nam 1,20m, nữ 1,00m</p> <p>2.4.2 Kéo dài đà nhảy cao “Úp bụng”</p> <p>2.4.3 Nâng xà lên</p> <p>2.5 Nâng xà lên dần, kéo dài đà, nhảy cao kiểu “Úp bụng”</p> <p>2.5.1 Chính sửa kỹ thuật qua xà kiểu “Úp bụng</p> <p>2.5.2 Chính sửa bước chạy đà cho phù hợp;</p> <p>2.6 Hoàn chỉnh kỹ thuật nhảy cao kiểu “Úp bụng” không có đà</p> <p>2.6.1 Ôn định đà;</p> <p>2.6.2 Hoàn chỉnh kỹ thuật</p> <p>2.7 Hoàn chỉnh kỹ thuật nhảy cao kiểu “Úp bụng” có đà</p> <p>2.7.1 Nâng xà lên dần;</p> <p>2.7.2 Hướng dẫn cách tổ chức kiểm tra, kiểm tra thử;</p> <p>2.8. Kiểm tra nhảy cao kiểu “Úp bụng”</p>	40	2	<p>Giảng giải: Dùng tài liệu, lời nói.</p> <p>Thực quan: Tranh ảnh và làm mẫu các động tác</p> <p>Thực hành phân đoạn và hoàn chỉnh động tác</p> <p>Thực hành phân đoạn và hoàn chỉnh động tác</p> <p>Sửa chữa động tác sai</p> <p>Hoàn chỉnh động tác nhảy cao</p>	
1-15	<p><b>RÈN LUYỆN THÁI ĐỘ</b></p> <p>Giảng viên kết hợp rèn luyện thái độ cho sinh viên trong các buổi học trên lớp</p>		3	Tự học	

## 8. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá		CLOs	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu %
Thực hành	Đánh giá quá trình (Thường xuyên)	1, 2, 3	20	70%

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Điểm danh</li> <li>- Quan sát</li> </ul>			
	Đánh giá quá trình (Giữa kỳ)	1	30	80%
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành</li> </ul>			
	Đánh giá tổng kết (Cuối kỳ)	2, 3	50	90%
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đáp</li> <li>- Thực hành</li> </ul>			

**Thang điểm đánh giá**

Điểm chữ	Điểm số trên thang 10	Xếp loại	Đạt/Không đạt
A+	9.0-10	Xuất sắc	<b>Đạt</b>
A	8.5-8.9	Giỏi	
B+	8.0-8.4	Khá	
B	7.0-7.9		
C+	6.0-6.9	Trung bình	
C	5.5-5.9		
D	5.0-5.4	Trung bình yếu	
F	0.0-4.9	Kém	<b>Không đạt</b>

**Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.**

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 20 tháng 02 năm 2022

**Trưởng bộ môn:** Nguyễn Minh Luận

**Trưởng/phó khoa phụ trách:** Nguyễn Minh Luận

## 2120406 - Giáo dục thể chất 2

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Tên và mã học phần: Giáo dục thể chất 2 – 2120406

2. Số tín chỉ:

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 0

Thực hành: 2

Tự học: 4

3. Giảng viên phụ trách

Họ và tên	Email	Điện thoại
ThS. Nguyễn Minh Luân	nguyenminhluan08@gmail.com	0908550760
ThS. Nguyễn Phúc Thanh Phong	phongcongiothoang@gmail.com	0906369251
ThS. Tạ Hồng Hà	tahongha1975@gmail.com	0988885161
ThS. Nguyễn Thanh Liêm	thanhliemnguyen1286@gmail.com	0902373770
ThS. Trần Văn Tường	tranvantuongct@gmail.com	0913143060
ThS. Nguyễn Lâm Văn Luật	nguyenlamvanluat@gmail.com	0907182469

4. Tài liệu học tập

4.1 Sách, giáo trình chính [TLC]

[1] Giáo dục Đại học đại cương – Bộ Giáo dục và Đào tạo. [TQP 000001]

[2] Giáo dục Thể chất – Bộ Giáo dục và Đào tạo. [TQP 000002]

4.2 Tài liệu tham khảo [TLP]

[3] Nguyễn Công Hân. *Hướng dẫn Tập luyện kỹ năng các môn thể thao trong trường học*. Nhà xuất bản Thể dục Thể thao 2017. [TQP 000003]

[4] Ủy ban Thể dục thể thao. *Luật bóng đá*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, 2019.

[TQP 000006]

[5] Ủy ban Thể dục thể thao. *Luật bóng chuyền*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, 2019.

[TQP 000007]

[6] Ủy ban Thể dục thể thao. *Luật bóng rổ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thể dục Thể thao, 2019. [QP 000008]

## 5. Thông tin học phần

### a. Mục tiêu học phần

*Học phần cung cấp cho sinh viên:*

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	ELOs
O1	Trình bày được những kiến thức cơ bản của môn thể thao đã chọn	1
O2	Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản của môn đã chọn	1
O3	Vận dụng những kiến thức đã học về : Luật thi đấu, thể thức thi đấu, cách tổ chức giải để tổ chức một giải thể thao phong trào	1
O4	Thái độ chuẩn mực và trách nhiệm xã hội	8

### b. Mô tả vắn tắt học phần

Sinh viên chọn một trong các môn: Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ...

- Kiến thức cơ bản về môn thể thao đã chọn.
- Kỹ năng cơ bản khi chơi môn thể thao đã chọn.
- Kiến thức về kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu, thể thức thi đấu, phương pháp làm trọng tài và tổ chức một giải thể thao phong trào.

### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không có

### d. yêu cầu khác

*- Cách thức học tập*

Mục đích của bài giảng là hướng dẫn các nội dung chính trước khi sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc trước tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình, ...). Vì các giảng viên không thể giảng dạy tất cả nội dung trong một bài giảng, do đó sinh viên không nên cho rằng các tài liệu dùng để đọc nhưng không được mô tả trong bài giảng là không quan trọng.

Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn giải bài tập. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp. Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Chúng tôi khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp. Hãy nhớ rằng việc đạt được tất cả các chuẩn đầu ra của môn học rất quan trọng với thành công của sinh viên sau này.

*- Thông tin về việc tuân thủ sự đánh giá*

Sinh viên tham dự học và kiểm tra theo quy chế học vụ hiện hành của Nhà trường.

Sinh viên lưu ý ngày hết hạn phải được tuân thủ chặt chẽ. Trách nhiệm của sinh viên là kiểm tra các ngày đến hạn của các hoạt động đánh giá và các mốc thời gian theo lịch làm việc của giảng viên. Theo quy định của Khoa thì các bài tập không được gia hạn về mặt thời gian nộp, nghĩa là sinh viên sẽ bị 0 điểm nếu nộp bài trễ.

- Đảm bảo sự trung thực trong học thuật:

Sinh viên cần phải trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo (nếu có) trong các bài đánh giá và sẽ nhận điểm 0 nếu bị phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản của môn thể thao đã chọn.	
2	Trình bày được một số điều luật thi đấu, một vài thể thức thi đấu của một giải thể thao phong trào.	
3	Thái độ học tập: chuyên cần, tự giác, tích cực trong tập luyện	

Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra môn học và phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá

CLOs	Phương pháp giảng dạy			Phương pháp đánh giá			
	Thuyết giảng	Thực hành	Tự học	Vấn đáp	Thực hành	Điểm danh	Quan sát
1	x	x		✓	✓		
2	x	x		✓			
3			x			✓	✓

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Hướng dẫn tự học
1	<p><b>MÔN BÓNG ĐÁ</b></p> <p><b>Chương 1. Kỹ thuật, chiến thuật cơ bản</b></p> <p>1.5 Lịch sử môn bóng đá, kỹ thuật cơ bản</p> <p>1.5.1 Giới thiệu</p> <p>1.5.2 Khôì động chung; chuyên môn</p> <p>1.5.3 Giới thiệu các động tác đá bóng cơ bản</p> <p>1.6 Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, má ngoài</p> <p>1.6.1 Kỹ thuật dừng bóng</p> <p>1.6.2 Kỹ thuật dừng bóng kết hợp đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong, má ngoài</p> <p>1.7 Ôn các kỹ thuật đã học</p> <p>1.7.1 Ôn kỹ thuật đá bóng bằng lòng, mu trong, má ngoài</p> <p>1.7.2 Ôn kỹ thuật dừng bóng kết hợp dẫn bóng</p> <p>1.7.3 Kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật ném biên</p> <p>1.8 Kỹ thuật động tác tranh cướp bóng</p>	60	1	<p>Giảng giải và làm mẫu.</p> <p>Tập luyện và sửa chữa động tác sai</p>	

	<p>1.8.1 Ôn kỹ thuật ném biên 1.8.2 Ôn kỹ thuật đánh đầu 1.8.3 Thực hiện kỹ thuật tranh cướp bóng</p> <p>1.5 Kỹ thuật qua người, Động tác giả 1.5.1 Ôn kỹ thuật tranh cướp bóng 1.5.2 Kỹ thuật qua người 1.5.3 Kỹ thuật thực hiện động tác giả</p> <p>1.6 Chiến thuật và các nội dung kiểm tra 1.6.1 Chiến thuật tấn công, phòng thủ 1.6.2 Kết thúc bóng ở chấm phạt 11m 1.6.3 Dẫn bóng qua cọc sút cầu môn 1.6.4 Thực hành các nội dung kiểm tra,</p>	5		Giảng giải và làm mẫu.	
2	<p><b>Chương 2. Luật thi đấu, phương pháp làm trọng tài</b> 2.1 Luật thi đấu 2.1.1 Luật thi đấu sân mini (5 người), 7 người 2.1.2 Luật thi đấu sân 11 người</p> <p>2.2. Phương pháp làm trọng tài 2.2.1 Các động tác báo lỗi của trọng tài bóng đá 2.2.2 Cách làm trọng tài 2.2.3 Các thể thức thi đấu đơn giản để tổ chức các giải phong trào</p> <p>2.3 Chia đội- Thi đấu – Thực hành trọng tài 2.3.1 Chia đội, thi đấu; 2.3.2 Thi đấu , phân công trọng tài, điều hành trận đấu 2.3.3 Phân tích, rút kinh nghiệm cách làm trọng tài;</p> <p>2.4 Phương pháp tổ chức giải thể thao phong trào. 2.4.1 Các thể thức đơn giản; 2.4.2 Thực hành tổ chức 1 giải bóng đá</p> <p>2.5 Kiểm tra</p>	5 5 5 5 10	2	<p>Giảng giải: Dùng tài liệu, lời nói.</p> <p>Thảo luận</p> <p>Phân công công việc cho từng thành viên</p> <p>Thực hành Làm công tác tổ chức, trọng tài</p>	
1	<p><b>MÔN BÓNG CHUYÊN</b> <b>Chương 1. Kỹ thuật, chiến thuật cơ bản</b> 1.1 Lịch sử môn bóng chuyên, kỹ thuật cơ bản 1.1.1 Giới thiệu 1.1.2 Khỏi động chung;chuyên môn 1.1.3 Giới thiệu kỹ thuật đệm bóng, chuyên bóng;</p> <p>1.2 Ôn kỹ thuật đệm bóng , chuyên bóng 1.2.1 Thực hiện kỹ thuật phát bóng cơ bản 1.2.2 Kỹ thuật phát bóng thấp tay, cao tay</p>	5 5	1	<p>Giảng giải: Dùng tài liệu, lời nói.</p> <p>Trực quan: Tranh ảnh và làm mẫu các</p>	

	<p>1.3 Kỹ thuật phát bóng</p> <p>1.3.1 Ôn kỹ thuật phát bóng</p> <p>1.3.2 Ôn kỹ thuật chuyền bóng cao tay</p> <p>1.3.3 Kết hợp chuyền bóng và đập bóng</p> <p>1.4 Chiến thuật thi đấu trong bóng chuyền</p> <p>1.4.1 Chiến thuật phòng thủ</p> <p>1.4.2 Chiến thuật tấn công</p> <p>1.5 Ôn Tất cả các kỹ thuật đã học, chia đội thi đấu</p> <p>1.5.1 Ôn kỹ thuật thực hiện trong thi đấu bóng chuyền</p> <p>1.5.2 Chia đội thi đấu</p> <p>1.6 Thực hành các nội dung kiểm tra,</p> <p>1.6.1 Chuyền bóng, đệm bóng</p> <p>1.6.2 Phát bóng vào ô quy định</p>	5		động tác	
		5		Tập luyện	
		5		Giảng giải: Dùng tài liệu, lời nói.	
		5		Tập luyện	
		5			
2	<p><b>Chương 2. Luật thi đấu, phương pháp làm trọng tài</b></p> <p>2.1 Luật thi đấu</p> <p>2.1.1 Luật thi đấu bóng chuyền bãi biển</p> <p>2.1.2 Luật thi đấu bóng chuyền trong nhà</p> <p>2.2. Phương pháp làm trọng tài</p> <p>2.2.1 Các động tác báo lỗi của trọng tài bóng chuyền</p> <p>2.2.2 Cách làm trọng tài</p> <p>2.2.3 Các thể thức thi đấu đơn giản để tổ chức các giải phong trào</p> <p>2.3 Chia đội- Thi đấu – Thực hành trọng tài</p> <p>2.3.1 Chia đội, thi đấu;</p> <p>2.3.2 Thi đấu , phân công trọng tài, điều hành trận đấu</p> <p>2.3.3 Phân tích, rút kinh nghiệm cách làm trọng tài;</p> <p>2.4 Phương pháp tổ chức giải thể thao phong trào.</p> <p>2.4.1 Các thể thức đơn giản;</p> <p>2.4.2 Thực hành tổ chức 1 giải bóng chuyền</p> <p>2.5 Kiểm tra</p>	5	2	Giảng giải: Dùng tài liệu, lời nói.	
		5		Thảo luận	
		5		Phân công công việc cho từng thành viên	
		5		Thực hành	
		10		Làm công tác tổ chức, trọng tài	
1	<p><b>MÔN BÓNG RỔ</b></p> <p><b>Chương 1. Kỹ thuật, chiến thuật cơ bản</b></p> <p>1.1 Lịch sử môn bóng rổ, kỹ thuật cơ bản</p> <p>1.1.1 Giới thiệu</p> <p>1.1.2 Khỏi động chung; chuyên môn</p> <p>1.1.3 Giới thiệu nguyên lý kỹ thuật các động tác vận động trong bóng rổ;</p>	60	1		
		5		Giảng giải: Dùng tài liệu, lời nói.	

	<p>1.2 Kỹ thuật bắt bóng, chuyền bóng tại chỗ</p> <p>1.2.1 Kỹ thuật bắt bóng</p> <p>1.2.2 Kỹ thuật chuyền bóng thấp, cao tay</p> <p>1.2.3 Kỹ thuật dẫn bóng tại chỗ</p> <p>5</p> <p>5</p> <p>1.3 Kỹ thuật dẫn bóng</p> <p>1.3.1 Kỹ thuật dẫn bóng tư thế trung bình</p> <p>1.3.2 Kỹ thuật dẫn bóng tư thế cao</p> <p>1.3.3 Kỹ thuật dẫn bóng tư thế thấp;</p> <p>1.3.4 Kỹ thuật dẫn bóng qua người;</p> <p>5</p> <p>1.4 Ôn những kỹ thuật đã học</p> <p>1.4.1 Ôn kỹ thuật chuyền bóng</p> <p>1.4.2 Ôn kỹ thuật dẫn bóng</p> <p>1.4.3 Phối hợp 2 người dẫn bóng và chuyền bóng cho nhau</p> <p>5</p> <p>1.5 Luật bóng rổ và thiết bị sân bãi</p> <p>1.5.1 Ôn kỹ thuật dẫn bóng</p> <p>1.5.2 Kỹ thuật dẫn bóng tránh né đối phương, chuyển hướng</p> <p>1.5.3 Kỹ thuật dẫn bóng qua cọc, ném rổ</p> <p>1.5.4 Kỹ thuật dẫn bóng tốc độ cao;</p> <p>5</p> <p>1.6 Thực hành các nội dung kiểm tra:</p> <p>1.6.1 Kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng hai tay</p> <p>1.6.2 Kỹ thuật ném rổ tại chỗ bằng một tay trên vai;</p> <p>1.6.3 Kỹ thuật hai bước lên ném rổ bằng 1 tay</p>			<p>Trực quan: Tranh ảnh và làm mẫu các động tác</p> <p>Thực hành</p> <p>Sửa chữa sai lầm thường mắc</p>	
	<p><b>Chương 2. Luật thi đấu, phương pháp làm trọng tài</b></p> <p>2.1 Luật thi đấu.</p> <p>5</p> <p>2.2. Phương pháp làm trọng tài</p> <p>2.2.1 Các động tác báo lỗi của trọng tài bóng rổ</p> <p>2.2.2 Cách làm trọng tài</p> <p>2.2.3 Các thể thức thi đấu đơn giản để tổ chức các giải phong trào</p> <p>5</p> <p>2.3 Chia đội- Thi đấu – Thực hành trọng tài</p> <p>2.3.1 Chia đội, thi đấu;</p> <p>2.3.2 Thi đấu , phân công trọng tài, điều hành trận đấu</p> <p>2.3.3 Phân tích, rút kinh nghiệm cách làm trọng tài;</p> <p>5</p> <p>2.4 Phương pháp tổ chức giải thể thao phong trào.</p> <p>2.4.1 Các thể thức đơn giản;</p> <p>2.4.2 Thực hành tổ chức 1 giải bóng rổ</p> <p>10</p> <p>2.5 Kiểm tra</p> <p>2.5.1 Phổ biến nội dung kiểm tra</p> <p>2.5.2 Cách tổ chức kiểm tra.</p>	2	2	<p>Giảng giải: Dùng tài liệu, lời nói.</p> <p>Thảo luận</p> <p>Phân công công việc cho từng thành viên</p> <p>Thực hành làm công tác tổ chức, trọng tài</p>	
1-15	<b>RÈN LUYỆN THÁI ĐỘ</b>		3	Tự học	

	Giảng viên kết hợp rèn luyện thái độ cho sinh viên trong các buổi học trên lớp				
--	--	--	--	--	--

## 8. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá		CLOs	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu %
Lý thuyết	Đánh giá quá trình (Thường xuyên) - Vấn đáp - Điểm danh - Quan sát	1, 2, 3	20	70%
	Đánh giá quá trình (Giữa kỳ) - Vấn đáp	1, 2	30	80%
	Đánh giá tổng kết (Cuối kỳ) - Thực hành	1	50	90%

### Thang điểm đánh giá

Điểm chữ	Điểm số trên thang 10	Xếp loại	Đạt/Không đạt
A+	9.0-10	Xuất sắc	Đạt
A	8.5-8.9	Giỏi	
B+	8.0-8.4	Khá	
B	7.0-7.9		
C+	6.0-6.9	Trung bình	
C	5.5-5.9		
D	5.0-5.4	Trung bình yếu	Không đạt
F	0.0-4.9	Kém	

**Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.**

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 20 tháng 02 năm 2022

**Trưởng bộ môn:** Nguyễn Minh Luận

**Trưởng/phó khoa phụ trách:** Nguyễn Minh Luận

# 2120501 - Giáo dục quốc phòng và an ninh 1

## ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### 1. Tên và mã học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (2120501)

### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 4(4,0,8) Lý thuyết: 4                      Thực hành: 0                      Tự học: 8

### 3. Giảng viên phụ trách

Th.S. Phạm Ngọc Anh  
Th.S. Nguyễn Đình Hà  
Th.S. Nguyễn Quy Hưng  
Th.S. Phan Cảnh Tứ  
CN. Nguyễn Anh Hùng  
CN. Hồ Văn Huy  
CN. Nguyễn Vũ Khương

### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh tập 1, NXBGD, 2007 [100179721]

Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)

[1] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2013

[2] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Dân quân tự vệ*, 2019.

### 5. Thông tin về học phần

#### a. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

Về kỹ năng: Học phần này giúp sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong thời kỳ mới.

Về thái độ: Môn học xác định cho sinh viên có trách nhiệm và thái độ đúng đắn, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng; có ý thức trong tổ chức kỉ luật; có tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội.

#### b. Mô tả vắn tắt học phần

Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 gồm 2 Học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam và Công tác quốc phòng và an ninh.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp kiến thức cho sinh viên những hiểu biết kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nền quốc phòng an ninh; xây dựng quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

#### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

#### d. Yêu cầu khác

Không

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	PLO
1	Biết được những nội dung, kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.	
2	Hiểu được những nội dung về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.	
3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam và những quy định trong công tác quốc phòng quốc phòng an ninh khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học.</b> 1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu 1.3. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng và an ninh	2	1,2	- Thuyết trình, hướng dẫn nghiên cứu	
2	<b>Bài 2: Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</b> 2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh 2.2. Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 2.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa 2.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	2	1,2,3	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm	

3	<p><b>Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</b></p> <p>3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân</p> <p>3.2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay</p>	4	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	
4	<p><b>Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa</b></p> <p>4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>4.2. Quan điểm của Đảng ta trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>4.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc</p>	4	1,2,3	- Thuyết giảng Thảo luận nhóm	
5	<p><b>Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam</b></p> <p>5.1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân</p> <p>5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới.</p> <p>5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.</p>	4	1,2,3	-Thuyết giảng - Thảo luận nhóm	
6	<p><b>Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại.</b></p> <p>6.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam.</p> <p>6.2. Nội dung kết hợp phát triển</p>	8 4	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	

	<p>kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phong, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay.</p> <p>6.3 Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh</p>				
7	<p><b>Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam</b></p> <p>7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta.</p> <p>7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo.</p> <p>7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ tổ quốc trong thời kì mới và trách nhiệm của sinh viên.</p>	4	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	
8	<p><b>Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới.</b></p> <p>8.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.</p> <p>8.2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia ...</p> <p>8.3. Quan điểm của Đảng và nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.</p>	4	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	
9	<p><b>Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng.</b></p> <p>9.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.</p> <p>9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên.</p> <p>9.3. Động viên công nghiệp quốc phòng.</p>	4	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	
10	<p><b>Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc</b></p> <p>10.1. Nhận thức chung về phong</p>	3	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	

	<p>trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <p>10.2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p> <p>10.3. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.</p>				
11	<p><b>Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.</b></p> <p>11.1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>11.2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>12.3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong thời gian tới.</p> <p>11.4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội</p> <p>11.5. Một số quan điểm của Đảng, nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.</p> <p>11.6. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.</p>	3	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	

## Phần 2. Công tác quốc phòng và an ninh

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p><b>Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam</b></p> <p>1.1. Chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội.</p>	4	1,2,3	- Thuyết giảng Thảo luận nhóm	

	<p>1.2. Chiến lược diễn biến hòa bình bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Cách mạng Việt Nam.</p> <p>1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, nhà nước ta.</p> <p>1.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay.</p>				
2	<p><b>Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.</b></p> <p>2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc</p> <p>2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo</p> <p>2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</p>	4	1,2,3	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm	
3	<p><b>Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường</b></p> <p>3.1. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường</p> <p>3.2. Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường</p> <p>3.3. Trách nhiệm phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường của các Nhà trường</p>	4	1,2,3	-Thuyết giảng - Thuyết trình Thảo luận nhóm	
4	<p><b>Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông</b></p> <p>4.1. Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông</p> <p>4.2. Nhận thức về vi phạm pháp</p>	4	1,2,3	- Thuyết giảng - Thuyết trình Thảo luận nhóm	

	<p>luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông</p> <p>4.3. Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông</p> <p>4.4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong nhà trường</p>				
5	<p><b>Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác</b></p> <p>5.1. Nhận thức về tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác</p> <p>5.2. Nhận thức về công tác phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác</p> <p>5.3. Nội dung hoạt động phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm</p> <p>5.4. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm</p> <p>5.5. Phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm trong nhà trường</p>	2	1,2,3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Thuyết trình</li> </ul>	
6	<p><b>Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng</b></p> <p>6.1. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay</p> <p>6.2. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng</p> <p>6.3. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng</p>	8 2	1,2,3	Thuyết giảng	
7	<p><b>Bài 7: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống và đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</b></p> <p>15.1. Các khái niệm cơ bản.</p> <p>15.2. Những thách thức và đe dọa an ninh phi truyền thống.</p> <p>15.3. Một số giải pháp phòng ngừa ứng phó với các mối đe dọa an ninh</p>	2	1,2,3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>Thảo luận nhóm</li> </ul>	

	phi truyền thông ở Việt Nam hiện nay.				
--	---------------------------------------	--	--	--	--

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kì số 1	Trắc nghiệm/Tự luận	100%	100%
2	Bài thường kì số 2	Trắc nghiệm/Tự luận	100%	100%
3	Bài thi giữa kì	Trắc nghiệm	100%	100%
4	Bài thi cuối kì	Thi viết tự luận/Trắc nghiệm	100%	100%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	Đánh giá thường xuyên (cách 1)	20
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập trên lớp 1	5
	- Báo cáo trên lớp 2	5
	- Hoạt động khác	5
	Kiểm tra giữa kỳ	30
	Kiểm tra cuối kỳ	50

a. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Thang điểm chữ	Thang điểm 10	Phân loại	Đạt/ Không đạt
A+	9.0-10	Xuất sắc	Cấp chứng chỉ
A	8.5-8.9	Giỏi	
B+	8.0-8.4	Khá	
B	7.0-7.9		
C+	6.0-6.9	Trung bình khá	
C	5.0-5.9	Trung bình	
F	0.0-4.9	Kém	Không cấp chứng chỉ

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** Ngày tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

Thạc sĩ, Phạm Ngọc Anh

**Phó Giám đốc phụ trách:**

Thạc sĩ, Phạm Ngọc Anh

**2120502 - Giáo dục quốc phòng và an ninh 2**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (2120502)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 4(2,4,8) Lý thuyết: 2                      Thực hành: 4                      Tự học: 8

**3. Giảng viên phụ trách**

Th.S. Phạm Ngọc Anh  
Th.S. Nguyễn Đình Hà  
Th.S. Nguyễn Quy Hưng  
Th.S. Phan Cảnh Tứ  
CN. Nguyễn Anh Hùng  
CN. Hồ Văn Huy  
CN. Nguyễn Vũ Khương

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2, NXBGD, 2007. [100179821]

Tài liệu tham khảo

[1] Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

[2] Sách dạy bắn súng trung liên RPD, B40, B41 Cục quân huấn, BTTM, năm 2000, 2002.

[3] Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2013.

**5. Thông tin về học phần**

a. Mục tiêu học phần

Về kiến thức: Sau khi học xong học phần giáo dục quốc phòng sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng thực hành về quân sự, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, công an bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về kỹ năng: Học phần này giúp sinh viên có kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp tiểu đội, trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng, hiểu được lịch sử và truyền thống của một số quân, binh chủng quân đội nhân dân Việt Nam.

Về thái độ: Môn học giáo dục quốc phòng an ninh giúp sinh viên có bản lĩnh vững vàng, có tác phong nhanh nhẹn, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang khi có yêu cầu.

b. Mô tả vắn tắt học phần

Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 gồm 2 Học phần: Quân sự chung và Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp kiến thức cho sinh viên bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng thực hành quân sự, có kỹ thuật, chiến thuật, sử dụng được một số loại vũ khí bộ binh; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

d. Yêu cầu khác

Không

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	PLO
1	Biết được những nội dung, kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử	

	dụng một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.	
2	Hiểu được những nội dung về bản đồ quân sự, thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội.	
3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng và an ninh, có kiến thức về phòng thủ dân sự, có kỹ năng kỹ thuật, chiến thuật, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

### Phần 1. Quân sự chung

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Bài 1: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần</b> 1.1. Chế độ sinh hoạt 1.2. Chế độ học tập 1.3. Chế độ công tác trong ngày 1.4. Chế độ công tác trong tuần	2	1,2	- Thuyết trình, hướng dẫn nghiên cứu	
2	<b>Bài 2: Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại</b> 2.1. Chế độ nền nếp chính quy 2.2. Chế độ bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	1,2,3	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm	
3	<b>Bài 3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội</b> 1.1. Tổ chức và hệ thống tổ chức trong quân đội nhân dân 1.2. Chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong quân đội nhân dân Việt Nam 1.3. Giới thiệu chung về quân	4	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	

	chúng, quân khu, quân đoàn, binh chủng				
4	<p><b>Bài 4: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng</b></p> <p>4.1. Động tác đặt súng, lấy súng tiểu liên AK</p> <p>4.2. Động tác khám súng, khám súng xong của súng tiểu liên AK (đang ở tư thế mang súng)</p> <p>4.3. Động tác mang súng AK</p> <p>4.4. Đeo súng, xuống súng tiểu liên AK</p> <p>4.5. Động tác treo súng tiểu liên AK</p>	4	1,2,3	- Thuyết giảng Thảo luận nhóm	
5	<p><b>Bài 5: Điều lệnh đội ngũ đơn vị</b></p> <p>5.1. Đội ngũ tiểu đội hàng ngang</p> <p>5.2. Đội ngũ tiểu đội hàng dọc</p>	4	1,2,3	-Thuyết giảng - Thảo luận nhóm	
6	<p><b>Bài 6: Sử dụng bản đồ địa hình quân sự</b></p> <p>6.1. Khái niệm, ý nghĩa/</p> <p>6.2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình</p> <p>6.3. Phân loại đặc điểm công dụng bản đồ địa hình</p> <p>6.4. Cách chia mảnh, ghi số liệu bản đồ</p> <p>6.5. Nội dung bản đồ.</p> <p>6.6. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ</p> <p>6.7. Sử dụng bản đồ</p>	8 4	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	
7	<p><b>Bài 7: Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao</b></p> <p>7.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.</p> <p>7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực</p>	4	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	

	bằng vũ khí công nghệ cao				
8	<b>Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp</b> 8.1. Điều lệ 8.2. Quy tắc thi đấu	4	1,2,3	-Thuyết giảng Thảo luận nhóm	

Phần 2. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Bài 1: Kỹ thuật bắn tiểu liên AK</b> 1.1. Hiện tượng bắn 1.2. Khái niệm về ngắm bắn- ảnh hưởng của ngắm cách chọn thước ngắm, điểm ngắm 1.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK 1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK	24	1,2,3	- Thuyết giảng - Phân tích, hướng dẫn luyện tập	
2	<b>Bài 2: Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1</b> 2.1. Lựu đạn cán gỗ Việt Nam 2.2. Lựu đạn Phi 1 2.3. Thực hành ném lựu đạn	6	1,2,3	Thuyết trình, phân tích động tác, hướng dẫn luyện tập	
3	<b>Bài 3: Từng người trong chiến đấu tiến công</b> 3.1. Nhiệm vụ yêu cầu chiến thuật 3.2. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ 3.3. Thực hành đánh chiếm mục tiêu 3.4. Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu	14	1,2,3	Thuyết giảng, phân tích nội dung, hướng dẫn luyện tập theo tình huống	
4	<b>Bài 4: Từng người trong chiến đấu phòng ngự</b> 4.1. Nguyên tắc chung	10	1,2,3	Thuyết giảng, phân tích nội dung, hướng	

	<p>4.2. Thực hành chiến đấu</p> <p>4.3. Hành động của chiến sĩ khi địch tiến công hỏa lực trực tiếp vào trận địa</p> <p>4.4. Hành động của chiến sĩ khi xung phong vào trận địa</p> <p>4.5. Hành động của chiến sĩ khi đột nhập vào trận địa</p>			<p>đẫn luyện tập theo tình huống</p>	
5	<p><b>Bài 5: Từng người làm nhiệm vụ cảnh giới</b></p> <p>1.1. Nhiệm vụ của từng người làm nhiệm vụ cảnh giới</p> <p>1.2. Yêu cầu của từng người làm nhiệm vụ cảnh giới</p> <p>1.3. Hành động của từng người làm nhiệm vụ cảnh giới</p>	4	1,2,3	<p>Thuyết giảng, phân tích nội dung</p>	

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kì số 1	Trắc nghiệm/Tự luận	100%	100%
2	Bài thường kì số 2	Thực hành	100%	100%
3	Bài thi giữa kì	Trắc nghiệm/Tự luận	100%	100%
4	Bài thi cuối kì	Trắc nghiệm/Thực hành	100%	100%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập trên lớp 1	5
	- Báo cáo trên lớp 2	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị nội dung thực hành	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>40</b>
	Thực hiện động tác, kỹ thuật các kỹ năng thực hành quân sự	<b>50</b>

Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

<b>Thang điểm chữ</b>	<b>Thang điểm 10</b>	<b>Phân loại</b>	<b>Đạt/ Không đạt</b>
A+	9.0-10	Xuất sắc	Cấp chứng chỉ
A	8.5-8.9	Giỏi	
B+	8.0-8.4	Khá	
B	7.0-7.9		
C <sup>+</sup>	6.0-6.9	Trung bình khá	
C	5.0-5.9	Trung bình	
F	0.0-4.9	Kém	Không cấp chứng chỉ

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** Ngày tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

Thạc sĩ, Phạm Ngọc Anh

**Phó Giám đốc phụ trách:**

Thạc sĩ, Phạm Ngọc Anh

**2112014 - Chủ nghĩa xã hội khoa học**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (2112014)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2 Thực hành: 0

Tự học: 4

**3. Giảng viên phụ trách:**

Họ và tên	Email	Điện thoại
TS. Nguyễn Trung Dũng	<a href="mailto:ntdunghui@gmail.com">ntdunghui@gmail.com</a>	0918108326
TS. Hồ Văn Đức	<a href="mailto:hohienminh1118@gmail.com">hohienminh1118@gmail.com</a>	0973545429
ThS. NCS Huỳnh Ngọc Bích	<a href="mailto:huynhbich2910@gmail.com">huynhbich2910@gmail.com</a>	0942912249
ThS. NCS Nguyễn Thị Thu Hiền	<a href="mailto:thuhien_dhcn@yahoo.com.vn">thuhien_dhcn@yahoo.com.vn</a>	0943022244
ThS. Lại Quang Ngọc	<a href="mailto:laiquangngoc@iuh.edu.vn">laiquangngoc@iuh.edu.vn</a>	0914788578
ThS. Mai Thị Hồng Hà	<a href="mailto:huong.my1981@gmail.com">huong.my1981@gmail.com</a>	0907619681
ThS. Vũ Bá Hải	<a href="mailto:vuhai kinhte@gmail.com">vuhai kinhte@gmail.com</a>	0972444558
ThS. Trương Thị Chuyên	<a href="mailto:chuyenthitruong@gmail.com">chuyenthitruong@gmail.com</a>	0976273447
ThS. Hoàng Thị Duyên	<a href="mailto:duyengianhi@gmail.com">duyengianhi@gmail.com</a>	0975188719
ThS. Huỳnh Thị Yến Ny	<a href="mailto:huynhthiyenny@gmail.com">huynhthiyenny@gmail.com</a>	0987202068
ThS. Nguyễn Thị Nụ	<a href="mailto:nuhaiduong@gmail.com">nuhaiduong@gmail.com</a>	0977196982
ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	<a href="mailto:tofu1114@gmail.com">tofu1114@gmail.com</a>	0903999111
ThS. Nguyễn Lâm Thanh Hoàng	<a href="mailto:tig104meg@gmail.com">tig104meg@gmail.com</a>	0903059268
ThS. Lê Đình Trường	<a href="mailto:truongthi1971@gmail.com">truongthi1971@gmail.com</a>	0339835092
TS. Phạm Thị Lan	<a href="mailto:thulandhsp@gmail.com">thulandhsp@gmail.com</a>	0977419826
ThS. Lê Thanh Hòa	<a href="mailto:lethanhhoa@iuh.edu.vn">lethanhhoa@iuh.edu.vn</a>	0942203311
ThS. Trương Ngọc Lân	<a href="mailto:truongngoclan@iuh.edu.vn">truongngoclan@iuh.edu.vn</a>	0932146395
TS Nguyễn Thị Thúy Cường	<a href="mailto:nguyenthithuycuong@iuh.edu.vn">nguyenthithuycuong@iuh.edu.vn</a>	0917107268

**4. Tài liệu học tập**

Giáo trình chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021. [100294883]

Tài liệu tham khảo:

[1] Đỗ Nguyên Phương và nhóm tác giả. Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008. [100233339-100233343]

[2] Đỗ Nguyên Phương và nhóm tác giả, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012. [100076868]

**5. Thông tin về học phần**

**a. Mục tiêu học phần**

- Về kiến thức, trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Về kỹ năng, giúp cho sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất

nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

- Về thái độ, giúp sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung.

**b. Mô tả vấn đề học phần**

Nội dung chương trình môn học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.

**c. Học phần trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

Sinh viên phải học xong (hoặc song hành) các học phần Triết học Mác - Lênin (2112012) và Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2112013).

**d. Yêu cầu khác**

Mục đích của bài giảng là hướng dẫn các nội dung chính trước khi sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình...).

Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn trên lớp. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp.

Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Giảng viên luôn khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp.

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	<i>Trình bày (hoặc hiểu) được:</i> Sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng nghiên cứu CNXHKKH và những kiến thức cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa xã hội khoa học (sứ mệnh lịch sử GCCN; CNXH và thời kỳ quá độ; Cơ cấu giai cấp và liên minh giai cấp; dân chủ, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH).	
2	<i>Giải thích được:</i> Sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng nghiên cứu CNXHKKH và những nội dung cơ bản về sứ mệnh lịch sử GCCN; CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; Cơ cấu giai cấp và liên minh giai cấp; dân chủ, dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.	
3	<i>Phân tích được:</i> Những vấn đề về sứ mệnh lịch sử GCCN; CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH; Cơ cấu giai cấp và liên minh giai cấp; dân chủ, dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Từ đó, vận dụng vào việc tìm hiểu đường lối của Đảng và chính sách của nhà nước về quá trình phát triển các vấn đề xã hội, trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

**7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p>Chương 1: Nhập môn CNXH khoa học</p> <p>1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3. Đối tượng phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học</p>	2	1,2	L, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>
2	<p>Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2.1. Quan điểm cơ bản của CN.Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2.2. Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay</p> <p>2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam</p>	5	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>
3	<p>Chương 3: CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>3.1. Chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	4	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>
4	<p>Chương 4: Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN</p> <p>4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p>	5	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>

5	<p>Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	4	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>
6	<p>Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>6.3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p>	5	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>
7	<p>Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình</p> <p>7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p> <p>7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	5	1,2,3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc giáo trình trước khi lên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập giảng viên giao.</li> <li>- Mở rộng kiến thức bài học bằng cách tìm hiểu thêm trên Internet, báo, đài, ti vi...</li> </ul>

*Ghi chú thuật ngữ viết tắt:*

**L:** Lecture; **S:** Seminar; **D:** Discussion; **H:** Instruction for Homework.

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	90%
2	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	80%
3	Thường kỳ	Tự luận/thảo luận	20%	70%

	Cuối kỳ	Tự luận	80%	
--	---------	---------	-----	--

***b. Các thành phần đánh giá***

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Thường kỳ:</b>	<b>20</b>
	- Bài tập thường xuyên (tự luận/thảo luận)	10
	- Thuyết trình	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Thi cuối kỳ</b>	<b>50</b>

***c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ***

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 19 tháng 03 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

TS. Hồ Văn Đức

**Trưởng khoa:**

TS. Nguyễn Trung Dũng

**2112015 - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam – 2112015**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 2      Lý thuyết: 2      Thực hành: 0      Tự học: 4

**3. Giảng viên phụ trách:**

Họ và tên	Email	Điện thoại
TS. Đặng Thị Minh Phượng	minhphuonglsd@gmail.com	0918841782
ThS. Ngô Văn Dẫn	<a href="mailto:ngovanduan08@gmail.com">ngovanduan08@gmail.com</a>	0973545429
ThS. Lê Hoài Nam	hoainambthcm@gmail.com	0989954775
TS. Trần Hữu Thắng	tranhuuthang2013@gmail.com	0909263509
ThS. Lê Thị Quỳnh Hương	quynhhuong@yahoo.com	0909379180
ThS. Nguy Thị Hồng Lợi	hongloixdd@yahoo.com	0834241111
ThS. Lê Thị Hương	sophial173@gmail.com	0912637399
ThS. Lê Hồng Quang	hongquang304@gmail.com	0946080066
ThS. Bùi Văn Như	nhulsd@gmail.com	0976277407
ThS. Vũ Thị Thu Trang	trangvt217@gmail.com	0989488961

**4. Tài liệu học tập**

Giáo trình sử dụng chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021. **[100294891]**

Tài liệu tham khảo:

[1] Đinh Xuân Lý (Chủ biên), *Giáo trình Giáo trình Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015. **[100276788]**

[2] Hội đồng Lý luận trung ương chỉ đạo biên soạn biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008. **[100102344]**

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016. **[KML000003]**

**5. Thông tin về học phần**

**a. Mục tiêu học phần**

- Trang bị cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống về quá trình ra đời, lãnh đạo Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, sinh viên hiểu rõ chủ trương, đường lối, cương lĩnh và quá trình lãnh đạo, thực hiện đổi mới, đưa cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.

- Trên cơ sở trang bị tri thức về lịch sử Đảng, giúp sinh viên nhận thức đúng đắn thực tiễn lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó nâng cao lòng tự hào, niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

- Trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**b. Mô tả văn tắt học phần**

Học phần gồm 4 chương, bao gồm chương Nhập môn, 03 chương nội dung và phần kết luận. Cụ thể: *Chương Nhập môn* bàn về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; *chương 1*, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); *chương 2*, Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước (1945 - 1975); *chương 3*, Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018).

**c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C):**

Học phần học trước (A): Sinh viên phải học xong các học phần Triết học Mác - Lênin (2112012); Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2112013); Chủ nghĩa xã hội khoa học (2112014).

**d. Yêu cầu khác**

- Nắm vững mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Vận dụng kinh nghiệm lịch sử vào thực tiễn cuộc sống.

- Nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị ý kiến thảo luận; đọc, sưu tầm tư liệu liên quan đến môn học. Tự học, củng cố kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu môn học.

- Tham dự đầy đủ việc lên lớp, tích cực thảo luận, làm việc nhóm, kiểm tra, thi theo quy định (không nghỉ quá 20% số tiết).

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	<i>Trình bày được:</i> Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, thống nhất đất nước (1930 - 1975) và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).	
2	<i>Giải thích được:</i> Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, thống nhất đất nước (1930 - 1975) và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.	
3	<i>Phân tích được:</i> Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Những kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, thống nhất đất nước (1930 - 1975) và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

**7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p>Chương Nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>0.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>0.2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>0.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>0.4. Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	2 (2;0)	1, 2,3	L, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu các nội dung trong chương.</li> <li>- Tìm hiểu nhiệm vụ, vai trò của sv trong sự nghiệp cách mạng.</li> </ul>
2	<p>Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)</p> <p>1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930)</p> <p>1.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)</p>	10 (10;0)	1, 2, 3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu chủ trương, đường lối của Đảng giai đoạn 1939-1945</li> </ul>
3	<p>Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, chống ngoại xâm hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)</p> <p>2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)</p> <p>2.2. Lãnh đạo xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)</p>	8 (8;0)	1, 2, 3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu chủ trương, đường lối của Đảng giai đoạn 1945-1975</li> </ul>
4	<p>Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)</p> <p>3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)</p> <p>3.2. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay)</p>	10 (10;0)	1, 2, 3	L, S, D, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu chủ trương, đường lối của Đảng giai đoạn 1975-nay.</li> </ul>

**L:** Lecture; **S:** Seminar; **D:** Discussion; **H:** Instruction for Homework.

*Ghi chú thuật ngữ viết tắt:*

**L:** Lecture; **S:** Seminar; **D:** Discussion; **H:** Instruction for Homework.

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	90%
2	Thường kỳ Giữa kỳ	Tự luận/thảo luận Trắc nghiệm	30% 70%	80%
3	Thường kỳ Cuối kỳ	Tự luận/thảo luận Tự luận	20% 80%	70%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	Thường kỳ:	20
	- Bài tập thường xuyên (tự luận/thảo luận)	10
	- Thuyết trình	5
	- Hoạt động khác	5
	Kiểm tra giữa kỳ	30
	Thi cuối kỳ	50

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/cập nhật: 20 tháng 3 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

TS. Bùi Thị Hào

**Trưởng khoa:**

TS. Nguyễn Trung Dũng

**1. Tên và mã học phần: Toán ứng dụng (2113434)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

ThS. Huỳnh Văn Hiếu  
ThS. Nguyễn Đức Phương  
ThS. Lê Ngọc Linh  
ThS. Nguyễn Minh Hải

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] Nguyễn Đức Phương. *Xác suất thống kê*. Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017. [100288703]

Tài liệu tham khảo

[1] Derek L Waller. *Statistics for Business* 2nd Edition. New York: Routledge, 2017. [KCB0000004]

[2] Amir D. Aczel, Jayavel Sounderpandian. *Complete Business Statistics* 8th Edition. Boston: McGraw-Hill/Irwin, 2012. [KCB0000006]

[3] Nguyễn Đình Huy, Đậu Thế Cấp, Lê Xuân Đại. *Giáo trình xác suất và thống kê*. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2016. [100285857-76]

**5. Thông tin về học phần**

**a. Mục tiêu học phần**

- Giới thiệu các khái niệm cơ bản trong xác suất: xác suất có điều kiện, sự độc lập của các biến cố, biến ngẫu nhiên, các phân phối xác suất thông dụng (Chuẩn, nhị thức).
- Cung cấp cho người học cách thực hiện được các kiểm định, ước lượng thống kê (t.test; binom.test), phân tích hồi quy đơn biến.
- Giúp người học làm quen với phần mềm tính toán thống kê R.

**b. Mô tả vắn tắt học phần**

- Môn học cung cấp cho người học kiến thức về thống kê ứng dụng như: ước lượng, kiểm định giả thuyết và các phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính. Từ đó vận dụng tốt vào nghiên cứu chuyên ngành và đời sống thực tiễn.

**c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

**d. Yêu cầu khác**

Yêu cầu sinh viên:

- Tham gia ít nhất 80% thời lượng trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	PLO
1	Tính được xác suất của biến cố, các đặc trưng số của biến ngẫu nhiên và vận dụng được các luật phân phối để tính xác suất.	
2	Ước lượng được các tham số của một tổng thể, kiểm định được giả thiết thống kê.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Xác suất của biến cố</b> 1.1 Phép thử, biến cố 1.2 Xác suất, xác suất có điều kiện, sự độc lập 1.3 Công thức cộng, nhân xác suất 1.4 Công thức xác suất đầy đủ 1.5 Công thức xác suất Bayes	9	1	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 1
2	<b>Chương 2. Biến ngẫu nhiên</b> 2.1 Biến ngẫu nhiên 2.2 Các đặc trưng 2.3 Vector ngẫu nhiên rời rạc 2 chiều 2.4 Sự độc lập của hai biến ngẫu nhiên 2.5 Một số luật phân phối xác suất thông dụng	9	1	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 2
3	<b>Chương 3. Giới thiệu thống kê</b> 3.1 Giới thiệu thống kê 3.2 Giới thiệu phần mềm tính toán thống kê <b>R</b> 3.3 Kiểu dữ liệu cơ bản (numeric, integers,...) 3.4 Cấu trúc dữ liệu (vector, matrix,...) 3.5 Bảng biểu thống kê, biểu đồ 3.5 Dùng <b>R</b> tính xác suất phân phối thông dụng	6		L: Lecture D: Discussion P: Practices	Hướng dẫn thực hành
4	<b>Chương 4. Kiểm định giả thuyết</b> 4.1 Tổng thể, mẫu 4.2 Các chỉ số thống kê mô tả (trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn) 4.3 Giả thuyết thống kê	12	2	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 4

	4.4 Kiểm định <b>t.test</b> một mẫu 4.5 Kiểm định <b>t.test</b> một mẫu có đối chứng 4.6 Kiểm định <b>t.test</b> hai mẫu 4.7 Kiểm định <b>prop.test, binom.test</b> một mẫu 4.8 Kiểm định <b>prop.test, binom.test</b> hai mẫu				
5	<b>Chương 5. Hồi quy tuyến tính đơn biến</b> 5.1 Ước lượng tham số hồi 5.2 Các giả định trong mô hình hồi quy 5.3 Hệ số xác định, hệ số tương quan 5.4 Kiểm định sự phù hợp – F test 5.5 Dùng <b>R</b> phân tích hồi quy <b>lm()</b>	9	2	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 5

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kỳ số 1	Tự luận	20%	80%
	Bài thi giữa kỳ	Trắc nghiệm	80%	80%
2	Bài thường kỳ số 2	Tự luận	20%	80%
	Bài thường kỳ số 3	Tự luận	20%	80%
	Bài thi cuối kỳ	Tiểu luận	60%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên 1	6,67
	- Bài kiểm tra thường xuyên 2	6,67
	- Bài kiểm tra thường xuyên 3	6,67
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ

Ngày biên soạn/ cập nhật: 20 tháng 02 năm 2022

Trưởng bộ môn:

ThS. Nguyễn Đức Phương

Trưởng khoa phụ trách:

TS. Ngô Ngọc Hưng

## 2113436 - Hàm phức và biến đổi Laplace

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Hàm phức và phép biến đổi Laplace (2113436)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3                      Thực hành: 0                      Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

TS. Võ Thị Thanh Hà  
ThS. Lã Ngọc Linh  
ThS. Trần Mạnh Tuấn  
ThS. Nghiêm Thị Vân Anh  
ThS. Đoàn Thị Thanh Xuân

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Trương Thuận. *Toán chuyên đề ngành điện*. Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017. [100288704]

Tài liệu tham khảo

[1] Dennis G. Zill, Patrick D. Shanahan. *Complex Analysis: A First Course with Applications 3rd Edition*. Jones & Bartlett Learning, 2013. [KCB0000008]

[2] Nguyễn Kim Đính. *Hàm phức và ứng dụng*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015. [KCB0000009]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức:

- Phép tính đạo hàm, xét tính giải tích, tích phân hàm biến phức.
- Khai triển chuỗi Taylor, chuỗi Laurent, tính thặng dư và ứng dụng để tính tích phân.
- Thực hiện được các phép biến đổi Laplace, biến đổi Laplace ngược.
- Ứng dụng của phép biến đổi Laplace để giải phương trình vi phân, hệ phương trình vi phân và một số bài toán trong kỹ thuật.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

- Nhiều vấn đề trong kỹ thuật, trong điện tử viễn thông, trong lý thuyết mạch, ... được đưa về giải các phương trình, hệ phương trình chứa đạo hàm, tích phân của các hàm nào đó, nghĩa là phải giải các phương trình vi phân, tích phân hay phương trình đạo hàm riêng. Việc giải trực tiếp các phương trình này nói chung rất khó hoặc không giải được. Môn học này nghiên cứu hàm biến phức và phép biến đổi Laplace được sử dụng để giải một số bài toán kể trên.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

##### d. Yêu cầu khác

Yêu cầu sinh viên:

- Tham gia ít nhất 80% thời lượng trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Tính được các dạng số phức, vận dụng được điều kiện khả vi Cauchy-Riemann để xét tính khả vi của hàm phức. Tìm được hàm giải tích khi cho trước phần thực hay cho trước phần ảo.	
2	Tính được tích phân đường (loại 2) và tích phân Cauchy.	
3	Tính được thặng dư và tính được một số tích phân thực bằng cách sử dụng thặng dư.	
4	Giải được phương trình vi phân và hệ phương trình vi phân bằng cách áp dụng phép biến đổi Laplace.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Hàm biến phức</b> 1.1 Số phức 1.2 Hàm biến phức 1.3 Giới hạn và liên tục 1.4 Đạo hàm 1.5 Hàm điều hòa	9	1	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 1
2	<b>Chương 2. Tích phân hàm phức</b> 2.1 Tích phân đường hàm phức 2.2 Định lý Cauchy 2.3 Công thức tích phân Cauchy	6	2	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 2
3	<b>Chương 3. Chuỗi và thặng dư</b> 3.1 Chuỗi số phức 3.2 Chuỗi hàm phức 3.3 Chuỗi Taylor 3.4 Chuỗi Laurent 3.5 Điểm bất thường cô lập của hàm giải tích 3.6 Thặng dư 3.7 Ứng dụng thặng dư	12	3	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 3
4	<b>Chương 4. Phép biến đổi Laplace</b> 4.1 Định nghĩa và điều kiện tồn tại 4.2 Các tính chất cơ bản	18	4	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 4

	4.3 Phép biến đổi Laplace ngược 4.4 Ứng dụng phép biến đổi Laplace ngược				
--	---	--	--	--	--

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu %
1	Bài kiểm tra thường xuyên 1	Tự luận	100	80
2	Giữa kỳ	Tự luận	100	80
3	Bài kiểm tra thường xuyên 3	Tự luận	100	80
4	Cuối kỳ	Tự luận	100	80

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên 1	6,67
	- Bài kiểm tra thường xuyên 2	6,67
	- Bài kiểm tra thường xuyên 3	6,67
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ

Ngày biên soạn/ cập nhật: 20 tháng 02 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

ThS. Nguyễn Đức Phương

**Trưởng khoa phụ trách:**

TS. Ngô Ngọc Hưng

## 2113435 - Phương pháp tính

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Phương pháp tính (2113435)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

TS. Võ Thị Thanh Hà  
ThS. Lê Văn Lai  
ThS. Đỗ Hoài Vũ  
ThS. Bùi Văn Liêm  
ThS. Võ Hoàng Trụ  
ThS. Đoàn Thùy Lâm  
ThS. Nghiêm Văn Anh  
ThS. Đoàn Thị Thanh Xuân

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Huỳnh Hữu Dinh. *Phương Pháp Tính*. Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017. [100288708]

Tài liệu tham khảo

[1] Richard L. Burden, J. Douglas Faires, Annette M. Burden. *Numerical Analysis 10th Edition*. Boston: Brooks Cole, 2015. [KCB000010]

[2] Steven C. Chapra, Raymond P. Canale. *Numerical Methods for Engineers 7th Edition*. McGraw-Hill Education, 2014. [KCB000011]

[3] Nguyễn Thế Hùng, Trần Văn Chính. *Phương pháp tính*. Nhà xuất bản xây dựng Hà Nội, 2013. [100279778-100279797]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho người học kiến thức về:

- Phương pháp tìm nghiệm gần đúng của phương trình và hệ phương trình tuyến tính cũng như phi tuyến.
- Phương pháp tính gần đúng các bài toán vi tích phân mà các phương pháp giải đúng không giải được.
- Phương pháp liên tục hóa số liệu rời rạc.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

- Trang bị cho người học các kỹ năng giải gần đúng phương trình và hệ phương trình, tính gần đúng các tích phân cũng như phương trình vi phân. Phương pháp xử lý các số liệu đo đạc bằng các hàm hồi quy tuyến tính và các hàm phi tuyến.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

##### d. Yêu cầu khác

Yêu cầu sinh viên:

- Tham gia ít nhất 80% thời lượng trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	PLO
1	Giải được gần đúng phương trình phi tuyến, hệ phương trình tuyến tính và đánh giá được sai số nghiệm gần đúng	
2	Tìm được xấp xỉ hàm từ số liệu rời rạc	
3	Tính được gần đúng tích phân xác định.	
4	Giải được gần đúng phương trình vi phân thường	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Lý thuyết sai số</b> 1.1 Khái niệm về sai số 1.2 Số gần đúng 1.3 Cách viết số xấp xỉ	3		L: Lecture	
2	<b>Chương 2. Phương trình đại số và siêu việt</b> 2.1 Đặt vấn đề 2.2 Khoảng cách ly nghiệm 2.3 Phương pháp lặp 2.4 Phương pháp tiếp tuyến	9	1	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 2
3	<b>Chương 3. Hệ phương trình đại số tuyến tính</b> 3.1 Phương pháp Gauss 3.2 Chuẩn 3.3 Phương pháp lặp đơn	9	1	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 3
4	<b>Chương 4. Đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất</b> 4.1 Khái niệm 4.2 Đa thức nội suy Newton 4.3 Phương pháp bình phương nhỏ nhất	9	2	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 4
5	<b>Chương 5. Tích phân số</b> 5.1 Công thức Simpson 5.2 Công thức Newton-Cotet 5.3 Công thức cầu phương Legendre	6	3	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 5
6	<b>Chương 6. Phương trình vi phân</b> 6.1 Đại cương phương trình vi phân 6.2 Các phương pháp giải số	9	4	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 6

## 8. Phương pháp đánh giá

**a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần**

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu %
1	Giữa kỳ	Tự luận	100	80
2	Bài kiểm tra thường xuyên 2	Tự luận	100	80
3	Bài kiểm tra thường xuyên 3	Tự luận	100	80
4	Cuối kỳ	Tự luận	100	80

**b. Các thành phần đánh giá**

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên 1	6,67
	- Bài kiểm tra thường xuyên 2	6,67
	- Bài kiểm tra thường xuyên 3	6,67
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

**c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ**

Ngày biên soạn/ cập nhật: 20 tháng 02 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

ThS. Nguyễn Đức Phương

**Trưởng khoa phụ trách:**

TS. Ngô Ngọc Hưng

**1. Tên và mã học phần: Vật lý đại cương (2113437)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

TS. Nguyễn Thị Ngọc Nữ  
ThS. Đỗ Quốc Huy  
ThS. Nguyễn Thị Phi Vân  
ThS. Lê Ngọc Cẩn  
ThS. Nguyễn Thị Ngọc Điệp  
ThS. Nguyễn Kim Hồng Phúc  
ThS. Đặng Quốc Thái

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] Nguyễn Thị Ngọc Nữ, Đỗ Quốc Huy. *Giáo trình Vật lý đại cương*. Nhà xuất bản Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, 2020. [100293176]

Tài liệu tham khảo

[1] David Halliday, Robert Resnick, Jearl Walker. *Cơ sở vật lý tập 1: Cơ học*. (Ngô Quốc Quỳnh dịch). Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2013. [100285267]

[2] David Halliday, Robert Resnick, Jearl Walker. *Cơ sở vật lý tập 4: Điện học*. (Đàm Trung Đôn, Hoàng Hữu Thư, Lê Khắc Bình dịch). Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2013. [100285757]

[3] David Halliday, Robert Resnick, Jearl Walker. *Cơ sở vật lý tập 5: Điện học II*. (Đàm Trung Đôn, Lê Khắc Bình, Đào Kim Ngọc dịch). Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2015. [100285777]

**5. Thông tin về học phần**

**a. Mục tiêu học phần**

- Cung cấp cho sinh viên những khái niệm, định luật cơ bản về Cơ học chất điểm, Nhiệt học, Điện từ học.
- Tạo được nền cơ sở, cơ bản cho sinh viên khi học các kiến thức chuyên ngành và thực tế đời sống có liên quan.
- Giúp sinh viên giải được các bài toán vật lý có liên quan đến kiến thức chuyên ngành.

**b. Mô tả vắn tắt học phần**

- Trình bày các khái niệm, định luật tổng quát về cơ học chất điểm, nhiệt và thuyết động học phân tử, các nguyên lý nhiệt động lực học.
- Trình bày các khái niệm, định luật tổng quát về điện trường tĩnh, từ trường tĩnh, vật dẫn, dòng điện không đổi, cảm ứng điện từ.

**c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

Không.

**d. Yêu cầu khác**

Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các qui định về học chế tín chỉ của nhà trường.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Xác định được các đại lượng đặc trưng cho động lực học chất điểm và nhiệt động lực học.	
2	Xác định được các đại lượng đặc trưng cho điện trường tĩnh, dòng điện không đổi và từ trường tĩnh.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Mở đầu</b>	1		<b>L:</b> Lecture <b>D:</b> Discussion	Trả lời các câu hỏi liên quan phần mở đầu.
2	<b>Chương 1. Cơ học chất điểm</b> 1.1 Các khái niệm cơ bản về chuyển động 1.2 Các chuyển động thường gặp 1.3 Các định luật Newton 1.4 Các lực cơ học 1.5 Phương pháp động lực học 1.6 Phương pháp năng lượng	11	1	<b>L:</b> Lecture <b>D:</b> Discussion <b>Si:</b> Simulation <b>P:</b> Practices <b>H:</b> Instruction for Homework	Giải bài tập chương 1.
3	<b>Chương 2. Nhiệt học</b> 2.1 Nhiệt độ. 2.2 Sự truyền nhiệt 2.3 Phương trình trạng thái của khí lý tưởng 2.4 Nội năng 2.5 Nguyên lý I nhiệt động lực học	9	1	<b>L:</b> Lecture <b>D:</b> Discussion <b>Si:</b> Simulation <b>P:</b> Practices <b>H:</b> Instruction for Homework	Giải bài tập chương 2.

	2.6 Nguyên lý II nhiệt động lực học				
4	<b>Chương 3. Điện trường tĩnh</b> 3.1 Tương tác điện 3.2 Điện trường 3.3 Thông lượng điện trường. Định lí Gauss 3.4 Điện thế, hiệu điện thế 3.5 Tụ điện. Năng lượng điện trường	6	2	<b>L: Lecture</b> <b>D: Discussion</b> <b>Si: Simulation</b> <b>P: Practices</b> <b>H: Instruction for Homework</b>	Giải bài tập chương 3.
5	<b>Chương 4. Dòng điện không đổi</b> 4.1 Các khái niệm cơ bản 4.2 Định luật Ohm 4.3 Qui tắc Kirchoff 4.4 Mạch tam giác-sao. Mạch cầu 4.5 Điện năng và công suất điện	7	2	<b>L: Lecture</b> <b>D: Discussion</b> <b>Si: Simulation</b> <b>P: Practices</b> <b>H: Instruction for Homework</b>	Giải bài tập chương 4.
6	<b>Chương 5. Từ trường tĩnh</b> 5.1 Tương tác từ. Từ trường 5.2 Từ trường của các dòng điện có dạng đơn giản 5.3 Từ thông. Định lí Gauss 5.4 Tác dụng của từ trường lên dòng điện 5.5 Hạt mang điện chuyển động trong từ trường	8	2	<b>L: Lecture</b> <b>D: Discussion</b> <b>Si: Simulation</b> <b>P: Practices</b> <b>H: Instruction for Homework</b>	Giải bài tập chương 5.
7	<b>Chương 6. Cảm ứng điện từ</b> 6.1 Các định luật về cảm ứng điện từ 6.2 Một số ví dụ về hiện tượng cảm ứng điện từ 6.3 Hiện tượng tự cảm. Năng lượng từ trường	3		<b>L: Lecture</b> <b>D: Discussion</b> <b>Si: Simulation</b> <b>P: Practices</b> <b>H: Instruction for Homework</b>	Trả lời các câu hỏi liên quan phần cảm ứng điện từ.

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thi giữa kì	Trắc nghiệm	100%	90%
2	Bài thi cuối kì	Trắc nghiệm	100%	90%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	Đánh giá thường xuyên	20

	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

**c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ**

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 12 tháng 12 năm 2021

**Trưởng bộ môn:**

TS Nguyễn Thị Ngọc Nữ

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

TS Ngô Ngọc Hưng

**1. Tên và mã học phần: Logic học (2113438)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

TS. Nguyễn Thị Thu Hà  
ThS. Nguyễn Đình Tùng  
ThS. Đoàn Vương Nguyên  
ThS. Bùi Thị Thu Phương  
ThS. Nguyễn Ngọc Chương  
ThS. Đặng Đoàn Cẩm Tú

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] Nguyễn Đình Tùng. *Logic học*. Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (Lưu hành nội bộ), 2017. [100288705]

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Hoàng. *Logic học nhập môn*. Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2002. [160TRA-H, KCB000001]

[2] Vương Tất Đạt. *Logic học đại cương*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007. [100288705]

[3] Lê Tử Thành. *Nhập môn Logic học*. Nhà xuất bản Trẻ TP. Hồ Chí Minh, 2005. [100035528]

**5. Thông tin về học phần**

**a. Mục tiêu học phần**

- Hiểu được chính xác khái niệm, phán đoán, hàm phán đoán, suy luận và chứng minh.
- Phân biệt và vận dụng được các quy luật cơ bản của tư duy vào thực tiễn; biết cách trình bày và lập luận chặt chẽ, nhất quán trong tư tưởng.
- Biết cách kiểm tra tính logic của một suy luận; phân biệt được suy luận và chứng minh; nhận biết một số loại nguy biện thông thường; có tư duy phản biện, từ đó vận dụng tốt vào đời sống thực tiễn.

**b. Mô tả vắn tắt học phần**

Học phần Logic học cung cấp cho người học các kiến thức về:

- Những quy luật và những hình thức cơ bản của tư duy, nhằm rèn luyện kỹ năng tư duy đúng và chặt chẽ cho người học.
- Giúp người học có khả năng tự kiểm tra tính logic của một suy luận; biết cách trình bày nhất quán tư tưởng của mình một cách rõ ràng.
- Giúp người học biết cách phân biệt giữa suy luận và chứng minh; nhận biết được các trường hợp nguy biện thông thường và luôn có tư duy phản biện.

**c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

**d. Yêu cầu khác**

Yêu cầu sinh viên:

- Tham gia ít nhất 80% thời lượng trên lớp.

- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Nhận biết được cấu trúc logic của một phán đoán, xác định được chân trị của phán đoán phức; biết vận dụng các tính chất logic và lập được bảng chân trị để chứng minh sự tương đương của các phán đoán.	
2	Hiểu được 4 quy luật cơ bản của tư duy (đồng nhất, cấm mâu thuẫn, bài trung và có lý do đầy đủ); biết vận dụng 4 quy luật cơ bản của tư duy trong cuộc sống.	
3	Hiểu được suy luận là gì; phân biệt được các loại suy luận; viết được sơ đồ suy luận; vận dụng được các tính chất logic của phán đoán, biết lập bảng chân trị và dùng sơ đồ Venn (đối với dạng tam đoạn luận Aristote) để kiểm tra tính logic của một suy luận; biết cách bổ sung phán đoán bị lược đi trong một suy luận.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Giới thiệu Logic học</b> 1.1. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển 1.2. Logic học và đối tượng nghiên cứu của logic học 1.3. Quá trình nhận thức của con người 1.4. Ý nghĩa của logic học	1		L: Lecture D: Discussion	Giải bài tập chương 1
2	<b>Chương 2. Khái niệm</b> 2.1. Khái niệm là gì? 2.2. Các loại khái niệm 2.3. Quan hệ giữa khái niệm và từ 2.4. Nội hàm và ngoại diên của khái niệm 2.5. Thu hẹp và mở rộng khái niệm 2.6. Quan hệ giữa hai khái niệm 2.7. Định nghĩa khái niệm	8		L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 2
3	<b>Chương 3. Phán đoán</b> 3.1. Phán đoán là gì? 3.2. Quan hệ giữa phán đoán và câu 3.3. Phán đoán đơn 3.4. Phủ định một phán đoán 3.5. Phán đoán phức 3.6. Điều kiện cần, điều kiện đủ, điều kiện cần và đủ	9	1	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 3
4	<b>Chương 4. Phán đoán chứa vị từ</b>	6		L: Lecture	Giải bài tập

	4.1. Biến, hằng 4.2. Hàm phán đoán một biến 4.3. Phán đoán phổ biến, phán đoán tồn tại 4.4. Phán đoán khẳng định chung, khẳng định riêng, phủ định chung, phủ định riêng 4.5. Hình vuông logic 4.6. Hàm phán đoán nhiều biến 4.7. Phán đoán phổ biến và phán đoán tồn tại cho hàm phán đoán nhiều biến			D: Discussion P: Practices	chương 4
5	<b>Chương 5. Những quy luật cơ bản của tư duy</b> 5.1. Quy luật đồng nhất 5.2. Quy luật cấm mâu thuẫn 5.3. Quy luật bài trung 5.4. Quy luật có lý do đầy đủ	6	2	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 5
6	<b>Chương 6. Suy luận</b> 6.1. Suy luận là gì? 6.2. Các loại suy luận (giới thiệu chung) 6.3. Suy luận diễn dịch 6.4. Tam đoạn luận cổ điển của Aristote 6.5. Suy luận quy nạp 6.6. Suy luận tương tự	9	3	L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 6
7	<b>Chương 7. Chứng minh</b> 7.1. Chứng minh là gì? 7.2. Sự khác nhau giữa chứng minh và suy luận 7.3. Một số phương pháp chứng minh 7.4. Sự đúng đắn của một vấn đề hay sự đúng đắn của một chứng cứ (luận cứ) 7.5. Một số sai lầm thường gặp trong chứng minh 7.6. Bác bỏ và ngụy biện (giới thiệu một số loại ngụy biện)	6		L: Lecture D: Discussion P: Practices	Giải bài tập chương 7

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu %
1	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	100%	80
2	Bài kiểm tra thường kỳ 1	Tự luận	100%	80
3	Kiểm tra cuối kỳ	Tự luận	100%	80

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	Bài kiểm tra thường kỳ 1	6,67
	Bài kiểm tra thường kỳ 2	6,67
	Bài kiểm tra thường kỳ 3	6,67
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ

Ngày biên soạn/ cập nhật: 20 tháng 02 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

ThS. Nguyễn Đức Phương

**Trưởng khoa phụ trách:**

TS. Ngô Ngọc Hưng

## 2107402 - Địa lý kinh tế Việt Nam

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Tên và mã học phần: Địa lý kinh tế - 2107402

2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

3. Giảng viên phụ trách

Họ và tên	Email
ThS. Nguyễn Đức Lộc	<a href="mailto:nguyenducloc@iuh.edu.vn">nguyenducloc@iuh.edu.vn</a>
ThS. Nguyễn Việt Lâm	<a href="mailto:nguyenvietlam@iuh.edu.vn">nguyenvietlam@iuh.edu.vn</a>
ThS. Nguyễn Anh Tuấn	<a href="mailto:nguyenanhtuan@iuh.edu.vn">nguyenanhtuan@iuh.edu.vn</a>
ThS. Trần Hoàng Giang	<a href="mailto:tranhoanggiang@iuh.edu.vn">tranhoanggiang@iuh.edu.vn</a>

4. Tài liệu học tập

*Sách, giáo trình chính:*

[1] Nguyễn Minh Tuấn & Nguyễn Việt Lâm & Nguyễn Ngọc Vương (2011). *Địa lý kinh tế Việt Nam*, Lưu hành nội bộ. [100118246]

*Tài liệu tham khảo:*

Sinh viên cần làm quen với trang web với rất nhiều thông tin và vấn đề liên quan đến môn học: <http://www.gso.vn>, <http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn>, <http://www.moit.gov.vn>

5. Thông tin về học phần

a. Mục tiêu học phần

- Giúp cho sinh viên khối ngành kinh tế làm quen với việc đánh giá sơ bộ các tiềm lực kinh tế, xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của các quốc gia từ đó có khả năng vận dụng những kiến thức cơ bản đã được học để sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc gia.

- Sinh viên thực hiện tiểu luận nhóm hình thành kỹ năng làm việc nhóm; Sinh viên thuyết trình tiểu luận trước lớp hình thành kỹ năng diễn thuyết trước đám đông; Sinh viên biên tập thiết kế slide thuyết trình hình thành kỹ năng tổng hợp tài liệu.

- Sinh viên sẽ nhận thấy môn học Địa lý kinh tế Việt nam quan trọng và rất cần thiết cho nhà lãnh đạo kinh tế ở tầm vĩ mô, cho nhà nghiên cứu kinh tế, cho chủ doanh nghiệp hay một nhân viên bình thường khi họ đối mặt với quyết định có nên hay không thực hiện chính sách nào đó.

b. Mô tả vấn đề học phần

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản của môn Địa lý kinh tế Việt Nam theo chuẩn chương trình đào tạo đại học cho khối ngành kinh doanh. Học phần địa lý kinh tế bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến việc tổ chức sắp xếp các hoạt động kinh tế – xã hội của một quốc gia, hoặc khu vực và thực tiễn thực hiện các công tác nêu trên. Phân tích và nắm bắt được các yếu tố có tác động đến việc hình thành hệ thống lãnh thổ của một quốc gia...

*c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C):*

Không

*d. Yêu cầu khác:*

*Yêu cầu về các cam kết tham gia khoá học (Điều 5, Quyết định số 1382/QĐ-ĐHCN ngày 27 tháng 6 năm 2016).*

- Cam kết về thời gian học tập: sinh viên phải đi học đúng giờ, đều đặn và đủ tiết học. Sinh viên xin phép nghỉ học 01 ngày phải được giáo viên bộ môn giải quyết; nghỉ học 02 ngày trở lên phải do trưởng đơn vị đào tạo giải quyết. Sinh viên vắng mặt quá 20% số tiết cho mỗi môn học sẽ bị cấm thi.

- Cam kết về tài liệu học tập: sinh viên phải có đầy đủ sách vở, tài liệu và dụng cụ học tập cần thiết. Sinh viên không được phép sử dụng giáo trình hay tài liệu học tập không có bản quyền và nguồn gốc xuất bản rõ ràng.

- Cam kết về thái độ học tập: sinh viên phải giữ trật tự trong giờ học, có thái độ học tập nghiêm túc. Sinh viên phải đeo bảng tên-thẻ sinh viên khi vào lớp học. Sinh viên không được phép sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học.

*Yêu cầu về đạo đức học thuật và chống đạo văn (Điều 7, Quyết định số 1382/QĐ-ĐHCN ngày 27 tháng 6 năm 2016).*

- Sinh viên không được phép gian lận trong học tập, kiểm tra và thi cử. Khi làm tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp, sinh viên không được phép tham gia hay tổ chức làm hộ, sao chép hay gian lận dữ liệu khoa học.

*Yêu cầu khác (Điều 6, Quyết định số 1363/QĐ-ĐHCN ngày 20 tháng 6 năm 2016)*

- Sinh viên đi học phải có đầu tóc gọn gàng, trang phục lịch sự (mặc đồng phục đối với hệ chính quy).

- Sinh viên phải kính trọng và lễ phép với thầy cô, cán bộ, viên chức, người lao động trong Nhà trường.

- Sinh viên phải lịch sự, nhã nhặn trong giao tiếp, đi đứng, nói năng nhẹ nhàng; xếp hàng, giữ trật tự, nhường thầy cô đi trước khi ra, vào thang máy.

Sinh viên phải có ý thức bảo vệ tài sản, giữ gìn vệ sinh chung, sử dụng điện nước đúng mục đích, hiệu quả và tiết kiệm, tan học tất cả sinh viên phải ra khỏi lớp học, cán bộ lớp tắt đèn, quạt, đóng cửa phòng học.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

a. Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLO	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Áp dụng và tổng hợp được các liên quan đến cơ bản về khoa học xã hội – nhân văn liên quan đến địa lý kinh tế để giải quyết vấn đề kinh doanh.	

b. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết (LT/TH)	CLOs	Phương pháp giảng	Nội dung và hướng
-----	--------------------	-----------------	------	-------------------	-------------------

				<b>dạy</b>	<b>đẫn tự học</b>
1	<b>Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Địa lý kinh tế</b> 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Nhiệm vụ nghiên cứu của môn học 3. Phương pháp nghiên cứu môn học	3(3/0)	1	Thuyết giảng Đặt vấn đề	Bài tập
2	<b>Chương 2: Các nguồn lực cơ bản để phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam</b> 1. Đặc điểm chung tự nhiên Việt Nam 2. Dân cư và nguồn lao động	9(9/0)	1	Thuyết giảng Đặt vấn đề	Bài tập
3	<b>Chương 3: Lý luận cơ bản về hệ thống lãnh thổ</b> 1. Phân bố sản xuất 2. Vùng và phân vùng kinh tế 3. Quy hoạch vùng	9(9/0)	1	Thuyết giảng Đặt vấn đề	Bài tập
4	<b>Chương 4: Hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội Việt Nam</b> 1. Đặc điểm phát triển kinh tế Việt Nam hiện nay 2. Các quan điểm phân vùng kinh tế và hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội Việt Nam	6(6/0)	1	Thuyết giảng Đặt vấn đề Làm việc nhóm	Bài tập
5	<b>Chương 5: Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế Việt Nam</b> 1. Tổ chức lãnh thổ ngành nông – lâm – ngư nghiệp Việt Nam 2. Tổ chức lãnh thổ ngành công nghiệp Việt Nam 3. Tổ chức lãnh thổ ngành dịch vụ Việt Nam	9(9/0)	1	Thuyết giảng Đặt vấn đề Làm việc nhóm	Bài tập
6	<b>Chương 6: Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới và khu vực Đông Nam Á</b> 1. Tổng thể kinh tế thế giới hiện nay 2. Một số tổ chức liên kết kinh tế	9(9/0)	1	Thuyết giảng Đặt vấn đề Làm việc nhóm	Bài tập

	có liên hệ với Việt Nam				
	3. Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới và khu vực Đông Nam Á				

### 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần:

CLO	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	- Bài kiểm tra thường kỳ (trên lớp)	Tự luận	20%	15%
	- Thi giữa kỳ	Tự luận	30%	25%
	- Thi cuối kỳ	Tự luận	50%	45%

b. Các thành phần đánh giá

Thành phần đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài tập nhóm trên lớp	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn:** ... tháng 06 năm 2021

**Trưởng bộ môn:** TS. Nguyễn Ngọc Hiền

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**2132002 - Kỹ năng xây dựng kế hoạch**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần:** Kỹ năng xây dựng kế hoạch - 2132002

**2. Số tín chỉ:**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 1      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

1. ThS Trần Thứ Ba
2. TS Bùi Thành Khoa
3. TS Nguyễn Quang Vinh
4. ThS Trần Thị Hiền
5. ThS Võ Hữu Khánh

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính*

- [1] Trần Thứ Ba, *Kỹ năng xây dựng kế hoạch*, Lưu hành nội bộ IUH, 2020.  
[2] Tập thể giảng viên dạy, *Kỹ năng làm việc nhóm*, Lưu hành nội bộ IUH, 2020.

*Tài liệu tham khảo*

- [2] Đặng Thị Diệu Hiền, *Kỹ năng xây dựng kế hoạch*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP.HCM, 2016. [THT000005]  
[3] Robert Ashton, Xuân Nguyễn dịch, *Kế hoạch cuộc đời, 700 cách đơn giản để thay đổi cuộc sống tốt đẹp hơn*, Nhà xuất bản Trẻ TP. HCM, 2012.[THT000006].  
[4] Kim Nguyệt tuyển dịch, *Click vào thời gian*, Nhà xuất bản Phụ nữ, 2011. [THT000007].  
[5] Dr. Yan Yager, Hồ Văn Hiệp dịch, *Nghệ thuật Quản Lý thời gian sáng tạo cho kỹ nguyên mới*, Nhà xuất bản Văn Hoá Sài Gòn, 2010.

**5. Thông tin môn học**

a) *Mục tiêu học phần*

*Học phần cung cấp cho sinh viên:*

- Các kiến thức cơ bản về kỹ năng xây dựng kế hoạch như: Các khái niệm, phân loại kế hoạch, cấu trúc của một bản kế hoạch, qui trình xây dựng kế hoạch và các phương pháp để xây dựng kế hoạch
- Hình thành được kỹ năng phân tích đánh giá và kiểm tra được kết quả thực hiện kế hoạch
- Áp dụng được kỹ năng xây dựng kế hoạch trong học tập và phát triển cá nhân, kế hoạch sản xuất kinh doanh

b) *Mô tả vắn tắt học phần*

- Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về: Phương pháp xây dựng kế hoạch; Kỹ năng tư duy, quản lý thời gian và sắp xếp công việc trong lập kế hoạch; Phương pháp phân tích đánh giá và kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch.

- Bên cạnh đó, nội dung môn học còn có phần thực hành rèn luyện về kỹ năng: Thu thập thông tin, phân tích và dự báo; Xây dựng kế hoạch học tập và phát triển cá nhân; Kế hoạch cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Kỹ năng phân tích đánh giá và kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch.

c) *Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

Không có.

d) *Yêu cầu khác*

- *Phương pháp học tập*: Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu, hoàn thành bài tập hàng tuần và thảo luận với bạn, giảng viên giảng dạy trực tiếp nếu gặp khó khăn ở bất kỳ nội dung nào. Trong các giờ học, sinh viên cần chủ động tương tác bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp.

- *Phương pháp đánh giá*: Sinh viên tham dự học và kiểm tra theo quy chế học vụ hiện hành của Nhà trường. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra ngày đến hạn của những hoạt động đánh giá. Những bài tập không được giao hạn thời gian nộp, nếu sinh viên nộp bài trễ sẽ bị điểm không.

- *Đảm bảo sự trung thực trong học thuật*: Sinh viên cần phải trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo (nếu có) trong các bài đánh giá và sẽ bị điểm không nếu bị phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

*Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:*

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ năng xây dựng kế hoạch	
2	Trình bày được các bước trong qui trình xây dựng kế hoạch và các phương pháp xây dựng kế hoạch	
3	Ứng dụng vào xây dựng kế hoạch học tập và phát triển cá nhân, kế hoạch sản xuất kinh doanh.	
4	Phân tích đánh giá và kiểm tra được kết quả thực hiện kế hoạch	
5	Vận dụng được các kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch	

**Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						
5						

<b>Tổng kết</b>						
-----------------	--	--	--	--	--	--

### 7. Nội dung giảng dạy và kế hoạch giảng dạy

<b>Tuần</b>	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số tiết</b>	<b>CLOs</b>	<b>Phương pháp giảng dạy</b>	<b>Nội dung và hướng dẫn tự học</b>
1	<p><b>Chương 1. Tổng quan về kế hoạch và kỹ năng xây dựng kế hoạch</b></p> <p>1.1 Khái niệm cơ bản 1.2 Phân loại kế hoạch 1.3 Đặc điểm và vai trò của kế hoạch 1.4 Cấu trúc cơ bản của một bản kế hoạch 1.5 Phần mềm hỗ trợ xây dựng kế hoạch 1.6 Thực hành viết mục tiêu học tập 1.7 Thực hành lập dự toán bằng MS Excel 1.8 Thực hành trình bày kế hoạch theo sơ đồ tư duy bằng phần mềm imindmap.</p>	12	1	Thuyết giảng Thảo luận nhóm Thực hành	Sinh viên đọc tài liệu học tập và thực hiện các bài tập thực hành
2	<p><b>Chương 2. Quy trình và phương pháp xây dựng kế hoạch</b></p> <p>2.1 Giai đoạn chuẩn bị lập kế hoạch 2.2 Giai đoạn lập kế hoạch 2.3 Giai đoạn hoàn thiện kế hoạch 2.4 Thực hành thu thập thông tin thị trường và tổng hợp 2.5 Thực hành phân tích dự báo và dự toán các nguồn lực 2.6 Thực hành xây dựng kế hoạch cho đội/nhóm</p>	12	2, 3	Thảo luận nhóm Thực hành	Sinh viên thảo luận nhóm và , thực hiện bài tập thực hành xây dựng kế hoạch cho đội/nhóm
3	<p><b>Chương 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch và quản lý theo mục tiêu</b></p> <p>3.1 Phân công nhân sự phụ</p>	12	3, 4, 5	Thảo luận nhóm Thực hành	Sinh viên

	trách thực hiện 3.2 Xác định nguồn lực tài chính và Phân bổ hợp lý 3.3 Xác định thời gian hoàn thành và kiểm tra tiến độ thực hiện 3.4 Giám sát và điều phối nguồn lực 3.5 Nghiệm thu và báo cáo tổng kết 3.6 Quản lý theo mục tiêu 3.7 Thực hành xây dựng kế hoạch học tập & phát triển cá nhân				thảo luận nhóm và thực hiện bài tập thực hành xây dựng kế hoạch học tập và phát triển bản thân
4	<b>Chương 4. Phân tích đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch và hiệu quả công việc</b> 4.1 Phân tích mức độ hoàn thành kế hoạch 4.2 Phân tích sự biến động các chỉ tiêu 4.4 Thực hành phân tích mức độ hoàn thành kế hoạch 4.5 Thực hành phân tích sự biến động các chỉ tiêu	9	4, 5	Thảo luận nhóm Thực hành	Sinh viên thảo luận nhóm, thực hiện bài tập thực hành phân tích đánh giá kế hoạch

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1,2,4	Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	100%	85%
3	Thường kỳ (thực hành trên lớp)	50%	100%
	Cuối kỳ (Báo cáo/thuyết trình)	70%	100%
5	Thường kỳ (thực hành trên lớp)	50%	100%
	Cuối kỳ (Báo cáo/thuyết trình)	30%	100%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Thường kỳ	Thực hành trên lớp - CLO3	10
	Thực hành trên lớp - CLO5	10
Giữa kỳ	Lý thuyết - CLO1, CLO2, CLO 4	30
	Thực hành (Báo cáo/thuyết trình) - CLO3	25

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ*

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 1/12/ 2021

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**2123800 - Môi trường và con người****ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN****1. Tên và mã học phần: Môi trường và Con người - 2123800****2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3 (2,2,6)

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

<b>Họ và tên</b>	<b>Email</b>
TS. Trần Trí Dũng	trantridung@iuh.edu.vn
TS. Trần Thị Tường Vân	tranthituongvan@iuh.edu.vn
TS. Nguyễn Chí Hiếu	nguyenchihieu_mt@iuh.edu.vn
TS. Lê Huệ Hương	lehuyhuong@iuh.edu.vn
TS. Nguyễn Thị Lan Bình	nguyenthilanbinh@iuh.edu.vn
ThS. Lê Thị Thùy Trang	lethithuytrang@iuh.edu.vn
ThS. Cao Thị Thúy Nga	caothithuynga@iuh.edu.vn
ThS. Nguyễn Phúc Thùy Dương	nguyenphucthuyduong@iuh.edu.vn
ThS. Nguyễn Thị Kiều Diễm	nguyenthikieudiem@iuh.edu.vn
ThS. Đỗ Doãn Dung	dodoandung@iuh.edu.vn
ThS. Nguyễn Thị Hàng	nguyenthihang-khmt@iuh.edu.vn
ThS. Trần Thị Hiền	tranthihien@iuh.edu.vn
ThS. Ngô Xuân Huy	ngoxuanhuy@iuh.edu.vn
ThS. Cù Huy Đức	cuhuyduc@iuh.edu.vn
ThS. Đồng Phú Hào	dongphuhao@iuh.edu.vn
ThS. Trần Bích Thủy	tranbichthuy@iuh.edu.vn
ThS Đặng Thị Bích Hồng	dangthibichhong@iuh.edu.vn
ThS. Nguyễn Xuân Tông	nguyenxuanton@iuh.edu.vn
ThS Võ Đình Long	vodinhlong@iuh.edu.vn

**4. Tài liệu học tập***4.1 Sách, giáo trình chính*

[1] Bài giảng môn học Môi trường và Con người. Viện Khoa học Công nghệ và Quản lý Môi trường - Trường Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh, 2021.

[2] Lê Văn Khoa. *Giáo trình Con người và môi trường*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2011. [628 GIA-T]

#### 4.2 Tài liệu tham khảo

[1] Vũ Quang Mạnh, Hoàng Duy Chúc. *Môi trường và con người sinh thái học nhân văn*. Đại học Sư phạm, 2011 [628 VU-M]

[2] Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan. *Giáo trình môi trường và con người*: Giáo dục, 2016 [628 NGU-C]

[3] Richard B. Primack. *Cơ sở sinh học bảo tồn*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. 1999.

### 5. Thông tin về học phần

#### a. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức về khái niệm, kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò của môi trường tự nhiên, hậu quả và việc xử lý hậu quả của việc làm môi trường bị ô nhiễm;
- Kiến thức và khả năng áp dụng về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, giảm phát thải CO<sub>2</sub>, bảo tồn thiên nhiên và vai trò cây xanh, phân loại rác tại nguồn tại nơi học tập, môi trường sống và làm việc.

#### b. Mô tả vấn đề học phần

Môn học gồm 6 chương, bắt đầu từ chương 1 là giới thiệu các khái niệm, vai trò và các yếu tố cơ bản trong môi trường, đến các thành phần môi trường đất, nước, không khí, các vấn đề môi trường toàn cầu hiện đại, các hoạt động của con người và ảnh hưởng của nó đến môi trường.

Các chương tiếp theo sẽ kết hợp giữa dạy lý thuyết và thực hành trên lớp các nội dung như: Bảo vệ nguồn nước và nước sạch; chất lượng không khí và sức khỏe; Chất thải rắn và kinh tế tuần hoàn; Năng lượng sạch; Bảo vệ cây xanh và động vật hoang dã.

Ngoài ra, sinh viên còn được-rèn luyện thói quen tự mình đào sâu nghiên cứu và làm việc tập thể theo những đề tài mở (vẫn thuộc về chủ đề lớn của mỗi chương vừa học) nhằm rèn luyện cho các em khả năng phối hợp tốt trong hoạt động nhóm, lối tư duy tổng hợp cũng như kỹ năng thuyết trình hiệu quả.

#### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C) Không.

#### d. Yêu cầu về các cam kết tham gia khoá học (Điều 5, Quyết định số 1382/QĐ-ĐHCN ngày 27 tháng 6 năm 2016).

- Sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc trước tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình, ...). Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn giải bài tập. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp qua EMS. Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Giảng viên khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp.
- Cam kết về thời gian học tập: sinh viên phải đi học đúng giờ, đều đặn và đủ tiết học. Sinh viên xin phép nghỉ học 01 ngày phải được giáo viên bộ môn giải quyết; nghỉ học 02 ngày trở lên phải do trưởng đơn vị đào tạo giải quyết. Sinh viên vắng mặt quá 20% số tiết cho mỗi môn học sẽ bị cấm thi.
- Cam kết về thái độ học tập: sinh viên phải giữ trật tự trong giờ học, có thái độ học tập nghiêm túc. Sinh viên phải đeo bảng tên-thẻ sinh viên khi vào lớp học. Sinh viên không được phép sử dụng điện thoại làm việc riêng trong giờ học. sinh viên phải có đầy đủ sách vở, tài liệu và dụng cụ học tập cần thiết.
  - e. Yêu cầu về đạo đức học thuật và chống đạo văn (Điều 7, Quyết định số 1382/QĐ-ĐHCN ngày 27 tháng 6 năm 2016).*
  - Sinh viên không được phép gian lận trong học tập, kiểm tra và thi cử.
  - f. Yêu cầu khác*
  - Sinh viên cần phải trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo (nếu có) trong các bài đánh giá và sẽ nhận điểm 0 nếu bị phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Hiểu và áp dụng được về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, giảm phát thải CO <sub>2</sub> , bảo tồn thiên nhiên và vai trò cây xanh, phân loại rác tại nguồn, bảo vệ môi trường tại nơi học tập, làm việc và sinh sống	
2	Phân tích được vai trò và hoạt động của con người đối với môi trường	
3	Vận dụng được kiến thức đã học vào các hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức về BVMT vào các chuyên ngành đang học	
4	Thể hiện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm phát huy trí	

	tuệ tập thể.	
--	--------------	--

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
CLO1						
CLO2						
CLO3						
CLO4						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

*Lý thuyết và thực hành: 45 tiết*

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết (LT/TH)	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Giới thiệu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các khái niệm</li> <li>Những vấn đề môi trường cấp bách tại Việt Nam và trên thế giới</li> <li>Sống xanh</li> <li>Sản xuất xanh</li> </ul> Hướng dẫn triển khai dự án cư dân xanh	12(9/3)	1,2,3,4	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành vận dụng trên lớp PBL	Đọc bài giảng, tìm hiểu các kiến thức trên internet: những vấn đề môi trường, sống xanh,...
2	<b>Chương 2. Bảo vệ nguồn nước và nước sạch</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nước là nguồn tài nguyên quý giá</li> <li>Hiện trạng các nguồn nước tại Việt nam</li> <li>Chất lượng của nước</li> <li>Hành động bảo vệ và cải thiện nguồn nước</li> </ul>	6(4/2)	1, 2, 3,4	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành vận dụng theo nhóm lớn	Đọc bài giảng, tài liệu tham khảo.
3	<b>Chương 3. Chất lượng không khí</b>	6(4/2)	1, 2,	Thuyết	Đọc bài

	<b>và sức khỏe</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chất lượng không khí là gì?</li> <li>• Các nguồn ảnh hưởng tới chất lượng không khí</li> <li>• Bảo vệ sức khỏe trước tác động ô nhiễm không khí</li> </ul>		3,4	giảng Thảo luận Thực hành vận dụng trên lớp Bài tập tình huống	giảng, tài liệu tham khảo.
4	<b>Chương 4. Rác thải và kinh tế tuần hoàn</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nguồn phát sinh và phân loại rác thải</li> <li>• Hiện trạng rác thải tại TP.HCM và Việt Nam</li> <li>• Rác thải là nguồn tài nguyên</li> </ul>	9(5/4)	1, 2, 3,4	Thuyết giảng Thảo luận nhóm lớn Bài tập thực hành: (1) Ủ phân compost (2) Tạo sản phẩm từ vật liệu tái chế	Đọc bài giảng, thực hiện ủ phân compost hoặc làm sản phẩm tái chế.
5	<b>Chương 5. Bảo tồn cây xanh và động vật hoang dã</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cây xanh và con người</li> <li>• Bảo tồn động vật hoang dã</li> <li>• Bệnh dịch và các điều cần biết</li> </ul>	6(4/2)	1, 2, 3,4	Thuyết giảng Thảo luận nhóm lớn Bài tập tình huống	Đọc bài giảng, tài liệu tham khảo.
6	<b>Chương 6. Năng lượng sạch</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng truyền thống</li> <li>• Tài nguyên năng lượng sạch của Việt Nam</li> <li>• Tiết kiệm năng lượng thế nào?</li> </ul>	6(4/2)	1,2, 3,4	Thuyết giảng Thảo luận nhóm nhỏ Thực hành vận dụng trên lớp	Đọc bài giảng, tài liệu tham khảo.

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận cá nhân	100%	30%

2	Kiểm tra cuối kỳ	Tự luận cá nhân	100%	50%
3	Kiểm tra thường kỳ	Viết báo cáo, tự luận cá nhân	100%	20%
4	Bài thực hành	Hướng dẫn PBL	100%	100%

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài tập nhóm trên lớp (tự luận)	5
	- Bài tập ở nhà (báo cáo)	5
	- Báo cáo trên lớp (tình huống)	5
	- Hoạt động khác (kiểm tra ngẫu nhiên)	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ (tự luận)</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Bài tập nhóm (nội dung báo cáo nhóm)	30
	Kỹ năng nhóm (trình bày, phân công, thái độ...)	30
	Báo cáo nhóm (thuyết trình, phân công, thái độ...)	40

*c. Thang điểm đánh giá theo học chế tín chỉ*

Thang điểm chữ	Thang điểm 10	Phân loại	Đậu/rớt
A+	9.0-10	Xuất sắc	Đậu
A	8.5-8.9	Giỏi	
B+	8.0-8.4	Khá	
B	7.0-7.9		
C+	6.0-6.9	Trung bình	
C	5.5-5.9		
D+	5.0-5.4	Trung bình yếu	
D	4.0-4.9		
F	0.0-3.9	Kém	Rớt

Ngày cập nhật: ngày 14 tháng 03 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

TS. Nguyễn Thị Thanh Trúc

**Trưởng đơn vị phụ trách**

PGS.TS Lê Hùng Anh

## 2101777 - Công nghệ thông tin trong chuyển đổi số ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### 1. Tên và mã học phần: Công nghệ Thông tin trong chuyển đổi số (2101777)

### 2. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 3

Thực hành: 0

Tự học: 6

### 3. Giảng viên phụ trách

TS. Lê Nhật Duy

TS. Ngô Hữu Dũng

TS. Nguyễn Thị Hạnh

TS. Đoàn Văn Thắng

TS. Nguyễn Chí Kiên

TS. Trần Thị Minh Khoa

TS. Nguyễn Trọng Tiến

ThS. NCS. Tôn Long Phước

ThS. Nguyễn Thành Thái

ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

ThS. Nguyễn Ngọc Dung

ThS. Lê Thị Ánh Tuyết

ThS. Nguyễn Hữu Quang

### 4. Tài liệu học tập

Tài liệu chính:

[1] Efraim Turban, Carol Pollard, Gregory Wood, Information Technology for Management: Driving Digital Transformation to Increase Local and Global Performance, Growth and Sustainability, 12th Edition, Wiley, 2021.

Tài liệu tham khảo:

[1] Sanil Nadkarni, Fundamentals of Information Security, BPB Publications, 2018.

[2] Todor Tagarev, Krassimir, T. Atanassov, Vyacheslav Kharchenko, Janusz Kacprzyk, Digital Transformation, Cyber Security and Resilience of Modern Societies, Springer, 2021

### 5. Thông tin về học phần

#### a. Mục tiêu học phần

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng của chuyển đổi số trong đó bao gồm cơ sở lý thuyết và một số ứng dụng các kỹ thuật hiện đại ngày nay như trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, BigData, Cloud Computing, Security để giải quyết các bài toán thực tiễn.

#### b. Mô tả vắn tắt học phần

Các nội dung chính của học phần bao gồm kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin trong chuyển đổi số; giới thiệu những công nghệ tiên tiến hiện nay và ứng dụng trong việc chuyển đổi số như trí tuệ nhân tạo (AI), IoT, BigData, Cloud Computing cùng một số kiến thức nền tảng an toàn thông tin.

#### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

*Không.*

#### d. Yêu cầu khác

Người học cần đọc trước tài liệu, vận dụng kỹ năng tìm kiếm tài liệu từ các nguồn khác nhau, tích cực thảo luận và có thái độ học tập nghiêm túc.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Giải thích được sự cần thiết của chuyển đổi số đối với cá nhân, tổ chức và xã hội	
2	Trình bày được các khái niệm cơ bản về AI, Bigdata, IoT, Cybersecurity	
3	Trình bày trách nhiệm và đạo đức trong ứng dụng công nghệ thông tin	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chapter 1. Digital Transformation Disrupts Companies, Competition, and Careers Locally and Globally 1.1 Doing Business in the On-Demand and Sharing Economies 1.2 Business Process Improvement and Competition 1.3 IT Innovation and Disruption 1.4 IT and You	3	1	Thuyết giảng, Thảo luận.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thảo luận, trao đổi nhóm.</li> </ul>
2	Chapter 2. Information Systems, IT Infrastructure, and the Cloud 2.1 IS Concepts and Classification 2.2 IT Infrastructure, IT Architecture, and Enterprise Architecture 2.3 Data Centers and Cloud Computing 2.4 Virtualization and Virtual Machines	3	2	Thuyết giảng, Bài tập tình huống, Thảo luận.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện bài tập tình huống.</li> <li>Thực hiện bài tập về nhà.</li> </ul>
3	Chapter 3. Data Management, Data Warehouses, and Data Governance 3.1 Data Management 3.2 Data Warehouses and Data Marts	3	2		

	3.3 Data Governance and Master Data Management 3.4 Electronic Document, Record, and Content Management				
4	Chapter 4. Networks, the Internet of Things (IoT), and Edge Computing 4.1 Network Fundamentals 4.2 Wireless Networks and Standards 4.3 Mobile Computing and the Internet of Things (IoT) 4.4 Network Quality of Service	3	2		
5	Chapter 5. Data Privacy and Cyber Security 5.1 Data Privacy Concerns and Regulations 5.2 Extent and Cost of Cyberattacks and Cyber Threats 5.3 Defending Against Cyberattacks and Managing Risk 5.4 Regulatory Controls, Frameworks, and Models	6	2		
6	Chapter 6. Business Intelligence, Data Science, and Data Analytics 6.1 Business Intelligence and Data Science 6.2 Big Data and Advanced Data Analytics 6.3 Descriptive Data Analytics Tools 6.4 Predictive and Prescriptive Data Analytics Methods and Techniques	6	2		
7	Chapter 7. Social Media and Semantic Web Technology 7.1 Web 2.0—The Social Web Technologies 7.2 Social Web Tools and Applications 7.3 Using Search Technology for Business Success 7.4 A Search for Meaning—Web 3.0 and Semantic Technology 7.5 Recommendation Engines	6	2		
8	Chapter 8. Omnichannel Retailing, E-commerce, and Mobile Commerce Technology 8.1 Omnichannel Retailing 8.2 In-Store Retail Technology 8.3 E-commerce—Online Retailing 8.4 Mobile Commerce 8.5. Mobile Payment and Financial Services	3	2		
9	Chapter 9. Artificial Intelligence,	3	2		

	Robotics, and Quantum Computing Technology 9.1. How AI Works 9.2 AI Applications in Business and Society 9.3 AI and Society (Ethics) 9.4 Robotics 9.5 Quantum Computing				
10	Chapter 10. IT Strategy, Sourcing, and Strategic Technology Trends 10.1 IT Strategy and Competitive Advantage 10.2 IT Strategic Planning, Process, and Tools 10.3 IT Sourcing Strategies and IT Service Management 10.4 Strategic Technology Trends	6	3		
11	IT Ethics and Local and Global Sustainability 11.1 An Introduction to Ethics 11.2 ICT and Local Sustainability 11.3 ICT and Global Sustainability	3	3		

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Giữa kỳ	Thi giữa kỳ (tự luận)	100%	80%
2	Thường kỳ, Tiểu luận	Kiểm tra thường kỳ Báo cáo tiểu luận	100%	80%
3	Cuối kỳ	Thi cuối kỳ (tự luận)	100%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	10
	- Tiểu luận	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: ngày 14 tháng 12 năm 2021

Trưởng bộ môn:

Trưởng khoa:

**2104486 - Ứng dụng hóa học trong công nghiệp**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Ứng dụng hóa học trong công nghiệp (2104486)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 1      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

PGS.TS. Trần Nguyễn Minh Ân

ThS. Nguyễn Hoàng Minh

ThS. Nguyễn Minh Quang

ThS. Nguyễn Trọng Tăng

TS. Đỗ Quý Diễm

TS. Phạm Thị Hồng Phượng

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1]. Khoa Công nghệ Hóa học, Ứng dụng Hóa học trong công nghiệp, Tài liệu học tập, Khoa Công nghệ Hóa học.

Tài liệu tham khảo

[1]. Vương Ngọc Chính, Hương liệu mỹ phẩm, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP.HCM, 2012;

[2]. Nguyễn Văn Dán, Công nghệ vật liệu mới. Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP.HCM, 2014;

[3]. Hoàng Thị Lĩnh, Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may, Nhà xuất bản KHKT, 2013.

**5. Thông tin về học phần**

**a. Mục tiêu học phần**

Học xong học phần người học:

- Có kiến thức hóa học ứng dụng trong đời sống, sản xuất sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nhiên liệu và năng lượng, xây dựng, cơ khí, điện-điện tử và môi trường.
- Có kỹ năng làm việc nhóm, tìm tài liệu, viết báo cáo và thuyết trình các chuyên đề ứng dụng hóa học trong đời sống, công nghiệp và các lĩnh vực liên quan.
- Có kỹ năng nhận biết các đặc tính của sản phẩm: chất lượng, cách sử dụng, tính thương mại, tính an toàn đối với sức khỏe con người và môi trường.
- Có thái độ tích cực, tự chủ trong học tập.

**b. Mô tả vấn đề học phần**

Các khái niệm cơ bản, phương pháp sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm ứng dụng của ngành hóa trong các lĩnh vực: hương liệu mỹ phẩm, các sản phẩm chăm sóc cá nhân, nông nghiệp, nhiên liệu và năng lượng, xây dựng, dệt may và thời trang, cơ khí, điện- điện tử và tự động hóa, và môi trường.

**c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

Không

**d. Yêu cầu khác**

*Ghi các yêu cầu khác mà giảng viên thấy cần thiết.*

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày được các ứng dụng hóa học trong đời sống, sản xuất sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nhiên liệu và năng lượng	
2	Trình bày được các ứng dụng hóa học trong xây dựng, cơ khí,	

	điện-điện tử và môi trường	
<b>3</b>	Báo cáo các chuyên đề về hóa học ứng dụng trong đời sống, công nghiệp và các lĩnh vực liên quan	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

<i>CLOs</i>	<i>SO1</i>	<i>SO2</i>	<i>SO3</i>	<i>SO4</i>	<i>SO5</i>	<i>SO6</i>
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>3</i>						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p><b>Chương 1. Hóa học và đời sống</b></p> <p>1.1. Vai trò của hóa học trong đời sống</p> <p>1.2. Xà phòng và các sản phẩm tẩy rửa</p> <p>1.3. Tinh dầu, các hợp chất tự nhiên và ứng dụng</p> <p>1.4. Nước hoa và kiến thức thường thức về mùi hương</p> <p>1.5. Cấu trúc của da và các sản phẩm chăm sóc da</p> <p>1.6. Các sản phẩm chăm sóc và làm đẹp cho tóc</p> <p>1.7. Sơn môi và quy trình sản xuất sơn môi handmade</p> <p>1.8. Các sản phẩm làm đẹp khác</p> <p>1.9. Chuyên đề các sản phẩm chăm sóc cá nhân</p>	6(4/2)	1,3	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm.	Hướng dẫn bài tập
2	<p><b>Chương 2. Hóa học trong sản xuất sản phẩm phục vụ nông nghiệp</b></p> <p>2.1. Khái quát về hóa học trong nông nghiệp</p> <p>2.2. Hóa học về phân bón</p> <p>2.3. Hóa học thuốc bảo vệ thực vật</p> <p>2.4. Kỹ thuật hóa học trong sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp</p> <p>2.5. Kinh tế về hóa học nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp an toàn</p> <p>2.6. Chuyên đề hóa học trong</p>	6(4/2)	1,3	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm.	

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
	nông nghiệp				
3	<b>Chương 3. Nhiên liệu và năng lượng</b> 3.1. Nguồn gốc 3.2. Xăng 3.3. Dầu Diesel 3.4. Dầu nhớt 3.5. Nhiên liệu và năng lượng tái tạo 3.6. Kinh tế về năng lượng 3.7. Chuyên đề hóa học trong nhiên liệu và năng lượng	6(4/2)	1,3	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm.	Hướng dẫn bài tập.
4	<b>Chương 4. Hóa học trong xây dựng</b> 4.1. Khái quát về hóa học trong xây dựng 4.2. Hóa học trong vật liệu xây dựng 4.3. Hóa chất trong công nghiệp xây dựng 4.4. Kỹ thuật hóa học trong sản xuất một số vật liệu và hóa chất xây dựng 4.5. Kinh tế về hóa học trong xây dựng 4.6. Chuyên đề hóa học trong xây dựng	6(4/2)	2,3	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm.	Hướng dẫn bài tập.
5	<b>Chương 5. Hóa học trong ngành dệt may và thời trang</b> 5.1. Màu sắc và cuộc sống 5.2. Vật liệu dệt may 5.3. Công nghệ nhuộm, in và tạo hoa văn độc đáo trên các loại vải 5.4. Công nghệ wash-xử lý bề mặt trên hàng Denim (Jeans) 5.5. Công nghệ nhuộm màu tự nhiên với xu hướng thời trang bền vững 5.6. Chuyên đề ứng dụng hóa học trong ngành dệt may và thời trang	6(4/2)	2,3	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm.	Hướng dẫn bài tập.
6	<b>Chương 6. Ứng dụng hóa học trong cơ khí, điện-điện tử và tự động hóa</b> 6.1 Kim loại-hợp kim 6.2 Vật liệu polyme 6.3 Vật liệu bán dẫn 6.4. Các loại vật liệu khác	9(6/3)	2,3	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm.	Hướng dẫn bài tập.

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
	6.5. Ăn mòn và phương pháp bảo vệ vật liệu 6.6. Chuyên đề ứng dụng				
7	<b>Chương 7. Hóa học trong xử lý môi trường công nghiệp</b> 7.1. Ô nhiễm môi trường và hóa học xanh 7.2. Xử lý vấn đề ô nhiễm trong các ngành công nghiệp 7.3. Chuyên đề ứng dụng	6(4/2)	2,3	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm.	Hướng dẫn bài tập.

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Thường kỳ 1	Trắc nghiệm	20%	80%
2	Thường kỳ 2	Bài tập lớn	20%	80%
1	Giữa kỳ	Trắc nghiệm	80%	80%
2	Cuối kỳ	Tiểu luận	80%	80%
3	Chuyên đề	Báo cáo	100%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên	20
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Tiểu luận cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	<b>Báo cáo chuyên đề</b>	<b>100</b>
	- Kiến thức	30
	- Kỹ năng	40
	- Thái độ	30

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ

Ngày biên soạn: 12 tháng 12 năm 2021

**Chủ nhiệm bộ môn:**

TS. Đoàn Văn Đạt

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

PGS.TS Nguyễn Văn Cường

## 2104487 - Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: 5s và kaizen trong công nghiệp (2104487)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 1      Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

PGS.TS Nguyễn Văn Cường  
TS. Phạm Thị Hồng Phượng  
ThS. Nguyễn Thị Tâm Thanh  
ThS. Nguyễn Hữu Trung  
ThS. Lê Nhất Thống  
ThS. Trần Ngọc Thắng  
ThS. Phạm Hoàng Ái Lệ

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính:

[1]. Khoa Công nghệ Hóa học, *Giáo trình 5S và Kaizen trong công nghiệp*, Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM

Tài liệu tham khảo:

[1]. Robert Maurer\_Huỳnh Ngọc Song Minh dịch, *Phương pháp Kaizen*, Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019.

[2]. Samsung Electronics Việt Nam Co.,Ltd, *Kỹ Thuật Công nghiệp*, Dự án đào tạo chuyên gia tư vấn Việt Nam, 2019;

[3]. Trường Đại học Công nghiệp Tp.HCM; *Kaizen -5S3D, PRO-3M & các công cụ quản lý chất lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh*; Tài liệu đề án Bộ Công Thương\_Đào tạo quản lý, hỗ trợ kỹ thuật, cải tiến sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm và xử lý môi trường cho các doanh nghiệp ngành dệt may, 2020;

[4]. Yoshihito Wakamatsu, *Nghệ thuật Kaizen tuyệt vời của Toyota*, Nhà xuất bản Phụ nữ, 2017;

[5]. Drew Willis, *Process Implementtation Through 5S*, By Taylor & Francis Group, 2016;

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

Học xong học phần, người học:

- Vận dụng được các kiến thức về Kaizen, 5S3D, PRO-3M, các công cụ quản lý chất lượng để nhận diện và loại bỏ các loại lãng phí, nâng cao năng lực cải tiến liên tục trong công nghiệp;
- Có kỹ năng thực hiện, duy trì 5S3D, PRO-3M và các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao năng lực bản thân trong doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Có ý thức học tập, nhận thức được vai trò của Kaizen, 5S3D, PRO-3M trong hoạt động quản lý bản thân và công việc.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Môn học này cung cấp các kiến thức về Kaizen, 5S3D, PRO-3M, các công cụ quản lý chất lượng, cách nhận diện các loại lãng phí, loại bỏ lãng phí trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Đồng thời cung cấp cho người học các kỹ năng phát hiện được vấn đề cần cải tiến, thực hiện được các đề tài cải tiến thực tế nhằm nâng cao ý thức cải tiến, cải tiến liên tục và duy trì các hoạt động cải tiến trong công nghiệp.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

*Không*

d. Yêu cầu khác

*Không*

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Vận dụng các kiến thức Kaizen, các công cụ quản lý chất lượng để nhận diện, loại bỏ các loại lãng phí, nâng cao năng lực cải tiến liên tục trong doanh nghiệp	
2	Áp dụng 5S3D và PRO-3M để nhận diện các vấn đề cần cải tiến trong công nghiệp	
3	Xây dựng được các biểu mẫu, hồ sơ quản lý đề tài cải tiến và cách thức duy trì cải tiến	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p><b>Chương 1. Kaizen trong quản lý công nghiệp</b></p> <p>1.1. Tổng quan về Kaizen</p> <p>1.1.1. Khái niệm và triết lý Kaizen</p> <p>1.1.2. Lợi ích của Kaizen</p> <p>1.1.3. Nguyên tắc Kaizen</p> <p>1.1.4. Nhận thức đúng về Kaizen</p> <p>1.2. Kaizen và các công cụ quản lý chất lượng</p> <p>1.2.1 Bảy công cụ kiểm soát chất lượng (7 QC Tools)</p> <p>1.2.2 Bảy công cụ quản lý và cải tiến chất lượng mới (7 new Tools)</p> <p>1.3. Kaizen và cách nhận diện các loại lãng phí trong doanh nghiệp</p> <p>1.3.1. Các loại lãng phí từ góc nhìn của người Nhật</p> <p>1.3.2. Các loại lãng phí từ góc nhìn của Sản xuất tinh gọn (Lean) và các tập đoàn sản xuất lớn</p> <p>1.4. Kaizen và chu trình PDCA, SCDA</p> <p>1.4.1 Chu trình PDCA (Plan-Do-</p>	12	1	Thuyết giảng (L), thảo luận nhóm (D)	Hướng dẫn bài tập về nhà (H)

	<p>Check-Act)</p> <p>1.4.2 Chu trình SDCA (Standalize-Do-CheckAct)</p> <p>1.5. Các bước triển khai Kaizen áp dụng trong công nghiệp</p> <p>1.5.1. Kế hoạch Kaizen</p> <p>1.5.2. Thực hiện Kaizen</p> <p>1.5.3. Kiểm tra Kaizen</p> <p>1.5.4. Cải tiến Kaizen</p> <p>1.5.5. Duy trì Kaizen</p>				
2	<p><b>Chương 2. 5S3D trong quản lý công nghiệp</b></p> <p>2.1. Tổng quan về 5S3D</p> <p>2.1.1. Khái niệm 5S3D</p> <p>2.1.2. Mục đích và vai trò của việc triển khai 5S3D</p> <p>2.2. Các bí quyết để triển khai 5S3D thành công</p> <p>2.2.1. Ý nghĩa và lợi ích của việc triển khai 5S3D</p> <p>2.2.2. Các yếu tố cơ bản quyết định sự thành công của việc áp dụng 5S3D</p> <p>2.3. Các bước triển khai 5S3D áp dụng trong công nghiệp</p> <p>2.3.1. Kế hoạch 5S3D</p> <p>2.3.2. Thực hiện 5S3D</p> <p>2.3.3. Kiểm tra 5S3D</p> <p>2.3.4. Cải tiến 5S3D</p> <p>2.3.5. Duy trì 5S3D</p>	12	2	Thuyết giảng (L), thảo luận nhóm (D)	Hướng dẫn bài tập về nhà (H)
3	<p><b>Chương 3. PRO-3M trong quản lý công nghiệp</b></p> <p>3.1. Giới thiệu về PRO-3M</p> <p>3.1.1. Khái niệm về PRO-3M</p> <p>3.1.2. Vai trò của PRO-3M trong quản lý sản xuất</p> <p>3.2. PRO-3M và hiệu quả cải tiến</p> <p>3.2.1. Các khái niệm cơ bản về KPIs, Sản phẩm (Product), Chất lượng (Quality), Vận chuyển (Logistic) trong hoạt động sản xuất công nghiệp</p> <p>3.2.2. Hiệu quả của quản lý sản xuất theo PRO-3M</p> <p>3.3. Các bước triển khai PRO - 3M áp dụng trong công nghiệp</p> <p>3.3.1. Kế hoạch PRO - 3M</p> <p>3.3.2. Thực hiện PRO - 3M</p> <p>3.3.3. Kiểm tra PRO - 3M</p>	6	2	Thuyết giảng (L), thảo luận nhóm (D)	Hướng dẫn bài tập về nhà (H)

	3.3.4. Cải tiến PRO - 3M 3.3.5. Duy trì PRO - 3M				
4	<b>Chương 4. Vận dụng Kaizen, 5S3D và PRO-3M cho các hoạt động cải tiến</b> 4.1. Những cải tiến điển hình thực tế từ doanh nghiệp 4.2. Vận dụng checklist đánh giá hiện trạng 5S3D và PRO-3M 4.3. Nhận diện lãng phí và xác định đề tài cải tiến 4.4. Triển khai các đề tài cải tiến cho từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ 4.5. Phương thức duy trì các hoạt động cải tiến	15	3	Phân công công việc (WA), Thảo luận nhóm (D)	Phân công công việc (WA), Hướng dẫn bài tập về nhà (H)

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Đánh giá thường xuyên	Bài tập kiểm tra thường xuyên	100%	75%
2	Đánh giá giữa kỳ	Tự luận/ trắc nghiệm	100%	75%
2,3	Đánh giá cuối kỳ lý thuyết	Tiểu luận	100%	75%
3	Đánh giá cuối kỳ thực hành	Báo cáo hoạt động cải tiến	100%	75%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài tập kiểm tra thường xuyên 1	10
	- Bài tập kiểm tra thường xuyên 2	10
	<b>Bài kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Tiểu luận cuối kỳ</b>	<b>50</b>
Thực hành	<b>Báo cáo hoạt động cải tiến</b>	<b>100</b>
	Chuẩn bị bài báo cáo powerpoint	30
	Kỹ năng trình bày	30
	Trả lời câu hỏi	40

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ

Ngày biên soạn/ cập nhật: 06 tháng 12 năm 2021

Trưởng bộ môn:

TS. Phạm Thị Hồng Phượng

**Trưởng khoa:**  
PGS.TS Nguyễn Văn Cường

**1. Tên và mã học phần: Hội họa (2106529)****2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

ThS. Đỗ Thị Anh Hoa

ThS. Mai Cẩm Tú

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính:*

[1] Ocvirk, Stinson, Wigg, Bone, Cayton (Lê Thành biên dịch), *Những nền tảng Mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật, 2006

[2] Nguyễn Hồng Hưng, *Nguyên lý design thị giác*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM, 2012

*Tài liệu tham khảo:*

[1] Lê Huy Văn, Trần Từ Thành, *Cơ sở tạo hình*, NXB Mỹ thuật, 2005

[2] Vương Hoàng Lục, *Nguyên lý hội họa đen trắng*, NXB Mỹ thuật, 2002

**5. Thông tin về học phần****a. Mục tiêu học phần:**

Học phần Hội Họa cung cấp cho sinh viên:

- Những kiến thức cơ bản của mỹ thuật về bố cục và màu sắc.
- Rèn luyện những kỹ năng cơ bản về hội họa như: chép/vẽ một số tranh bằng các chất liệu đơn giản.

**b. Mô tả vấn đề học phần**

Nội dung học phần bao gồm:

- Những kiến thức chung về nguyên lý cơ bản trong bố cục, màu sắc.
- Chép/vẽ sáng tác một số tranh ở mức căn bản như: chân dung, tĩnh vật và phong cảnh.

**c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C): Không có****d. Yêu cầu khác:**

- Sinh viên phải tham dự lớp học ít nhất 80% tổng số tiết;
- Trang bị đầy đủ tài liệu học tập và họa cụ.

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Tìm hiểu cơ bản về một số thể loại tranh và cách đọc hiểu một tác phẩm hội họa	
2	Phân tích các nguyên lý trong hội họa	
3	Vận dụng được kiến thức cơ bản của mỹ thuật tạo hình để có thể chép/vẽ sáng tác chân dung, phong cảnh ở mức căn bản	

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						

3						
---	--	--	--	--	--	--

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Giới thiệu 1.1. Nghệ thuật là gì 1.2. Cách đọc hiểu một bức tranh 1.3. Giới thiệu các thể loại tranh 1.4. Giới thiệu các chất liệu màu	5	1	L	_ Tìm hiểu Nghệ thuật thị giác _ Hiểu tác phẩm thị giác ở mức cơ bản
2	Chương 2: Nguyên lý cơ bản trong bố cục 2.1. Các yếu tố tạo thành bố cục 2.2. Các dạng bố cục căn bản	5	1,2	L; P; H	Tìm hiểu các yếu tố cơ bản trong bố cục: Hình, đường nét, điểm
3	Chương 3: Nguyên lý màu sắc 3.1. Màu sắc 3.2. Những khái niệm cơ bản về màu	5	2	P; H	Tìm hiểu các yếu tố cơ bản trong màu sắc: Tương phản, tương đồng, hòa sắc
4	Chương 4: Thực hành 4.1. Vòng thuần sắc 4.2. Chép hoa lá, côn trùng, động vật	10	3	P; H	Kỹ thuật tô màu, phối màu trên vòng thuần sắc Kỹ thuật phác hình hoa lá, côn trùng, động vật
5	Chương 5: Thực hành 5.1. Chép/vẽ sáng tác chân dung, tĩnh vật 5.2. Chép/vẽ sáng tác phong cảnh	20	3	P; H	Vận dụng kiến thức đã học với khả năng tưởng tượng để sáng tác tác phẩm theo từng thể loại

L: Lecture

P: Practices

H: Instruction for Homework

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Thuyết trình	Lý thuyết	100%	70%
2	Bài kiểm tra thường xuyên	Thực hành	100%	70%
3	Bài tập ở nhà 1, 2	Thực hành	100%	70%
	Cuối kỳ	Thực hành	100%	70%

	<b>Phương pháp đánh giá</b>	<b>Tỷ trọng</b>
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>100</b>
	_ Bài tập ở nhà	20
	_ Thuyết trình nhóm	70
	_ Hoạt động khác	10
<b>Thực hành</b>	_ Chuẩn bị bài	<b>30</b>
	_ Kỹ năng thực hành	<b>60</b>
	_ Báo cáo thực hành	<b>10</b>

*b. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 22 tháng 3 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng phó/khoa phụ trách:**

**1. Tên và mã học phần: Xã hội học (2113439)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3

Thực hành: 0

Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

ThS. Đỗ Thị Thìn

ThS. Phạm Thị Oanh

ThS. Đào Thị Nguyệt Ánh

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính*

[1] Lương Văn Úc. *Giáo trình Xã hội học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012. [301 LUO-U], [100290970-100290984]

*Tài liệu tham khảo*

[1] Phạm Đức Trọng, Nguyễn Hữu Túc, Hoàng Thế Cường. *Giáo trình Xã hội học đại cương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, 2016. [301 PHA-T], [10281950 – 100281959]

[2] Nguyễn Tiên Nam, Đoàn Thị Lan Hương, Nguyễn Mậu Dung. *Giáo trình Xã hội học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2010. [301 NGU-N], [100241374]

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong học phần người học:

- Có các kiến thức cơ bản về các khái niệm, phạm trù xã hội học, các quan điểm lý thuyết xã hội học và các phương pháp nghiên cứu xã hội học;
- Hiểu được sự khác biệt về văn hóa, cơ chế điều chỉnh xã hội, quá trình ổn định và biến đổi xã hội; mối quan hệ giữa cá nhân, nhóm/ tổ chức xã hội và xã hội;...
- Có khả năng phân tích, đánh giá một số hiện tượng xã hội đã và đang diễn ra trong đời sống xã hội Việt Nam dưới góc độ xã hội học.

*b. Mô tả vấn đề học phần*

Học phần Xã hội học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; đối tượng, chức năng của xã hội học; các khái niệm và phạm trù xã hội học; một số quan điểm lý thuyết về xã hội học; phương pháp nghiên cứu xã hội học. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức trên để hiểu, phân tích, và lý giải được một số hiện tượng xã hội ở Việt Nam dưới góc độ xã hội học. Học phần này cũng góp phần giúp sinh viên nhận định, đánh giá và giải quyết một cách tích cực, khoa học những vấn đề xã hội nảy sinh trong cuộc sống; đồng thời, góp phần hình thành thái độ chính trị đúng đắn, vững vàng; ý thức tổ chức kỉ luật; tinh thần trách nhiệm, tâm hồn lành mạnh, trong sáng.

*c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*  
Không.

*d. Yêu cầu khác*

Có mặt trên lớp > 80% thời lượng môn học. Thực hiện đầy đủ các bài tập, bài kiểm tra cá nhân và hoạt động nhóm.

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về xã hội học.	
2	Giải thích được một số vấn đề xã hội học.	
3	Lý giải được một số hiện tượng xã hội đã và đang diễn ra trên đất nước ta.	
4	Giải quyết được các vấn đề xã hội trong cuộc sống cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật và chuẩn mực xã hội.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p><b>Chương 1. Tổng quan về xã hội học</b></p> <p>1.1. Lược sử về sự ra đời của xã hội học</p> <p>1.2. Những nhu cầu cho sự ra đời XHH</p> <p>1.3. Những điều kiện của sự ra đời xã hội học</p> <p>1.4. Ý nghĩa của sự ra đời xã hội học</p> <p>1.5. Những nhà lý thuyết xã hội học kinh điển</p> <p>1.6. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học và mối quan hệ giữa Xã hội học với các ngành Khoa học Xã hội khác</p>	6	1	L: Lecture D: Discussion	<p>SV đọc trước tài liệu:</p> <p>- <i>Giáo trình Xã hội học</i>. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012, tr. 21-66.</p> <p>- <i>Giáo trình Xã hội học đại cương</i>. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức – Hội Luật gia, Việt Nam, 2016, tr. 13-55</p>

2	<b>Chương 2. Các lý thuyết xã hội học cơ bản</b> 2.1. Lý thuyết chức năng cấu trúc 2.2. Lý thuyết vai trò 2.3. Lý thuyết xung đột 2.4. Lý thuyết tương tác biểu trưng 2.5. Các lý thuyết về lệch lạc 2.6. Quan điểm Xã hội học Mác- xít	6	1,2	L: Lecture D: Discussion	- Đọc tài liệu GV cung cấp, tìm hiểu về các lý thuyết: hành động xã hội, tranh chấp xã hội của Marx, lý thuyết đưng độ xã hội
3	<b>Chương 3. Văn hóa</b> 3.1. Khái niệm văn hóa 3.2. Các loại hình văn hóa 3.3. Các thành tố của văn hóa 3.4. Tính đa dạng và những hệ quả của sự khác biệt văn hóa	6	1,2	L: Lecture D: Discussion H: Instruction for Homework	SV nghiên cứu tài liệu: <i>Giáo trình Xã hội học</i> . Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012, tr. 289 -299 và các tài liệu có liên quan, tìm hiểu: + Chức năng của văn hóa + Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
4	<b>Chương 4. Xã hội hóa</b> 4.1. Khái niệm xã hội hóa 4.2. Quá trình xã hội hóa 4.3. Môi trường xã hội hóa 4.4. Vị trí, vị thế và vai trò xã hội	6	2,3	L: Lecture D: Discussion	- SV đọc tài liệu, tìm hiểu về vai trò của xã hội hóa. - Phân đoạn quá trình xã hội hóa theo quan điểm phương Đông.
5	<b>Chương 5. Tổ chức xã hội và thiết chế xã hội</b> 5.1. Nhóm xã hội 5.2. Cộng đồng xã hội 5.3. Tổ chức xã hội 5.4. Thiết chế xã hội	6	3,4	L: Lecture D: Discussion	SV tham khảo thêm tài liệu: <i>Xã hội học</i> . Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia, 1997, tr. 161-203
6	<b>Chương 6. Bất bình đẳng xã hội và phân tầng xã hội</b> 6.1. Bất bình đẳng xã hội 6.2. Phân tầng xã hội 6.3. Giai cấp xã hội	5	3,4	L: Lecture D: Discussion H: Instruction for Homework	- SV nghiên cứu trước tài liệu GV cung cấp, tìm hiểu: Các lý thuyết về bất bình đẳng xã hội và phân tầng xã hội - SV nghiên cứu các tài liệu có liên quan, tìm hiểu về Phân tầng xã hội ở Việt Nam

					giai đoạn hiện nay.
7	<b>Chương 7. Một số lĩnh vực chuyên ngành xã hội học</b> 7.1. Xã hội học gia đình 7.2. Xã hội học nông thôn 7.3. Xã hội học đô thị 7.4. Xã hội học dư luận và truyền thông đại chúng 7.5. Xã hội học pháp luật	5	3,4	L: Lecture D: Discussion H: Instruction for Homework	SV nghiên cứu tài liệu: <i>Giáo trình Xã hội học</i> . Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012, tr. 446 - 507. - Chức năng chủ yếu của gia đình - Một số vấn đề đặt ra đối với gia đình Việt Nam dưới tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa hiện nay. - Xã hội học lao động - Xã hội học kinh tế
8	<b>Chương 8. Các phương pháp nghiên cứu xã hội học</b> 8.1. Các phương pháp nghiên cứu xã hội học 8.2. Tổ chức nghiên cứu xã hội học 8.3. Kỹ thuật thu thập và xử lý thông tin XHH	5	1,4	L: Lecture D: Discussion P: Practies	- Các nhóm thực hiện các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học: xác định đề tài, đối tượng, mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu; xây dựng giả thuyết; xác định phương pháp thu thập thông tin; xây dựng bảng hỏi; chọn mẫu điều tra;...

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Kiểm tra thường kì	Tự luận	40%	85%
	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	60%	80%
2	Kiểm tra thường kì	Bài tập, thuyết trình	40%	7777 85%
	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	60%	80%
3	Kiểm tra thường kì	Bài tập, thuyết trình	30%	80%
	Kiểm tra cuối kỳ	Tự luận	70%	85%

4	Kiểm tra cuối kỳ	Tự luận	100%	80%
---	------------------	---------	------	-----

**b. Các thành phần đánh giá**

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên	10
	- Bài tập ở nhà	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

**c. Thang điểm đánh giá:** Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

TS. Đặng Hữu Phúc

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

TS. Ngô Ngọc Hưng

**2132003 - Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Âm nhạc- Nhạc lý và guitar căn bản (Music-Music Theory and Guitar Basics, 2132003)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 1      Thực hành: 4      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

- TS. Trần Hữu Thắng
- TS. Nguyễn Viễn Quốc.

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính*

[1]. Nguyễn Thiên Tuế. *Nhạc lý căn bản và Thực hành Guitar*. Nxb Đại học Công nghiệp Tp.HCM, 2018. [KML000007]

[2]. Steve Krenz (Người dịch: Đặng Quốc Đức). *Giáo trình Lear & Master Guitar (tập*

**2). NXB Legacy, 2010. [KML000006]**

*Tài liệu tham khảo*

[1]. Hoàng Hạc. *Kỹ thuật solo guitar*. NXB Mỹ Thuật, 2016. [KML000005]

[2]. Song Minh. *30 ngày biết đệm guitar*. NXB Âm Nhạc, 2015. [KML000004]

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

- Nắm được nhạc lý căn bản để đọc được bản nhạc, làm nền tảng cho xướng âm và chơi các nhạc cụ.
- Chơi được đàn guitar ở mức độ cơ bản.
- Vận dụng được kiến thức âm nhạc để thưởng thức, cảm thụ các tác phẩm âm nhạc.

*b. Mô tả vắn tắt học phần*

- Lý thuyết: Nội dung học phần bao gồm kiến thức căn bản về âm nhạc: một số khái niệm về âm nhạc, nhạc lý căn bản (cao độ, trường độ, nhịp, phách, quãng, âm giai, giai điệu, tiết tấu);
- Thực hành: Các bài thực hành nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng về âm nhạc như đọc - hiểu được một bản nhạc hoàn chỉnh, chơi solo và accord được bản nhạc bằng guitar.

*c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

Không

*d. Yêu cầu khác*

- Sinh viên phải tham dự lớp học ít nhất 80% tổng số tiết;
- Trang bị đầy đủ tài liệu và đàn guitar.

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
<b>1</b>	Đọc được ký âm của một bản nhạc	
<b>2</b>	Biết được cách xướng âm một cách căn bản	
<b>3</b>	Chơi solo được một bản nhạc (nhạc nhẹ, cổ điển...) bằng guitar	
<b>4</b>	Chơi accord (hợp âm) được một bản nhạc bằng guitar	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
<b>1</b>						
<b>2</b>						

3						
4						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Các khái niệm cơ bản của âm nhạc 1.1. Âm thanh 1.2. Âm nhạc	10	1, 2	L, I	- Đọc giáo trình trước khi lên lớp. - Hoàn thành bài tập giảng viên giao.
2	Chương 2: Cao độ, trường độ, nhịp, phách 2.1. Cao độ 2.2. Trường độ 2.3. Nhịp, Phách	15	1, 2	L, H, P	- Đọc giáo trình trước khi lên lớp. - Hoàn thành bài tập giảng viên giao.
3	Chương 3: Quãng, Âm giai (gam), Hợp âm 3.1. Quãng 3.2. Âm giai (gam/gamme) 3.3. Hợp âm 3.4. Quy tắc tìm hợp âm một bản nhạc	20	3, 4	P, D,L	- Đọc giáo trình trước khi lên lớp. - Hoàn thành bài tập giảng viên giao.
4	Chương 4: Giai điệu, tiết tấu, thực hành đệm một số điệu nhạc thông dụng 4.1. Khái niệm 4.2. Thực hành đệm một số điệu nhạc thông dụng 4.3. Một số tác phẩm thực hành đệm guitar	30	3,4	L, P	- Đọc giáo trình trước khi lên lớp. - Hoàn thành bài tập giảng viên giao.

*Ghi chú thuật ngữ viết tắt:*

**L:** Lecture; **I:** Instructions in serving as model; **D:** Discussion; **P:** Practices; **H:** Instruction for Homework.

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kì số 1	Thi viết	100%	90%
2	Bài thực hành số 2	Thực hành	100%	90%
3	Bài thi Giữa kì	Thực hành	100%	95%
4	Bài thi cuối kì (lý thuyết)	Thi viết	100%	97%
5	Bài cuối kì (thực hành)	Thực hành	100%	95%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên/ Thi viết	10
	- Bài tập ở nhà	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

<b>Thực hành</b>	Kỹ năng thực hành	<b>100</b>
------------------	-------------------	------------

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn:** 18 tháng 03 năm 2022

**Phụ trách bộ môn:**

TS. Trần Hữu Thắng

**Trưởng khoa:**

TS. Nguyễn Trung Dũng

## 2111492 - Tiếng Việt thực hành

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Tiếng Việt thực hành (2111492)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 1      Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Đặng Thị Kim Phượng.

ThS. Hà Thị Ánh

ThS. Nguyễn Thị Đức.

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Bùi Minh Toán, Lê A và Đỗ Việt Hùng (2012) *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục. [100075079]

Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1999) *Tiếng Việt thực hành*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. [KNN000111]

[3] Nguyễn Công Đức, Nguyễn Kiên Trường (2001) *Thực hành tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia TP HCM. [KNN000112]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho sinh viên:

- Đặc điểm, cấu trúc cơ bản của tiếng Việt.
- Nhận biết và khắc phục những sai sót khi nói, viết, dùng từ, đặt câu.
- Trình bày mạch lạc một văn bản, tự tin khi nói và viết tiếng Việt.

##### b. Mô tả văn tắt học phần

Môn học cung cấp tri thức cơ bản cần thiết về đặc điểm, cấu trúc tiếng Việt trong văn viết và nói. Các kiến thức được cung cấp nhằm giúp sinh viên nhận biết và khắc phục những sai sót khi nói, viết, dùng từ, đặt câu. Rèn cho sinh viên năng lực sử dụng từ đúng, đặt câu chính xác, trình bày mạch lạc một văn bản, tạo cho người học sự tự tin khi nói và viết tiếng Việt; góp phần nâng cao nhận thức, ý thức, sự tôn trọng tiếng mẹ đẻ - tiếng Việt, ngôn ngữ giao tiếp chính thức trong xã hội Việt Nam.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C) không

##### d. Yêu cầu khác

Có mặt trên lớp > 80% thời lượng môn học. Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và bài tập.

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Viết đúng chính tả, dùng từ đúng, sử dụng dấu câu chính xác.	
2	Phân tích được cấu trúc câu tiếng Việt, nhận diện được lỗi câu và sửa lỗi câu sai.	
3	Phân tích được các phương thức liên kết và thực hành về liên kết câu.	
4	Trình bày được cấu trúc của các loại văn bản và soạn thảo được các loại văn bản.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

<i>CLOs</i>	<i>SO1</i>	<i>SO2</i>	<i>SO3</i>	<i>SO4</i>	<i>SO5</i>	<i>SO6</i>
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>3</i>						
<i>4</i>						

### 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Giới thuyết chung</b> 1.1. Đặc điểm của tiếng Việt 1.2. Thực trạng của việc sử dụng tiếng Việt hiện nay 1.3. Tiếng Việt và vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	2/1	1	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành Làm việc nhóm	-SV tìm hiểu thực trạng sử dụng tiếng Việt, nguyên nhân, tác hại; đưa ra giải pháp hướng đến chuẩn chung.
2	<b>Chương 2. Kỹ năng viết chính tả tiếng Việt</b> 2.1. Khái quát về chính tả tiếng Việt 2.2. Những quy định về chính tả tiếng Việt 2.3. Luyện sửa các lỗi chính tả thường gặp	4/2	1	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành	- Đọc tài liệu để nắm các quy tắc chính tả, mẹo luật chính tả. - Tìm các lỗi chính tả trong thực tế sử dụng
3	<b>Chương 3. Kỹ năng dùng từ</b> 3.1. Khái quát về từ trong tiếng Việt 3.2. Những yêu cầu chung về việc dùng từ trong văn bản 3.3. Sửa các lỗi thông thường về dùng từ	6/3	1	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành	- Làm các bài tập trắc nghiệm để bổ sung vốn từ. - Nắm vững những yêu cầu của việc dùng từ.
4	<b>Chương 4. Kỹ năng đặt câu</b> 4.1. Khái quát về câu tiếng Việt 4.2. Yêu cầu về câu trong văn bản 4.3. Sửa các lỗi thông thường về câu	8/4	1, 2	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành	-Nắm vững kiến thức về thành phần câu, dấu câu; các lỗi phổ biến về câu để phân tích và sửa lỗi.
5	<b>Chương 5. Liên kết câu</b> 5.1. Khái quát 5.2. Các phương thức liên kết hình thức	4/2	3	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành	- Đọc tài liệu, bài giảng nắm được nội dung các phép liên

	5.3. Các phương thức liên kết nội dung				kết và cách nhận diện.
6	<b>Chương 6. Văn bản</b> 6.1. Khái quát 6.2. Cấu trúc của một văn bản thông thường 6.3. Các thể loại văn bản 6.4. Văn bản khoa học 6.5. Văn bản hành chính	6/3	4	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành	- Đọc tài liệu, nắm vững đặc trưng các phong cách văn bản và dạng đặc biệt của PCNN Khoa học: Luận văn, tiểu luận

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

Course Learning Outcomes (CLOs)	KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ		Tỉ trọng	Mục tiêu	Expected Learning Outcomes (ELOs)
	Bài thi và phương pháp đánh giá	Loại hình đánh giá			
1. Viết đúng chính tả, dùng từ đúng, sử dụng dấu câu chính xác.	Bài thường kì 1	continuous	100%	95%	
	Bài thi Giữa kì	summative			
2. Phân tích được cấu trúc câu tiếng Việt, nhận diện được lỗi câu và sửa lỗi câu sai.	Bài thường kì 2	continuous	100%	90%	
	Bài thi cuối kì	summative			
3. Phân tích được các phương thức liên kết câu và thực hành về liên kết câu	Bài thường kì 3	continuous	100%	95%	
	Bài thi cuối kì	summative			
4. Trình bày được cấu trúc của các loại văn bản và soạn thảo được các loại văn bản.	Bài thi cuối kì	Summative	100%	90%	

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %
----------------------	------------

Thực hành	Bài kiểm tra thường xuyên	20
	Kiểm tra giữa kỳ	30
Thực hành	Kiểm tra cuối kỳ	50

**c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.**

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 14 tháng 2 năm 2022

**Trưởng bộ môn:** ThS. Hoàng Thị Phong Linh

**Trưởng/phó khoa phụ trách:** TS. Phan Thị Tuyết Nga

**1. Tên và mã học phần: Tâm lý học đại cương (2110585)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3    Lý thuyết: 3    Thực hành: 0    Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

- PGS.TS Phan Thị Tố Oanh
- TS Lê Thị Hương
- ThS Lê Thị Thương
- ThS Nguyễn Thu Hà

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính*

[1] Phan Thị Tố Oanh. *Giáo trình Tâm lý học đại cương*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2016. [10075077].

Tài liệu tham khảo

[1] Gillian Butler & Freda Mc Manus. *Dẫn luận về tâm lý học*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Hồng Đức, 2016.

[2] Phan Thị Kim Ngân (Chủ biên). *Giáo trình tâm lý học đại cương*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Đại học Hồng Đức, 2015. [100281910]

[3] Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên). *Tâm lý học đại cương*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013. [100271461]

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

Học phần giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức cơ bản về: Bản chất tâm lý người; Cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người; Hoạt động, giao tiếp và nhân cách; Quá trình nhận thức; Tình cảm, ý chí và hành động ý chí. Từ đó, sinh viên tự tin chủ động trong học tập, cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp

*b. Mô tả vắn tắt học phần*

Học phần Tâm lý học đại cương là học phần tự chọn của các ngành đào tạo tại IUH giúp người học giải thích được các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người, quy luật và những biểu hiện của các hiện tượng tâm lý người trên cơ sở đó giúp người học nhận

diện, vận dụng được cơ chế hoạt động của các hiện tượng tâm lý người vào cuộc sống và nghề nghiệp.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

d. Yêu cầu khác

- Nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo trước ở nhà;
- Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, nghỉ học quá 20% số tiết sẽ bị cấm thi;
- Tham gia tích cực các hoạt động học tập trên lớp và về nhà.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Giải thích(Explain) được kiến thức cơ bản về Tâm lý như: Bản chất tâm lý người; Cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người; Hoạt động, giao tiếp và nhân cách; Quá trình nhận thức; Tình cảm, ý chí và hành động ý chí.	
2	Giải quyết (Solve) bài tập tình huống, chủ đề theo nhóm, hoặc các vấn đề khác về hiện tượng tâm lý trong cuộc sống và nghề nghiệp.	
3	Thể hiện (Express) được tính chuyên cần và tích cực trong học tập	

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Tâm lý học là một khoa học 1.1. Giới thiệu tổng quan môn học và chính sách môn học	9	1	L,D,WA	Nghiên cứu trước tài liệu trên LMS

	<p>1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học</p> <p>1.3. Vai trò của tâm lý học và một số nhà tâm lý học tiêu biểu</p> <p>1.4. Bản chất hiện tượng tâm lý người</p> <p>1.5. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý học</p>				
2	<p>Chương 2. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức</p> <p>2.1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý</p> <p>2.2. Cơ sở xã hội của tâm lý</p> <p>2.3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức theo phương diện cá thể.</p> <p>2.4. Chú ý- Điều kiện của hoạt động có ý thức.</p>	6	1	L,D,WA	Nghiên cứu trước tài liệu trên LMS
3	<p>Chương 3. Nhận thức cảm tính</p> <p>3.1. Cảm giác</p> <p>3.2. Tri giác</p>	3	1	L,D,WA,S	Nghiên cứu tài liệu trên LMS, Thuyết trình nhóm
4	<p>Chương 4. Nhận thức lý tính</p> <p>4.1. Tư duy</p> <p>4.2. Tưởng tượng</p>	6	1	L,D,WA,S	Nghiên cứu tài liệu trên LMS, Thuyết

					trình nhóm
5	<p>Chương 5. Trí nhớ</p> <p>5.1. Khái niệm trí nhớ.</p> <p>5.2. Phân loại trí nhớ.</p> <p>5.3. Các quá trình cơ bản của trí nhớ</p> <p>5.4. Các biện pháp rèn luyện và phát triển trí nhớ</p>	3	1	L,D,WA,S	Nghiên cứu tài liệu trên LMS, Thuyết trình nhóm
6	<p>Chương 6. Tình cảm</p> <p>6.1. Khái niệm chung</p> <p>6.2. Vai trò của tình cảm</p> <p>6.3. Các loại tình cảm</p> <p>6.4. Qui luật của tình cảm</p>	6	1	L,D,WA,S	Nghiên cứu tài liệu trên LMS, Thuyết trình nhóm
7	<p>Chương 7. Ý chí và hành động ý chí</p> <p>7.1. Khái niệm chung</p> <p>7.2. Các phẩm chất nhân cách của ý chí</p> <p>7.3. Hành động ý chí và hành động tự động hóa</p>	3	1	L,D,WA,S	Nghiên cứu tài liệu trên LMS, Thuyết trình nhóm
8	<p>Chương 8. Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách</p> <p>8.1. Khái niệm chung về nhân cách</p> <p>8.2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách</p> <p>8.3. Sự hình thành và phát</p>	9	1	L,D,WA,S,H	Nghiên cứu tài liệu trên LMS, Thuyết trình nhóm

	triển nhân cách				
--	-----------------	--	--	--	--

- **Ghi chú:** *L: Lecture S: Seminar D: Discussion WA: Work Assignment, H:*

*Instruction for Homework*

**Quy định về hoạt động nhóm:** Danh sách sinh viên của mỗi nhóm cố định trong suốt quá trình học. Trong từng bài tập sinh viên cần lập bản phân công công việc, cũng như có biên bản họp nhóm để làm minh chứng.

## 8. Phương pháp đánh giá

*a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần*

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	30%	Không đo lường CDR
	Bài kiểm tra cuối kỳ	Trắc nghiệm	70%	70%
2	Bài kiểm tra thường kỳ	Tự luận/ Trắc nghiệm	30%	Không đo lường CDR
	Bài kiểm tra thường kỳ	Tiểu luận	70%	70%
3	Điểm danh và hoạt động trên lớp	Điểm danh	100%	70%

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	Đánh giá thường xuyên	20
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	20
	Kiểm tra giữa kỳ	30
	Kiểm tra cuối kỳ	50

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## 2111491 - Cơ sở văn hóa Việt Nam

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam (2111491)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 3

Thực hành: 0

Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Đặng Thị Kim Phượng

ThS. Hà Thị Ánh

ThS. Nguyễn Thị Đức

#### 4. Sách sử dụng

*Tài liệu chính*

[1] Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2012. [100035515]

*Tài liệu tham khảo*

[1] Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn học, 2015. [KNN000004]

[2] Trần Quốc Vượng, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2015. [100287694]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mô tả mục tiêu học phần:

Cung cấp cho sinh viên:

- Những tri thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam.

- Giúp sinh viên có thái độ yêu mến, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa. Giúp sinh viên nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, hiểu được tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ nguồn gốc cho đến nay.

Môn học còn giúp sinh viên tìm hiểu các thành tố văn hóa: Văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không.

##### d. Yêu cầu khác

Có mặt trên lớp > 80% thời lượng môn học. Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra và các buổi thuyết trình, thảo luận.

#### 6. Chuẩn đầu ra của môn học

Khi hoàn thành môn học, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày được khái niệm, đặc trưng và chức năng của văn hóa, cấu trúc của hệ thống văn hoá; định vị văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hóa Việt Nam.	
2	Giải thích được những giá trị của văn hoá nhận thức (nhận thức về vũ trụ và nhận thức về con người) đã ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của văn hoá Việt Nam.	
3	Phân tích được các đặc điểm cơ bản của văn hóa tổ chức cộng đồng với hai bộ phận: văn hoá tổ chức đời sống tập thể và văn hoá tổ chức đời sống cá nhân của người Việt Nam.	
4	Phân tích được các đặc trưng của văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của người Việt Nam trong thực tế đời sống.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

## 7. Nội dung cơ bản của môn học

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Mở đầu. Giới thiệu môn học</b> 1. Giới thiệu tổng quan môn học và các hình thức dạy học và đánh giá môn học 2. Phân nhóm sinh viên 3. Triển khai một số kỹ năng cần thiết	1		- Thuyết giảng - Thảo luận	- Đọc Đề cương học phần để nắm được Nội dung học phần CSVH Việt Nam, chuẩn đầu ra và cách thức đánh giá,...
2	<b>Chương 1. Văn hóa và văn hóa học</b> 1.1. Văn hoá và văn hoá học 1.2. Định vị văn hoá Việt Nam 1.3. Tiến trình văn hoá Việt Nam	6	1	- Thuyết giảng - Hỏi đáp - Thảo luận	- Đọc tài liệu môn học phần Định nghĩa văn hoá, đặc trưng và chức năng của văn hoá, định vị văn hoá Việt Nam, tiến trình văn hoá Việt Nam.
3	<b>Chương 2. Văn hóa nhận thức</b> 2.1. Triết lí âm dương 2.2. Mô hình Tam tài - Ngũ hành 2.3. Lịch âm dương và hệ Can chi 2.4. Nhận thức về con người	7	2	- Thuyết giảng - Hỏi đáp - Thảo luận	- Đọc tài liệu môn học phần Tư tưởng xuất phát về bản chất của vũ trụ, triết lí về cấu trúc không gian, thời gian của vũ trụ; nhận thức về con người tự nhiên và cách nhìn cổ truyền về con người xã hội.
4	<i>Chương 3. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể</i> 3.1. Tổ chức nông thôn	7	3	- Thuyết giảng - Thuyết	- Đọc tài liệu môn học phần Văn hoá tổ chức đời sống tập thể.

	3.2. Tổ chức quốc gia 3.3. Tổ chức đô thị			trình - Thảo luận	- Tổ chức làm việc nhóm để xây dựng nội dung thuyết trình về Tổ chức nông thôn; Tổ chức quốc gia; Tổ chức đô thị.
5	<b>Chương 4. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân</b> 4.1. Tín ngưỡng 4.2. Phong tục 4.3. Văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ 4.4. Nghệ thuật thanh sắc, hình khối	8	3	- Thuyết giảng - Thảo luận	- Đọc tài liệu môn học phần Văn hoá tổ chức đời sống tập thể. - Tìm hiểu những khác biệt trong hôn nhân xưa và nay; sưu tầm/trình diễn những nét độc đáo trong nghệ thuật thanh sắc, hình khối,...
6	<b>Chương 5. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên</b> 5.1. Văn hoá ăn uống 5.2. Văn hoá mặc 5.3. Nhà cửa 5.4. Đi lại	8	4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Thuyết trình	- Đọc tài liệu môn học phần Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên. - Tổ chức làm việc nhóm để xây dựng nội dung thuyết trình về Văn hoá ăn, mặc, ở và đi lại.
7	<b>Chương 6. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội</b> 6.1. Balamon giáo và văn hóa Chăm Pa 6.2. Phật giáo và văn hóa Việt Nam 6.3. Nho giáo và văn hóa Việt Nam 6.4. Đạo giáo và văn hóa Việt Nam 6.5. Phương Tây và văn hóa Việt Nam 6.6. Tính dung hợp trong văn hóa Việt Nam	8	4	- Thuyết giảng - Thảo luận - Thuyết trình	- Đọc tài liệu môn học phần Văn hoá ứng xử với môi trường xã hội. - Tổ chức làm việc nhóm để xây dựng nội dung thuyết trình: Phật giáo và văn hoá Việt Nam; Nho giáo và văn hoá Việt Nam; Phương Tây và văn hoá Việt Nam,...

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

Course Learning Outcomes (CLOs)	KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ		Tỉ	Mục	Expected Learning Outcomes (ELOs)
	Bài thi và phương pháp đánh giá	Loại hình đánh giá			

1. Trình bày được khái niệm, đặc trưng và chức năng của văn hóa, cấu trúc của hệ thống văn hoá, định vị văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam.	Bài thường kì	Continuous		90%	
	Bài thi giữa kì	Summative	100%		
2. Giải thích được những giá trị của văn hoá nhận thức (nhận thức về vũ trụ và nhận thức về con người) đã ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của văn hoá Việt Nam.	Bài thường kì	Continuous		80%	
	Bài thi giữa kì	Summative	100%		
3. Phân tích được đặc điểm cơ bản của văn hóa tổ chức cộng đồng với hai bộ phận: văn hoá tổ chức đời sống tập thể và văn hoá tổ chức đời sống cá nhân của người Việt Nam.	Bài thường kì	Continuous		85%	
	Bài thi giữa kì				
	Bài thi cuối kì	Summative	100%		
4. Phân tích được các đặc trưng của văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của người Việt Nam trong thực tế đời sống.	Bài thường kì	Continuous		80%	
	Bài thi cuối kì	Summative	100%		

**b. Các thành phần đánh giá**

<b>Phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỷ trọng %</b>
Lý thuyết	Kiểm tra thường kì (Tự luận/thuyết trình nhóm)	20
	Kiểm tra giữa kì (Tự luận)	30
	Kiểm tra cuối kì (Tự luận)	50

**c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ**

**Ngày biên soạn/cập nhật:** 14 tháng 2 năm 2022

**Trưởng bộ môn:** ThS. Hoàng Thị Phong Linh

**Trưởng/phó khoa phụ trách:** TS. Phan Thị Tuyết Nga

**2101727 - Kỹ năng sử dụng bàn phím và thiết bị văn phòng**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: KỸ NĂNG SỬ DỤNG BÀN PHÍM VÀ THIẾT BỊ VĂN PHÒNG (2101727)**

**2. Số tín chỉ: 3(2,2,5)**

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Tự học: 5

**3. Giảng viên phụ trách:**

ThS. Giảng Thanh Trọn

ThS. Võ Ngọc Tấn Phước

ThS. Nguyễn Hữu Quang

ThS. Võ Công Minh

ThS. Phạm Thái Khanh

**4. Tài liệu học tập**

Tài liệu chính:

[1] Giảng Thanh Trọn – Phạm Đình Phúc – Kiều Đức Huỳnh: Bài Giảng Kỹ năng sử dụng Bàn phím và Thiết bị văn phòng.

Tài liệu tham khảo

[1] Typing Master – Phần mềm dùng để luyện bàn phím.

[2] Typer Shark Deluxe – Phần mềm dùng để luyện bàn phím.

**5. Thông tin về học phần**

a. Mục tiêu học phần:

Môn học này giúp Sinh viên:

- Sử dụng thành thạo 10 ngón tay để soạn thảo văn bản trên máy tính, hình thành tác phong soạn thảo văn bản chuyên nghiệp.
- Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng thường gặp.

b. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần Kỹ năng sử dụng Bàn phím và Thiết bị văn phòng bao gồm những nội dung như sau:

- Nội dung lý thuyết: Môn học cung cấp kiến thức căn bản về sử dụng máy tính, thiết bị văn phòng làm nền tảng giúp người học hiểu được tầm quan trọng và vai trò của kỹ năng đánh máy vi tính sử dụng 10 ngón tay. Đồng thời, môn học giúp người học am hiểu các thiết bị văn phòng thường gặp, biết tự chịu trách nhiệm, bảo quản, phát hiện các lỗi thông thường và sửa chữa các thiết bị này nhằm phục vụ tốt nhất cho công việc văn phòng của mình trong tương lai.

- Nội dung thực hành: Các bài tập thực hành giúp sinh viên ngồi sử dụng máy tính đúng tư thế. Hình thành phong cách gõ phím đúng và nhanh, biết cách sử dụng các phím thông thường, phím số, phím tắt và các phím ký tự đặc biệt sử dụng trong quá trình đánh máy. Vận dụng các kỹ thuật đánh máy sử dụng 10 ngón tay để đánh máy văn bản với tốc độ nhanh và đúng kỹ thuật. Ngoài ra, sinh viên sẽ tiếp cận sử dụng các thiết bị văn phòng thường gặp, biết cách bảo quản, phát hiện, sửa chữa một số lỗi thông dụng.

c. Học phân học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

d. Yêu cầu khác:

- Phương pháp học tập: Sinh viên cần phải đọc các tài liệu được yêu cầu, hoàn thành các bài tập theo tuần. Trong giờ học, sinh viên cần chủ động tương tác với giảng viên và thực hành các bài tập theo yêu cầu. Tham dự đầy đủ giờ giảng của giảng viên.
- Phương pháp đánh giá: Sinh viên tham dự học và kiểm tra theo quy chế học vụ hiện hành của Nhà trường. Sinh viên có nhiệm vụ kiểm tra ngày đến hạn của các hoạt động đánh giá. Những bài tập không được giao hạn thời gian nộp, nếu sinh viên nộp trễ sẽ bị điểm không.
- Đảm bảo sự trung thực trong học tập: Sinh viên cần phải trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo (nếu có) trong các bài đánh giá và sẽ bị điểm không nếu phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào. Trung thực trong học tập và thực hiện các bài kiểm tra, bài thi.
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, năng động trong tìm kiếm tri thức. Đoàn kết giúp đỡ bạn bè và ý thức thực hiện tốt các quy định của nhà trường và trong lớp học.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Vận dụng được tư thế ngồi đúng, gõ phím đúng và nhanh các phím cơ bản	
2	Vận dụng được cách gõ phím đúng và nhanh các phím số và ký tự đặc biệt	
3	Vận dụng được cách kết hợp các phím, gõ đúng và gõ phím nhanh	
4	Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng thường gặp	
5	Cài đặt, cấu hình và sửa được các lỗi thường gặp khi sử dụng thiết bị	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						
5						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết (LT/TH)	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p><b>Chương 1. Các khái niệm cơ bản về luyện phím</b></p> <p>1.1. Các khái niệm</p> <p>1.2. Kỹ năng đánh máy sử dụng 10 ngón tay</p> <p>1.3. Tư thế ngồi đánh máy</p> <p>1.4. Vị trí đặt ngón tay lên phím</p>	3/3	1	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul> <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc bài trước ở nhà</li> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	- Thực hành
2	<p><b>Chương 2. Sử dụng bàn phím</b></p> <p>2.1. Gõ phím với hàng phím cơ bản: ASDFG HJKL;</p> <p>2.2. Gõ phím với hàng phím trên: QWERT YUIOP</p> <p>2.3. Gõ phím với hàng phím dưới: ZXCV BNM,.</p> <p>2.4. Gõ phím với hàng phím số: 1234567890=-</p> <p>2.5. Gõ phím với Ký tự đặc biệt, dấu thanh</p> <p>2.6. Kết hợp Shift và các ký tự: !@#\$\$%^&amp;*()_+</p>	6/12	1, 2	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul> <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc bài trước ở nhà</li> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	- Thực hành
3	<p><b>Chương 3. Soạn thảo văn bản tốc độ nhanh</b></p> <p>3.1. Kết hợp các phím trên hiệu hàng phím</p> <p>3.2. Thực hành soạn thảo văn bản</p>	6/6	2, 3	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul> <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc bài trước ở nhà</li> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	- Thực hành

4	<p><b>Chương 4. Giới thiệu Thiết bị văn phòng</b></p> <p>4.1. Khái niệm thiết bị văn phòng</p> <p>4.2. Máy tính cá nhân</p> <p>4.2.1. Khái niệm máy tính</p> <p>4.2.2. Chức năng và đặc điểm</p> <p>4.2.3. Các thành phần cơ bản của máy tính</p> <p>4.2.3.1. Phần cứng máy tính</p> <p>4.2.3.2. Phần mềm máy tính</p> <p>4.2.3.3. Hệ điều hành</p> <p>4.2.4. Các thao tác cơ bản trên Desktop</p> <p>4.2.5. Sử dụng các tiện ích trên Windows</p> <p>4.3. Thiết bị kết nối mạng Modem</p> <p>4.4. Các Thiết bị Văn phòng thường gặp</p> <p>4.4.1. Máy in</p> <p>4.4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.4.1.2. Phân loại máy in</p> <p>4.4.2. Máy Scan</p> <p>4.4.2.1. Khái niệm</p> <p>4.4.2.2. Phân loại và công dụng</p> <p>4.4.3. Máy Photocopy</p> <p>4.4.3.1. Khái niệm</p> <p>4.4.3.2. Phân loại và công dụng</p> <p>4.4.4. Máy chiếu</p> <p>4.4.4.1. Khái niệm</p> <p>4.4.4.2. Phân loại và công dụng</p> <p>4.4.5. Webcam</p> <p>4.4.5.1. Khái niệm</p> <p>4.4.5.2. Phân loại và công dụng</p>	6/3	4	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul> <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc bài trước ở nhà</li> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	- Thực hành
5	<p><b>Chương 5. Cài đặt cấu hình và sửa lỗi các thiết bị văn phòng</b></p> <p>5.1. Làm quen với máy tính</p> <p>5.1.1 Thao tác tắt/mở máy tính</p> <p>5.1.2 Các cổng kết nối các thiết bị ngoại vi</p> <p>5.2. Kết nối mạng Internet thông qua Modem</p> <p>5.2.1 Kết nối máy tính để bàn PC</p> <p>5.2.2 Kết nối máy tính xách tay/Thiết bị di động</p> <p>5.3. Cài đặt và Sử dụng máy in đen trắng</p> <p>5.3.1 Cài đặt trình điều khiển thiết bị (Driver)</p> <p>5.3.1.1 Cài đặt cho máy tính Windows</p> <p>5.3.1.2 Cài đặt cho máy tính MacOS</p> <p>5.3.2 Thiết lập in một mặt giấy/ hai</p>	9/6	5	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul> <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc bài trước ở nhà</li> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	- Thực hành

	<p>mặt giấy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>5.3.2.1 Thiết lập in một mặt giấy</li> <li>5.3.2.2 Thiết lập in hai mặt giấy</li> <li>5.3.3 Các lỗi bảng in thường gặp <ul style="list-style-type: none"> <li>5.3.3.1 Lỗi lề giấy in khác định dạng trang in.</li> <li>5.3.3.2 Lỗi in không ra bảng in</li> <li>5.3.3.3 Lỗi in ra chữ biến dạng</li> <li>5.3.3.4 Lỗi tốc độ in chậm khi in Máy in mạng</li> </ul> </li> </ul> <p>5.4. Cài đặt và Sử dụng Webcam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>5.4.1 Cài đặt trình điều khiển thiết bị <ul style="list-style-type: none"> <li>5.4.1.1 Cài đặt cho máy tính Windows</li> <li>5.4.1.2 Cài đặt cho máy tính MacOS</li> </ul> </li> <li>5.4.2 Thiết lập thiết bị cho các ứng dụng cụ thể. <ul style="list-style-type: none"> <li>5.4.2.1 Thiết lập webcam cho cuộc họp bằng ứng dụng Zoom</li> <li>5.4.2.2 Thiết lập webcam cho ứng dụng Google Meeting</li> <li>5.4.2.3 Thiết lập webcam cho ứng dụng mạng xã hội (Zalo, Viber, Skype, Whatsapp)</li> </ul> </li> </ul> <p>5.5. Cài đặt và Sử dụng máy chiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>5.5.1 Khởi động và kết nối máy chiếu với PC/Laptop</li> <li>5.5.2 Thực hiện trình chiếu PowerPoint và các file khác</li> <li>5.5.3 Các lỗi thường gặp kết nối với máy chiếu <ul style="list-style-type: none"> <li>5.5.3.1 Không hiển thị file trên màn hình trình chiếu</li> <li>5.5.3.2 Kết nối không có tín hiệu</li> <li>5.5.3.4 Màn hình trình chiếu bị nghiêng, mờ, biến dạng</li> </ul> </li> </ul> <p>5.6. Cài đặt và Sử dụng máy Scan</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>5.6.1 Cài đặt trình điều khiển thiết bị <ul style="list-style-type: none"> <li>5.6.1.1 Cài đặt cho máy tính Windows</li> <li>5.6.1.2 Cài đặt cho máy Mac</li> </ul> </li> <li>5.6.2 Thao tác thực hiện scan <ul style="list-style-type: none"> <li>5.6.2.1 Thao tác scan căn bản</li> <li>5.6.2.2 Thao tác scan nâng cao</li> </ul> </li> </ul> <p>5.7. Cài đặt và Sử dụng máy Photocopy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>5.7.1 Thao tác thực hiện Photocopy cơ bản</li> </ul>				
--	--	--	--	--	--

	5.7.2 Thao tác thực hiện Photocopy nâng cao				
--	---	--	--	--	--

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá theo chuẩn đầu ra môn học

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Bài thường kỳ số 1	Thực hành trên máy vi tính	100%	70%
2	Bài thường kỳ số 2	Thực hành trên máy vi tính	100%	70%
3	Bài thường kỳ số 3	Thực hành trên máy vi tính	25%	80%
	Bài Giữa kỳ	Thực hành trên máy vi tính	25%	80%
	Bài Thực hành Cuối kỳ	Thực hành trên máy vi tính	25%	80%
	Bài thi cuối kỳ	Thực hành trên máy vi tính	25%	80%
4	Bài Thực hành Cuối kỳ	Thực hành trên máy vi tính	100%	80%
5	Bài Thực hành Cuối kỳ	Thực hành trên máy vi tính	100%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên/ Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Thực hành trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
Thực hành	Chuẩn bị bài	<b>40</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>60</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn:     /     /2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng khoa:

## 2101539 - Nhập môn Tin học

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Nhập môn Tin học (2101539)

#### 2. Số tín chỉ (2,0,4)

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 2

Thực hành: 0

Tự học: 4

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Nguyễn Ngọc Dung

ThS. Trần Thị Kim Chi

TS. Lê Nhật Duy

TS. Ngô Hữu Dũng

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)

[1] Computer Fundamentals (Sixth Edition) Pradeep K. Sinha, Priti Sinha

Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)

[1] Computer Literacy BASICS A Comprehensive Guide to IC3, 5th Edition

[2] Computer Concepts\_2011 Jamrich Parsons and Dan Oja (2010)

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Hiểu các khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, các thành phần cơ bản trong hệ thống máy tính và các hoạt động cơ bản trong hệ thống máy tính
- Phân biệt được các loại phần mềm
- Phân biệt được các hệ thống số, thực hiện được các phép tính trên hệ nhị phân, biết cách biểu diễn dữ liệu trên máy tính, phân biệt được các loại mã máy.
- Có khả năng tìm hiểu và sử dụng được những phần mềm ứng dụng thông dụng
- Tìm hiểu các môi trường làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin
- Nhận thức về các mối đe dọa đến an toàn dữ liệu và thông tin trên máy tính

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, các loại phần mềm, các phép toán cơ bản trên các hệ cơ số, hệ nhị phân, các ứng dụng công nghệ thông tin, môi trường làm việc và các mối đe dọa đến an toàn thông tin trên máy tính.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

##### d. Yêu cầu khác

Không

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng: (viết từ 3 – 5 chuẩn đầu ra, chỉ viết những gì mà người học có thể thực hiện được sau khi kết thúc học phần)

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày cấu trúc và hoạt động cơ bản của hệ thống máy tính	

2	Thực hiện được các phép toán cơ bản trên hệ nhị phân và cách mã hóa dữ liệu cơ bản	
3	Trình bày được các hoạt động cơ bản trong quy trình phát triển, hiện thực và bảo trì một hệ thống	
4	Trình bày được các khái niệm, cách tổ chức lưu trữ và xử lý dữ liệu trên máy tính	
5	Trình bày được các mối đe dọa cơ bản đến hệ thống thông tin và cách phòng chống	
6	Trình bày được các môi trường làm việc và phương tiện truyền thông trong kỹ nguyên số	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

<i>CLOs</i>	<i>SO1</i>	<i>SO2</i>	<i>SO3</i>	<i>SO4</i>	<i>SO5</i>	<i>SO6</i>
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>3</i>						
<i>4</i>						
<i>5</i>						
<i>6</i>						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p><b>Chương 1.</b> Tổng quan về hệ thống máy tính</p> <p>1.1. Lịch sử phát triển của hệ thống máy tính</p> <p>1.2. Khái niệm về hệ thống máy tính</p> <p>1.2.1. Máy tính là gì?</p> <p>1.2.2. Tầm quan trọng của máy tính</p> <p>1.2.3. Hoạt động của một hệ thống máy tính</p> <p>1.3. Thành phần cơ bản trong một máy tính</p> <p>1.3.1. Thành phần của một hệ thống máy tính</p>	3	1	L, D, I, P, H	Tìm hiểu tổng quan về máy tính và các hệ điều hành hiện nay

	<p>1.3.1.1. Phần cứng  1.3.1.2. Phần mềm  1.3.2. Hệ điều hành  1.3.3. Phân loại hệ điều hành  1.3.3.1. Hệ điều hành máy đơn  1.3.3.2. Hệ điều hành Mobile  1.3.3.3. Hệ điều hành nhúng  1.3.3.4. Hệ điều hành Server  1.3.4. Các hệ điều hành máy đơn thông dụng  1.3.4.1. Hệ điều hành windows  1.3.4.2. Hệ điều hành linux  1.3.4.3. Hệ điều hành Mac</p>				
2	<p><b>Chương 2.</b> Các phép toán liên quan đến máy tính – mã máy  2.1. Hệ đếm  2.1.1. Hệ đếm không theo vị trí  2.1.2. Hệ đếm theo vị trí  2.2. Cách chuyển đổi giữa các hệ thống số  2.3. Các phép toán trên số nhị phân  2.3.1. Phép cộng  2.3.2. Phép trừ, trừ bù  2.3.3. Phép nhân  2.3.4. Phép chia  2.4. Cách biểu diễn dữ liệu trên thiết bị số  2.4.1. Các loại mã máy  2.4.2. Cách biểu diễn dữ liệu Text, Number, Image, Sound trên thiết bị số</p>	6	2	L, D, I, P, H	<p>Tìm hiểu các loại phép toán liên quan đến máy tính   Tìm hiểu loại mã biểu diễn ký tự</p>
3	<p><b>Chương 3.</b> Ngôn ngữ máy tính  3.1. Phân loại ngôn ngữ máy tính  3.1.1. Ngôn ngữ máy  3.1.2. Hợp ngữ  3.1.3. Ngôn ngữ cấp cao  3.2. Ngôn ngữ máy – cấu trúc lệnh trong ngôn ngữ máy  3.2.1. Khái niệm ngôn ngữ máy  3.2.2. Ưu và nhược điểm của ngôn ngữ máy  3.3. Hợp ngữ - cấu trúc lệnh trong hợp ngữ  3.3.1. Khái niệm hợp ngữ  3.3.2. Cấu trúc lệnh trong hợp ngữ  3.3.3. Ưu và nhược điểm của hợp ngữ  3.4. Ngôn ngữ cấp cao</p>	4		L, D, I, P, H	<p>Tìm hiểu về các loại ngôn ngữ máy tính</p>

	<p>3.4.1. Khái niệm ngôn ngữ cấp cao</p> <p>3.4.2. Một số ngôn ngữ cấp cao thông dụng</p>				
4	<p><b>Chương 4.</b> Hiện thực và vận hành hệ thống</p> <p>4.1. Các hoạt động trong hiện thực hệ thống</p> <p>4.1.1. Khái niệm kiểm thử và gỡ lỗi chương trình</p> <p>4.1.2. Khái niệm về tài liệu phần mềm</p> <p>4.2. Cách chuyển đổi thành hệ thống mới</p> <p>4.2.1.1. Chuyển đổi trực tiếp</p> <p>4.2.1.2. Chạy song song</p> <p>4.2.1.3. Chuyển đổi từng giai đoạn</p> <p>4.3. Đánh giá hệ thống</p> <p>4.3.1. Khái niệm về quá trình đánh giá hệ thống</p> <p>4.3.2. Những nội dung dùng để đánh giá hệ thống</p> <p>4.4. Bảo trì hệ thống</p> <p>4.4.1. Lý do bảo trì hệ thống</p> <p>4.4.2. Quá trình bảo trì hệ thống</p>	4	3	L, D, I, P, H	Tìm hiểu về quy trình vận hành và hiện thực hệ thống
5	<p><b>Chương 5.</b> Khái niệm cơ bản về lưu trữ và xử lý dữ liệu</p> <p>5.1. Các khái niệm cơ bản</p> <p>5.1.1. Dữ liệu</p> <p>5.1.2. Thông tin</p> <p>5.1.3. Khái niệm về xử lý dữ liệu</p> <p>5.2. Sự phân cấp trong lưu trữ dữ liệu</p> <p>5.2.1. Các khái niệm trong lưu trữ dữ liệu</p> <p>5.3. Các phương pháp tổ chức và lưu trữ dữ liệu</p> <p>5.3.1. Hệ thống quản lý tập tin</p> <p>5.3.2. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu</p> <p>5.3.3. Các mô hình dữ liệu</p>	4	4	L, D, I, P, H	Tìm hiểu tổng quan về cơ sở dữ liệu
6	<p><b>Chương 6.</b> Cài đặt và sử dụng các phần mềm ứng dụng</p> <p>1.1. Phân loại phần mềm</p> <p>1.1.1. Phần mềm hệ thống</p> <p>1.1.2. Phần mềm ứng dụng</p> <p>1.2. Sơ lược về bản quyền phần mềm máy tính</p> <p>1.2.1. Khái niệm phần mềm mã nguồn mã nguồn mở phần mềm</p>	3		L, D, I, P, H	Tìm hiểu về các phần mềm ứng dụng, cách khai thác và sử dụng

	<p>thương mại</p> <p>1.2.2. Khái niệm về quyền của người dùng</p> <p>1.3. Cách cài đặt và sử dụng phần mềm ứng dụng</p> <p>1.3.1. Phần mềm văn phòng</p> <p>1.3.2. Phần mềm đồ họa</p> <p>1.3.3. Phần mềm công cụ</p>				
7	<p><b>Chương 7.</b> Internet – đa phương tiện – ảnh hưởng của các giải pháp máy tính đến các cá nhân và tổ chức</p> <p>1.1. Internet</p> <p>1.1.1. Các khái niệm cơ bản</p> <p>1.1.1.1. IP address</p> <p>1.1.1.2. Domain name</p> <p>1.1.1.3. Tiện ích của Internet</p> <p>1.1.1.4. Kết nối Internet</p> <p>1.1.2. Khái niệm trình duyệt Internet</p> <p>1.1.2.1. Khái niệm trình duyệt</p> <p>1.1.2.2. Các trình duyệt thông dụng</p> <p>1.1.3. Các dịch vụ trên Internet</p> <p>1.1.3.1. Electronic –Mail</p> <p>1.1.3.2. File transfer protocol</p> <p>1.1.3.3. Telnet</p> <p>1.1.3.4. World Wide Web – WWW</p> <p>1.2. Multimedia</p> <p>1.2.1. Khái niệm đa phương tiện</p> <p>1.2.2. Các phương tiện truyền thông phổ biến</p> <p>1.2.3. ứng dụng của truyền thông đa phương tiện</p> <p>1.3. Ảnh hưởng các giải pháp máy tính đến các cá nhân và tổ chức</p> <p>1.3.1. Mô tả một số tác động chính của các giải pháp máy tính ảnh hưởng đến các cá nhân và tổ chức</p> <p>1.3.2. Thảo luận những tác động tích cực, tiêu cực liên quan đến những giải pháp công nghệ</p> <p>1.3.3. Những ảnh hưởng của giải pháp công nghệ đến chất lượng cuộc sống và mối quan hệ giữa các cá nhân</p>	3	6	L, D, I, P, H	<p>Tìm hiểu về Internet và các ứng dụng đa phương tiện</p>
8	<p><b>Chương 8.</b> Các mối đe dọa đến</p>	3	5	L, D, I, P, H	<p>Tìm hiểu</p>

hệ thống thông tin 8.1. Vai trò của an toàn hệ thống thông tin 8.1.1. Khái niệm an toàn thông tin 8.1.2. Sự cần thiết của an toàn thông tin 8.1.3. Mục đích của an toàn thông tin 8.2. Các mối đe dọa đến hệ thống thông tin 8.2.1. Phần mềm gián điệp 8.2.2. Thư rác 8.2.3. Nguy cơ Virus máy tính 8.2.4. Phần mềm độc hại 8.2.5. Hacker và kẻ săn mồi 8.3. Cách phòng chống 8.3.1. Bảo vệ thông tin về mặt vật lý 8.3.2. Ngăn chặn nguy cơ mất thông tin 8.3.3. Ngăn chặn nguy cơ bị tấn công bởi các phần mềm độc hại 8.3.4. Ngăn chặn tấn công lỗ hổng bảo mật 8.3.5. kỹ thuật an toàn và bảo mật thông tin					các mối đe dọa ảnh hưởng đến an toàn thông tin của cá nhân và tổ chức
---	--	--	--	--	---

**L:** Lecture **S:** Seminar **D:** Discussion **I:** Instructions in serving as model **Si:** Simulation **O:** Observation **P:** Practices **H:** Instruction for Homework **WA:** Work Assignment

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Kiểm tra thường kì Kiểm tra giữa kỳ Bài tập Kiểm tra cuối kỳ	Tự luận	10% 40% 20% 30%	80%
2	Kiểm tra thường kì Kiểm tra giữa kỳ Bài tập Kiểm tra cuối kỳ	Tự luận	20% 30% 10% 40%	80%
3	Kiểm tra thường kì Kiểm tra giữa kỳ Bài tập Kiểm tra cuối kỳ	Tự luận	20% 30% 30% 20%	80%
4	Kiểm tra thường kì Kiểm tra giữa kỳ Bài tập Kiểm tra cuối kỳ	Tự luận	10% 20% 50% 20%	80%

5	Kiểm tra thường kì	Tự luận	10%	80%
	Kiểm tra giữa kỳ			
	Bài tập			
	Kiểm tra cuối kỳ			
6	Kiểm tra thường kì	Tự luận	10%	80%
	Kiểm tra giữa kỳ			
	Bài tập			
	Kiểm tra cuối kỳ			

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

**1. Tên và mã học phần: Hệ cơ sở dữ liệu (2101436)**

**2. Số tín chỉ: 4 (3, 2, 7)**

Tổng số tín chỉ: 4      Lý thuyết: 3      Thực hành: 2      Tự học: 7

**3. Giảng viên phụ trách**

- ThS. Trần Thị Kim Chi
- TS. Đoàn Văn Thắng
- ThS. Nguyễn Trần Kỳ
- ThS. Nguyễn Ngọc Dung
- ThS. Nguyễn Thị Trúc Ly
- ThS. Nguyễn Như Hoa
- ThS. Nguyễn Hữu Quang
- ThS. Phan Thị Bảo Trân

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] Ramez Elmasri, Shamkant B. Navathe, *Fundamentals of database systems* - 6th ed. - Boston: Addison-Wesley, 2011 - xxvii, 1172p.; 24cm Số định danh: 005.74 ELM-N. Đăng ký cá biệt: 100264552

Tài liệu tham khảo

[1] *Giáo trình hệ cơ sở dữ liệu. Phần 1, Cơ sở dữ liệu.* - Tp. Hồ Chí Minh: Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2008. - 145tr.; 29cm. Đăng ký cá biệt: 100261706, 100261804, 100261805

[2] Jeffrey A. Hoffer, V. Ramesh, HeikkiTopi- *Modern database system*, 11th edition, Pearson, 2013

[3] Michael V. Mannino - *Database Design, Application Development, and Administration*, McGrawHill, 2010.

[4] Neeraj Sharma, Liviu Perniu - *Database Fundamentals*, 1st edition, IBM Corporation, 2010

**5. Thông tin về học phần**

a. Mục tiêu học phần

- Hiểu được vai trò và chức năng của cơ sở dữ liệu quan hệ và hệ quản trị cơ sở dữ liệu
- Mô hình hóa dữ liệu theo yêu cầu nghiệp vụ của tổ chức, thiết kế và xây dựng được cơ sở dữ liệu.
- Chuẩn hóa được CSDL
- Khai thác được CSDL

b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các mô hình dữ liệu và cơ sở dữ liệu quan hệ. Lý thuyết và phương pháp thiết kế logic cơ sở dữ liệu quan hệ từ phân tích nghiệp vụ của tổ chức. Vai trò của đại số quan hệ, ngôn ngữ SQL thao tác dữ liệu. Các quy luật bảo toàn dữ liệu và ràng buộc, phụ thuộc hàm, các dạng chuẩn hóa dữ liệu. Thiết kế cơ sở dữ liệu vật lý, vai trò chỉ mục. Các khái niệm về kho dữ liệu, mục đích sử dụng và cách tạo.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Nhập môn Tin học (2101539) (A)

d. Yêu cầu khác

- Sinh viên thực hành trên phần mềm Microsoft SQL Server 2008/2012
- Mỗi nhóm sinh viên (2-3 sinh viên) phải hoàn thành 1 bài tập lớn (tiểu luận)
- Sinh viên phải thực hành đầy đủ 10 tuần thực hành

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	PLO
1	Sinh viên thiết kế được cơ sở dữ liệu mức logic.	SO2_PI1_I
2	Sinh viên vận dụng các kiến thức về CSDL để ước lượng được khối lượng dữ liệu và tần suất sử dụng	SO1_PI2_I
3	Sinh viên sử dụng được đại số quan hệ để tạo và truy xuất dữ liệu của một CSDL quan hệ.	
4	Sinh viên sử dụng được ngôn ngữ SQL để tạo và truy xuất dữ liệu của một CSDL quan hệ.	SO6_PI1_I
5	Sinh viên xác định được dạng chuẩn của một cơ sở dữ liệu quan hệ.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

LO\SO	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2	I					
3						
4						
5						

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasized

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Tổng quan về CSDL và Hệ quản trị CSDL <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhu cầu lưu trữ dữ liệu</li> <li>- Lịch sử phát triển CSDL</li> <li>- Vai trò và chức năng hệ quản trị CSDL, giới thiệu 1 số hệ quản trị CSDL thông dụng</li> <li>- Quy trình phát triển CSDL</li> </ul>	3		L, D, I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc tài liệu</li> <li>- Làm các bài tập được giao</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độc lập dữ liệu và kiến trúc 3 mức</li> <li>Xử lý phân tán và kiến trúc client-server</li> </ul>				
2	<p>Chương 2: Mô hình dữ liệu quan hệ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định nghĩa quan hệ, lược đồ quan hệ và các loại khóa</li> <li>- Các quy luật bảo toàn: bảo toàn thực thể, bảo toàn miền, bảo toàn tham chiếu</li> </ul>	3	1	L, D, I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc tài liệu</li> <li>- Làm các bài tập được giao</li> </ul>
3	<p>Chương 3: Mô hình hóa dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lược đồ quan hệ thực thể cơ bản <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Các kiểu thực thể</li> <li>+ Quan hệ: bậc và lượng số</li> <li>+ Thuộc tính của thực thể / quan hệ</li> </ul> </li> <li>- Lược đồ quan hệ thực thể mở rộng <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Supertype/subtype</li> <li>+ Ràng buộc giữa supertype và subtype</li> <li>+ Thuộc tính phân biệt kiểu con</li> </ul> </li> <li>- Quy tắc nghiệp vụ và mô hình hóa dữ liệu</li> <li>- Chuyển đổi lược đồ quan hệ thực thể thành lược đồ dữ liệu quan hệ</li> </ul>	6	1	L, D, I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc tài liệu</li> <li>- Làm các bài tập được giao</li> </ul>
4	<p>Chương 4: Thiết kế vật lý CSDL</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu trúc lưu trữ CSDL</li> <li>- Chỉ mục</li> </ul>	3	2	L, D, I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc tài liệu</li> <li>- Làm các bài tập được giao</li> </ul>
5	<p>Chương 5: Đại số quan hệ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mối liên quan giữa ngôn ngữ SQL và đại số quan hệ</li> <li>- Các phép toán tập hợp: union, intersection, difference, Cartesian product</li> <li>- Các phép toán quan hệ: project, selection, join, divide</li> <li>- Các phép toán quan hệ mở rộng</li> </ul>	6	3	L, D, I, H	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc tài liệu</li> <li>- Làm các bài tập được giao</li> </ul>

6	<p>Chương 6: Ngôn ngữ SQL</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm lệnh DDL: các lệnh tạo CSDL, tạo bảng. Cách xây dựng các ràng buộc</li> <li>- Nhóm lệnh DML: SELECT, INSERT, DELETE, UPDATE</li> <li>+ Lệnh SELECT với các mệnh đề</li> <li>- Khai thác và thống kê dữ liệu, truy vấn con, pivot table</li> <li>- View</li> <li>Index</li> </ul>	6 LT 30 TH	4	L, D, I, SI, S, P, H, WA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc tài liệu</li> <li>- Làm các bài tập được giao</li> </ul>
7	<p>Chương 7: Chuẩn hóa dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ thuộc hàm và quy tắc nghiệp vụ</li> <li>- Các dạng chuẩn <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giải thuật tìm khóa</li> <li>+ Định nghĩa các dạng chuẩn</li> <li>+ Phân rã lược đồ</li> </ul> </li> </ul>	6	5	L, D, I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc tài liệu</li> <li>- Làm các bài tập được giao</li> </ul>
8	<p>Chương 8: Cơ sở dữ liệu NoSQL</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định nghĩa NoSQL</li> <li>- Lịch sử</li> <li>- Đặc điểm</li> <li>- Phân loại và ví dụ</li> <li>- Hiệu suất</li> <li>- Xử lý dữ liệu quan hệ</li> <li>- Hỗ trợ tính ACID và Join</li> <li>- Ưu và nhược điểm</li> <li>- Một số hệ quản trị NoSQL phổ biến</li> </ul>	3		L, D, I	

**L:** Lecture **S:** Seminar **D:** Discussion **I:** Instructions in serving as model **Si:** Simulation **O:** Observation **P:** Practices **H:** Instruction for Homework **WA:** Work Assignment

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập nhóm Kiểm tra giữa kỳ Project	Kiểm tra chéo Tự luận Thực hành	30% 30% 40%	80%
2	Bài tập nhóm Kiểm tra 1 tiết Project Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra chéo Thực hành Thực hành Tự luận	10% 20% 30% 40%	80%
3	Kiểm tra 1 tiết Project Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận Tiểu luận Tự luận	30% 30% 40%	80%
4	Bài tập nhóm Kiểm tra 1 tiết	Kiểm tra chéo Thi viết	10% 20%	80%

	Project Kiểm tra giữa kỳ	Thực hành Tự luận	30% 40%	
5	Kiểm tra 1 tiết Project Kiểm tra cuối kỳ Kiểm tra lab	Tự luận Thực hành Tự luận Thực hành	20% 20% 30% 30%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Project	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	10
	Kỹ năng thực hành	40
	Báo cáo thực hành	10
	Kiểm tra thực hành cuối khóa	40

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 8 tháng 4 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101425 - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (2101425)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 2

Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

- ThS. Nguyễn Trần Kỳ
- TS. Đoàn Văn Thắng
- ThS. Trần Thị Kim Chi
- ThS. Lê Thùy Trang
- ThS. Nguyễn Ngọc Dung

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Paul Nielsen. *Microsoft SQL Server 2008 Bible* - Indianapolis, Ind.: Wiley Pub, 2009. [100287785, 100287786]

[2] Dusan Petkovic. *Microsoft SQL Server 2019: A Beginner's Guide*, Seventh Edition. Mc Graw Hill, 2019

Tài liệu tham khảo

[1] Doug Harts, Jim Dugan, Tricia Wilcox Almas. *Microsoft SQL Server 2008 R2 analytics & data visualization*. New York: McGraw-Hill, 2011. [100275022]

[2] Randolph West, Melody Zacharias, William Assaf, Sven Aelterman, Louis Davidson, Joseph D'Antoni. *SQL Server 2019 Administration Inside Out*. Microsoft Press, 2020

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Nắm được các nguyên lý cơ bản của một hệ quản trị CSDL
- Biết cách tạo lập, quản lý, truy xuất dữ liệu
- Lập trình bằng ngôn ngữ T-SQL
- Lập kế hoạch bảo trì CSDL

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server để tạo và quản trị dữ liệu của một cơ sở dữ liệu.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Hệ Cơ sở Dữ Liệu (2101436) (A)

##### d. Yêu cầu khác

Không

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng: (viết từ 3 – 5 chuẩn đầu ra, chỉ viết những gì mà người học có thể thực hiện được sau khi kết thúc học phần)

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Sử dụng ngôn ngữ T-SQL để giải quyết được các yêu cầu	

	nghiệp vụ của bài toán đã cho	
2	Thực hiện được một giao tác hoàn thành theo yêu cầu nghiệp vụ cho trước.	
3	Thực hiện được phân quyền người dùng theo yêu cầu nghiệp vụ của một bài toán cho trước	
4	Tạo được kế hoạch bảo trì cho một CSDL bất kỳ (1 trong các loại backup: Full backup, Differential backup, Partial backup, Transaction logs backup) bằng lệnh hoặc công cụ tự động	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

LO\SO	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						PI3_R
4						PI3_E

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasized

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Tổng quan về Hệ quản trị Cơ sở Dữ liệu 1.1. Dữ liệu là gì? Thông tin là gì? 1.2. Cơ sở Dữ liệu là gì? 1.3. Hệ quản trị Cơ sở Dữ liệu là gì? 1.4. Các tính năng của Hệ quản trị Cơ sở Dữ liệu 1.5. Kiến trúc của Hệ quản trị Cơ sở Dữ liệu a) Mô hình CSDL tập trung b) Mô hình CSDL phân tán 1.6. Các dịch vụ của Hệ quản trị Cơ sở Dữ liệu 1.7. Các loại Hệ quản trị CSDL 1.8. Giới thiệu về SQL Server 2012	6 LT 3 TH	1	Thuyết giảng Minh họa	Thảo luận, trao đổi nhóm
2	Chương 2: Tạo và Quản trị Cơ sở Dữ liệu 2.1. Khái niệm về Cơ sở Dữ liệu trong SQL Server 2.2. Tạo và quản trị Cơ sở Dữ	3 LT 3 TH	2	Thuyết giảng Minh họa Thực hành	Thực hiện bài tập về nhà

	liệu 2.3. Các kiểu dữ liệu 2.4. Kiểu dữ liệu User-defined data types 2.5. Tạo và quản lý bảng 2.6. Ràng buộc toàn vẹn đơn giản 2.7. Bảng tạm 2.8. Truy vấn dữ liệu 2.9. Hiệu chỉnh dữ liệu				
3	Chương 3: Lập trình với T-SQL 3.1. Kỹ thuật thi hành lệnh T-SQL 3.2. Các cấu trúc điều khiển 3.3. Stored Procedure 3.4. Function 3.5. Trigger	12 LT 15 TH	2	Thuyết giảng Minh họa Thực hành	Thực hiện bài tập về nhà
4	Chương 4: Lập kế hoạch bảo trì 4.1. Ý nghĩa và vai trò của sao lưu dữ liệu 4.2. Các mô hình sao lưu 4.3. Các loại sao lưu (backup) 4.4. Lập kế hoạch sao lưu 4.5. Thực hiện sao lưu 4.6. Các mô hình phục hồi 4.7. Thực hiện phục hồi	3 LT 3 TH	4	Thuyết giảng Minh họa Thực hành Thảo luận	Thực hiện bài tập về nhà
5	Chương 5: Bảo mật Cơ sở dữ liệu 5.1. Giới thiệu về bảo mật 5.2. Bảo mật các Principals và Securables 5.3. Cơ chế phân quyền bảo mật trong SQL Server 5.4. Các role mức Server và mức Database 5.5. Các loại quyền (Permission)	3 LT 3 TH	3	Thuyết giảng Minh họa Thực hành	Thực hiện bài tập về nhà
6	Chương 6: Quản lý giao tác và khóa 6.1. Giao tác 6.2. Các vấn đề trong giao tác đồng thời 6.3. Các khái niệm cơ bản về lịch biểu 6.4. Nguyên tắc quản lý giao tác đồng thời trong SQL Server 6.5. Điều khiển giao tác đồng thời bằng cơ chế khóa 6.6. Các vấn đề trong cơ chế	3 LT 3 TH	2	Thuyết giảng Minh họa Thực hành Thảo luận	Thực hiện bài tập về nhà

khóa 6.7. Cơ chế khóa 2 pha (two phase locking) 6.8. Các mức cô lập trong SQL Server 2012 6.9. Các cấp độ khóa				
---	--	--	--	--

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1-4	Bài tập tại lớp	Tự luận	20%	80%
	Bài kiểm tra thường xuyên	Thực hành / Tự luận	15%	80%
	Bài thi giữa kì	Thực hành	35%	80%
	Bài thi cuối kì	Thực hành	30%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Đồ án	<b>30</b>
	Báo cáo nhóm	<b>20</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng      năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101628 - Phân tích và quản lý yêu cầu

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Phân tích và quản lý yêu cầu (2101628)

#### 2. Số tín chỉ: 3 (3,0,6)

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 3

Thực hành: 0

Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

Ths Trần Thị Kim Chi

Ths Nguyễn Trần Kỳ

Ths Lê Thùy Trang

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] ElizaBeth Hull, Ken JackSon, Jeremy Dick, Requirements Engineering, 3rd Edition (Springer, 2011)

[2] Ralph R.Young, Artech House - The requirement Engineering Handbook -2004

[3] Karl E. Wiegars, Software requirement, Second Edition- Microsoft Press © 2003

Tài liệu tham khảo

[1]. Brian Berenbach, Daniel J. Paulish, Juergen Kazmeier, Arnold Rudorfer - Software & Systems Requirements Engineering: In Practice- McGrawHill, 2009

[2] Ian Alexander, Ljerka Beus-Dukic – Discovering Requirements - John Wiley and Sons, Ltd., Publication, 2009

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Trình bày được các kỹ thuật thu thập yêu cầu và vận dụng được các kỹ thuật đó trong việc thu thập yêu cầu
- Trình bày được quá trình phân tích yêu cầu và các phương pháp phân tích yêu cầu. Vận dụng được các phương pháp phân tích yêu cầu trong việc phân tích yêu cầu
- Viết được tài liệu đặc tả yêu cầu theo yêu cầu nghiệp vụ của bài toán
- Quản lý, kiểm tra và xác định được tính hợp lệ của các yêu cầu.
- Biết cách quản lý các rủi ro và đưa ra được các giải pháp để giải quyết rủi ro.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về hai lĩnh vực: thu nhận yêu cầu khách hàng và một số các phương pháp giải quyết vấn đề. Sinh viên được học cách phát triển và quản lý các yêu cầu phần mềm cũng như các kỹ thuật thực thi việc thu nhận yêu cầu, theo dõi các thay đổi và rủi ro làm ảnh hưởng đến yêu cầu trong quá trình phát triển hệ thống và tạo được thỏa thuận với khách hàng về cách thức giải quyết vấn đề.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Nhập môn tin học (2101539) (B)

##### d. Yêu cầu khác

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học.

Sinh viên hoàn thành bài tập do giảng viên đề ra.

Sinh viên tham gia làm việc nhóm, mỗi nhóm sẽ hoàn thành một tài liệu SRS, tài liệu quản lý các yêu cầu của một hệ thống nhỏ (Tiểu luận)

Người học cần đọc trước tài liệu, vận dụng kỹ năng tìm kiếm tài liệu từ các nguồn khác nhau, tích cực thảo luận và có thái độ học tập nghiêm túc.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Áp dụng được các kỹ thuật thu thập yêu cầu để thu nhận các yêu cầu của một hệ thống	SO3_PI2_I
2	Áp dụng được các công cụ mô hình hóa (Modeling tools) để xác định các loại yêu cầu của hệ thống	SO1_PI1_I
3	Viết được đặc tả yêu cầu phần mềm SRS	SO3_PI3_I
4	Trình bày được các bước của qui trình (kỹ thuật) thu thập và quản lý các yêu cầu trong quá trình phát triển hệ thống.	
5	Khả năng làm việc nhóm hiệu quả để đạt được mục tiêu chung	SO5_PI1_LO5.1_R, SO5_PI3_LO5.3_I, SO5_PI2_LO5.2_R

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

LO\SO	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1			I			
2	I					
3			I			
4						
5					R	

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Tổng quan về yêu cầu 1.1. Định nghĩa yêu cầu 1.2. Tầm quan trọng khi xác định yêu cầu đầy đủ 1.3. Các mức yêu cầu 1.4. Các đặc trưng của yêu cầu 1.5. Các hoạt động của yêu cầu trong vòng đời sống của một sản phẩm phần mềm 1.6. Vai trò và chức năng của người phân tích yêu cầu	6		- Diễn giải, gợi ý - Giải thích - Minh họa bằng hình ảnh	Sinh viên đọc tài liệu
2	Chương 2: Qui trình phát triển	3	3	- Demo	Sinh viên

	<p>yêu cầu phần mềm</p> <p>2.1. Qui trình phát triển yêu cầu</p> <p>2.2. Tìm hiểu các bên liên quan đến dự án – Stakeholder</p> <p>2.3. Phân loại người dùng</p> <p>2.4. Mục đích, mục tiêu và các loại yêu cầu (Objectives, Goals, and types of Requirements)</p> <p>2.5. Tầm nhìn và phạm vi (Vision and Scope)</p>			<p>bằng cách thao tác trực tiếp trên máy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	<p>đọc tài liệu và tham khảo các mẫu tài liệu đặc tả yêu cầu để viết SRS cho bài tập nhóm</p>
3	<p>Chương 3: Công nghệ yêu cầu (Requirements engineering – RE)- Thu nhận yêu cầu</p> <p>3.1. Định nghĩa công nghệ yêu cầu</p> <p>3.2. Qui trình công nghệ yêu cầu</p> <p>3.3. Nghiên cứu khả thi</p> <p>3.4. Khám phá yêu cầu - Requirement elicitation</p> <p>3.3. Các phương pháp và các kỹ thuật thu thập yêu cầu</p>	6	1, 3, 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	<p>-Sinh viên trao đổi thông tin làm việc nhóm thông qua Trello hay Zalo để làm bài tập nhóm</p>
4	<p>Chương 4: Công nghệ yêu cầu - Phân tích yêu cầu</p> <p>4.1. Định nghĩa và mục đích phân tích yêu cầu</p> <p>4.2. Nhiệm vụ phân tích phân tích yêu cầu</p> <p>4.3. Nguyên lý phân tích</p> <p>4.4. Các phương pháp phân tích yêu cầu</p>	6	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	<p>-Sinh viên trao đổi thông tin làm việc nhóm thông qua Trello hay Zalo để làm bài tập nhóm</p>
5	<p>Chương 5: Công nghệ yêu cầu - Đặc tả yêu cầu phần mềm</p> <p>5.1. Giới thiệu đặc tả yêu cầu</p> <p>5.2. Phân loại đặc tả yêu cầu phần mềm</p> <p>5.3. Nguyên lý đặc tả yêu cầu</p> <p>5.4. Hướng dẫn viết tài liệu đặc tả yêu cầu</p>	3	1, 3, 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	<p>-Sinh viên trao đổi thông tin làm việc nhóm thông qua Trello hay Zalo để làm bài tập nhóm</p>
6	<p>Chương 6: Độ ưu tiên và kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu</p> <p>6.1. Độ ưu tiên của yêu cầu</p> <p>6.2. Kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu</p>	3	1, 3, 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	<p>-Sinh viên trao đổi thông tin làm việc nhóm thông qua Trello hay Zalo để làm bài tập nhóm</p>

7	Chương 7: Quản lý yêu cầu 7.1. Giới thiệu quản lý yêu cầu 7.2. Các hoạt động chính của qui trình quản lý yêu cầu 7.3. Công cụ để quản lý yêu cầu	6		- Demo bằng cách thao tác trực tiếp trên máy	
8	Chương 8: Qui trình cải tiến yêu cầu 8.1. Giới thiệu qui trình cải tiến yêu cầu phần mềm 8.2. Các hoạt động của qui trình cải tiến yêu cầu	6		- Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Làm bài tập	-Sinh viên trao đổi thông tin làm việc nhóm thông qua Trello hay Zalo để làm bài tập nhóm
9	Chương 9: Quản lý rủi ro yêu cầu phần mềm 9.1. Quản lý rủi ro 9.2. Các phương pháp giám sát và giải quyết rủi ro	6		- Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Làm bài tập	-Sinh viên trao đổi thông tin làm việc nhóm thông qua Trello hay Zalo để làm bài tập nhóm

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập Bài tập nhóm Kiểm tra giữa kỳ	Tiểu luận Tự luận	20% 20% 60%	80%
2	Thường kỳ, Giữa kỳ Bài tập Bài tập nhóm	Tự luận Tự luận Tiểu luận	50% 20% 30%	80%
3	Bài tập Bài tập nhóm	Tự luận Tiểu luận	30% 70%	80%
4	Bài tập Thường kỳ, cuối kỳ Bài tập nhóm	Tự luận Tự luận Tiểu luận	20% 50% 30%	80%
5	Bài tập nhóm	Thuyết trình, báo cáo	100%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp (Tiểu luận)	10

	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 8 tháng 4 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101600 - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python (2101600)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ:                      Lý thuyết:    2                      Thực hành:    1                      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Huỳnh Nam  
ThS. Trần Thị Kim Chi  
TS. Ngô Hữu Dũng

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính  
[1] Data Structures and Algorithms in Python, 2022

Tài liệu tham khảo

[1] Data Structure and Algorithms with Python: The Ultimate Guide Towards Coding, 2022.

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Hiểu được độ phức tạp thuật toán.
- Cài đặt và ứng dụng được các cấu trúc dữ liệu cơ bản
- Cài đặt và ứng dụng được các cấu trúc dữ liệu nâng cao trong hệ thống cơ sở dữ liệu
- Cài đặt và ứng dụng được các thuật toán nâng cao trong hệ thống cơ sở dữ liệu
- Cài đặt và ứng dụng được các giải thuật về đồ thị

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành hệ thống thông tin các kiến thức cơ sở về cấu trúc dữ liệu và giải thuật từ cơ bản đến nâng cao được sử dụng trong các hệ thống lưu trữ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ, dữ liệu no-sql và dữ liệu lớn.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Lập trình hướng đối tượng (2101623) (A)

##### d. Yêu cầu khác

Sinh viên trang bị máy tính.

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	PLO
1	Liệt kê, giải thích và phân loại được các cấu trúc dữ liệu căn bản một cách cụ thể.	
2	Xác định, mô tả và minh họa được các giải thuật căn bản một cách rõ ràng.	
3	Vận dụng một cách phù hợp các thuật toán đối với từng cấu trúc dữ liệu để giải quyết một bài toán căn bản	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

<i>CLOs</i>	<i>SO1</i>	<i>SO2</i>	<i>SO3</i>	<i>SO4</i>	<i>SO5</i>	<i>SO6</i>
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>3</i>						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Giới thiệu cấu trúc và giải thuật 1.1 Giới thiệu 1.2 Độ phức tạp thuật toán 1.3 Các giải thuật sắp xếp 1.4 Các giải thuật tìm kiếm	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	Một số giải thuật sắp xếp và tìm kiếm
2	Chương 2 Cấu trúc tuần tự 2.1 Danh sách liên kết đơn 2.2 Danh sách liên kết đôi	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	Danh sách đa liên kết
3	Chương 2 (tt) 2.3 Ngăn xếp (Stack) 2.4 Hàng đợi (Queue) 2.5 Hàng đợi ưu tiên (Priority Queue)	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	
4	Chương 3: Cấu trúc cây 3.1 Cây tổng quát 3.2 Cây nhị phân tìm kiếm 3.3 Cấu trúc Heap	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	
5	Chương 3 (tt) 3.4 AVL-Tree 3.5 B-Tree	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	Các thuật toán AVL-Tree Red – Black tree
6	Chương 4: Tổ chức lưu trữ và truy xuất 4.1 Paging 4.2 Caching	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	
7	Chương 4 (tt) 4.3 Indexing 4.4 Hash table	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	
8	Chương 4 (tt) 4.5 Log Structure Merge Tree 4.6 Bộ lọc Bloom	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	

9	Chương 5: Cấu trúc đồ thị 5.1 Các loại đồ thị 5.2 Duyệt theo BFS 5.3 Duyệt theo DFS 5.4 Page rank	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	
10	Chương 5 (tt) 5.5 Dijkstra 5.6 Krusal 5.7 Belman Ford 5.8 Prime	3	1, 2, 3	Thuyết trình Sinh viên thảo luận	

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kì số 1	Trắc nghiệm	100%	85%
2	Bài thường kì số 2	Trắc nghiệm	100%	85%
3	Bài thi Giữa kì	Thi viết	100%	70%
4	Bài thi cuối kì	Thi viết	100%	60%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>  (Chọn 1 trong 2 cách đánh giá thường xuyên)	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Trắc nghiệm khách quan 1	10
	- Trắc nghiệm khách quan 2	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Điểm danh + Kỹ năng thực hành	<b>50</b>
	Kiểm tra đánh giá	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## 2101411 - Nhập môn an toàn thông tin

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Nhập môn an toàn thông tin (2101411)

#### 2. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 3

Thực hành: 0

Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

- TS. Nguyễn Thị Hạnh
- TS. Lê Nhật Duy
- TS. Ngô Hữu Dũng
- ThS. Trần Thị Kim Chi
- ThS. Võ Ngọc Tấn Phước

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] S. William, *Cryptography and network security: principles and practices*. Pearson Education India, 2017 [100287777]

Tài liệu tham khảo

[1] M.E. Whitman and J.M Herbert. *Principles of information security*. Cengage Learning, 2011 [100253496]

[2] Efraim Turban, Carol Pollard, Gregory Wood, *Information Technology for Management: Driving Digital Transformation to Increase Local and Global Performance, Growth and Sustainability*, 12th Edition, Wiley, 2021.

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

Môn học này cung cấp cho sinh viên về tính cần thiết của an toàn hệ thống thông tin đối với tổ chức, cá nhân và xã hội; các bài toán an toàn thông tin cơ bản, cùng các kỹ thuật để giải quyết chúng như mã hóa, chữ ký điện tử, hàm băm và mã chứng thực,... Từ đó người học hiểu được các giao thức bảo mật và vận dụng trong các hệ thống thông tin an toàn.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học này sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về an toàn thông tin, các mối nguy hại đến an toàn thông tin, một số phương pháp cơ bản để phòng chống tấn công an toàn thông tin cũng như một số cơ chế/giao thức (mã hóa, hàm băm, chữ ký điện tử, xác thực, điều khiển truy cập và hệ thống quản lý an toàn thông tin) để thiết lập và nâng cao tính an toàn thông tin của một tổ chức/cá nhân. Ngoài ra, cũng trang bị cho sinh viên một vấn đề pháp lý liên quan đến an toàn thông tin.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

##### d. Yêu cầu khác

Không

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Giải thích được sự cần thiết của an toàn HTTT đối với cá nhân, tổ chức và xã hội	
2	Nhận dạng được các mối đe dọa ảnh hưởng đến ATTT của một tổ chức/cá nhân	
3	Áp dụng được một số lý thuyết toán trong các hệ mật mã	
4	Giải thích được các khái niệm cơ bản về An toàn thông tin, hệ mã hóa	
5	Mô tả được cơ chế/giao thức để thiết lập và nâng cao tính an toàn thông tin cho một tình huống cụ thể	
6	Giải thích một số vấn đề pháp lý liên quan đến an toàn HTTT	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						
5						
6						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1: Tổng quan an toàn thông tin</b> 1.1. Các khái niệm cơ bản về an toàn thông tin 1.2. Các nguyên tắc nền tảng của an toàn thông tin 1.3. Các loại hình tấn công và nguy cơ mất an toàn thông tin 1.4. Các bài toán an toàn thông tin cơ bản 1.5. Giải pháp đảm bảo an toàn thông tin 1.6. Pháp luật về an toàn thông tin	6	1,2,4,6	Giáo viên giảng bài và thảo luận với sinh viên	Trả lời các câu hỏi tổng quan về an toàn thông tin
2	<b>Chương 2: Mã độc (Malware)</b> 2.1. Giới thiệu Malware	3	2	Giáo viên giảng bài và thảo luận	Tìm hiểu về một kỹ thuật tấn

	<p>2.2. Phân loại Malware</p> <p>2.3. Các kỹ thuật lây nhiễm và phá ngoại của Malware</p> <p>2.4. Tổng quan kỹ thuật phát hiện Malware</p>			với sinh viên	công
3	<p><b>Chương 3: Mã hóa</b></p> <p>3.1. Các khái niệm cơ bản về mã hóa</p> <p>3.2. Sơ đồ mã hóa cơ bản</p> <p>3.3. Phân loại mã hóa</p> <p>3.4. Toán học trong mật mã</p> <p>3.5. Mã hóa cổ điển</p> <p>3.6. Toán học dùng trong mã hóa</p> <p>3.7. Mã hóa hiện đại</p>	15	2,3,4,5	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên, cho sinh viên làm bài tập	Bài tập về nhà về mật mã
4	<p><b>Chương 4: Hàm băm và ứng dụng</b></p> <p>4.1. Định nghĩa hàm một chiều và hàm cửa lật một chiều</p> <p>4.2. Định nghĩa hàm băm</p> <p>4.3. Một số hàm băm thông dụng</p> <p>4.4. Ứng dụng của hàm băm</p>	3	2,3,4,5	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên, cho sinh viên làm bài tập	Câu hỏi về nhà về một số ứng dụng hàm băm
5	<p><b>Chương 5: Mã xác thực thông điệp</b></p> <p>5.1. Khái niệm</p> <p>5.2. Các cơ chế mã xác thực thông điệp</p> <p>Ứng dụng mã xác thực thông điệp</p>	3	2,3,4,5	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên, cho sinh viên làm bài tập	Bài tập về nhà về mã xác thực thông điệp
6	<p><b>Chương 6: Chữ ký điện tử</b></p> <p>6.1. Chữ ký điện tử và ứng dụng</p> <p>Một số chữ ký điện tử thông dụng</p>	3	2,3,4,5	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên, cho sinh viên làm bài tập	Bài tập về nhà về chữ ký điện tử
7	<p><b>Chương 7: Quản lý khóa và PKI</b></p> <p>7.1. Symmetric - key Distribution</p> <p>7.2. Kerberos</p> <p>7.3. Symmetric - key Agreement</p> <p>Public - key Distribution</p>	6	2,3,4	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên, cho sinh viên làm bài tập	Câu hỏi về nhà về quản lý khóa
8	<p><b>Chương 8: Chứng thực thực thể</b></p> <p>8.1. Passowrd</p> <p>8.2. Challenge - Response</p>	3	2,3,4	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên, cho	Câu hỏi về nhà về chứng thực thực thể

	8.3. Zero - knowledge Biometrics			sinh viên làm bài tập	
9	<b>Chương 9: Một số giao thức bảo mật thông dụng</b> 9.1. Các giao thức bảo mật email 9.2. Các giao thức bảo mật mạng Các giao thức thanh toán điện tử	3	2,3,4	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	Câu hỏi về nhà về giao thức bảo mật

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Kiểm tra thường kỳ Thi giữa kỳ (Tự luận)	Trắc nghiệm / tự luận Tự luận	40% 60%	80%
2	Kiểm tra thường kỳ Thi giữa kỳ (Tự luận)	Trắc nghiệm / tự luận Tự luận	40% 60%	80%
3	Kiểm tra thường kỳ Thi giữa kỳ (Tự luận)	Trắc nghiệm / tự luận Tự luận	40% 60%	80%
4	Kiểm tra thường kỳ Thi giữa kỳ (Tự luận) Thi cuối kỳ (Tự luận)	Trắc nghiệm / tự luận Tự luận Tự luận	30% 30% 40%	80%
5	Kiểm tra thường kỳ Thi giữa kỳ (Tự luận) Thi cuối kỳ (Tự luận)	Trắc nghiệm / tự luận Tự luận Tự luận	30% 30% 40%	80%
6	Kiểm tra thường kỳ Thi cuối kỳ (Tự luận)	Trắc nghiệm / tự luận Tự luận	40% 60%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Lý thuyết	Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
	(Chọn 1 trong 2 cách đánh giá thường xuyên)	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	
- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan		5	
- Bài tập ở nhà		5	
- Báo cáo trên lớp		5	
- Hoạt động khác		5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>		<b>30</b>	
<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>		<b>50</b>	

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## 2101584 - Lập trình phân tích dữ liệu 1

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Lập trình phân tích dữ liệu 1 (2101584)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Huỳnh Nam  
ThS. Trần Thị Kim Chi  
ThS. Nguyễn Trần Kỳ  
TS. Ngô Hữu Dũng

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Jake VanderPlas. *Python Data Science Handbook*. O REILLY, 2016

Tài liệu tham khảo

[1] Igor Milovanović, Dimitry Foures, Giuseppe Vettigli. *Python Data Visualization Cookbook*, Second Edition. BIRMINGHAM – MUMBAI, 2015

[2] Alan Agresti and Chris Franklin. *Statistics: The Art and Science of Learning from Data*, 3<sup>rd</sup> Edition. Pearson, 2012

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phân tích dữ liệu và trực quan hóa dữ liệu bằng công cụ Python phiên bản 3.x

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở về

- Ngôn ngữ Python 3.x cơ bản và hướng đối tượng
- Thư viện phân tích dữ liệu và trực quan hóa dữ liệu: Numpy, Pandas, Matplotlib, Seaborn, Basemap và GeoPandas
- Thống kê mô tả trong ứng dụng
- Học máy

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Thống kê máy tính vào ứng dụng (2101624) (A)

##### d. Yêu cầu khác

Có kỹ năng lập trình tốt.

Tư duy toán học tốt

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Mô tả được mục tiêu phân tích dữ liệu cơ bản	SO2_P11_I
2	Ứng dụng được ngôn ngữ Python để thực hiện quá trình xử lý dữ liệu	SO1_P12_I
3	Ứng dụng được các thư viện Python để thực hiện EDA	SO1_P12_I

<b>4</b>	<b>Ứng dụng</b> được các thư viện Python để trực quan hóa dữ liệu	<b>SO1_PI2_I</b>
<b>5</b>	<b>Phân tích</b> được bài toán phân tích dữ liệu thực tế để giải quyết bằng ngôn ngữ Python	<b>SO6_PI3_I</b>

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
<b>1</b>		I				
<b>2</b>	I					
<b>3</b>						
<b>4</b>						I
<b>5</b>						

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Đại cương về dữ liệu doanh nghiệp 1.1 Tổ chức dữ liệu 1.2 Biên định tính và định lượng 1.3 Hệ thống chỉ tiêu 1.4 Thu thập dữ liệu	3	1	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên làm xung phong lên bảng làm bài tập	Bài tập về nhà về dữ liệu doanh nghiệp
2	Chương 2. Kỹ thuật phân tích dữ liệu 2.1 Các đại lượng tương đối, tuyệt đối 2.2 Thống kê mô tả 2.3 Phân phối xác suất 2.4 Ước lượng	3	1	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên làm xung phong lên bảng làm bài tập	Bài tập về nhà về kỹ thuật phân tích dữ liệu
3	Chương 2 (tt) 2.5 Kiểm định giả thuyết 2.6 Kiểm định Chi-Square 2.7 Kiểm định ANOVA 2.8 Tương quan tuyến tính 2.9 Phân tích hồi quy 2.10 Kiểm định tính chuẩn	3	1	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên làm xung phong lên bảng làm bài tập	Bài tập về nhà về kỹ thuật phân tích dữ liệu
4	Chương 2 (tt) 2.11 Trực quan hóa dữ liệu	3	1	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên làm xung phong lên bảng làm bài tập	Bài tập về nhà về trực quan hóa dữ liệu

5	Chương 2 (tt) 2.12 EDA 2.13 Tiền xử lý dữ liệu	3	2	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên thảo luận nhóm	Bài tập về nhà về EDA và tiền xử lý dữ liệu
6	Chương 3: Triển khai dữ liệu doanh nghiệp 3.1 Metric và KPI 3.2 Triển khai hệ thống phân tích dữ liệu doanh nghiệp	3	3	Sinh viên đọc bài ở nhà  Sinh viên thảo luận nhóm	Bài tập về nhà về triển khai dữ liệu doanh nghiệp
7	Chương 4: Dashboard 4.1 Nguyên lý thiết kế 4.2 Triển khai Dashboard doanh nghiệp	3	4	Trình chiếu slide và demo	Bài tập về nhà về thiết kế dashboard
8	Chương 5: Học có giám sát 5.1 Cây quyết định 5.2 Hồi quy 5.3 Mạng nơ ron	3	4	Trình chiếu slide và demo	Bài tập về nhà học có giám sát
9	Chương 6: Học không giám sát 6.1 Kmeans 6.2 Luật kết hợp	3	5	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên làm bài tập cá nhân	Bài tập về nhà học không giám sát
10	Chương 7: Học bán giám sát 7.1 Text mining 7.2 Web mining	3	5	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên thảo luận bài tập nhóm	

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Bài tập ở nhà 1	20	80%
	Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan 1	15	
	Giữa kỳ (tự luận)	35	
	Cuối kỳ (tự luận)	30	
2	Bài tập ở nhà 2	5	80%
	Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan 2	15	
	Giữa kỳ (tự luận)	50	
	Cuối kỳ (tự luận)	30	
	Bài tập ở nhà 3	10	
3	Lab Skills	20	80%
	Lab Results	10	
	Lab Report	10	

Cuối kỳ (tự luận)	30
-------------------	----

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Đồ án	<b>30</b>
	Báo cáo nhóm	<b>20</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn:** 19 tháng 03 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101625 - Phân tích thiết kế hệ thống

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Phân tích thiết kế hệ thống (2101625)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

TS. Đoàn Văn Thắng  
ThS. Lê Thùy Trang  
ThS. Trần Thị Kim Chi  
ThS. Nguyễn Trần Kỹ  
TS. Nguyễn Thị Hạnh

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] ĐHCN, Phân tích thiết kế hệ thống, TP.HCM: Đại Học Công Nghiệp TP.HCM, 2008, p. 157. [100261648]

Tài liệu tham khảo

[1] Alan Dennis, Barbara Haley Wixom, Roberta M. Roth. Systems Analysis and Design, Publisher: Wiley; 6 edition, 2015

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Sinh viên hiểu rõ vai trò của các giai đoạn phân tích và thiết kế trong quá trình phát triển hệ thống. Giúp sinh viên tiếp cận phương pháp phân tích thiết kế hướng đối tượng.
- Trang bị cho sinh viên khả năng phân tích và xác định được các yêu cầu của người dùng đối với hệ thống, biết cách phân tích và hiểu được nghiệp vụ trong phạm vi của bài toán.
- Giúp sinh viên xác định được yêu cầu chức năng và phi chức năng của hệ thống.
- Trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng công cụ mô hình hóa yêu cầu của bài toán (UML), xây dựng tài liệu phân mềm.
- Trang bị cho sinh viên có khả năng thiết kế một hệ thống mới và biết cách kế thừa những hệ thống đã có.
- Môn học cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, biết cách thảo luận và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề chung của nhóm.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về cách thu thập và phân tích yêu cầu của khách hàng, dùng kỹ thuật UML để mô hình hóa các yếu tố được phân tích, dựa trên kết quả phân tích sinh viên vận dụng các kiến thức về hướng đối tượng và UML để thiết kế các mô hình phục vụ cho việc hiện thực các phần mềm.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Hệ cơ sở dữ liệu (2101436) (A)

##### d. Yêu cầu khác

Không

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Viết được yêu cầu của hệ thống từ việc vận dụng các kỹ thuật thu thập yêu cầu của khách hàng	
2	Phân tích được yêu cầu chức năng, quy trình nghiệp vụ và quy tắc nghiệp vụ của hệ thống	SO1/PI1-R
3	Thiết kế được các sơ đồ tương tác và sơ đồ lớp của một chức năng cụ thể	SO2/PI1-R
4	Tham gia tích cực các buổi làm việc nhóm Làm việc dễ dàng với các thành viên trong nhóm, Hoàn thành trách nhiệm, vai trò của mỗi thành viên đúng thời gian quy định	
5	Viết được tài liệu phân tích và thiết kế hệ thống	SO3/PI3-R
6	Đánh giá được tính hợp lý của 1 thiết kế	SO2/PI3-I

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

SO LO	1	2	3	4	5	6
1						
2	PI1-L					
3		PI1-I				
4						
5			PI3-I			
6		PI3-L				

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p>Chương 1: Tổng quan về phân tích và thiết kế hệ thống</p> <p>1.1. Phân tích và thiết kế hệ thống là gì?</p> <p>1.2. Chu kỳ phát triển hệ thống thông tin (systems development Life cycle - SDLC).</p> <p>1.3. Mục đích và vai trò của phân tích hệ thống (system analyst)</p> <p>1.4. Các phương pháp phát triển hệ thống (Agile, RUP)</p> <p>1.5. Phân biệt chức năng của Phân tích và Thiết kế</p> <p>1.6. Các bước phân tích thiết kế hệ thống</p>	3	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> </ul>	<p>Câu hỏi tổng quan Chương 1</p> <p>Đọc trước Chương 2</p>

	1.7. Phương pháp phân tích thiết kế hướng đối tượng				
2	<p>Chương 2: Phân tích và xác định yêu cầu chức năng của hệ thống</p> <p>2.1. Mục đích của việc phân tích yêu cầu hệ thống</p> <p>2.2. Xác định yêu cầu chức năng</p> <p>2.3. Mô hình hóa yêu cầu chức năng của hệ thống – Sử dụng mô hình Use-case</p> <p>2.4. Đặc tả use case – Mô hình hóa kịch bản của use case sử dụng sơ đồ activity</p> <p>2.5. Sơ đồ tuần tự- các thành phần trong sơ đồ tuần tự</p> <p>2.6. Mô hình hóa chi tiết các bước thực hiện use case bằng sơ đồ tuần tự mức phân tích.</p>	9	1, 2, 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>Bài tập về nhà về phân tích và xác định yêu cầu</p> <p>Đọc trước Chương 3</p>
3	<p>Chương 3: Phân tích cấu trúc của hệ thống</p> <p>3.1. Xác định các lớp khái niệm trong hệ thống</p> <p>3.2. Mô hình domain – các thành phần trong mô hình domain</p> <p>3.3. Cách xác định lớp khái niệm, thuộc tính</p> <p>3.4. Các xác định mối quan hệ giữa các lớp khái niệm</p> <p>3.5. Cách dùng mô hình domain mô hình hóa cấu trúc của hệ thống</p>	6	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>Bài tập về nhà về Phân tích cấu trúc của hệ thống</p> <p>Đọc trước chương 4</p>
4	<p>Chương 4: Phân tích kiến trúc</p> <p>4.1. Khái niệm về kiến trúc hệ thống</p> <p>4.2. Các khái niệm trong kiến trúc hệ thống</p> <p>4.3. Các kiến trúc cơ bản</p> <p>4.4. Các bước phân tích kiến trúc</p> <p>4.5. Mô hình hóa kiến trúc</p> <p>4.6. Khái niệm Subsystem và package</p>	3	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<p>Bài tập về nhà về Phân tích kiến trúc</p> <p>Câu hỏi gợi ý trước về Phân tích Use case</p>
5	<p>Chương 5: Phân tích use case</p> <p>5.1. Mục đích của phân tích Use-case</p> <p>5.2. Các bước phân tích use-case</p> <p>5.3. Lớp phân tích</p> <p>5.4. Khái niệm lớp phân tích</p>	6	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> </ul>	<p>Bài tập về nhà về Phân tích use case</p> <p>Đọc trước Chương 6</p>

	5.5. Khái niệm Boundary class 5.6. Vai trò của Boundary Class 5.7. Khái niệm và vai trò lớp thực thể 5.8. Khái niệm và vai trò của lớp điều khiển 5.9. Biểu diễn lớp phân tích trong các sơ tương tác				
6	Chương 6: Thiết kế hệ thống 6.1. Khái niệm thiết kế hệ thống 6.2. Nguyên tắc thiết kế hướng đối tượng 6.3. Khái niệm trách nhiệm và phương thức 6.4. Nguyên tắc gán trách nhiệm vào lớp 6.5. Sơ đồ tuần tự ở mức thiết kế	9	3, 4	- Thuyết trình - Đặt câu hỏi - Thảo luận nhóm	Bài tập về nhà về Thiết kế hệ thống  Đọc trước Chương 7
7	Chương 7: Thiết kế Lớp 7.1. Tổng quan về thiết kế lớp 7.2. Các bước thiết kế lớp 7.3. Xác định các phương thức 7.4. Tinh chỉnh các mối quan hệ giữa các lớp 7.5. Quan hệ kết hợp và phụ thuộc trong mô hình cộng tác 7.6. Hợp nhất các lớp thiết kế	6	3, 4, 5	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Bài tập về nhà về thiết kế lớp  Đọc trước Chương 8
8	Chương 8: Thiết kế cơ sở dữ liệu 8.1. Ánh xạ từ lớp thiết kế sang mô hình dữ liệu 8.2. Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ và hướng đối tượng 8.3. Mô hình dữ liệu quan hệ 8.4. Mô hình đối tượng 8.5. Ánh xạ các thành phần trong mô hình đối tượng sang mô hình quan hệ	3	3, 4, 5, 6	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm	Bài tập về Thiết kế cơ sở dữ liệu

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kì Kiểm tra giữa kỳ Bài tập lớn Kiểm tra cuối kỳ	Trắc nghiệm / Tự luận	10% 30% 40% 20%	80%
2	Bài thường kì Kiểm tra giữa kỳ Bài tập lớn Kiểm tra cuối kỳ	Trắc nghiệm / Tự luận	20% 40% 20% 20%	80%
3	Bài thường kì Kiểm tra giữa kỳ	Trắc nghiệm / Tự luận	20% 30%	80%

	Bài tập lớn Kiểm tra cuối kỳ		30% 20%	
4	Bài thường kì Kiểm tra giữa kỳ Bài tập lớn Kiểm tra cuối kỳ	Trắc nghiệm / Tự luận	10% 20% 50% 20%	80%
5	Bài thường kì Kiểm tra giữa kỳ Bài tập lớn Kiểm tra cuối kỳ	Trắc nghiệm / Tự luận	10% 80% 10%	70%
6	Bài thường kì Kiểm tra giữa kỳ Bài tập lớn Kiểm tra cuối kỳ	Trắc nghiệm / Tự luận	10% 80% 10%	

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 2)</b>	<b>20</b>
	- Project	15
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Đồ án	<b>30</b>
	Báo cáo nhóm	<b>20</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101579 - Phát triển ứng dụng Web

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Phát triển ứng dụng Web (2101579)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 1      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Võ Ngọc Tấn Phước  
ThS. Nguyễn Phúc Hưng  
ThS. Nguyễn Hữu Quang  
ThS. Phạm Nguyễn Hoàng Nam

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Sebastian Bergmann, Stefan Priebsch. *Real-world solutions for developing high-quality PHP frameworks and applications*. Indianapolis: Wiley Publishing, 2011. [100281436]

Tài liệu tham khảo

[1] Don Gosselin, Diana Kokoska, Robert eastebrooks. *PHP programming with mysql*. Boston: Course Technology, 2011. [100253503]

[2] Robin Nixon. *Plug-in PHP: 100 power solutions*. New York: McGraw-Hill, 2010. [100267593]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên các kiến thức về môi trường, cơ chế hoạt động và các kiến thức liên quan đến xây dựng website.
- Lập trình kết nối đến cơ sở dữ liệu bằng ngôn ngữ lập trình phía server và hiển thị kết quả theo thiết kế cho trước.
- Triển khai được website lên môi trường internet.
- Giao tiếp dữ liệu giữa các website khác nhau thông qua các API

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học Phát triển ứng dụng Web cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xây dựng ứng dụng web (Web application) như: môi trường và cơ chế hoạt động của một Website, lập trình tương tác với cơ sở dữ liệu, hiển thị dữ liệu động lên giao diện Web, triển khai thực tế ứng dụng lên môi trường internet. Ngoài ra môn học còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu như xây dựng các API (Application Programming Interface), lập trình với API để giúp các ứng dụng được xây dựng bằng các nền tảng khác nhau có thể giao tiếp dữ liệu với nhau.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Hệ thống và công nghệ web (2101551) (A)

##### d. Yêu cầu khác

- Dự lớp theo quy định của nhà trường.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập, project, kiểm tra và các kỳ thi theo quy định.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Phân biệt được môi trường hoạt động và giải thích được cơ chế client/server của một website	
2	Vận dụng được ngôn ngữ lập trình phía server để xây dựng một website (với giao diện cho trước) có dữ liệu động được lấy từ cơ sở dữ liệu	
3	Giải thích được các kiến thức liên quan đến phát triển ứng dụng web	
4	Triển khai (deploy) được một website lên mạng internet	SO6-PI2-E
5	Giải thích được nguyên tắc giao tiếp dữ liệu giữa các ứng dụng được xây dựng trên các nền tảng khác nhau	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	1	2	3	4	5	6
1						
2						
3						
4						PI2-E
5						

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Tổng quan lập trình web phía server 1.1 Giới thiệu cơ chế hoạt động của Web Client/Server 1.2 Ngôn ngữ lập trình Web phía Server 1.3 Kiến trúc máy chủ và môi trường thực thi (Web Server)	2 LT, 0 TH	1	L, D	Tổng quan lập trình web phía server
2	Chương 2. Ngôn ngữ kịch bản phía server 2.1 Cú pháp và quy ước trong ngôn ngữ PHP 2.2 Một số hàm xử lý trong PHP 2.3 Cơ chế truyền nhận dữ liệu Post/Get 2.4 Vấn đề Session, cookie trong lập trình Web	8 LT, 8 TH	5	L, D	Ngôn ngữ kịch bản phía server

3	Chương 3. Kết nối cơ sở dữ liệu MySQL 3.1 Giới thiệu hệ quản trị csdl MySQL 3.2 Cú pháp kết nối csdl MySQL bằng PHP 3.3 Xử lý dữ liệu trả về khi kết nối 3.4 Lập trình tương tác dữ liệu (thêm, xóa, sửa) bằng PHP	8 LT, 8 TH	2	L, D	Kết nối cơ sở dữ liệu MySQL
4	Chương 4. Hiện thực website 4.1 Hiện thực dữ liệu lên giao diện 4.2 Truyền dữ liệu trong các trang Web 4.3 Các vấn đề về an toàn dữ liệu trên Web 4.4 Tạo API và lập trình với các API	10 LT, 12 TH	3, 5	L, D	Hiện thực website
5	Chương 5. Xuất bản website 5.1 Một số khái niệm khi xuất bản Web 5.2 Thực hiện upload source code 5.3 Cấu hình thông số trên host	2 LT, 2 TH	4	L, S	Xuất bản website

L: Lecture S: Seminar D: Discussion I: Instructions in serving as model Si: Simulation O: Observation P: Practices H: Instruction for Homework WA: Work Assignment

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập ở nhà 1 KT thường xuyên 1 Giữa kỳ Cuối kỳ	Tự luận / Thực hành Tự luận / Thực hành Thực hành Thực hành	0% 0% 100% 0%	80%
2	Bài tập ở nhà 2 KT thường xuyên 2 Giữa kỳ Cuối kỳ	Tự luận / Thực hành Tự luận / Thực hành Thực hành Thực hành	5% 15% 30% 50%	80%
3	Bài tập ở nhà 3 KT thường xuyên 2 Giữa kỳ Cuối kỳ	Tự luận / Thực hành Tự luận / Thực hành Thực hành Thực hành	40% 60% 0% 0%	80%
4	Bài tập ở nhà 4	Tự luận / Thực hành	5%	80%

	KT thường xuyên 2	Tự luận / Thực hành	15%	
	Giữa kỳ	Thực hành	30%	
	Cuối kỳ	Thực hành	50%	
5	Bài tập ở nhà 5	Tự luận / Thực hành	40%	80%
	KT thường xuyên 2	Tự luận / Thực hành	60%	

b. Các thành phần đánh giá

<b>Phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỷ trọng %</b>
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	10
	Kỹ năng thực hành	20
	Báo cáo thực hành	20
	Đồ án	30
	Báo cáo nhóm	20

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101652 - Thương mại điện tử

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Thương mại điện tử (2101652)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 2

Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Lê Thùy Trang

ThS. Nguyễn Hữu Quang

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)

[1] Dave Chaffey, *Digital business and E-commerce management: strategy, implementation and practice*, Pearson Education Limited, 2015. [ 100287770]

Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)

[1] J.Mallor, A. J. Barnes, L. T. Bowers, A. Langvardt, *Business law : The ethical, global, and e-commerce environment*, McGraw-Hill/Irwin, 2010.[ 100267745]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Trình bày được các đặc trưng của TMĐT và các loại thị trường
- Trình bày được thực trạng TMĐT của VN và thế giới
- Giải thích được các khái niệm liên quan đến công nghệ TMĐT, các mô hình kinh doanh, quy trình quản lý rủi ro và vận dụng các bước quản lý rủi ro trong TMĐT,
- Xây dựng được một website TMĐT từ các công cụ mã nguồn mở đảm bảo một số chức năng chung của website TMĐT.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các mô hình kinh doanh điện tử, công nghệ được sử dụng trong TMĐT, một số hiểu biết về thực trạng TMĐT ở Việt Nam và tình hình TMĐT trên thế giới và các vấn đề liên quan đến các dịch vụ và an toàn bảo mật trong TMĐT. Giúp sinh viên hiểu cách triển khai hiệu quả một website thương mại điện tử, biết được các đặc trưng của TMĐT và các loại thị trường, phân tích được thực trạng TMĐT của VN và thế giới, biết các khái niệm liên quan đến công nghệ TMĐT, phân biệt các mô hình kinh doanh, hiểu được quy trình quản lý rủi ro và vận dụng các bước quản lý rủi ro trong TMĐT, hiểu được một số giải pháp đảm bảo an toàn trong TMĐT, biết được các hệ thống thanh toán điện tử, biết được các chiến lược tiếp thị điện tử, biết được một số luật TMĐT của Việt Nam.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Hệ thống và công nghệ Web (2101551) (A)

##### d. Yêu cầu khác

Không

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Phân tích được thực trạng thương mại điện tử của Việt Nam và thế giới	
2	Giải thích được các vấn đề về an ninh và các biện pháp bảo mật trong thương mại điện tử	SO1_PI2_R
3	Phân tích được mô hình kinh doanh để khởi nghiệp kinh doanh TMĐT	
4	Xây dựng được một website TMĐT phù hợp với mô hình kinh doanh đã chọn	SO2_PI2_I
5	Trình bày được các trường hợp vi phạm luật TMĐT trong thực tế	SO4_PI2_E

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	2	3	4	5	6
1						
2	PI2-R					
3						
4		PI2-I				
5				PI2-E		

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1 - TỔNG QUAN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ</b> 1.1. Định nghĩa TMĐT 1.2. Lịch sử phát triển của TMĐT 1.3 Các đặc trưng của TMĐT 1.4 Các hình thức kinh doanh của TMĐT 1.5 Lợi ích và hạn chế của TMĐT 1.6 Các tác động của TMĐT	3		L, D	
2	<b>Chương 2 - THỰC TRẠNG TMĐT VIỆT NAM</b> 2.1. Thực trạng TMĐT thế giới 2.3 Tìm hiểu một số website TMĐT thành công và thất bại	2	1	H, WA	WA
3	<b>Chương 3 - MÔ HÌNH KINH DOANH TRONG TMĐT</b>	6	3	L, D, WA	WA

	3.1 Giới thiệu về mô hình kinh doanh 3.2 Mô hình kinh doanh Canvas				
4	<b>Chương 4 - AN NINH TRONG TMĐT</b> 4.1 Các vấn đề an ninh trong TMĐT 4.2 Một số biện pháp đảm bảo an ninh trong TMĐT	6	2	L, D, WA	WA
5	<b>Chương 5 - TIẾP THỊ ĐIỆN TỬ</b> 5.1 Giới thiệu 5.2 Một số phương tiện tiếp thị trực tuyến 5.3 Các phương pháp xác định thị trường mục tiêu	4	4	L, D, WA	WA
6	<b>Chương 6 - LUẬT PHÁP VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG TMĐT</b> 6.1 Luật mẫu về TMĐT của UNCITRAL 6.2 Chính sách và pháp luật VN về TMĐT 6.3 Vấn đề đạo đức trong TMĐT	4	5	D, H, WA	

**L:** Lecture **S:** Seminar **D:** Discussion **I:** Instructions in serving as model **Si:** Simulation **O:** Observation **P:** Practices **H:** Instruction for Homework **WA:** Work Assignment

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập nhóm	Tiểu luận	100%	80%
2	Cuối kỳ	Tự luận	100%	80%
3	Bài tập nhóm Giữa kỳ	Tiểu luận Tự luận	40% 60%	80%
4	Lab Results	Thực hành	100%	80%
5	Cuối kỳ	Tự luận	100%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	Đánh giá thường xuyên (cách 1)	20
	Bài tập nhóm	10
	Bài tập nhóm	10
	Kiểm tra giữa kỳ	30

	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Báo cáo nhóm	100

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng      năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101546 - Bảo mật cơ sở dữ liệu

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Bảo mật cơ sở dữ liệu (2101546)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Hoàng Nam  
ThS. Trần Thị Kim Chi  
ThS. Võ Ngọc Tấn Phước  
TS. Đoàn Văn Thắng  
TS. Lê Nhật Duy  
TS. Ngô Hữu Dũng

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

- [1] S. Castano, M. Fugini, G. Martella, and P. Samarati, Database Security, ACM Press & Addison-Wesley, ISBN 0-201-59375-0, 1995.
- [2] Alfred Basta, Melissa Zgola, Database Security, 1st Edition, ISBN-10: 1435453905 | ISBN-13: 9781435453906, 2012
- [3] W. Mao, Modern Cryptography - Theory and Practice, 3rd Edition, Prentice Hall, ISBN 0-13-066943-1, 2003.
- [4] D.C. Knox, Effective Oracle Database 10g Security by Design, Oracle Press, ISBN 0-07-223130-0, 2004.
- [5] B. Thuraisingham, Database and Applications Security – Integrating Information Security and Data Management, Auerbach Publications, ISBN 0-8493-2224-3, 2005.

Tài liệu tham khảo

- [1] Umar, Information Security and Auditing in the Digital Age (revised version-August 2004), NGE Solutions, ISBN 0-9727-4147-X, 2004.
- [2] M. Bishop, Computer Security – Art and Science, Addison-Wesley, ISBN 0-201-44099-7, 2003.
- [3] R.B. Natan, Implementing Database Security and Auditing, Elsevier Digital Press, ISBN 1-55558-334-2, 2005.
- [4] N. Shah. Database Systems Using Oracle – A Simplified Guide to SQL and PL/SQL, 2nd Edition, Prentice Hall, ISBN 0-13-191180-5, 2005.
- [5] Menezes, P. van Oorschot, and S. Vanstone, Handbook of Applied Cryptography, CRC Press, 2005.
- [6] Umar, Mobile Computing and Wireless Communications (Applications, Networks, Platforms, Architectures, and Security), NGE Solutions, ISBN: 0-9759182-0-6, 2004

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Trình bày được các mô hình bảo mật cơ sở dữ liệu
- Trình bày được các vấn đề bảo mật trong các hệ cơ sở dữ liệu thông dụng
- Vận dụng để bảo mật cho các ứng dụng cơ sở dữ liệu

b. Mô tả vấn đề học phần

Những chủ đề chính bao gồm các phương pháp bảo vệ dữ liệu và thông tin: mã hoá và các giao thức bảo mật, bảo mật cơ sở dữ liệu theo mô hình DAC (discretionary access control) và MAC (mandatory access control), kiểm soát dòng thông tin (information flow controls), vấn đề suy diễn (inference problem), kiểm định (auditing), chữ ký điện tử, những vấn đề và hướng nghiên cứu mới về bảo mật trong các hệ thống quản trị dữ liệu và ứng dụng hiện đại.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Hệ cơ sở dữ liệu (2101436) (B)

Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (2101425) (A)

d. Yêu cầu khác

- Sinh viên thực hành trên phần mềm Microsoft SQL Server 2008/2012 hoặc Oracle
- Mỗi nhóm sinh viên (2-3 sinh viên) phải hoàn thành 1 bài tập lớn (tiểu luận)
- Sinh viên phải thực hành đầy đủ 10 tuần thực hành

### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Sinh viên vận dụng được một trong các mô hình bảo mật của Access Control để phân quyền cho các đối tượng theo yêu cầu nghiệp vụ đã cho.	SO6_PI3_E
2	Sinh viên hiện thực được giám sát tự động cho một CSDL bất kỳ.	
3	Sinh viên thực hiện được mã hóa và giải mã dữ liệu mức cột trong một bảng dữ liệu.	
4	Sinh viên hiện thực được một chính sách theo điều kiện của nghiệp vụ cho trước.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						E

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

### 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Tổng quan về bảo mật CSDL 1.1. Tổng quan về CSDL và bảo mật thông tin	3	2	- Diễn giải - Minh họa - Demo - Thảo luận	Tổng quan về bảo mật CSDL

	<p>1.2. Chính sách và ý thức</p> <p>1.3. Phân quyền truy cập và nhận dạng người dùng</p> <p>1.4. Mã hóa thông tin và nén dữ liệu</p> <p>1.5. Giới thiệu về bảo mật CSDL</p> <p>1.6. Các mức và các phương pháp bảo mật CSDL</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	
2	<p>Chương 2: Access Control và Bảo mật theo cơ chế DAC</p> <p>2.1. Giới thiệu Access control</p> <p>2.2. Các mô hình của Access Control</p> <p>2.3. DAC và điều khiển dòng thông tin</p> <p>2.4. Các mô hình của DAC</p> <p>2.5. DAC trong các hệ QTCSDL thông dụng</p>	6	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giải</li> <li>- Minh họa</li> <li>- Demo</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	Access Control và Bảo mật theo cơ chế DAC
3	<p>Chương 3: Bảo mật theo cơ chế MAC</p> <p>3.1. Giới thiệu điều khiển truy cập bắt buộc Mandatory Access Control</p> <p>3.2. Các mô hình MAC</p> <p>3.3. Convert channels</p> <p>3.4. Mô hình quan hệ an toàn nhiều cấp</p> <p>3.5. MAC trong các hệ QTCSDL thông dụng</p>	6	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giải</li> <li>- Minh họa</li> <li>- Demo</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	Bảo mật theo cơ chế MAC
4	<p>Chương 4: Bảo mật theo cơ chế RBAC</p> <p>4.1. Giới thiệu điều khiển truy cập theo vai trò Role-based Access Control</p> <p>4.2. Các chuẩn của RBAC</p> <p>4.3. Các tính năng cơ bản của RBAC</p> <p>4.4. RBAC trong các hệ QTCSDL thông dụng</p>	3	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giải</li> <li>- Minh họa</li> <li>- Demo</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	Bảo mật theo cơ chế RBAC
5	<p>Chương 5: Suy diễn thông tin trong CSDL thống kê</p> <p>5.1. Giới thiệu CSDL thống kê</p> <p>5.2. Các loại CSDL thống kê</p> <p>5.3. Suy diễn thông tin trong CSDL thống kê</p> <p>5.4. Bảo vệ riêng tư và các ứng dụng data mining</p>	6		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giải</li> <li>- Minh họa</li> <li>- Demo</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Làm bài tập</li> </ul>	Suy diễn thông tin trong CSDL thống kê

6	Chương 6: Auditing 6.1. Giới thiệu Auditing 6.2. Kỹ thuật Auditing trong CSDL 6.3. Digital Forensics 6.4. Case study: Auditing trong các hệ QTCSDL (Oracle và SQL Server)	3	3	- Diễn giải - Minh họa - Demo - Thảo luận - Thuyết trình - Làm bài tập	Auditing
7	Chương 7: Mã hóa và giải mã 7.1. Mã hóa và giải mã 7.2. Bảo mật trong hệ quản trị CSDL hướng đối tượng, CSDL đa phương tiện và XML 7.3. Bảo mật trong các CSDL với thiết bị không dây 7.4. Bảo mật trong các lưới dữ liệu	3	2	- Diễn giải - Minh họa - Demo - Thảo luận - Thuyết trình - Làm bài tập	Mã hóa và giải mã

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập nhóm Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra chéo Tự luận / Thực hành	40% 60%	80%
2	Kiểm tra 1 tiết Thực hành cuối kỳ Thi cuối kỳ	Tự luận / Thực hành Thực hành Tự luận / Thực hành	20% 30% 50%	80%
3	Kiểm tra 1 tiết Thực hành cuối kỳ Bài thi cuối kỳ	Tự luận / Thực hành Thực hành Tự luận / Thực hành	20% 30% 50%	80%
4	Thực hành cuối kỳ Bài thi cuối kỳ	Thực hành Tự luận / Thực hành	50% 50%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra	10
	- Bài tập về nhà	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	10
	Kỹ năng thực hành	40
	Kiểm tra thực hành cuối khóa	50

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## **2101482 - Hệ thống thông tin quản lý**

### **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

#### **1. Tên và mã học phần: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (2101482)**

#### **2. Số tín chỉ: 2(2,0,4)**

Tổng số tín chỉ: 2      Lý thuyết: 2      Thực hành: 0      Tự học: 4

#### **3. Giảng viên phụ trách**

ThS. Nguyễn Hữu Quang

ThS. Nguyễn Ngọc Dung

#### **4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] Kroenke, David M – Using MIS – Pearson, 2017 [100291382, 100291383]

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Thành Trai, Phân tích & thiết kế hệ thống thông tin quản lý – NXB Trẻ, 1996 [100035641]

[2] Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý. - HN, 2005 [200005581-200005585]

[3] Phạm Thị Thanh Hồng - Giáo trình hệ thống thông tin quản lý, Tái bản lần thứ ba, có sửa chữa. - Bách khoa Hà Nội, 2012 [100270251-100270275]

#### **5. Thông tin về học phần**

##### **a. Mục tiêu học phần**

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về Hệ thống thông tin quản lý.
- Hiểu rõ sự gắn kết của các HTTT và tác động của chúng đến hoạt động và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.
- Nắm vững những yêu cầu đặt ra với các doanh nghiệp khi đầu tư vào CNTT nhằm tạo ra và duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh tế mới.
- Hoạch định chiến lược của các Hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh bằng cách hỗ trợ ra quyết định và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho tổ chức.

##### **b. Mô tả vấn đề học phần**

- Các khái niệm liên quan đến Hệ thống thông tin (IS) và Công nghệ Thông tin (IT) và việc sử dụng chúng trong một thế giới kinh doanh ngày càng cạnh tranh được giới thiệu trong khóa học này. Sinh viên có thể trở thành nhà quản lý trong tương lai, họ cần được cung cấp kiến thức làm thế nào để ra quyết định liên quan đến việc lập kế hoạch, phát

triển và thực hiện các nguồn lực công nghệ thông tin để tăng hiệu quả tổ chức và tạo ra một lợi thế chiến lược.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

d. Yêu cầu khác

- Mỗi nhóm sinh viên (2-3 sinh viên) phải hoàn thành 1 bài tập lớn (tiểu luận)

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày cách thức các hệ thống thông tin giúp doanh nghiệp phát triển chiến lược cạnh tranh.	
2	Trình bày các vấn đề về đạo đức, nghề nghiệp, chính trị gây ra bởi việc sử dụng rộng rãi hệ thống thông tin	
3	Trình bày các ứng dụng hệ thống thông tin cốt lõi các tổ chức hiện đang dùng để nâng cao tính ưu việt về vận hành và việc ra quyết định.	
4	Giải thích được ảnh hưởng toàn cục của hệ thống thông tin mạng xã hội (social media IS) đối với chiến lược của tổ chức	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						X
2				X		
3						X
4				X		

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Tổng quan về hệ thống thông tin quản lý 1.1. Mở đầu 1.2. Thời đại thông tin 1.3. Xu hướng phát triển công nghệ thông tin 1.4. Các khái niệm cơ bản 1.5. Mô hình hệ thống thông tin 1.6. Tác động của CNTT đối với doanh nghiệp	6	4	- Diễn giải, gợi ý - Giải thích - Minh họa bằng hình ảnh - Demo bằng cách thao tác trực tiếp trên máy - Thảo luận nhóm	- Sinh viên đọc trước nội dung. - Thảo luận các bài tập tình huống.
2	Chương 2. Các thành phần của hệ thống thông tin 2.1. Mô hình tổng quát	6	2	- Thảo luận nhóm - Thuyết trình	-

	2.2. Cơ sở hạ tầng 2.3. Phần mềm 2.4. Nguồn nhân lực 2.5. Dữ liệu 2.6. Hệ thống mạng			- Làm bài tập	
3	Chương 3. Hệ thống thông tin và ưu thế cạnh tranh của doanh nghiệp 3.1. Các chiến lược tạo ưu thế cạnh tranh cơ bản 3.2. Sự thay đổi bản chất ứng dụng CNTT 3.3. Tác động của CNTT 3.4. Hệ thống thông tin và các chiến lược cạnh tranh cơ bản 3.5. HTTT và ưu thế cạnh tranh	9	1		
4	Chương 4. Ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp 4.1. Hệ thống thông tin phân loại theo chức năng nghiệp vụ 4.2. HTTT phân loại theo cấp ứng dụng 4.3. HTTT tích hợp trong doanh nghiệp: SCM, CRM, ERP 4.4. Những thách thức trong ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp	9	3		

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập nhóm Kiểm tra thường kỳ Project	Kiểm tra chéo Tự luận Tiểu luận	30% 30% 40%	80%
2	Bài tập nhóm Kiểm tra 1 tiết Project Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra chéo Tự luận Tiểu luận Tự luận	10% 20% 30% 40%	80%
3	Kiểm tra 1 tiết Project Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận Tiểu luận Tự luận	30% 30% 40%	80%
4	Bài tập nhóm Kiểm tra 1 tiết Project	Kiểm tra chéo Tự luận Tiểu luận	10% 20% 30%	80%

	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	40%	
--	------------------	---------	-----	--

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra	5
	- Bài tập về nhà	5
	- Project	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101657 - Phát triển ứng dụng

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Phát triển ứng dụng (2101657)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Lê Thùy Trang

ThS. Võ Ngọc Tấn Phước

ThS. Huỳnh Nam

TS. Đoàn Văn Thắng

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Michael V. Mannino, Database design, application development, and administration, McGraw-Hill Irwin, 2007. [100259192]

[2] Alan Dennis, Barbara Haley Wixom, Roberta M. Roth, Systems Analysis and Design, Wiley, 6th Edition, 2015.

Tài liệu tham khảo

[1] Kshirasagar Naik, Priyadarshi Tripathy, Software testing and quality assurance: Theory and Practice, John Wiley & Sons, 2008. [100287787]

[2] Karl Wiegers, Joy Beatty, Software Requirements, Microsoft Press, 3rd Edition, 2013.

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Phân tích thiết kế được hệ thống bằng UML cho một ứng dụng.
- Hiện thực được kỹ năng lập trình giao diện đồ họa (GUI), lưu trữ dữ liệu dựa trên phân tích yêu cầu thực tế.
- Thiết kế được cơ sở dữ liệu từ lược đồ lớp.
- Hiện thực được giao diện ứng dụng theo đúng thiết kế.
- Hiện thực được các tài liệu liên quan đến quy trình phát triển ứng dụng và các vấn đề liên quan đến kiểm định chất lượng của ứng dụng.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ thuật và kỹ năng làm việc với một ứng dụng thực tế ở mức phân tích yêu cầu thực tế của một ứng dụng và hiện thực bằng ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng cụ thể. Và môn học cũng là nền tảng cho việc học về công nghệ phần mềm sau này.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (2101425) (A)

Phân tích thiết kế hệ thống (2101625) (B)

Phát triển ứng dụng Web (2101579) (A)

Phân tích và quản lý yêu cầu (2101628) (A)

##### d. Yêu cầu khác

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Mô hình hóa được yêu cầu của đề tài	SO1-PI1-R
2	Thiết kế được một hệ thống theo yêu cầu	SO2-PI1-R
3	Viết được tài liệu phân tích thiết kế hệ thống	SO3-PI3-E
4	Hiện thực hóa được chương trình theo đúng thiết kế	SO2-PI2-I
5	Đánh giá được hệ thống đã phát triển theo các tiêu chí đã cho	SO3-PI3-R
6	Trình bày hiệu quả các yêu cầu trước giảng viên và tập thể lớp	SO3-PI1-R
7	Làm việc nhóm hiệu quả để đạt được mục tiêu chung 1. Tham gia tích cực vào các buổi hoạt động nhóm 2. Làm việc dễ dàng với các thành viên khác trong nhóm 3. Hoàn thành nhiệm vụ được giao	SO5-PI1,2,3-E

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO	1	2	3	4	5	6
1		PI1-R					
2			PI1-R				
3				PI3-E			
4			PI2-I				
5			PI3-R				
6				PI1-R			
7						PI1-E, PI2-E, PI3-E	

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1 – Tổng quan về Phát triển ứng dụng</b> 1.1. Giới thiệu môn học 1.1.1. Mục tiêu môn học 1.1.2. Kế hoạch thực hiện 1.1.3. Các sản phẩm 1.1.4. Đánh giá 1.2. Giới thiệu về quản lý dự án 1.2.1. Lập kế hoạch 1.2.2. Các vai trò trong một dự	6	3, 6, 7	L, D, H	Tổng quan

	án 1.2.3. Các cuộc họp 1.3. Vai trò của hệ thống thông tin trong tổ chức				
2	<b>Chương 2 – Phân tích</b> 2.1. Lược đồ use case 2.2. Đặc tả use case 2.3. Domain Model  2.4. Lược đồ tương tác 2.5. Class diagram	10	1	D, H, WA	Phân tích
3	<b>Chương 3 – Thiết kế</b> 3.1. Thiết kế CSDL 3.2. Thiết kế giao diện	10	2	D, H, WA	Thiết kế
4	<b>Chương 4 – Hiện thực hệ thống</b> 4.1. Quản lý lập trình 4.2. Đánh giá hệ thống	4	5	L, D, H	Hiện thực

*L: Lecture S: Seminar D: Discussion I: Instructions in serving as model Si: Simulation O: Observation P: Practices H: Instruction for Homework WA: Work Assignment*

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập nhóm Giữa kỳ	Thực hành Vấn đáp	30% 70%	80%
2	Bài tập nhóm Cuối kỳ	Thực hành Vấn đáp	30% 70%	80%
3	Giữa kỳ	Vấn đáp	100%	80%
4	Bài tập nhóm Cuối kỳ	Thực hành Vấn đáp	30% 70%	80%
5	Cuối kỳ	Vấn đáp	100%	80%
6	Cuối kỳ	Vấn đáp	100%	80%
7	Bài tập nhóm	Thực hành	100%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Project	20
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Project	100

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng      năm 2022  
**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## **2101658 - Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử**

### **ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

#### **1. Tên và mã học phần: Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử (2101658)**

#### **2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

#### **3. Giảng viên phụ trách**

TS. Ngô Hữu Dũng

#### **4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] Dave Chaffey, Digital business and E-commerce management: strategy, implementation and practice, Pearson Education Limited, 2015.[ 100287770]

[2] Dave Chaffey, E-business and E-commerce management, Strategy, Implementation and Practice, Prentice Hall, 2009.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Văn Minh & các tác giả, Giáo trình Thương mại điện tử căn bản, NXB Thống kê, Hà Nội, 2011.

[2] Trịnh Lê Nam, Nguyễn Phúc Trường Sinh, Thương mại điện tử cho doanh nghiệp, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2008.

#### **5. Thông tin về học phần**

##### **a. Mục tiêu học phần**

- Giải thích được một số khái niệm, đặc điểm, nội dung và vai trò của quản trị tác nghiệp TMDT
- Chỉ ra được thế nào là bán lẻ điện tử và các công cụ hỗ trợ, các mô hình TMDT B2B cũng như các hoạt động mua bán trong B2B
- Chỉ ra được tầm quan trọng của quản trị logistic, quản trị quan hệ khách hàng CRM, các giải pháp công nghệ cho e-CRM
- Xây dựng được chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong TMDT
- Giải thích được khái niệm tái cấu trúc doanh nghiệp và quản trị sự thay đổi

##### **b. Mô tả vắn tắt học phần**

Môn học cung cấp các kiến thức, kỹ năng về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh thương mại điện tử. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về quản trị thương mại điện tử cũng như các chiến lược phát triển doanh nghiệp, bao gồm: Khái niệm quản trị TMDT, quản trị bán lẻ điện tử, quản trị TMDT B2B và chuỗi cung ứng điện tử; quản trị thực hiện đơn hàng và các dịch vụ hỗ trợ TMDT, tái cấu trúc doanh nghiệp trong môi trường Internet trong môi trường Internet và quản trị sự thay đổi, môi trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh điện tử.

##### **c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

Thương mại điện tử (2101652) (A)

Hệ thống và công nghệ Web (2101551) (B)

##### **d. Yêu cầu khác**

#### **6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Phân tích được vai trò của quản trị tác nghiệp TMDT	
2	Trình bày được mô hình TMDT B2B cũng như các hoạt động mua bán trong B2B.	SO6_P11_R
3	Phân tích được tầm quan trọng của quản trị logistics và giải pháp công nghệ vào trong quản trị Logistics	
4	Phân tích tầm quan trọng của quản trị khách hàng CRM và các giải pháp công nghệ cho e-CRM	
5	Xây dựng được chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong TMDT	SO1_P11_E

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						PI1-R
3						
4						
5	PI1-E					

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị TMDT 1.1. Tổng quan về TMDT 1.2. Khái niệm, đặc điểm và nội dung của quản trị TMDT	3	1	L, D	Tổng quan về quản trị TMDT
2	Chương 2: Quản trị bán lẻ điện tử 2.1. Tổng quan về bán lẻ điện tử 2.2. Bán lẻ điện tử các sản phẩm vật thể (hữu hình) 2.2.1. Kỹ thuật bày hàng trong bán lẻ điện tử 2.2.2. Quy trình bán lẻ điện tử 2.2.3. Cung cấp dịch vụ trực tuyến 2.3. Phân phối các sản phẩm số và giải trí trực tuyến 2.4. Các công cụ trợ giúp và một số vấn đề trong bán lẻ điện tử	8	2	S, D	Quản trị bán lẻ điện tử
3	Chương 3: Quản trị thương mại điện tử B2B 3.1. Một số khái niệm, đặc trưng cơ bản của TMDT B2B 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Các loại hình giao dịch và thị	8	2	L, D	Quản trị thương mại điện tử B2B

	<p>trường điện tử B2B</p> <p>3.1.3. Các đặc trưng của TMĐT B2B</p> <p>3.1.4. Lợi ích và hạn chế của TMĐT B2B</p> <p>3.1.5. Bán hàng trong TMĐT B2B</p> <p>3.2. Các phương pháp bán hàng B2B</p> <p>3.2.1. Bán hàng qua catalog</p> <p>3.2.2. Bán hàng qua các nhà phân phối trung gian</p> <p>3.2.3. Bán hàng qua đấu giá điện tử</p> <p>3.2.4. Đặc điểm của quy trình bán hàng B2B</p> <p>3.3. Mua hàng trong TMĐT B2B</p> <p>3.3.1. Các phương pháp mua hàng B2B</p> <p>3.3.2. Mua hàng qua đấu thầu (đấu giá ngược)</p> <p>3.3.3. Mua hàng qua tích hợp catalog các nhà cung ứng</p> <p>3.3.4. Mua theo nhóm</p> <p>3.3.5. Mua hàng qua các phương pháp khác</p> <p>3.4. Sàn giao dịch B2B</p> <p>3.4.1. Khái niệm, đặc trưng và chức năng của sàn giao dịch B2B</p> <p>3.4.2. Định giá động trên sàn giao dịch B2B</p> <p>3.4.3. Ưu việt, hạn chế và mô hình thu nhập của sàn giao dịch</p> <p>3.4.4. Sở hữu của sàn giao dịch</p>				
4	<p>Chương 4: Quản trị logistics trong Thương mại điện tử</p> <p>4.1. Quản trị dự trữ</p> <p>4.1.1. Tầm quan trọng quản trị dự trữ trong TMĐT</p> <p>4.1.2. Tích hợp quản trị dự trữ trong TMĐT với các hệ thống mở rộng của doanh nghiệp</p> <p>4.1.3. Quản trị kho hàng và trung tâm phân phối</p> <p>4.2. Quản trị thực hiện đơn hàng và logistics trong TMĐT</p> <p>4.2.1. Khái niệm thực hiện đơn hàng và logistics trong TMĐT</p> <p>4.2.2. Quy trình thực hiện đơn hàng trong TMĐT</p> <p>4.2.3. Các vấn đề và giải pháp thực hiện đơn hàng trong TMĐT</p> <p>4.3. Các hệ thống lập kế hoạch nguồn lực trong doanh nghiệp</p> <p>4.3.1. Hệ thống MRP I + II</p> <p>4.3.2. Hệ thống ERP</p>	8	3	L, S, D	Quản trị logistics trong Thương mại điện tử

	<p>4.4. Chuỗi cung ứng điện tử và thương mại cộng tác</p> <p>4.4.1. Khái niệm</p> <p>4.4.2. Quản trị chuỗi cung ứng điện tử</p> <p>4.4.3. Thương mại cộng tác</p> <p>4.4.4. Cổng thông tin công ty</p> <p>4.4.5. Các công cụ cho chuỗi cung ứng điện tử và thương mại cộng tác</p> <p>4.4.6. Trao đổi dữ liệu điện tử (EDI)</p>				
5	<p>Chương 5: Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)</p> <p>5.1. Khái quát về quản trị quan hệ khách hàng điện tử</p> <p>5.1.1. Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)</p> <p>5.1.2. Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)</p> <p>5.1.3. e-CRM và e-marketing</p> <p>5.2. Nội dung quản trị quan hệ khách hàng điện tử</p> <p>5.2.1. Quản trị thu nạp khách hàng (Customer acquisition management)</p> <p>5.2.2. Quản trị giữ chân khách hàng (Customer retention management)</p> <p>5.2.3. Quản trị mở rộng khách hàng (Customer extension management)</p> <p>5.2.4. Các giải pháp công nghệ cho e-CRM</p>	8	4	S, D, WA	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử
6	<p>Chương 6: Môi trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử</p> <p>6.1. Môi trường thương mại điện tử</p> <p>6.1.1. Giới thiệu</p> <p>6.1.2. Các nhân tố xã hội và pháp lý</p> <p>6.1.3. Các vấn đề môi trường liên quan đến sử dụng Internet</p> <p>6.1.4. Thuế Internet</p> <p>6.1.5. Các nhân tố kinh tế và cạnh tranh</p> <p>6.1.6. Các nhân tố chính trị</p> <p>6.1.7. Chính phủ điện tử</p> <p>6.1.8. Đổi mới công nghệ</p> <p>6.2. Chiến lược thương mại điện tử</p> <p>6.2.1. Khái niệm và mô hình quá trình chiến lược TMĐT</p> <p>6.2.2. Phân tích chiến lược</p> <p>6.2.3. Mục tiêu chiến lược</p> <p>6.2.4. Quyết định chiến lược</p> <p>6.2.5. Triển khai chiến lược</p> <p>6.2.6. Chiến lược hệ thống thông tin và chiến lược TMĐT</p> <p>6.3. Kế hoạch kinh doanh thương mại</p>	8	5	L, D, WA	Môi trường, chiến lược và kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử

	điện tử 6.3.1. Căn bản về lập kế hoạch kinh doanh TMĐT 6.3.2. Nội dung của kế hoạch kinh doanh TMĐT 6.3.3. Phân tích thị trường 6.3.4. Phân tích đối thủ cạnh tranh 6.3.5. Lập kế hoạch tác nghiệp 6.3.6. Lập kế hoạch tài chính				
7	Chương 7: Tái cấu trúc doanh nghiệp và quản trị sự thay đổi 7.1. Tái cấu trúc doanh nghiệp điện tử từng phần 7.1.1. Khái niệm tái cấu trúc doanh nghiệp 7.1.2. Sự cần thiết tái cấu trúc doanh nghiệp trong thời đại Internet 7.1.3. Tái cấu trúc của doanh nghiệp điện tử từng phần 7.2. Doanh nghiệp ảo 7.2.1. Khái niệm, đặc điểm doanh nghiệp ảo 7.2.2. Cấu trúc doanh nghiệp ảo 7.3. Quản trị sự thay đổi 7.3.1. Tổng quan về quản trị sự thay đổi 7.3.2. Hoạch định sự thay đổi 7.3.3. Yêu cầu nguồn nhân lực và thay đổi cấu trúc tổ chức 7.3.4. Các tiếp cận quản trị sự thay đổi 7.4. Quản trị tri thức 7.4.1. Khái niệm, mục đích của quản trị tri thức 7.4.2. Triển khai quản trị tri thức 7.4.3. Công nghệ cho quản trị tri thức	6	5	L,D	Tái cấu trúc doanh nghiệp và quản trị sự thay đổi

*L: Lecture S: Seminar D: Discussion I: Instructions in serving as model Si: Simulation O: Observation P: Practices H: Instruction for Homework WA: Work Assignment*

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Tiểu luận nhóm Project Giữa kỳ Cuối kỳ	Tiểu luận Báo cáo Tự luận Tự luận	10% 10% 30% 50%	80%
2	Tiểu luận nhóm Project Giữa kỳ Cuối kỳ	Tiểu luận Báo cáo Tự luận Tự luận	10% 10% 30% 50%	80%
3	Tiểu luận nhóm	Tiểu luận	10%	80%

	Project Giữa kỳ Cuối kỳ	Báo cáo Tự luận Tự luận	10% 30% 50%	
4	Tiểu luận nhóm Project Giữa kỳ Cuối kỳ	Tiểu luận Báo cáo Tự luận Tự luận	10% 10% 30% 50%	80%
5	Tiểu luận nhóm Project Giữa kỳ Cuối kỳ	Tiểu luận Báo cáo Tự luận Tự luận	10% 10% 30% 50%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Project	10
	- Tiểu luận nhóm	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101860 - Lập trình hướng dịch vụ

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Lập trình hướng dịch vụ (2101860)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 1      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Huỳnh Nam  
TS. Ngô Hữu Dũng

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Learn Web Development with Python, by Fabrizio Romano, Gaston C. Hillar, Arun Ravindran, 2018

Tài liệu tham khảo

[1] Programming Python, 4th Edition, Mark Lutz, 2010

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Cài đặt và ứng dụng cấu trúc XML
- Ứng dụng được Python xây dựng website theo kiến trúc 3-tiers
- Ứng dụng được Django xây dựng website theo mô hình MVC
- Xây dựng dịch vụ RESTFUL tương tác với ứng dụng
- Thiết kế được kiến trúc Micro-service trong hệ thống thông tin
- Triển khai được ứng dụng lên đám mây

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản đến nâng cao để xây dựng ứng dụng web và kiến trúc hướng dịch vụ với ngôn ngữ Python.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python (2101600) (A)

Phát triển ứng dụng Web (2101579) (A)

##### d. Yêu cầu khác

Máy tính có dung lượng RAM  $\geq 8$ GB

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Cài đặt và ứng dụng cấu trúc XML	
2	Ứng dụng được Python xây dựng website theo kiến trúc 3-tiers	
3	Ứng dụng được Django xây dựng website theo mô hình MVC	
4	Xây dựng dịch vụ RESTFUL tương tác với ứng dụng	
5	Triển khai được ứng dụng lên đám mây	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						
5						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Cấu trúc tài liệu 1.1 Cấu trúc XML, DTD, XSD 1.2 Cấu trúc DOM 1.3 Cấu trúc XSLT, CSS, HTML, XHTML 1.4 Truy vấn với XPath	3		Thuyết trình Sinh viên thảo luận Demo ứng dụng	JavaScript, CSS, HTML
2	Chương 2 Lập trình web với Python 2.1 Kiến trúc Client - Server 2.2 HTTP Request – Reponse 2.3 Phương thức GET / POST 2.4 Kiến trúc 3-Tiers	3		Thuyết trình Sinh viên thảo luận Demo ứng dụng	JavaScript, CSS, HTML
3	Chương 3 Bảo mật ứng dụng web 3.1 Session 3.2 Cookie 3.3 Đăng nhập, đăng xuất 3.4 Phân quyền truy cập	3		Thuyết trình Sinh viên thảo luận Demo ứng dụng	JavaScript, CSS, HTML
4	Chương 4 Django 4.1 Mô hình MVC 4.2 ORM và Mongoddb 4.3 Ứng dụng CRUD	3		Thuyết trình Sinh viên thảo luận Demo ứng dụng	JavaScript, CSS, HTML
5	Chương 4 (tt) 4.4 Đăng nhập và đăng xuất 4.5 Phân quyền truy cập	3		Thuyết trình Sinh viên thảo luận Demo ứng dụng	JavaScript, CSS, HTML
6	Chương 5: Xây dựng dịch vụ 5.1 Kiến trúc hướng dịch vụ (SOA) 5.2 XML, SOAP 5.3 REST, RESTFUL API	3		Thuyết trình Sinh viên thảo luận Demo ứng dụng	BootStrap
7	Chương 5 (tt) 5.4 Chứng thực và phân quyền	3		Thuyết trình Sinh viên	BootStrap

	truy cập với token 5.5 Quản lý token			thảo luận Demo ứng dụng	
8	Chương 6: Web tương tác cao 6.1 React Web Application 6.2 Kiến trúc VVM, MVVM	3		Thuyết trình Sinh viên thảo luận Demo ứng dụng	Bootstrap
9	Chương 7: Kiến trúc Micro Service 7.1 Phân rã dịch vụ 7.2 Các vấn đề bảo mật	3		Thuyết trình Sinh viên thảo luận Demo ứng dụng	Bootstrap
10	Chương 8: Triển khai ứng dụng 8.1 Dịch vụ điện toán đám mây 8.2 Docker	3		Thuyết trình Sinh viên thảo luận Demo ứng dụng	Heroku Cloud Deployment

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kì số 1	Trắc nghiệm	10%	85%
2	Bài thực hành số 2	Trắc nghiệm	10%	85%
3	Bài thi Giữa kì	Tự luận	30%	80%
4	Bài thi cuối kì (câu 1)	Thi viết	50%	60%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>  (Chọn 1 trong 2 cách đánh giá thường xuyên)	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Trắc nghiệm khách quan	10
	- Trắc nghiệm khách quan	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Điểm danh + Kỹ năng thực hành	<b>50</b>
	Đánh giá bài trắc nghiệm	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## 2101543 - Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (2101543)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Phan Thị Bảo Trân

ThS. Trần Thị Kim Chi

ThS. Nguyễn Như Hoa

ThS. Nguyễn Ngọc Dung

TS. Ngô Hữu Dũng

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Concepts in Enterprise Resource Planning, 3<sup>rd</sup> Editions By Ellen Monk and Bret Wagner, Thomson Course Technology 2008

Tài liệu tham khảo

[1] Modern ERP Systems: Select, Implement and Use Today's Advanced Business Systems. 2nd Edition (0531002543757)

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Giải thích được các đặc điểm chính của hệ thống ERP
- Thu thập và phân tích được yêu cầu về quy trình nghiệp vụ của một doanh nghiệp
- So sánh được sự khác biệt giữa quy trình thực tế tại doanh nghiệp và quy trình chuẩn của ERP
- Triển khai được các chức năng cơ bản trong 1 phân hệ của hệ thống ERP mã nguồn mở cho nghiệp vụ đã phân tích.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học cung cấp các khái niệm, đặc điểm của hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, thu thập và phân tích yêu cầu về quy trình nghiệp vụ, so sánh những khác biệt giữa quy trình chuẩn và thực tế tại doanh nghiệp, cũng như khả năng triển khai một phân hệ của hệ thống ERP.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Nguyên lý kế toán (2127402) (B)

Lập trình hướng dịch vụ (2101860) (A)

##### d. Yêu cầu khác

Sinh viên phải tham gia tối thiểu 80% số tiết học.

Sinh viên hoàn thành bài tập do giảng viên đề ra.

Sinh viên tham gia làm việc nhóm, mỗi nhóm sẽ hoàn thành một tài liệu phân tích nghiệp vụ và triển khai được 1 module ERP để quản lý nghiệp vụ đã phân tích (Tiểu luận).

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Giải thích được các đặc điểm chính của hệ thống ERP	
2	Thu thập được yêu cầu về quy trình nghiệp vụ của một doanh nghiệp	
3	Phân tích được quy trình nghiệp vụ của một doanh nghiệp	
4	So sánh được sự khác biệt giữa quy trình thực tế tại doanh nghiệp và quy trình chuẩn của ERP	
5	Thiết kế và thực thi được các chức năng cơ bản trong 1 phân hệ của ERP mã nguồn mở cho 1 case study cụ thể của 1 doanh nghiệp nhỏ	
6	Làm việc nhóm hiệu quả để triển khai được module ERP đã chọn.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3	X					
4						
5		X				
6						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Tổng quan về ERP 11.1. Tổng quan về ERP 11.2. Nhu cầu của thị trường đối với hệ thống ERP 11.3. Quá trình phát triển của ERP 11.4. Các đặc điểm của hệ thống ERP 11.5. Các bước triển khai ERP	12	1,5	L, D, I, P, H	Tổng quan về ERP
2	Chương 2: Module CRM và quản lý bán hàng 12.1. Tổng quan về Marketing và bán hàng 12.2. Module bán hàng và phân phối trong hệ thống ERP	6	2,3,4,6	L, D, I, P, H	Module CRM và quản lý bán hàng
3	Chương 3: Module Quản lý chuỗi cung ứng 13.1. Tổng quan về SCM	12	2,3,4,6	L, D, I, P, H	Module Quản lý chuỗi

	13.2. Quy trình quản lý sản xuất: lập kế hoạch, sản xuất, cung ứng 13.3. Giải pháp ERP, Chuỗi cung ứng, và Ứng dụng quản lý doanh nghiệp trên web				cung ứng
4	Chương 4: Module Quản lý nhân sự 14.1. Tổng quan về HRM 14.2. Quy trình quản lý nhân sự trong Odoo	6	2,3,4,6	L, D, I, P, H	Module Quản lý nhân sự
5	Chương 5: Module Quản lý dự án 1.1. Tổng quan về Project Management 1.2. Quy trình quản lý dự án trong Odoo	9	2,3,4,6	L, D, I, P, H	Module Quản lý dự án

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kỳ 1	Tiểu luận nhóm	40%	80%
	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận	60%	
2	Bài thường kỳ 2	Tiểu luận nhóm	50%	80%
	Bài thường kỳ 3	Thực hành, báo cáo	50%	
3	Bài thường kỳ 2	Tiểu luận	20%	80%
	Bài thường kỳ 3	Thực hành, báo cáo	20%	
	Bài thi cuối kỳ	Tự luận	60%	
4	Bài thường kỳ 2	Tiểu luận	40%	80%
	Bài thi cuối kỳ	Tự luận	60%	
5	Bài thường kỳ 3	Thực hành, báo cáo	40%	80%
	Bài thi cuối kỳ	Tự luận	60%	
6	Bài thường kỳ 1	Tiểu luận	50%	80%
	Bài thường kỳ 2	Tiểu luận	50%	

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Thường kỳ 1	10
	- Thường kỳ 2	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Thường kỳ 3	<b>50</b>
	Báo cáo thực hành	<b>50</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## 2101561 - Công nghệ mới trong phát triển ứng dụng CNTT ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### 1. Tên và mã học phần: Công nghệ mới trong phát triển ứng dụng CNTT (2101561)

### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 1      Tự học: 5

### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Võ Ngọc Tấn Phước  
ThS. Trần Thị Kim Chi  
ThS. Nguyễn Phúc Hưng  
ThS. Nguyễn Hữu Quang  
ThS. Lê Thùy Trang

### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Tùy theo phần nội dung giảng dạy mà giáo viên sẽ cung cấp giáo trình cụ thể.

Tài liệu tham khảo

[1] Donald Brown - Chad Michael Davis, Struct2 In Action, Manning Publication, 2007.

[2] "RichFaces Developer Guide," [Online]. Available: <http://richfaces.jboss.org>.

### 5. Thông tin về học phần

#### a. Mục tiêu học phần

- Diễn đạt được xu hướng công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- So sánh được phương pháp áp dụng công nghệ mới so với các công nghệ hiện có cho hệ thống công nghệ thông tin.
- Diễn đạt được các chức năng và các phương pháp áp dụng được công nghệ mới cho hệ thống công nghệ thông tin, phương pháp hiện thực và vận hành hệ thống công nghệ thông tin sử dụng công nghệ mới.
- Thiết kế được: ứng dụng của hệ thống công nghệ thông tin áp dụng công nghệ mới.
- Thực hiện được ứng dụng của hệ thống công nghệ thông tin dựa trên các thuật giải, thuật toán của công nghệ mới.

#### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên phương pháp quản lý cấu hình phần mềm, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các framework để phát triển phát trong môi trường JavaEE như Struts Framework, Java Server Faces, RichFaces.

#### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Phát triển ứng dụng web (2101579) (A)

#### d. Yêu cầu khác

- Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp.
- Thực hiện các bài tập được giao

### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Sinh viên trình bày được xu hướng công nghệ mới trong ứng dụng CNTT và giải thích lại được ưu và khuyết điểm khi áp dụng công nghệ mới.	
2	Sinh viên phân tích được hiệu quả của ứng dụng Công nghệ mới đến cá nhân, tổ chức và xã hội.	
3	Sinh viên ứng dụng dc công nghệ mới để phát triển ứng dụng minh họa.	
4	Có khả năng làm việc dễ dàng với các thành viên khác trong Hoàn thành nhiệm vụ được giao trong nhóm đúng tiến độ	
5	Viết được tài liệu chuyên giao kỹ thuật, công nghệ của một hệ thống thông tin	SO6-PI2-E

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	1	2	3	4	5	6
1						
2						
3						
4						
5						PI2-E

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Xu Hướng Công Nghệ Mới</b> 1.1 Tổng quan về công nghệ mới trong CNTT 1.2 Giới thiệu công nghệ mới	6	1	L, S, D, P	Mid-Term
2	<b>Chương 2: So Sánh Và Đánh Giá Công Nghệ Mới</b> 2.1 So sánh công nghệ mới với công nghệ hiện tại 2.2 Đánh giá điểm mạnh, yếu của công nghệ mới	6	1, 2	L, S, D, P	Project, Mid-Term
3	<b>Chương 3: Khai Thác Các Chức Năng Và Ứng Dụng Của Công Nghệ Mới</b> 3.1 Các phương pháp khai thác công nghệ mới 3.2 Các ứng dụng của công nghệ mới	12	3, 4	L, S, D, P, H	Project, final

4	<b>Chương 4: Hiện Thực Và Vận Hành Công Nghệ Mới</b> 4.1 Phương pháp hiện thực công nghệ mới 4.2 Vận hành 4.3 Case study	6	4, 5	L, S, D, P, H	Project, final
---	---	---	------	------------------	-------------------

L: Lecture S: Seminar D: Discussion I: Instructions in serving as model Si: Simulation O: Observation P: Practices H: Instruction for Homework WA: Work Assignment.

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Kiểm tra tiến độ đề tài 1 Kiểm tra tiến độ đề tài 2 Kiểm tra tiến độ đề tài 3 Giữa kỳ	Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Thuyết minh	20% 20% 20% 40%	80%
2	Kiểm tra tiến độ đề tài 1 Kiểm tra tiến độ đề tài 2 Kiểm tra tiến độ đề tài 3 Cuối kỳ	Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Phản biện đề tài	20% 20% 20% 40%	80%
3	Kiểm tra tiến độ đề tài 1 Kiểm tra tiến độ đề tài 2 Kiểm tra tiến độ đề tài 3 Cuối kỳ	Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Phản biện đề tài	20% 20% 20% 40%	80%
4	Kiểm tra tiến độ đề tài 1 Kiểm tra tiến độ đề tài 2 Kiểm tra tiến độ đề tài 3 Cuối kỳ	Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Phản biện đề tài	20% 20% 20% 40%	80%
5	Kiểm tra tiến độ đề tài 1 Kiểm tra tiến độ đề tài 2 Kiểm tra tiến độ đề tài 3 Cuối kỳ	Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Thực hành / Tự luận Phản biện đề tài	20% 20% 20% 40%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

<b>Phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỷ trọng %</b>
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 2)</b>	<b>20</b>
	- Project	15
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Đồ án	<b>30</b>
	Báo cáo nhóm	<b>20</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101731 - Quản lý dự án Hệ thống thông tin

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Quản lý dự án Hệ thống thông tin (2101731)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

Ths Phan Thị Bảo Trân  
Ths Trần Thị Kim Chi  
Ths Nguyễn Trần Kỹ  
Ths Nguyễn Thị Trúc Ly

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] James Cadle and Donald Yeates, Project Management for Information Systems, Pearson College Div, 5<sup>th</sup> edition, 2008.

Tài liệu tham khảo

[1] H., Quản lý dự án phần mềm, TP.HCM: Khoa học Kỹ thuật, 2005.

[2] Đ. Nai, Quản lý dự án, Tổng hợp Đồng Nai, 2005, p. 576.

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Nắm vững các vấn đề cơ bản liên quan đến quản trị một dự án hệ thống thông tin, hệ thống tổ chức, phương pháp tổ chức hệ thống thông tin của dự án
- Hiểu được các thuật ngữ chuyên môn, các biểu mẫu và biết cách sử dụng các biểu mẫu trong quá trình quản lý dự án hệ thống thông tin.
- Nắm vững các hoạt động chính trong quản lý dự án hệ thống thông tin, các qui trình công nghệ, phương pháp và kỹ thuật cơ bản trong qui trình thực hiện một dự án hệ thống thông tin
- Biết sử dụng các công cụ trong chương trình Microsoft Project và làm được tài liệu quản trị dự án hệ thống thông tin, hoạch định được chi phí về tài nguyên cho một dự án, hình thành và phát triển nhóm dự án với vai trò của một người quản lý một dự án nhỏ.
- Có kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về quản trị dự án, đề xuất, phân tích, bảo vệ dự án

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc quản lý một dự án Hệ thống thông tin, cách lập kế hoạch triển khai một dự án, quản lý nguồn tài nguyên dự án, kiểm soát được chất lượng và rủi ro của dự án. Hình thành kỹ năng của một người quản lý dự án.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Phân tích thiết kế hệ thống (2101625) (A)

Hệ cơ sở dữ liệu (2101436) (A)

##### d. Yêu cầu khác

Không

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Vận dụng được các kỹ thuật thu thập yêu cầu để xác định phạm vi của dự án	SO3_PI2_R
2	Xác định được phạm vi của dự án, xây dựng được kế hoạch của dự án, xác định các nguồn tài nguyên của dự án	SO1_PI1_E
3	Áp dụng các nguyên lý quản lý dự án để xác định các rủi ro của dự án hệ thống thông tin	SO1_PI2_E
4	Tham gia tích cực vào buổi nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm, thực hiện công việc của dự án đúng thời gian quy định.	SO5_PI1_E SO5_PI2_E SO5_PI3_E
5	Khả năng ra quyết định và phân tích các vấn đề kinh doanh phức tạp để đề xuất các giải pháp dựa trên dự án	
6	Viết được tài liệu dự án	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1			R			
2	E					
3	E					
4					E	
5						
6						

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasized

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Tổng quan về quản lý dự án hệ thống thông tin 1.1. Giới thiệu về một dự án hệ thống thông tin 1.2. Giới thiệu về quản lý dự án hệ thống thông tin 1.3. Các lĩnh vực quản lý trong một dự án hệ thống thông tin 1.4. Các hoạt động của quản lý dự án HTTT 1.5. Các công cụ và kỹ thuật quản lý dự án HTTT 1.6. Ảnh hưởng của môi trường đến công tác tổ chức, quản lý dự án. 1.7. Các kiến thức, kỹ năng cần thiết để quản lý dự án	3	LO1	- GV diễn giải, gợi ý - SV thảo luận nhóm và trình bày trên lớp	Tổng quan về quản lý dự án hệ thống thông tin
2	Chương 2: Lập kế hoạch dự án	6	LO2	- SV tìm	Lập kế

	<p>hệ thống thông tin</p> <p>2.1. Xác định và đánh giá các yêu cầu của dự án</p> <p>2.2. Xác định vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia dự án</p> <p>2.3. Làm tài liệu phác thảo cho dự án (Statement of Work-SOW)</p> <p>2.4. Lập bảng công việc (Work breakdown structure)</p> <p>2.5. Lập lịch thực hiện các công việc</p>		LO4 LO6	hiểu trước bài học và trình bày trên lớp - GV giải thích bổ sung và điều chỉnh những chỗ chưa hợp lý trong phần trình bày của SV	hoạch dự án hệ thống thông tin
3	<p>Chương 3: Ước lượng dự án</p> <p>3.1. Các tính chất và tầm quan trọng của ước lượng dự án HTTT</p> <p>3.2. Ước lượng dữ liệu dự án</p> <p>3.3. Ước lượng và quản lý thời gian dự án</p> <p>3.4. Ước lượng các hoạt động hỗ trợ dự án</p> <p>3.5. Triển khai lịch biểu</p> <p>3.6. Quản lý lịch biểu</p>	3	LO2 LO4 LO6		Ước lượng dự án
4	<p>Chương 4: Quản lý chi phí dự án</p> <p>4.1. Khái niệm về quản lý chi phí</p> <p>4.2. Lập kế hoạch về nguồn tài nguyên dự án</p> <p>4.3. Ước lượng chi phí (Cost Estimating)</p> <p>4.4. Dự toán ngân sách cho các chi phí (Cost Budgeting).</p> <p>4.5. Kiểm soát chi phí (Cost Control)</p>	6	LO2 LO4 LO6		Quản lý chi phí dự án
5	<p>Chương 5: Quản lý chất lượng</p> <p>5.1. Khái niệm chất lượng</p> <p>5.2. Xác định chất lượng dự án</p> <p>5.3. Quy trình quản lý chất lượng</p> <p>5.4. Các phương pháp kiểm soát chất lượng dự án</p> <p>5.5. Cải tiến chất lượng dự án</p>	6	LO2 LO4 LO6		Quản lý chất lượng
6	<p>Chương 6: Quản lý nguồn nhân lực của dự án</p> <p>6.1. Xác định cơ cấu tổ chức</p> <p>6.2. Tổ chức và triển khai đội dự án</p> <p>6.3. Quy trình quản lý nguồn nhân lực</p> <p>6.4. Quản lý các bên liên quan</p>	6	LO2 LO4 LO5		Quản lý nguồn nhân lực của dự án
7	<p>Chương 7: Quản lý truyền thông</p> <p>7.1. Xác định thông tin-Lập kế hoạch trao đổi thông tin</p> <p>7.2. Phân phối thông tin-Xác</p>	3	LO4 LO6		Quản lý truyền thông

	định các kênh trao đổi thông tin 7.3. Báo cáo hiệu quả dự án 7.4. Tổng hợp thông tin quản lý				
8	Chương 8: Quản lý rủi ro 8.1. Khái quát về quá trình quản lý rủi ro 8.2. Xác định rủi ro 8.3. Định lượng rủi ro 8.4. Lập kế hoạch đối phó rủi ro 8.5. Kiểm soát rủi ro	6	LO3 LO6		Quản lý rủi ro
9	Chương 9: Quản lý mua sắm 9.1. Lập kế hoạch mua sắm trong dự án 9.2. Lập kế hoạch đấu thầu 9.3. Lựa chọn nhà cung cấp 9.4. Quản lý hợp đồng cung cấp 9.5. Kết thúc hợp đồng	3	LO2 LO4 LO6		Quản lý mua sắm
10	Chương 10: Quản lý tích hợp 10.1. Khái niệm về quản lý tích hợp 10.2. Phát triển kế hoạch dự án 10.3. Thực thi kế hoạch dự án 10.4. Quản lý thay đổi 10.5. Kiểm soát thay đổi tích hợp	3	LO5 LO6		Quản lý tích hợp

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Thường kỳ 1 Thường kỳ 2	Bài tập nhóm 1 Bài tập nhóm 2	50% 50%	80%
2	Thường kỳ 2 Giữa kỳ Cuối kỳ	Bài tập nhóm 2 Tự luận Tự luận	20% 30% 50%	80%
3	Thường kỳ 3 Cuối kỳ	Bài tập nhóm 3 Tự luận	40% 60%	80%
4	Thường kỳ 1 Thường kỳ 2 Thường kỳ 3	Bài tập nhóm 1 Bài tập nhóm 2 Bài tập nhóm 3	30% 30% 40%	80%
5	Thường kỳ 3 Cuối kỳ	Bài tập nhóm 3 Tự luận	40% 60%	80%
6	Thường kỳ 3	Bài tập nhóm 3	100%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường kỳ 1	5
	- Bài kiểm tra thường kỳ 2	5
	- Bài kiểm tra thường kỳ 3	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>

	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
--	-------------------------	-----------

*Hướng dẫn: Các phương pháp và thành phần đánh giá trên mang tính gợi ý, giảng viên tự quy định chi tiết cho phù hợp với học phần của mình, tỷ lệ tô đố là không đố.*

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng      năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101689 - Giao dịch định lượng

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: GIAO DỊCH ĐỊNH LƯỢNG (2101689)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2                      Thực hành: 2                      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

- TS. Nguyễn Chí Kiên

#### 1. Tài liệu học tập

##### *Sách sử dụng*

- Frank J. Fabozzi, Sergio M. Focardi, and Petter N. Kolm, Quantitative Equity Investing: Techniques and Strategies (Wiley, 2010)
- Ernie Chan: Algorithmic Trading: Winning Strategies and Their Rationale (Wiley, 2013)
- Ernie Chan: Quantitative Trading: How to Build Your Own Algorithmic Trading Business (Wiley, 2009)

#### 2. Thông tin về học phần

##### Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về thị trường tài chính và các loại giao dịch.
- Trang bị cho sinh viên các chiến lược giao dịch dựa trên phân tích kỹ thuật, phân tích cơ bản, phân tích ý kiến, và học máy
- Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản lý rủi ro trong giao dịch chứng khoán

##### Mô tả vắn tắt học phần

- Khoá học trang bị cho sinh viên các kiến thức về thị trường tài chính, các loại giao dịch, và các chiến lược giao dịch dựa trên phân tích kỹ thuật, phân tích cơ bản, phân tích ý kiến, và học máy. Sinh viên sẽ lập trình thực hiện các chiến lược và backtest các chiến lược này trên một sàn giao dịch. Khoá học cũng phân tích quá trình quản lý rủi ro trong giao dịch.

Học phần học trước, tiên quyết, song hành

Tiên quyết: Kỹ thuật tài chính

Yêu cầu khác:

Sử dụng một hệ thống giao dịch (<https://www.quantopian.com/>)

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Hiểu rõ và phân tích thị trường tài chính và các loại giao dịch.	
2	Hiểu và lập trình chiến lược giao dịch dựa trên phân tích kỹ thuật, phân tích cơ bản, phân tích ý kiến, và học máy	
3	Quản lý rủi ro trong giao dịch chứng khoán	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO 2	SO 3	SO 4	SO 5	SO 6
1						
2						
3						

### 4. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung chính	tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chapter 1. Market Microstructure 1.1 Order types 1.2 Types of markets 1.3 Components of transaction costs	2	1	Diễn giải, gợi ý Giải thích Thảo luận nhóm Thuyết trình Làm bài tập Lập trình Làm đồ án	Market Microstructure
2	Chapter 2. Introduction to Quantopian 2.1 Introduction 2.2 Data Exploration	2	1,2		Introduction to Quantopian

	<p>2.3 Pipeline API</p> <p>2.4 Strategy Analysis</p> <p>2.5 Algorithm API</p> <p>2.6 Data Pipeline</p> <p>2.7 Portfolio Construction</p> <p>2.7. Backtest Analysis</p>				
3	<p>Chapter 3. Review of Financial Econometrics</p> <p>3.1 Review of Probability</p> <p>3.2 Linear Regression</p> <p>3.3 Time Series Analysis</p>	3	1,2		Review of Financial Econometrics
4	<p>Chapter 4. Technical Analysis:</p> <p>4.1 Efficient Market Hypothesis</p> <p>4.2 Charts</p> <p>4.3 Trends</p> <p>4.4 Chart patterns</p>	2	1,2		Technical Analysis
	<p>Chapter 5. Fundamental Analysis</p> <p>5.1 Equity</p> <p>5.2 Fixed Income</p> <p>5.3 FX</p> <p>5.4 Derivatives</p>	3	1,2		Fundamental Analysis
	<p>Chapter 6. Factor-based Trading Strategies</p> <p>6.1 Factor-Based Trading</p> <p>6.2 Developing Factor-Based Trading</p> <p>6.3 Strategies Risk to Trading Strategies</p> <p>6.4 Desirable Properties of Factors</p> <p>6.5 Sources for Factors</p>	5	1,2		Factor-based Trading Strategies
	<p>Chapter 7. Mean reversion Strategies</p> <p>7.1 Mean reversion and Stationarity</p> <p>7.2 Augmented Dickey-Fuller</p>	5	1,2		Mean reversion Strategies

	<p>test</p> <p>7.3 Hurst Exponent and Variance Ratio Test</p> <p>7.4 Half-Life of Mean Reversion</p> <p>7.5 A Linear Mean Reverting Trading Strategy</p> <p>7.6 Pros and Cons of Mean Reverting Strategies</p>				
8	<p>Chapter 8. Momentum Strategies</p> <p>8.1 Tests for Time Series Momentum</p> <p>8.2 Time Series Strategies</p> <p>8.3 Extracting Roll Returns through Future versus ETF Arbitrage</p> <p>8.4 Volatility Futures versus Equity Index Futures: Redux</p> <p>8.5 Cross-Sectional Strategies</p> <p>8.6 News Sentiment as a Fundamental Factor</p> <p>8.7 Pros and Cons of Momentum Strategies</p>	5	1,2		Momentum Strategies
9	<p>Chapter 9. Backtesting and Automated Execution</p> <p>9.1 The importance of backtesting</p> <p>9.2 Common Pitfalls of Backtesting</p> <p>9.3 Stock Splits and Dividend Adjustment</p> <p>9.4 Survivorship Bias in Stock Database</p> <p>9.5 Primary Versus Consolidated Stock Prices</p> <p>9.6 Venue Dependence of Currency Quotes</p> <p>9.7 Short sales Constraints</p> <p>9.8 Futures Continuous Contracts</p>	6	1,2		Backtesting and Automated Execution

	<p>9.9 Statistical Significance of Backtesting: Hypothesis Testing</p> <p>9.10 When not to backtest a Strategy</p> <p>9.11 Will a Backtest be Predictive of Future Returns?</p> <p>9.12 Choosing a Backtesting and Automated Execution Platform</p>				
10	<p>Chapter 10. Applications of Machine Learning in Trading</p> <p>10.1 Feature Engineering using Technical Indicators, Fundamental Factors, and Sentiment Analysis</p> <p>10.2 Machine Learning Models</p>	6	2		Applications of Machine Learning in Trading
11	<p>Chapter 11. Risk Management</p> <p>11.1 Optimal Leverage</p> <p>11.2 Kelly Formula</p> <p>11.3 Optimization of Expected Growth Rate Using Simulated Returns</p> <p>11.4 Optimization of Historical Growth Rate</p> <p>11.5 Maximum Drawdown</p> <p>11.6 Constant Proportion Portfolio Insurance</p> <p>11.7 Stop loss</p> <p>11.8 Risk Indicators</p>	6	3		Risk Management
	Tổng cộng	45			

## 5. Phương pháp đánh giá

- a. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình, phương pháp đánh giá

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Bài tập về nhà, kiểm tra chéo	20	80%
	Kiểm tra giữa kỳ	30	

	Thực hành lập trình	10	
	Đồ án môn học	40	
2	Bài tập về nhà, kiểm tra chéo	20	80%
	Kiểm tra giữa kỳ	30	
	Thực hành lập trình	10	
	Đồ án môn học	40	
3	Bài tập về nhà, kiểm tra chéo	20	80%
	Kiểm tra giữa kỳ	30	
	Thực hành lập trình	10	
	Đồ án môn học	40	

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng, %
<b>Lý thuyết</b>	Bài tập về nhà, kiểm tra chéo	20
	Kiểm tra giữa kỳ	30
	Thực hành lập trình	10
	Đồ án môn học	40

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn:** 6 tháng 12 năm 2019

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**1. Tên và mã học phần: PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG (2101726)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 1      Tự học: 5

**3. Giảng viên phụ trách**

TS. Nguyễn Thị Hạnh  
TS. Đoàn Văn Thắng  
ThS. Nguyễn Như Hoa  
Ths. Trần Thị Kim Chi  
ThS. Nguyễn Ngọc Dung  
ThS. Nguyễn Trần Kỳ  
ThS. Phạm Nguyễn Hoàng Nam  
ThS. Huỳnh Nam  
ThS. Nguyễn Hữu Quang  
ThS. Võ Ngọc Tấn Phước

**4. Sách sử dụng**

- [1] Quantitative Analysis for Management, 11th Edition by Render, B, Stair R., and Hanna, M. (2011), Pearson Prentice Hall  
[2] *A Student's Guide to R* by Nicholas J. Horton, Daniel T. Kaplan, and Randall Pruim (available online for free)

*Tài liệu tham khảo*

- [1] *OpenIntro Statistics, 3rd Edition* by David M. Dietz, Christopher D. Barr, and Mine Cetinkaya-Rundel published in 2015 (available online for free)

**5. Thông tin về môn học**

*a. Mô tả/mục tiêu môn học*

- Nhận diện được vai trò của phân tích định lượng trong quá trình ra quyết định
- Nhận diện sự khác biệt giữa các phương pháp định lượng
- Sử dụng các phương pháp phân tích định lượng trong giải quyết vấn đề

*b. Mô tả vấn đề học phần*

Môn học giới thiệu các khái niệm về phân tích dữ liệu và thống kê máy tính, trong đó tập trung vào việc áp dụng giải thích định lượng, trực quan hóa, và phân tích dữ liệu. Mục tiêu là cung cấp cho sinh viên các công cụ để đánh giá các nhận định dựa trên thống kê và thực hiện các phân tích dữ liệu. Môn học bao gồm các phương pháp mô tả, lấy mẫu và ước lượng kích thước mẫu và hồi quy tuyến tính đơn giản. Các bài tập dựa trên dữ liệu thực tế và các vấn đề trong nhiều lĩnh vực.

*a. Môn học trước/Môn song hành*

- Môn học trước: Thống kê máy tính và ứng dụng

*b. Yêu cầu khác*

- Mỗi nhóm sinh viên (2-3 sinh viên) phải hoàn thành 1 bài tập lớn (tiểu luận)

## 6. Chuẩn đầu ra của môn học

c. Chuẩn đầu ra của môn học.

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Nhận diện được vai trò của phân tích định lượng trong quá trình ra quyết định	
2	Nhận diện sự khác biệt giữa các phương pháp định lượng	
3	Sử dụng các phương pháp phân tích định lượng trong giải quyết vấn đề	

d. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

## 7. Nội dung cơ bản của môn học

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1: Giới thiệu</b> 1.1. Phân tích định lượng là gì 1.2. Các phương pháp phân tích định lượng: phân tích mô tả và phân tích đề xuất 1.3. Cách phát triển một mô hình phân tích định lượng	3		- Diễn giải, gợi ý - Giải thích - Minh họa bằng hình ảnh - Demo bằng cách thao tác trực tiếp trên máy - Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Làm bài tập	- Tổng quan
2	<b>Chương 2: Xác suất và các ứng dụng</b> 2.1. Các khái niệm căn bản 2.2. Các phép thử và không gian mẫu 2.3. Các quy luật xác suất và mối quan hệ giữa các biến cố 2.4. Các phương pháp tính xác	6			Xác suất và các ứng dụng

	<i>suất &amp; ứng dụng</i> <b>2.5. Định lý Bayes</b>				
3	<b>Chương 3: Phân phối xác suất</b> <b>3.1. Các biến ngẫu nhiên</b> <b>3.2. Các phân phối xác suất</b> <b>3.3. Phân phối nhị thức</b> <b>3.4. Phân phối chuẩn</b> <b>3.5. Phân phối F</b> <b>3.6. Phân phối mũ</b>	9			Phân phối xác suất
4	<b>Chương 4: Phân tích dữ liệu để đưa ra quyết định</b> <b>4.1. Các bước của quá trình ra quyết định</b> <b>4.2. Quyết định dựa trên những yếu tố không chắc chắn</b> <b>4.3. Quyết định dựa trên rủi ro</b> <b>4.4. Cây quyết định</b> <b>4.5. Phương pháp tính xác suất để ra quyết định dựa trên định lý Bayes</b> <b>4.6. Lý thuyết về độ thỏa dụng (utility theory)</b>	9			Phân tích dữ liệu để đưa ra quyết định
5	<b>Chương 5: Các mô hình hồi quy</b> <b>5.1. Biểu đồ phân tán dữ liệu</b> <b>5.2. Hồi quy đơn biến tuyến tính</b> <b>5.3. Kiểm tra độ phù hợp của mô hình hồi quy</b> <b>5.4. Kiểm định giả thiết thống kê</b> <b>5.5. Hồi quy đa biến tuyến tính</b> <b>5.6. Phương pháp đưa biến giả vào mô hình hồi quy</b> <b>5.7. Giới thiệu về mô hình hồi quy không tuyến tính</b>	9			Các mô hình hồi quy
6	<b>Chương 6: R và ứng dụng</b> <b>6.1. Giới thiệu R</b>	9			R và ứng dụng

<p><b>6.2.</b> Bài toán phân tích dữ liệu thống kê</p> <p><b>6.3.</b> Bài toán phân phối xác suất</p> <p><b>6.4.</b> Các hàm thống kê</p> <p><b>6.5.</b> Các hàm đồ họa</p>				
---	--	--	--	--

## 8. Phương pháp đánh giá

1. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học, chuẩn đầu ra của chương trình, phương pháp đánh giá

Chuẩn đầu ra của môn học (CLOs)	Phương pháp đánh giá và tỷ trọng (%)		Chỉ tiêu
	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	
1. Sinh viên nhận diện được vai trò của phân tích định lượng trong quá trình ra quyết định	LO1	20	80%
	Kiểm tra thường kỳ	20	
2. Sinh viên nhận diện được sự khác biệt giữa các phương pháp định lượng	LO2	30	80%
	Kiểm tra 1 tiết	20	
	Thực hành cuối kỳ	30	
	Thi cuối kỳ	50	
3. Sinh viên sử dụng được các phương pháp phân tích định lượng trong giải quyết vấn đề	LO3	50	80%
	Kiểm tra 1 tiết	20	
	Thực hành cuối kỳ	30	
	Thi cuối kỳ	50	

b. Đánh giá môn học

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng, %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên 1</b>	<b>20</b>
	Bài kiểm tra	10
	Bài tập về nhà	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
Thực hành	Chuẩn bị bài	10
	Kỹ năng thực hành	40
	Kiểm tra thực hành cuối khóa	50

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn:** 10 tháng 7 năm 2020

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101428 - Tương tác người máy

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Tương tác người máy (2101428)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 3

Thực hành: 0

Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

- TS. Đoàn Văn Thắng
- ThS. Phan Thị Bảo Trân
- ThS. Trần Thị Kim Chi
- ThS. Nguyễn Trần Kỳ

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)

[1] Lê Ngọc Bích, Trần Thu Hà, Phạm Quang Huy, [Giao diện người và máy \(HMI\) với S7 và intouch](#), Bách khoa Hà Nội, 2013 [100270126-100270155]

Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)

[1] Đặng Văn Đức, Nguyễn Thị Phương Trà, [Giao diện người - máy/ Đặng Văn Đức, Nguyễn Thị Phương Trà](#), Khoa học tự nhiên và công nghệ, 2009 [100200246-100200255]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

Cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về quy trình phân tích và thiết kế giao diện, cách đánh giá giao diện có đáp ứng tiêu chuẩn tính tiện dụng của người dùng hay không.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Mục tiêu của khóa học này là giới thiệu các khái niệm cơ bản về thiết kế, sáng tạo và đánh giá các giao diện máy tính. Mục tiêu chính là để học sinh suy nghĩ một cách xây dựng và phân tích về cách thiết kế và đánh giá các công nghệ tương tác.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

##### d. Yêu cầu khác

Mỗi nhóm sinh viên (2-3 sinh viên) phải hoàn thành 1 bài tập lớn (tiểu luận).

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Vận dụng được các kỹ thuật biểu diễn dữ liệu thu thập được để phân tích bài toán	
2	Giải thích được các đặc điểm chính trong mô hình nhận thức của con người	
3	Vận dụng được một trong kỹ thuật prototype cấp thấp để thiết kế ý niệm	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1:</b> Tổng quan về tương tác người máy 1.1. <i>Tương tác người máy là gì?</i> 1.2. <i>Quy trình thiết kế giao diện</i> 1.3. <i>Yếu tố con người liên quan đến thiết kế giao diện</i> 1.4. <i>Mục tiêu tính tiện dụng</i> 1.5. <i>Mục tiêu trải nghiệm người dùng</i>	3	1	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	- Sinh viên đọc tài liệu - Làm các bài tập được giao
2	<b>Chương 2:</b> Tìm hiểu nhu cầu người dùng 2.1. <i>Không gian bài toán</i> 2.2. <i>Các phương pháp thu thập yêu cầu</i> 2.3. <i>Phương pháp quan sát</i>	3	1,2	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	- Sinh viên đọc tài liệu - Làm các bài tập được giao
3	<b>Chương 3:</b> Mô hình ý niệm 3.1. <i>Định nghĩa và phân loại mô hình ý niệm</i> 3.2. <i>Mô hình dựa vào hoạt động</i> 3.3. <i>Mô hình dựa vào đối tượng</i>	6	1,2	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	- Sinh viên đọc tài liệu - Làm các bài tập được giao
4	<b>Chương 4:</b> Phân tích nhiệm vụ	3	3	Giáo viên giảng bài, thảo luận	- Sinh viên đọc

	<p>4.1. <i>Xác định người dùng hệ thống</i></p> <p>4.2. <i>Xác định yêu cầu hệ thống</i></p> <p>4.3. <i>Phân tích nhiệm vụ</i></p> <p>4.4. <i>Phân tích nhiệm vụ phân cấp</i></p>			với sinh viên	tài liệu - Làm các bài tập được giao
5	<p><b>Chương 5:</b> Prototype</p> <p>5.1. <i>Prototype là gì?</i></p> <p>5.2. <i>Prototype độ tin cậy thấp</i></p> <p>5.3. <i>Prototype độ tin cậy cao</i></p> <p>5.4. <i>Kỹ thuật tạo prototype hiệu quả</i></p> <p>Thiết kế ý niệm</p>	6	4	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	- Sinh viên đọc tài liệu - Làm các bài tập được giao
6	<p><b>Chương 6:</b> Quy tắc thiết kế</p> <p>6.1. <i>Bản chất của quy tắc thiết kế</i></p> <p>6.2. <i>Bảy nguyên tắc thiết kế của Norman</i></p>	3	5,6,7	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	- Sinh viên đọc tài liệu - Làm các bài tập được giao
7	<p><b>Chương 7:</b> Phương pháp direct manipulation</p> <p>7.1. <i>Đặc điểm của phương pháp</i></p> <p>7.2. <i>Ưu và khuyết điểm của phương pháp</i></p> <p>7.3. <i>Cách thực hiện</i></p> <p>7.4. <i>So sánh giao diện CLI và GUI</i></p>	3	6	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	- Sinh viên đọc tài liệu - Làm các bài tập được giao
8	<p><b>Chương 8:</b> Mô hình tư duy</p> <p>8.1. <i>Định nghĩa và vai trò</i></p> <p>8.2. <i>Chu kỳ của mô hình tư duy</i></p> <p>8.3. <i>Cách phát triển mô hình tư duy cho người dung</i></p>	6		Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	- Sinh viên đọc tài liệu - Làm các bài tập được giao
9	<p><b>Chương 9:</b> Các phương pháp đánh giá</p> <p>9.1. <i>Giới thiệu các phương pháp đánh giá</i></p> <p>9.2. <i>Đánh giá Heuristics</i></p>	6	8	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	- Sinh viên đọc tài liệu - Làm các bài tập được giao

10	<b>Chương 10:</b> Thiết kế trực quan 10.1. Các luật Gestalt trong thiết kế giao diện 10.2. Độ tương phản trong thiết kế giao diện 10.3. Vai trò của thiết kế trực quan 10.4. Các kỹ thuật thiết kế trực quan	6	7	Giáo viên giảng bài, thảo luận với sinh viên	- Sinh viên đọc tài liệu - Làm các bài tập được giao
----	--	---	---	--	---

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập nhóm Kiểm tra giữa kỳ Project	Kiểm tra chéo Tự luận Tiểu luận	30% 30% 40%	80%
2	Bài tập nhóm Kiểm tra 1 tiết Project Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra chéo Tự luận Tiểu luận Tự luận	10% 20% 30% 40%	80%
3	Kiểm tra 1 tiết Project Bài thi Giữa kì	Tự luận Tiểu luận Tự luận	30% 30% 40%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Project	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## 2101589 - Lập trình phân tích dữ liệu 2

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Lập trình phân tích dữ liệu 2 (2101589)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Huỳnh Nam  
TS. Lê Trọng Ngọc  
ThS. Trần Thị Kim Chi  
ThS. Nguyễn Trần Kỹ  
TS. Ngô Hữu Dũng

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Jake VanderPlas. *Python Data Science Handbook*. O REILLY, 2016

Tài liệu tham khảo

[1] Trevor Hastie, Robert Tibshirani, Jerome Friedman. *The Elements of Statistical Learning: Data Mining, Inference, and Prediction, Second Edition (Springer Series in Statistics)*. Springer, 2016

[2] Jeff Heaton, *Introduction to the Math of Neural Networks*. Heaton Research, Inc, April 3, 2012

[3] Peter Bruce, Andrew Bruce. *Practical Statistics for Data Scientists: 50 Essential Concepts*. O'Reilly Media; 1 edition, May 28, 2017

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thống kê suy diễn và các mô hình học máy bằng công cụ Python phiên bản 3.x

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở về

- Thống kê suy diễn
- Thư viện Python: Scikit-Learn, Keras, Theano, Tensor-flow

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Thống kê máy tính và ứng dụng (2101624) (A)

Lập trình phân tích dữ liệu 1 (2101584) (A)

##### d. Yêu cầu khác

Có kỹ năng lập trình tốt.

Tư duy toán học tốt

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Vận dụng được thống kê suy diễn trong bài toán thực tế bằng ngôn	SO1_PI2_I

	ngữ Python	
2	<b>Mô tả</b> được mô hình học máy	SO2_PI1_I
3	<b>Áp dụng</b> được ngôn ngữ Python để hiện thực các phương pháp học máy	SO1_PI2_I
4	<b>Thiết kế</b> được giải pháp máy học ứng dụng trong bài toán AI	SO2_PI1_I

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1	I					
2		I				
3	I					
4		I				

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasized

### 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Ước lượng các tham số thống kê 1.1 Bài toán ước lượng 1.2 Ước lượng trung bình 1.3 Ước lượng phương sai	2	1	Trình bày slide  Sinh viên làm bài tập trên lớp	Câu hỏi về nhà về ước lượng các tham số thống kê
2	Chương 2. Kiểm định giả thiết 2.1 Bài toán kiểm định 2.2 Kiểm định tỉ lệ 2.3 Kiểm định trung bình 2.4 Kiểm định phương sai  Chương 3. Phân tích phương sai 3.1 Phân tích phương sai 1 yếu tố 3.2 Bảng ANOVA	2	1	Trình bày slide  Sinh viên làm bài tập trên lớp	Câu hỏi về nhà về kiểm định giả thiết
3	Chương 4: Mô hình hồi quy tuyến tính 4.1 Hồi quy tuyến tính đơn 4.2 Hồi quy tuyến tính bội	2	1	Trình bày slide  Sinh viên làm bài tập trên lớp	Bài tập về nhà về mô hình hồi quy tuyến tính
4	Chương 5: Giới thiệu Machine Learning 5.1 Tổng quan học máy và ứng dụng 5.2 Các bài toán Dự báo, Phân loại và Gom cụm 5.3. Mô hình Un-Supervisor – Supervisor – Semi Supervisor	2	2	Trình bày slide và demo  Sinh viên làm bài tập cá nhân trên lớp	Câu hỏi về nhà về ML

	5.4. Xây dựng tập dữ liệu training và test 5.5 Đánh giá và kiểm thử mô hình 5.6. Thư viện Scikit-Learn 5.7. Amazon Web Services (AWS) và Trí tuệ nhân tạo (AI)				
5	Chương 6: Phân loại Naive Bayes 6.1 Phân loại Bayesian 6.2 Mô hình Gaussian Naive Bayes	2	3	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Bài tập về nhà về các phân loại Naive Bayes
6	Chương 7: Hồi quy tuyến tính 7.1 Mô hình hồi quy cơ bản 7.2 Hàm hồi quy 7.3 Regularization 7.4. Loss function 7.5 Gradient Descent	2	3	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Bài tập về nhà về hồi quy tuyến tính
7	Chương 8: Vector hỗ trợ 8.1 Tổng quan SVM 8.2 Cực đại biên	2	3	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Câu hỏi về nhà về Vector hỗ trợ
8	Chương 9: Cây quyết định và rừng ngẫu nhiên 9.1 Cây quyết định 9.2 Rừng ngẫu nhiên	2	3	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Câu hỏi về cây quyết định
9	Chương 10: Phương pháp phân tích thành phần chính 10.1 Giới thiệu PCA 10.2 Lọc nhiễu	2	3	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Bài tập về nhà
10	Chương 11: Manifold Learning 11.1 Giới thiệu Manifold Learning 11.2 Giới thiệu MDS	2	3	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Bài tập về nhà
11	Chương 12: Bài toán gom cụm 12.1 Giới thiệu k-Means 12.2 Giải thuật k-Means: EM	2	3	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Bài tập về nhà
12	Chương 13: Mô hình Gaussian	2	3	Trình bày slide	Bài tập về

	Mixture 13.1 Giới thiệu GMM 13.2 Đo lường mật độ			và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	nhà
13	Chương 14: Kernel Density Estimation 14.1 Giới thiệu KDE 14.2 Xây dựng Histograms	2	3	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Bài tập về nhà
14	Chương 15: Mạng Nơ-ron nhân tạo 15.1 Giới thiệu ANN 15.2 Xây dựng mô hình ANN và ứng dụng	2	4	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Bài tập về nhà
15	Chương 16: Deep Learning 15.1 Giới thiệu Deep Learning 15.2 Sử dụng Keras và Theano 15.3 Tensor flow	2	4	Trình bày slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận bài tập	Bài tập về nhà

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập ở nhà 1 Kiểm tra thường xuyên Giữa kỳ Cuối kỳ	Tự luận Tự luận	20% 15% 35% 30%	80%
2	Bài tập ở nhà 2 Kiểm tra thường xuyên Giữa kỳ Cuối kỳ	Tự luận	5% 15% 50% 30%	80%
3	Lab skills Lab results Lab report Cuối kỳ	Thực hành  Tự luận	20% 20% 20% 40%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

Lý thuyết	Phương pháp đánh giá	
	Đánh giá thường xuyên (cách 1)	Tỷ trọng %
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	20
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5

	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 2)</b>	<b>20</b>
	- Project	15
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Đồ án	<b>30</b>
	Báo cáo nhóm	<b>20</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101544 - Tiếp thị điện tử

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: TIẾP THỊ ĐIỆN TỬ (2101544)

#### 2. Số tín chỉ: 3(2,2,5)

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Nguyễn Hữu Quang

ThS. Nguyễn Ngọc Dung

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Judy Strauss, E-Marketing 8/e, Prentice Hall, 2019

[2] Bài tập thực hành – Lưu hành nội bộ

Tài liệu tham khảo

[1] Rob Stokes, eMarketing: The Essential Guide to Online Marketing, ISBN/ASIN: 062041135X, Publisher: Flat World Knowledge 2010

[2] Catheline Juon, Dunrie Greiling & Catherine Buerkle, Internet Marketing start to finish, ISBN – 13: 978-0-7897-4789-1, Que Publishing

[3] Justin Cutroni, Google Analytics, O'reilly Media, 2010

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Hiểu về Tiếp thị điện tử, những khái niệm liên quan. Phân biệt với các kênh Tiếp thị truyền thống. Những yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược Tiếp thị trong môi trường vi mô và vĩ mô.
- Giúp người học chuẩn bị cho hoạt động cả hai chiến lược và chiến thuật - sử dụng các công cụ truyền thông xã hội như, blog, tiểu blog (Twitter), podcast, vodcasts, video, email và các trang mạng để thu hút khán giả và bán sản phẩm, dịch vụ và xây dựng thương hiệu.
- Khám phá ra cách sử dụng công cụ phân tích để đánh giá hiệu quả của chiến lược thực hiện.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

- Cung cấp những kiến thức căn bản về Tiếp thị điện tử cho sinh viên. Những khái niệm liên quan đến Tiếp thị điện tử. Đồng thời giúp sinh viên có thể xây dựng chiến lược Tiếp thị điện tử và hình dung được những yếu tố ảnh hưởng đến chiến lược Tiếp thị điện tử

trong môi trường vi mô và vĩ mô. Nhận ra sự khác biệt khi doanh nghiệp có và không có sử dụng Tiếp thị điện tử. Cách sử dụng Internet để thực hiện CRM (Quản trị quan hệ khách hàng). Đồng thời, phân tích, đánh giá và đo lường được hiệu quả của chiến dịch E-Marketing trong TMDT.

- Môn học cung cấp kiến thức về một số công cụ tiếp thị trực tuyến hiện nay như: Web, blog, mạng xã hội,.. giúp người học định hình được ứng dụng của mạng internet và các công cụ vào trong chiến lược phát triển kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp quảng bá thương hiệu, hình ảnh, dịch vụ của mình đến với hàng triệu khách hàng nhanh chóng và hiệu quả.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

d. Yêu cầu khác

- Sinh viên phải có kiến thức căn bản về nhập môn thương mại điện tử, trình bày được các mô hình kinh doanh/ doanh thu thương mại điện tử.
- Có kiến thức marketing căn bản và hiểu biết về Web căn bản.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày được các khái niệm liên quan đến digital marketing	SO6_P11_I
2	Lập được 1 kế hoạch tiếp thị trực tuyến cho 1 dự án có quy mô chi phí vừa và nhỏ	SO6_P11_I
3	Trình bày được nội dung 1 số phương tiện tiếp thị trực tuyến như: Facebook marketing, Zalo marketing, Tik Tok marketing...	SO6_P11_I
4	Thực thi chiến lược tiếp thị điện tử	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO 2	SO 3	SO 4	SO 5	SO 6
1						PI1-I
2						PI1-I
3						PI1-I
4						

I (Introduced)

R (Reinforced)

E (Emphasize)

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1:</b> Tổng quan về Digital Marketing 1.1 Khái niệm về Digital Marketing 1.2 Thế mạnh của Digital Marketing 1.3 Vai trò của Digital trong Marketing 1.4 Phân loại các kênh Marketing	3 LT	1	- Diễn giải - Gợi ý - Minh họa	Sinh viên đọc trước nội dung; tóm tắt lại các ý chính sau khi nghe giảng
2	<b>Chương 2:</b> Nội dung trong Digital Marketing 2.1 Content Marketing cơ bản 2.2 Các bước thực hiện content 2.3 Xây dựng viral content 2.4 Content trong quảng cáo bán hàng	6 LT 9TH	1	- Diễn giải - Gợi ý - Minh họa - Làm bài tập	Xây dựng viral content theo nội dung đã học
3	<b>Chương 3:</b> Ý tưởng trong Digital Marketing 3.1 Big Idea – Ý tưởng lớn cho chiến dịch 3.2 Từ ý tưởng đến thực thi sáng tạo 3.3 Các phương pháp sáng tạo cơ bản 3.4 Năm phương pháp sáng tạo ý tưởng thực thi	3 LT	1	- Diễn giải - Gợi ý - Minh họa	Sinh viên đọc trước nội dung; tóm tắt lại các ý chính sau khi nghe giảng
4	<b>Chương 4:</b> Lập kế hoạch Digital Marketing 4.1 Chiến lược marketing cơ bản 4.2 Từ chiến lược đến thực thi 4.3 Chuẩn bị thực hiện chiến dịch Digital Marketing	6 LT 3 TH	2	- Diễn giải - Gợi ý - Minh họa - Làm bài tập	Sinh viên đọc trước nội dung; tóm tắt lại các ý chính sau khi nghe giảng
5	<b>Chương 5:</b> Các kênh Digital Marketing phổ biến 5.1 SEO 5.2 Google Ads 5.3 Facebook Ads 5.4 Zalo Ads 5.5 Tik Tok Ads 5.6 Email Marketing	9 LT 15 TH	3, 4	- Demo trực tiếp trên máy - Thảo luận nhóm - Thuyết trình - Làm bài tập	Sinh viên tìm hiểu nội dung, chuẩn bị bài thuyết trình

	5.7 SMS Marketing				
6	Ôn tập – Tổng kết	3 LT 3 TH			

### 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập ở nhà	Trắc nghiệm / Tự luận	20%	80%
	Thường xuyên	Trắc nghiệm / Tự luận	15%	
	Giữa kỳ	Tự luận	35%	
	Cuối kỳ	Vấn đáp	30%	
2	Bài tập ở nhà	Trắc nghiệm / Tự luận	5%	80%
	Thường xuyên	Trắc nghiệm / Tự luận	15%	
	Giữa kỳ	Tự luận	50%	
	Cuối kỳ	Vấn đáp	30%	
3	Lab skills	Thực hành	20%	80%
	Lab results	Thực hành	10%	
	Lab report	Thực hành	10%	
	Cuối kỳ	Vấn đáp	30%	
4	Lab skills	Thực hành	20%	80%
	Lab results	Thực hành	10%	
	Lab report	Thực hành	10%	
	Cuối kỳ	Vấn đáp	60%	

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	Đánh giá thường xuyên	20
	Kiểm tra giữa kỳ	30
	Kiểm tra cuối kỳ	50
Thực hành	Chuẩn bị bài	20
	Báo cáo thực hành	30
	Đồ án	30
	Báo cáo nhóm	20

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

**2101725 - Nguyên lý mô hình hóa định lượng**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã môn học: NGUYÊN LÝ MÔ HÌNH HÓA ĐỊNH LƯỢNG (2101725)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

- ThS. Nguyễn Thị Trúc Ly
- ThS. Huỳnh Nam
- TS. Nguyễn Thị Hạnh
- ThS. Trần Thị Kim Chi
- TS. Lê Trọng Ngọc

**4. Tài liệu học tập**

Sách giáo trình chính

[1] Vũ Thiệu, Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Khắc Minh - Kinh tế lượng - NXB Khoa học và kỹ thuật, năm 2001.

Tài liệu tham khảo

[1] *OpenIntro Statistics, 3rd Edition* by David M. Dietz, Christopher D. Barr, and Mine Cetinkaya-Rundel published in 2015 (available online for [free](#))

[2] *A Student's Guide to R* by Nicholas J. Horton, Daniel T. Kaplan, and Randall Pruim (available online for [free](#))

[3] *Quantitative Analysis for Management Edition, (11th ed.)* by Render, B, Stair R., and Hanna, M. (2011), Pearson Prentice Hall

[4] GS.TS Nguyễn Quang Dong, TS Nguyễn Thị Minh - Giáo trình Kinh tế lượng - NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2012.

**9. Thông tin về học phần**

e. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong môn học này, sinh viên có khả năng:

- Về lý thuyết:
  - Xác định các mô hình định lượng cơ bản và các thành phần chính của chúng
  - Biết cách áp dụng các mô hình tuyến tính. Mô hình hồi quy.
  - Xác định và hiểu cấu trúc chính của các mô hình tuyến tính và đề xuất thời điểm và cách sử dụng chúng để cải thiện kết quả cho doanh nghiệp.
  - Xem xét cách các mô hình xác suất kết hợp độ không đảm bảo và cách độ không chắc chắn.
- Về kỹ năng: Biết sử dụng một phần mềm chuyên dụng về thống kê như SPSS .
- Về kỹ năng mềm:
  - Thực hành được kỹ năng học và tự học suốt đời.
  - Thực hành được kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
  - Thực hành được kỹ năng thuyết trình.
  - Thực hành được việc lập thời gian biểu và hoàn thành nhiệm vụ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, năng động trong tìm kiếm tri thức.
- Trung thực trong học tập, thực hiện các bài kiểm tra
- Đoàn kết, giúp đỡ bạn bè, sinh viên khóa sau trong học tập.

f. Mô tả vắn tắt học phần

Cung cấp những kiến thức cơ bản về xây dựng, ước lượng, phân tích mô hình định lượng như Mô hình hồi quy tuyến tính hai biến, Mô hình hồi quy bội, Mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian. Kiểm định và lựa chọn mô hình. Sử dụng mô hình để dự báo nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong việc xây dựng một hệ thống.

g. Yêu cầu khác:

- Sinh viên phải nghiên cứu trước tài liệu.
- Tham dự đầy đủ giờ giảng của giảng viên.
- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, năng động trong tìm kiếm tri thức. Trung thực trong học tập, thực hiện các bài kiểm tra. Đoàn kết giúp đỡ bạn bè và ý thức thực hiện tốt các quy định của nhà trường và trong lớp học.

### 10. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Sinh viên trình bày được mô hình hồi quy tuyến tính hai biến	
2	Sinh viên trình bày được mô hình hồi quy bội	
3	Sinh viên giải thích được các suy diễn thống kê dự báo từ mô hình hồi quy	
4	Sinh viên giải thích được việc kiểm định và lựa chọn mô hình	
5	Sinh viên mô tả được mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	1	2	3	4	5	6
1						
2						
3						
4						
5						

### 11. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

T T	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
--------	--------------------	---------	------	-----------------------	------------------------------

1	<p>1. Chương 1. Mô hình hồi quy tuyến tính hai biến</p> <p>1.1. Mô hình và một số khái niệm</p> <p>1.1.1. Mô hình hồi quy</p> <p>1.1.2. Hàm hồi quy tổng thể</p> <p>1.1.3. Hàm hồi quy mẫu</p> <p>1.1.4. Tính tuyến tính trong mô hình hồi quy</p> <p>1.2. Phương pháp ước lượng OLS</p> <p>1.3. Tính không chệch và độ chính xác của ước lượng OLS</p> <p>1.4. Độ phù hợp của hàm hồi quy – Hệ số xác định R</p> <p>1.5. Một số vấn đề bổ sung</p>	3		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	Mô hình hồi quy tuyến tính hai biến
2	<p>2. Chương 2. Mô hình hồi quy bội</p> <p>2.1. Sự cần thiết của mô hình bội quy</p> <p>2.2. Mô hình hồi quy bội và phương pháp ước lượng OLS</p> <p>2.3. Tính tốt nhất của ước lượng OLS – Định lý Gauss – Markov</p> <p>2.4. Mô hình hồi quy hai biến và mô hình hồi quy bội</p> <p>2.5. Một số dạng của mô hình hồi quy</p> <p>2.6. Tính vững của ước lượng OLS</p>	3		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thao tác mẫu</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	Mô hình hồi quy bội
3	<p>3. Chương 3 : Suy diễn thống kê dự báo từ mô hình hồi quy</p> <p>3.1. Quy luật phân phối xác suất của 1 số thống kê mẫu</p> <p>3.2. Bài toán xây dựng khoảng tin cậy cho các hệ số hồi quy</p> <p>3.3. Bài toán kiểm định giá thuyết thống kê về hệ số hồi quy</p> <p>3.4. Một số kiểm định khác</p> <p>3.5. Dự báo giá trị của biến phụ thuộc và sai số dự báo</p>	3		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thao tác mẫu</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	Suy diễn thống kê dự báo từ mô hình hồi quy
4	<p>4. Chương 4 Kiểm định và lựa chọn mô hình</p> <p>4.1. Kỳ vọng của sai số ngẫu nhiên khác không</p> <p>4.2. Phương sai sai số thay đổi</p> <p>4.3. Sai số ngẫu nhiên không tuân</p>	3		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul>	Kiểm định và lựa chọn mô hình

	theo quy luật 4.4. Vấn đề đa cộng tuyến 4.5. Mô hình chứa biến không thích hợp				
5	5. Chương 5 Mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian 5.1. Số liệu chuỗi thời gian-một số khái niệm 5.2. Mô hình hồi quy với chuỗi thời gian 5.3. Một số mô hình hồi quy chuỗi thời gian cơ bản 5.4. Tính chất mẫu lớn của ước lượng OLS	3		- Thuyết trình - Thảo luận - Thực hành	Mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian

## 12. Phương pháp đánh giá

### d. Phương pháp đánh giá theo chuẩn đầu ra môn học

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	- Bài kiểm tra thường xuyên	60	80%
	- Giữa kỳ (Lý Thuyết)	40	
2	- Bài kiểm tra thường xuyên	60	80%
	- Giữa kỳ (Lý Thuyết)	40	
3	- Bài kiểm tra thường xuyên (thực hành)	30	80%
	- Giữa kỳ (thực hành)	70	
4	- Bài kiểm tra thường xuyên	50	80%
	- Cuối kỳ (thực hành)	50	
5	- Bài kiểm tra thường xuyên (thực hành)	30	80%
	- Cuối kỳ (Lý Thuyết)	70	

### e. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	- Đánh giá thường xuyên	10
	- Bài kiểm tra	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	30
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	50
Thực hành	- Bài tập cá nhân tại lớp	10
	- Kỹ năng thực hành	<b>40</b>
	-Kiểm tra thực hành cuối khóa	<b>50</b>

--	--	--

f. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn:** 01/06/2020

**Giảng viên biên soạn:** Nguyễn Thị Trúc Ly

**Trưởng bộ môn:**

## 2101545 - Các hệ thống thông minh doanh nghiệp ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### 1. Tên và mã học phần: Các hệ thống thông minh doanh nghiệp (2101545)

### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Nguyễn Trần Kỳ  
ThS. Huỳnh Nam  
ThS. Trần Thị Kim Chi

### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Jiawei Han, Kamber Micheline, *Data Mining: Concepts and Techniques*, United States: Morgan Kaufmann, 2012. [100113639,100261733,100261768,100261793]

[2] Mohit Thakkar, *Data Mining & Business Intelligence: QUESTIONS, ANSWERS & EVERYTHING IN BETWEEN*, Mohit Thakkar, 2018

Tài liệu tham khảo

[1] Carlo Verzellis, *Business Intelligence: Data Mining and Optimization for Decision Making*, Chichester, U.K.: Wiley, 2009. [100287798]

[2] Anil Maheshwari, *Business Intelligence and Data Mining*, Business Expert Press, 2014

### 5. Thông tin về học phần

#### a. Mục tiêu học phần

- Phân biệt các kiến trúc kho dữ liệu
- Giải thích được quy trình khai phá dữ liệu
- Sử dụng được công cụ ETL để chuẩn bị dữ liệu cho kho dữ liệu
- Vận dụng các giải thuật khai phá dữ liệu vào kho dữ liệu cụ thể để thống kê và dự báo

#### b. Mô tả vấn đề học phần

- Biết khái niệm kho dữ liệu, kiến trúc kho dữ liệu
- Biết các hoạt động chuẩn bị dữ liệu và khai phá dữ liệu
- Vận dụng được giải thuật phân lớp, luật kết hợp, gom nhóm vào các bài toán cụ thể

#### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không

#### d. Yêu cầu khác

- Sinh viên thực hành trên phần mềm Microsoft SQL Server Management Studio 2012 và SQL Server Data Tools - Business Intelligence for Visual Studio 2012.
- Mỗi nhóm sinh viên (2-3 sinh viên) phải hoàn thành 1 bài tập lớn (tiểu luận)

### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Phân biệt các kiến trúc kho dữ liệu	

2	Giải thích được qui trình khai phá dữ liệu	
3	Sử dụng được công cụ ETL để chuẩn bị dữ liệu cho kho dữ liệu	
4	Vận dụng các giải thuật khai phá dữ liệu vào kho dữ liệu cụ thể để thống kê và dự báo	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

LO\SO	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasized

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Giới thiệu thông minh doanh nghiệp 1.1 Định nghĩa BI (Business Intelligence) 1.2 Công dụng của BI 1.3 Khả năng của BI 1.4 Lợi ích của BI 1.5 Quyết định hiệu quả và đúng lúc 1.6 Dữ liệu, thông tin và tri thức 1.7 Kiến trúc của BI 1.8 Khuynh hướng công nghệ của BI	2 LT	1	- Thuyết giảng - Minh họa	Thảo luận, trao đổi nhóm
2	Chương 2: Hệ hỗ trợ ra quyết định 2.1 Định nghĩa hệ thống 2.2 Quá trình ra quyết định 2.3 Hệ hỗ trợ ra quyết định (DSS) 2.4 Các dạng bài toán 2.5 Kiến trúc của DSS	2 LT	2	- Thuyết giảng - Minh họa	Thảo luận, trao đổi nhóm
3	Chương 3: Kho dữ liệu 3.1 OLTP, OLAP là gì? 3.2 Định nghĩa Data Warehouse 3.3 Các thuộc tính của Data Warehouse	4 LT 4 TH	1	- Thuyết giảng - Minh họa - Thảo luận - Thực hành	Thảo luận, trao đổi nhóm

	<p>3.4 Các thành phần của Data Warehouse</p> <p>3.5 Kiến trúc kho dữ liệu</p> <p>3.6 Data Mart là gì?</p> <p>3.7 ETL là gì?</p> <p>3.8 Thuật ngữ về biến đổi dữ liệu</p> <p>3.9 Phân tích nhiều chiều</p>				
4	<p>Chương 4: Khai phá dữ liệu</p> <p>4.1 Tại sao cần khai phá dữ liệu?</p> <p>4.2 Khai phá dữ liệu là gì?</p> <p>4.3 Lợi ích của khai phá dữ liệu</p> <p>4.4 Quá trình khai thác tri thức</p> <p>4.5 Nhiệm vụ của khai phá dữ liệu</p> <p>4.6 Các ứng dụng của khai phá dữ liệu</p>	<p>4 LT</p> <p>4 TH</p>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Minh họa</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	Thảo luận, trao đổi nhóm
5	<p>Chương 5: Chuẩn bị kho dữ liệu cho bài toán phân tích và thống kê dữ liệu</p> <p>5.1. Tạo Data Warehouse dùng Sql Server Integration Services (SSIS)</p> <p>a. Tạo Data Warehouse từ SQL Scripts</p> <p>b. Populate Data Warehouse dùng SSIS</p> <p>5.2. Tìm hiểu cấu trúc kho dữ liệu có sẵn AdventureWorksDW2012</p> <p>a. Tìm hiểu các loại sơ đồ</p> <p>b. Tìm hiểu cấu trúc các dimension và các bảng fact</p> <p>c. Xây dựng các sơ đồ phục vụ khai phá dữ liệu</p> <p>5.3. Mô hình hóa dữ liệu đa chiều (Multidimensional Modeling) trong Microsoft Visual Studio 2012, phục vụ phân tích và thống kê số liệu</p> <p>a. Tạo Project</p> <p>b. Tạo Data Source View</p> <p>c. Tạo khối dữ liệu (Data Cube) trên kho dữ liệu</p> <p>d. Hiệu chỉnh các dimension</p> <p>e. Tạo Attribute Hierarchy</p>	<p>4 LT</p> <p>4 TH</p>	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Minh họa</li> <li>- Thảo luận</li> <li>- Thực hành</li> </ul>	Thực hiện bài tập về nhà

	<p>f. Triển khai (deploy) khối dữ liệu</p> <p>g. Xử lý Cube</p> <p>h. Duyệt Cube để phân tích số liệu</p>				
	<p>Chương 6: Vận dụng công cụ SQL Server Data Tools giải bài toán Phân lớp và Gom nhóm</p> <p>6.1 Tổng quan về bài toán Phân lớp và bài toán Gom nhóm. Các ví dụ minh họa.</p> <p>6.2.Tạo Data Source View trong Analysis Services Project</p> <p>6.3. Xây dựng mô hình mining theo yêu cầu bài toán</p> <p>a. Đặc tả Data Type và Content Type</p> <p>b. Đặc tả Testing Data Set</p> <p>6.4. Bổ sung và xử lý mô hình</p> <p>6.5. Khám phá mô hình Cây quyết định</p> <p>6.6. Khám phá mô hình Gom nhóm</p> <p>6.7. Kiểm tra độ chính xác của mô hình mining</p> <p>6.8. Các dự báo (predictions) từ mô hình mining</p> <p>6.9. Các bài tập áp dụng.</p>	<p>7 LT</p> <p>12 TH</p>	<p>4</p>	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Minh họa</p> <p>- Thực hành</p>	<p>Thực hiện bài tập về nhà</p>
	<p>Chương 7: Vận dụng công cụ SQL Server Data Tools giải bài toán Luật kết hợp</p> <p>7.1 Tổng quan về bài toán Luật kết hợp. Các ví dụ minh họa.</p> <p>7.2.Tạo Solution và Data Source</p> <p>7.3.Xây dựng kịch bản cho bài toán phân tích giỏ hàng</p> <p>a. Thêm Data Source View</p> <p>b. Tạo quan hệ giữa các bảng</p> <p>c. Tạo cấu trúc và mô hình cho bài toán phân tích giỏ hàng</p> <p>7.4. Hiệu chỉnh và xử lý bài toán phân tích giỏ hàng</p> <p>7.5. Khám phá mô hình bài toán phân tích giỏ hàng</p> <p>7.6. Dự báo các luật kết hợp</p>	<p>7 LT</p> <p>6 TH</p>	<p>4</p>	<p>- Thuyết giảng</p> <p>- Minh họa</p> <p>- Thực hành</p>	<p>Thực hiện bài tập về nhà</p>

	7.7. Các bài tập áp dụng				
--	--------------------------	--	--	--	--

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1-2	Bài tập tại lớp Kiểm tra thường xuyên Giữa kỳ Cuối kỳ	Tự luận Tự luận/ Thực hành Tự luận Tự luận	20% 15% 35% 30%	80%
3-4	Lab skills Lab results Lab report Cuối kỳ	Thực hành	20% 10% 10% 60%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Đồ án	<b>30</b>
	Báo cáo nhóm	<b>20</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng      năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101728 - Cơ sở dữ liệu nâng cao

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Cơ sở dữ liệu nâng cao (2101728)

#### 2. Số tín chỉ: 3(2,2,6)

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS.Trần Thị Kim Chi

TS.Đoàn Văn Thắng

ThS.Nguyễn Ngọc Dung

ThS.Nguyễn Trần Kỳ

ThS.Phạm Nguyễn Hoàng Nam

ThS.Huỳnh Nam

ThS.Nguyễn Hữu Quang

ThS.Võ Ngọc Tấn Phước

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Sadalage, P. & Fowler, M. (2012). NoSQL Distilled: A Brief Guide to the Emerging World of Polyglot Persistence. (1st Ed.). Upper Saddle River, NJ: Pearson Education, Inc. ISBN- 13: 978-0321826626 ISBN-10: 0321826620

[2] Redmond, E. & Wilson, J. (2012). Seven Databases in Seven Weeks: A Guide to Modern Databases and the NoSQL Movement (1st Ed.). Raleigh, NC: The Pragmatic Programmers, LLC. ISBN-13: 978-1934356920 ISBN-10: 1934356921

Tài liệu tham khảo

[1] Robinson, I. Webber, J. & Eifren, E. (2013). Graph Databases. (1st ed.). Sebastopol, CA: O'Reilly Media, Inc. ISBN-13: 978-1-449-35626-2.

[2] American Psychological Association (current edition). APA Publication Manual. Retrieved from <http://www.apastyle.org/>

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Sinh viên xác định, so sánh và sử dụng được một trong bốn loại Cơ sở dữ liệu NoQuery.
- Sinh viên trình bày được kiến trúc cơ sở dữ liệu NoSQL, xác định các đối tượng, tải dữ liệu, truy vấn dữ liệu và điều chỉnh hiệu suất truy xuất Cơ sở dữ liệu NoQuery theo các hướng cột, hướng tài liệu, hướng Key-Value Pair NoQuery và biểu đồ.
- Sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ phát triển cơ sở dữ liệu NoSQL và các ngôn ngữ lập trình trên cơ sở dữ liệu NoQuery.
- Sinh viên có khả năng sử dụng một trong bốn loại cơ sở dữ liệu NoQuery thông qua các sản phẩm như Cassandra, Hadoop Hbase, MongoDB, Neo4J và Riak.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Giới thiệu bốn loại Cơ sở dữ liệu NoQuery. Mô tả kiến trúc của cơ sở dữ liệu NoSQL, các loại đối tượng, cách truy xuất dữ liệu của cơ sở dữ liệu NoSQL. Mô tả kiến trúc cơ sở dữ liệu NoSQL, xác định các đối tượng, tải dữ liệu, truy vấn dữ liệu và điều chỉnh hiệu suất truy xuất Cơ sở dữ liệu NoQuery theo các hướng cột, hướng tài liệu, hướng Key-Value Pair NoQuery và biểu đồ. Giới thiệu các công cụ phát triển và các ngôn ngữ lập trình trên cơ sở dữ liệu NoQuery. Hướng dẫn sử dụng một trong bốn loại cơ sở dữ liệu NoQuery thông qua các sản phẩm như Cassandra, Hadoop Hbase, MongoDB, Neo4J và Riak.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Hệ cơ sở dữ liệu (2101436) (A)

d. Yêu cầu khác

- Sinh viên thực hành hệ quản trị cơ sở dữ liệu NoSQL
- Mỗi nhóm sinh viên (2-3 sinh viên) phải hoàn thành 1 bài tập lớn (tiểu luận)
- Sinh viên phải thực hành đầy đủ 10 tuần thực hành

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Sinh viên xác định, so sánh và sử dụng được một trong bốn loại Cơ sở dữ liệu NoQuery.	
2	Sinh viên trình bày được kiến trúc cơ sở dữ liệu NoSQL, xác định các đối tượng, tải dữ liệu, truy vấn dữ liệu và điều chỉnh hiệu suất truy xuất Cơ sở dữ liệu NoQuery theo các hướng cột, hướng tài liệu, hướng Key-Value Pair NoQuery và biểu đồ.	
3	Sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ phát triển cơ sở dữ liệu NoSQL và các ngôn ngữ lập trình trên cơ sở dữ liệu NoQuery.	
4	Sinh viên có khả năng sử dụng một trong bốn loại cơ sở dữ liệu NoQuery thông qua các sản phẩm như Cassandra, Hadoop Hbase, MongoDB, Neo4J và Riak.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

LO\SO	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasized)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung, hướng dẫn tự học

1	<p><b>Chương 1: Tổng quan về cơ sở dữ liệu NoSQL</b></p> <p><i>1.1. Giới thiệu cơ sở dữ liệu NoSQL</i></p> <p><i>1.2. Lịch sử phát triển cơ sở dữ liệu NoSQL</i></p> <p><i>1.3. Các loại cơ sở dữ liệu NoSQL</i></p> <p><b>1.4. Đặc điểm của cơ sở dữ liệu NoSQL</b></p> <p><b>1.5. Ưu và nhược điểm của cơ sở dữ liệu NoSQL</b></p>	3		<p>Diễn giải, gợi ý</p> <p>Giải thích</p> <p>Minh họa bằng hình ảnh</p> <p>Demo bằng cách thao tác trực tiếp trên máy</p>	<p>Sinh viên làm bài tập được giao</p> <p>Đọc các tài liệu.</p> <p>Làm bài tập nhóm</p>
2	<p><b>Chương 2: Kiến trúc cơ sở dữ liệu NoSql</b></p> <p><i>nh dạng dữ liệu (data format)</i></p> <p><i>ợc đồ cơ bản (Basic schema)</i></p> <p><i>kiểu dữ liệu (Data types)</i></p> <p><b>2.4. Cấu trúc bảng (Table structure)</b></p> <p><b>2.5. Sử dụng NoSQL</b></p>	3/6		<p>Diễn giải, gợi ý</p> <p>Giải thích</p> <p>Minh họa bằng hình ảnh</p> <p>Demo bằng cách thao tác trực tiếp trên máy</p>	<p>Sinh viên làm bài tập được giao</p> <p>Đọc các tài liệu.</p> <p>Làm bài tập nhóm</p>

3	<p><b>Chương 3: Cơ sở dữ liệu NoSQL dạng column family</b></p> <p><i>Giới thiệu CSDL column family</i></p> <p><i>sở dữ liệu NoQuery dạng column family sử dụng MongoDB.</i></p> <p><i>sở dữ liệu NoQuery dạng column family sử dụng Apache HBASE.</i></p> <p><i>sở dữ liệu NoQuery dạng column family sử dụng Apache Cassandra.</i></p>	6/6		<p>Diễn giải, gợi ý</p> <p>Giải thích</p> <p>Minh họa bằng hình ảnh</p> <p>Demo bằng cách thao tác trực tiếp trên máy</p>	<p>Sinh viên làm bài tập được giao</p> <p>Đọc các tài liệu.</p> <p>Làm bài tập nhóm</p>
4	<p><b>Chương 4: Cơ sở dữ liệu NoSQL dạng Key/Value</b></p> <p><i>Giới thiệu cơ sở dữ liệu NoSQL dạng Key/Value</i></p> <p><i>sở dữ liệu NoSQL dạng Key/Value sử dụng MongoDB</i></p> <p><i>sở dữ liệu NoSQL dạng Key/Value sử dụng Riak</i></p>	6/6		<p>Thảo luận nhóm</p> <p>Thuyết trình</p> <p>Làm bài tập</p>	<p>Sinh viên làm bài tập được giao</p> <p>Đọc các tài liệu.</p> <p>Làm bài tập nhóm</p>

5	<p><b>Chương 5: Cơ sở dữ liệu NoSQL dạng biểu đồ (Graph)</b></p> <p><i>Giới thiệu cơ sở dữ liệu NoSQL dạng biểu đồ.</i></p> <p><i>Cơ sở dữ liệu NoSQL dạng biểu đồ sử dụng Neo4J</i></p>	6/6		<p>Diễn giải, gợi ý</p> <p>Giải thích</p> <p>Minh họa bằng hình ảnh</p> <p>Demo bằng cách thao tác trực tiếp trên máy</p>	<p>Sinh viên làm bài tập được giao</p> <p>Đọc các tài liệu.</p> <p>Làm bài tập nhóm</p>
6	<p><b>Chương 6: Các công cụ phát triển và các ngôn ngữ lập trình trên cơ sở dữ liệu NoSQL</b></p> <p><i>công cụ phát triển cơ sở dữ liệu NoSQL</i></p> <p><i>ngôn ngữ lập trình trên cơ sở dữ liệu NoSQL</i></p>	6/6		<p>Diễn giải, gợi ý</p> <p>Giải thích</p> <p>Minh họa bằng hình ảnh</p> <p>Demo bằng cách thao tác trực tiếp trên máy</p>	<p>Sinh viên làm bài tập được giao</p> <p>Đọc các tài liệu.</p> <p>Làm bài tập nhóm</p>

*Hướng dẫn:*

- Khuyến khích giảng viên sử dụng các phương pháp tích cực, ví dụ như:  
**L: Lecture S: Seminar D: Discussion I: Instructions in serving as model Si: Simulation**  
**O: Observation P: Practices H: Instruction for Homework WA: Work Assignment,**  
 ...
- Có thể tách các phần của một chương ra thành nhiều hàng để bố trí số tiết dạy phù hợp, tương ứng với CLOs.

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kì số 2	Trắc nghiệm	100%	75%

2	Bài thực hành số 3	Thực hành	100%	85%
3	Bài thi Giữa kì	Tiểu luận	100%	80%
4	Bài thi cuối kì (câu 1)	Thi viết	100%	65%
5	Bài thi cuối kì (câu 2)	Thi viết	100%	70%

b. Các thành phần đánh giá

<b>Phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỷ trọng %</b>
<b>Lý thuyết</b>  (Chọn 1 trong 2 cách đánh giá thường xuyên)	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 2)</b>	<b>20</b>
	- Project	15
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Đồ án	<b>30</b>
	Báo cáo nhóm	<b>20</b>

*Hướng dẫn: Các phương pháp và thành phần đánh giá trên mang tính gợi ý, giảng viên tự quy định chi tiết cho phù hợp với học phần của mình, tỷ lệ tô đố là không đổi.*

a. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 8 tháng 4 năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

## 2101582 - Nhập môn dữ liệu lớn

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Nhập môn dữ liệu lớn (2101582)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 2

Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Huỳnh Nam

ThS. Nguyễn Trần Kỳ

ThS. Trần Thị Kim Chi

TS. Ngô Hữu Dũng

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Judith S. Hurwitz, Alan Nugent, Fern Halper and Marcia Kaufman. *Big Data For Dummies*. For Dummies, 1<sup>st</sup> edition (April 15, 2013)

Tài liệu tham khảo

[1] Nathan Marz, James Warren. *Big Data: Principles and best practices of scalable realtime data systems 1st Edition*, 2015

[2] Garry Turkington. *Hadoop Beginner's Guide*. Packt Publishing (February 22, 2013)

[3] Thomas H. Davenport. *Big Data at Work: Dispelling the Myths, Uncovering the Opportunities*. Harvard Business Review Press (February 25, 2014)

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Kiến thức cơ sở Big Data
- Kiến trúc Hadoop
- Giải pháp AI trên dữ liệu lớn

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Big Data và triển khai các giải pháp AI bằng công cụ Python phiên bản 3.x

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Thống kê máy tính vào ứng dụng (2101624) (A)

Lập trình phân tích dữ liệu 1 (2101584) (B)

##### d. Yêu cầu khác

Có kỹ năng lập trình tốt.

Có kỹ năng vận hành hệ thống thông tin tốt

Tư duy toán học tốt

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Định nghĩa được đặc tính của dữ liệu lớn và các giải pháp lưu trữ	SO2_PI1_I
2	Mô tả được kiến trúc Hadoop cơ bản	SO2_PI1_I

<b>3</b>	<b>Ứng dụng</b> được ngôn ngữ Python để thực hiện phân tích dữ liệu lớn	SO1_PI2_I
<b>4</b>	<b>Phân tích</b> được giải pháp AI trong bài toán dữ liệu lớn	SO6_PI3_I
<b>5</b>	<b>Phân tích</b> được giải pháp dữ liệu lớn trong doanh nghiệp	SO6_PI3_I

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1		I				
2		I				
3	I					
4						I
5						I

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Giới thiệu dữ liệu lớn 1.1 Lịch sử phát triển quản lý dữ liệu 1.2 Khái niệm Big Data 1.3 Dữ liệu thời gian thực 1.4 Cơ sở dữ liệu trong hệ thống phân tán	3	1	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên thảo luận nhóm	Câu hỏi về nhà tổng quan về dữ liệu lớn
2	Chương 2. Kỹ thuật xử lý dữ liệu lớn 2.1 Các thành phần xử lý 2.2 Ảo hóa và hệ thống phân tán 2.3 Điện toán đám mây	3	1	Trình chiếu slide và demo	Bài tập về nhà về kỹ thuật xử lý dữ liệu
3	Chương 3. Quản lý dữ liệu lớn 3.1 Các hệ quản trị dữ liệu 3.2 Giới thiệu MapReduce	3	2	Trình chiếu slide và demo Bài tập	Bài tập về nhà về quản lý dữ liệu lớn
4	Chương 3. (tt) 3.3 Kiến trúc Hadoop và hệ sinh thái 3.4 Kiến trúc kho dữ liệu lớn		2	Trình chiếu slide và demo Thảo luận nhóm	Bài tập về nhà về quản lý dữ liệu lớn
5	Chương 4. Phân tích dữ liệu lớn 4.1 Các hướng tiếp cận phân tích dữ liệu lớn 4.2 Phân tích dữ liệu chuỗi	3	3	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên đọc sách và thảo luận	Bài tập về nhà về phân tích dữ liệu lớn

6	Chương 5. Triển khai dữ liệu lớn 5.1 Tích hợp các nguồn dữ liệu 5.2 Dữ liệu luồng trong thời gian thực	3	3	Trình chiếu slide và demo	Bài tập về nhà về triển khai dữ liệu lớn
7	Chương 5. (tt) 5.3 Thao tác dữ liệu lớn 5.4 Ứng dụng dữ liệu lớn 5.5 Bảo mật và chính sách trong môi trường dữ liệu lớn	3	4	Trình chiếu slide và demo  Sinh viên làm bài tập	Bài tập về nhà về triển khai dữ liệu lớn
8	Chương 6: Giải pháp dữ liệu lớn 6.1 Tầm quan trọng của dữ liệu lớn 6.2 Phân tích dữ liệu dưới góc nhìn thực tế 6.3 Cải thiện chiến lược kinh doanh với giải pháp dữ liệu lớn	3	4	Sinh viên đọc bài ở nhà  Sinh viên thảo luận nhóm	Bài tập về nhà về giải pháp dữ liệu lớn
9	Chương 7. Ngành công nghiệp dữ liệu lớn 7.1 Triển khai dữ liệu lớn tại các công ty lớn 7.2 Các nguồn dữ liệu lớn	3	5	Sinh viên thảo luận nhóm	Bài tập về nhà về công nghiệp dữ liệu lớn
10	Chương 8. Báo cáo đề án thực tế	3	5	Báo cáo thuyết trình nhóm	

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài tập ở nhà 1 Kiểm tra thường xuyên Giữa kỳ Cuối kỳ	Tự luận	20% 15% 35% 30%	80%
2	Bài tập ở nhà 2 Kiểm tra thường xuyên Giữa kỳ Cuối kỳ	Tự luận	5% 15% 50% 30%	80%
3	Lab skills Lab results Lab report Cuối kỳ	Thực hành Thực hành Thực hành Tự luận	20% 20% 20% 40%	80%
4	Bài thi cuối kì	Tự luận	100%	80%
5	Bài thi cuối kì	Tự luận	100%	80%

### b. Các thành phần đánh giá

<b>Phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỷ trọng %</b>
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Đồ án	<b>30</b>
	Báo cáo nhóm	<b>20</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**2101729 - Nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu (2101729)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

**3. Giảng viên phụ trách**

TS, GVC. Đoàn Văn Thắng  
TS. Lê Trọng Ngọc  
Ths Trần Thị Kim Chi

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] Avi Silberschatz, Henry F. Korth, S. Sudarshan, *Database System Concepts*, 5<sup>th</sup> ed, McGraw-Hill

Tài liệu tham khảo

[1] Thomas Connolly & Carolyn Begg., *Database Systems: A Practical Approach to Design, Implementation, and Management - 6th Edition*, Pearson Education, 2015.

**5. Thông tin về học phần**

a. Mục tiêu học phần

Môn học này cung cấp cho học viên các vấn đề nâng cao về cơ sở dữ liệu quan hệ: Lưu trữ và tổ chức tệp tin; Lập chỉ mục và băm; Tối ưu hóa truy vấn; Quản lý giao dịch trong cơ sở dữ liệu; Điều khiển tương tranh; Phục hồi hệ thống.

b. Mô tả vấn đề học phần

Nhắc lại các vấn đề liên quan đến CSDL, trình bày các vấn đề liên quan đến các HQTCSDL thông dụng hiện nay như SQL Server, Oracle, DBII...

Điều khiển tương tranh giữa các giao dịch để có thể phục vụ được nhiều người truy cập đồng thời lên CSDL mà vẫn duy trì các đặc tính yêu cầu của dữ liệu. Có 3 cách để điều khiển tương tranh như: dựa vào tính khả tuần tự, cơ chế khoá, nhãn thời gian.

Ngăn chặn việc truy cập “bất hợp pháp” của người dùng trên CSDL và phục hồi lại CSDL sau các loại sự cố (sự cố giao dịch, sự cố hệ thống, sự cố thiết bị lưu trữ ...).

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Hệ cơ sở dữ liệu (2101436) (B)

d. Yêu cầu khác

Không

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng: (viết từ 3 – 5 chuẩn đầu ra, chỉ viết những gì mà người học có thể thực hiện được sau khi kết thúc học phần)

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Tối ưu hóa truy vấn	
2	Điều khiển tương tranh	
3	Quản lý giao dịch trong cơ sở dữ liệu	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	1	3	3	4	5	6
1						
2						
3						

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasized

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1.: Tổng quan các hệ cơ sở dữ liệu 1.1. Tổng Quan về cơ sở dữ liệu có cấu trúc 1.1.1. Hệ thống cơ sở dữ liệu 1.1.2. Các Đặc Tính Yêu Cầu Của Dữ Liệu Trong CSDL 1.1.4. Các Dịch Vụ Của DBMS 1.1.5. Các Hệ Quản Trị CSDL 1.2 Tổng quan về cơ sở dữ liệu phi cấu trúc 1.2.1 Khái niệm dữ liệu phi cấu trúc 1.2.2 Lợi ích của khai thác dữ liệu phi cấu trúc	3 LT 0 TH	1	Thuyết giảng	Tổng quan các hệ cơ sở dữ liệu
2	Chương 2: Tối ưu hóa truy vấn 2.1. Giới thiệu 2.2. Các phép biến đổi tương đương 2.3. Thuật toán tối ưu hóa cây đại số quan hệ	9 LT 0 TH	2	Thuyết giảng, Thảo luận	Tối ưu hóa truy vấn
3	Chương 3: Giao dịch trong cơ sở dữ liệu (Transactions) 3.1. Giới thiệu 3.2. Các tính chất của giao dịch 3.3. Các trạng thái của giao dịch 3.4. Lịch biểu (Schedule) 3.5. Tính khả tuần tự của lịch biểu (Serializability) 3.6. Thuật toán kiểm tra tính khả tuần tự của lịch biểu	9 LT 0 TH	3	Thuyết giảng, Thảo luận	Giao dịch trong cơ sở dữ liệu (Transactions)
4	Chương 4: Điều khiển đồng thời và khôi phục hệ thống 4.1. Các giao thức dựa vào khóa (Lock-based) 4.2. Giao thức thứ tự nhãn thời gian 4.3. Phục hồi hệ thống dựa vào	9 LT 30TH	3	Thuyết giảng, Thảo luận	Điều khiển đồng thời và khôi phục hệ thống

nhật ký giao dịch (Log-based)				
4.4. Kỹ thuật phân trang bóng (Shadow Paging)				
4.5. Kỹ thuật phân trang bóng (Shadow Paging)				

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Bài thường kỳ số 1 Giữa kỳ	Tự luận/ Thực hành	50% 50%	80%
2	Bài thường kỳ số 2 Giữa kỳ	Tự luận/ Thực hành	50% 50%	80%
3	Cuối kỳ	Tự luận/ Thực hành	100%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>40</b>
	Báo cáo thực hành	<b>10</b>
	Kiểm tra thực hành cuối khóa	<b>40</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**1. Tên và mã học phần: Nhập Môn Lập Trình (2101622)****2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 2      Lý thuyết: 0      Thực hành: 2      Tự học: 2

**3. Giảng viên phụ trách**

- NCS. Hồ Đắc Quán
- TS. Phạm Thi Thiết
- ThS. Võ Quang Hoàng Khang
- ThS. Lê Thị Ánh Tuyết
- ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình

**4. Tài liệu học tập**

[1] Giáo trình kỹ thuật lập trình C cơ bản và nâng cao, Phạm Văn Át, Nhà xuất bản KHKT, 2009

*Tài liệu tham khảo*

[1] Brian Kernighan, Dennis Ritchie: The C Programming Language. Also known as K&R — The original book on C 2nd, Prentice Hall 1988; ISBN 0-13-110362-8. ANSI C

[2] Robert Sedgewick: Algorithms in C, Addison-Wesley, ISBN 0-201- 31452-5 (Part 1-4) and ISBN 0-201-31663-3 (Part 5)

**5. Thông tin về học phần***a. Mục tiêu học phần*

Sau khi học xong môn học, sinh viên có khả năng:

- Hiểu các khái niệm cơ bản như thuật toán, lưu đồ, mã giả, ngôn ngữ lập trình, chương trình, trình dịch, chương trình thực thi, phần mềm máy tính;
- Hiểu và ứng dụng được các kiểu dữ liệu cơ sở, các phép toán và những cấu trúc điều khiển cơ bản của một ngôn ngữ lập trình (NNLT) cụ thể;
- Chạy thử trên giấy các thuật toán đã được mô tả sẵn bằng lưu đồ hay mã giả, ứng dụng lưu đồ hay mã giả để mô tả một số thuật toán đơn giản ;
- Viết chương trình cài đặt các thuật toán bằng NNLT nói trên, dịch, chạy thử, bắt lỗi và sửa chữa những chương trình đã viết;
- Ứng dụng các hàm (hay thủ tục, chương trình con) để tổ chức chương trình thành các đơn thể có thể dùng lại nhiều lần trong các phần mềm;

*b. Mô tả vấn đề học phần*

Môn học giúp sinh viên hình thành tư duy lập trình máy tính, cung cấp phương pháp tiếp cận lập trình hướng cấu trúc. Diễn đạt hướng giải quyết một vấn đề/bài toán bằng các cách biểu diễn thuật toán và làm chủ ngôn ngữ lập trình C để hiện thực các vấn đề/bài toán bằng chương trình

*c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

Không

*d. Yêu cầu khác***6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
------	---------------------------	-------

1	Xác định được các thành phần dữ liệu của bài toán.	
2	Xây dựng được giải thuật để giải quyết bài toán có tối đa hai cấu trúc lồng nhau.	
3	Định nghĩa được các hàm để giải quyết các tác vụ của bài toán.	
4	Vận dụng được cấu trúc dữ liệu mảng để giải quyết các bài toán đơn giản.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/Practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết LT/TH	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Giới thiệu về lập trình và chương trình 1.1. Giới thiệu về lập trình 1.2. Quy trình giải quyết một bài toán trên máy tính 1.3. Một ví dụ về chương trình	3	1	L, P, WA	Tìm hiểu các công cụ: Visual Studio Code, Code::Block, Dev C++
2	Chương 2: Thuật toán 2.1. Khái niệm thuật toán 2.1. Các đặc trưng của một thuật toán 2.3. Biểu diễn thuật toán: Ngôn ngữ tự nhiên và sơ đồ khối 2.4. Một ví dụ về Thiết kế thuật toán	6	1,2	L, P, WA	Tìm hiểu phần mềm vẽ lưu đồ thuật toán Crocodile Clips ICT
3	Chương 3: Các thành phần cơ bản của ngôn ngữ C 3.1. Giới thiệu về Ngôn ngữ C 3.2. Các thành phần cơ bản của ngôn ngữ C 3.3. Nhập/Xuất dữ liệu chuẩn	6	1, 2	L, P, WA	Nghiên cứu trước bài giảng ở nhà, làm các bài tập LAB thực hành
4	Chương 4: Cấu trúc rẽ nhánh và lựa chọn 1.1.Xác định các tình huống rẽ nhánh và lựa chọn 1.2. Mô tả các cấu trúc rẽ nhánh if 1.3. Mô tả cấu trúc lựa chọn	9	2,3,4	L, P, WA	Nghiên cứu trước bài giảng ở nhà, làm các bài tập LAB thực hành

	switch 1.4. Đối sánh hai cấu trúc if và switch				
5	Chương 5: Cấu trúc lặp 5.1. Xác định các tình huống lặp 5.2. Cấu trúc lặp for, while và do ...while 5.3. So sánh cấu trúc for so với while và do...while 5.4. So sánh cấu trúc while và do...while 5.5. Vận dụng các câu lệnh break, continue	12	2, 3,4	L, P, WA	Nghiên cứu trước bài giảng ở nhà, làm các bài tập LAB thực hành
6	Chương 6: Đơn vị chương trình - Hàm 6.1. Hàm trong ngôn ngữ lập trình C 6.2. Định nghĩa hàm 6.3. Khai báo nguyên mẫu hàm 6.4. Tham số hình thức và tham số thực sự 6.5. Truyền giá trị và truyền địa chỉ. 6.7. Sử dụng hàm - lời gọi hàm	12	3	L, P, WA	Nghiên cứu trước bài giảng ở nhà, làm các bài tập LAB thực hành
7	Chương 7: Cấu trúc dữ liệu kiểu mảng 7.1. Dữ liệu kiểu mảng 7.2. Khai báo mảng một chiều và mảng hai chiều 7.3. Truy xuất phần tử mảng 7.4. Các thao tác trên mảng: Duyệt, Tìm kiếm, sắp xếp.	12	4	L, P, WA	Nghiên cứu trước bài giảng ở nhà, làm các bài tập LAB thực hành

*L: Lecture P: Practices WA: Work Assignment,*

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Kiểm tra thường kì 1	Trắc nghiệm / tự luận Thực hành	25%	80%
2	Kiểm tra thường kì 2	Trắc nghiệm / tự luận Thực hành	25%	80%
3	Kiểm tra thường kỳ 3	Trắc nghiệm / tự luận Thực hành	25%	80%
4	Kiểm tra thường kỳ 4	Trắc nghiệm / tự luận Thực hành	25%	80%

b. Các thành phần đánh giá

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng năm

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng khoa:**

## 2101405 - Kỹ thuật lập trình

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Kỹ thuật lập trình (2101405)

#### 2. Số tín chỉ: 3(2,2,5)

Tổng số tín chỉ: 3(2, 2, 5)

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1 Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

Ths. Lê Thị Ánh Tuyết

Ths. Nguyễn Thị Thanh Bình

Ths. Võ Quang Hoàng Khang

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1]. GS. Phạm Văn Át ( chủ biên), Ths. Nguyễn Hiếu Cường, Ths. Đỗ Văn Tuấn, Lê Trường Thông. Giáo trình Kỹ thuật lập trình C cơ bản và nâng cao. NXB Bách Khoa Hà Nội, 2006. [100107646,100107661,100107676,100107681,100107696,100107697]

[2] Patton, Ron, Software testing - 2nd ed. - Trường Đại học Công Nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, 2010 [005.3 PAT-R][ 100218792]

Tài liệu tham khảo

[1]. Paul J. Deitel, Harvey M. Deitel. *C++ How to programme 9nd Edition*. Boston, Pearson, 2014 [8120349997]

#### 5. Thông tin về môn học

##### a. Mô tả/mục tiêu môn học

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có khả năng tiếp cận các phương pháp lập trình: hướng cấu trúc, hướng thủ tục và lập trình đệ quy. Có khả năng tổ chức dữ liệu kiểu cấu trúc từ các dữ liệu cơ bản được định nghĩa bởi ngôn ngữ C. Vận dụng được quá trình cấp phát bộ nhớ cho biến tĩnh và biến động và ứng dụng việc cấp bộ nhớ động để tối ưu hóa không gian nhớ khi thực hiện chương trình. Đồng thời, sinh viên có thể sử dụng kỹ thuật kiểm thử giá trị biên và kỹ thuật kiểm thử lớp tương đương để sinh các test case.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Các phương pháp lập trình: hướng cấu trúc, hướng thủ tục và lập trình đệ quy. Tổ chức và thao tác trên dữ liệu kiểu cấu trúc từ các dữ liệu cơ bản được định nghĩa bởi ngôn ngữ C. Sử dụng con trỏ, cấp bộ nhớ động để tối ưu hóa không gian nhớ khi thực hiện chương trình. Tạo các test case theo kỹ thuật kiểm thử giá trị biên.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

2101540 – Nhập môn lập trình (2101405) (B)

##### d. Yêu cầu khác

Không

#### 6. Chuẩn đầu ra của môn học

##### a. Chuẩn đầu ra của môn học.

Khi hoàn thành môn học, người học có khả năng:

1. SỬ DỤNG được kỹ thuật đệ quy để giải quyết bài toán.
2. HIỆN THỰC được bài toán (có tối đa 1 vòng lặp và rẽ nhánh) sử dụng dữ liệu kiểu cấu trúc.

3. **VẬN DỤNG** con trỏ để giải quyết bài toán sử dụng vùng nhớ động.
4. **SỬ DỤNG** kỹ thuật lập trình nâng cao hiệu quả chương trình.
5. **THIẾT KẾ** các trường hợp kiểm thử theo kỹ thuật kiểm thử giá trị biên.

b. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	SỬ DỤNG được kỹ thuật đệ quy để giải quyết bài toán.	
2	HIỆN THỰC được bài toán (có tối đa 1 vòng lặp và rẽ nhánh) sử dụng dữ liệu kiểu cấu trúc.	
3	VẬN DỤNG con trỏ để giải quyết bài toán sử dụng vùng nhớ động.	
4	SỬ DỤNG kỹ thuật lập trình nâng cao hiệu quả chương trình	
5	THIẾT KẾ các trường hợp kiểm thử theo kỹ thuật kiểm thử giá trị biên.	

c. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						
5						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung cơ bản của môn học

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết LT/TH	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1: Tổng quan về kiểm thử</b> 1.1. Các thuật ngữ và định nghĩa cơ bản về kiểm thử 1.2. Ca kiểm thử - test case 1.3. Các kỹ thuật kiểm thử hộp đen 1.3.1. Kỹ thuật kiểm thử giá trị biên 1.3.2. Kỹ thuật kiểm thử lớp tương đương	3	5	L, D, P	Học sinh nghiên cứu và làm thêm bài tập trong tài liệu tham khảo [2]Part 2: Testing fundamentals
2	<b>Chương 2: Các kỹ thuật lập trình</b> 2.1 Viết mã chương trình hiệu quả 2.1.1. Khởi tạo một lần dùng nhiều lần 2.1.2. Inline functions	3	4	L, D, P	Học sinh nghiên cứu và làm thêm bài tập trong tài liệu [1]

	<p>2.1.3. Static Variables</p> <p>2.1.4. Macros</p> <p>2.1.5. Tính toán trước các giá trị</p> <p>2.1.6. Dùng “lính canh” - Tránh những kiểm tra không cần thiết</p> <p>2.2. Những quy tắc cơ bản</p> <p>2.2.1. Quy tắc tăng tốc độ</p> <p>2.2.2. Quy tắc lặp</p> <p>2.2.3. Program Style</p>				
3	<p><b>Chương 3: Quy nạp toán học và lập trình đệ quy</b></p> <p>3.1.Nhắc lại chương trình con</p> <p>3.2.Quy nạp toán học</p> <p>3.3.Khái niệm đệ quy</p> <p>3.4.Phân loại đệ quy</p> <p>3.5.Cơ chế gọi hàm đệ quy và cách khử đệ quy</p> <p>3.6.Các bài toán đệ quy thông dụng</p> <p>1.1.</p>	6/6	1,5	L, D, P	Học sinh nghiên cứu và làm thêm bài tập trong tài liệu [1]. Chương 6. Bài 9
4	<p><b>Chương 4 : Con trỏ</b></p> <p>4.1.Định nghĩa, khai báo, cách sử dụng con trỏ, cấp phát và hủy vùng nhớ</p> <p>4.2.Truyền đối số cho hàm</p> <p>4.3.Con trỏ và mảng một chiều</p> <p>4.4.Con trỏ và cấu trúc</p> <p>4.5.Con trỏ hàm</p>	6/9	3,4,5	L, D, P, WA	Học sinh nghiên cứu và làm thêm bài tập trong tài liệu [1].Chương 6
5	<p><b>Chương 5: Chuỗi</b></p> <p>5.1.Định nghĩa chuỗi trong C</p> <p>5.2. Nhập, xuất chuỗi</p> <p>5.3.Các thư viện dùng để thao tác trên chuỗi</p>	3/3	2,5	L, D, P	
6	<p><b>Chương 6 : Kiểu cấu trúc</b></p> <p>6.1.Định nghĩa kiểu cấu trúc</p> <p>6.2.Khai báo, khởi tạo và truy xuất biến kiểu cấu trúc</p> <p>6.3.Truyền biến cấu trúc cho hàm</p> <p>6.4.Các kiểu cấu trúc phức tạp</p> <p>6.5.Mảng cấu trúc</p>	6/9	2,4,5	L, D, P, WA	Học sinh nghiên cứu và làm thêm bài tập trong tài liệu [1].Chương 7
7	<p><b>Chương 7 : FILE</b></p> <p>7.1. Giới thiệu về tập tin, stream, phân loại</p> <p>7.2. Cách mở, đóng tập tin</p> <p>7.3. Các hàm thao tác trên tập tin.</p>	3/3	2,5	L, D, P, WA	Học sinh đọc và làm thêm bài tập trong tài liệu [1].Chương 10

*L: Lecture S: Seminar D: Discussion I: Instructions in serving as model Si: Simulation*

*O: Observation P: Practices H: Instruction for Homework WA: Work Assignment*

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
2	Bài thi cuối kì	Thi viết	100%	75%
3	Bài thi cuối kì	Thi viết	100%	70%
5	Bài thi cuối kì	Thi viết	100%	85%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	Bài kiểm tra thường xuyên 1	8
	Tham gia bài giảng	4
	Bài kiểm tra thường xuyên 2	8
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
Thực hành	Kỹ năng thực hành	100

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn: tháng năm

Trưởng bộ môn: ThS. NCS. Hồ Đức Quán

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## 2101624 - Thống kê máy tính và ứng dụng

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Tên và mã học phần: Thống kê máy tính & ứng dụng (2101624)

2. Số tín chỉ 3(2,2,6)

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Tự học: 6

3. Giảng viên phụ trách

Ths Trương Vĩnh Linh

4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)

[1] Sheldon Ross, *A First Course in Probability*, Pearson, 2012. [...]

Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)

[1] David Diez, Mine Çetinkaya-Rundel and Christopher Barr, *OpenIntro Statistics*, OpenIntro Inc. [...]

[2] Allen B. Downey, *Think Stats: Exploratory Data Analysis*, O'Reilly Media, 2014. [...]

[3] Mario F. Triola, *Elementary Statistics, Technology Update 11<sup>th</sup> Edition*. Pearson Education Inc, 2012 [100291388,100291389]

5. Thông tin về học phần

a. Mục tiêu học phần

- Thực hiện thống kê mô tả trên tập dữ liệu cụ thể.
- Các phân phối thông dụng sử dụng trong thống kê và khoa học dữ liệu.
- Xây dựng được khoảng ước lượng.
- Chọn được loại kiểm định phù hợp với ngữ cảnh.

b. Mô tả vắn tắt học phần

Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể thực hiện thống kê mô tả, hiểu một số khái niệm mấu chốt trong quá trình lấy mẫu, tính toán được ra khoảng tin cậy và chọn loại kiểm định phù hợp với những tình huống khác nhau. Môn học sẽ trang bị một số kiến thức nền tảng về xác suất và thống kê để sinh viên có thể theo đuổi những chủ đề sâu hơn như tư duy thống kê và máy học.

Môn học bao gồm một số chủ đề như: Giới thiệu bài toán thống kê, Thống kê mô tả, Xác suất, Phân phối xác suất, Phân phối mẫu, Ước Lượng, Kiểm Định, Hồi Quy.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

2101405 – Kỹ thuật lập trình (A)

d. Yêu cầu khác

6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Hiểu được khái niệm xác suất và một số phân phối xác suất thông dụng	
2	Thực hiện được thống kê mô tả trên tập dữ liệu	

3	Xây dựng được khoảng khoảng tin cậy khi ước lượng kỳ vọng và tỷ lệ của quần thể	
4	Thực hiện kiểm định giả thuyết về kỳ vọng và tỷ lệ dựa vào một mẫu.	
5	Hiểu được ý tưởng cơ bản khi xây dựng hàm hồi quy tuyến tính và sự tương quan giữa hai biến.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						
5						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasized)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

*L: Lecture S: Seminar D: Discussion I: Instructions in serving as model Si: Simulation*  
*O: Observation P: Practices H: Instruction for Homework WA: Work Assignment,*

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1: Giới thiệu</b> 1.1 Giới thiệu bài toán Thống Kê 1.2 Một số khái niệm căn bản 1.3 Các phương pháp lấy mẫu 1.4 Giới thiệu Python	3	3, 4	L, S, D	O, P, H
2	<b>Chương 2: Thống Kê Mô Tả</b> 2.1 Một số đặc trưng của dữ liệu 2.2 Hiểu dữ liệu qua các độ đo 2.3 Hiểu dữ liệu qua hình vẽ	3	2	L, S, D	O, P, H
3	<b>Chương 3: Xác Suất</b> 2.1 Khái niệm xác suất 2.2 Một số phương pháp tính xác suất 2.4 Xác suất có điều kiện	3	1	L, S, D	O, P, H

4	<b>Chương 4: Phân Phối Xác Suất</b> 2.1 Một số khái niệm 2.2 Các phân phối rời rạc 2.3 Các phân phối liên tục 2.4 Phân phối mẫu	6	1	L, S, D	O, P, H
5	<b>Chương 5: Ước Lượng</b> 2.1 Giới thiệu 2.2 Ước lượng điểm 2.3 Ước lượng khoảng	3	3	L, S, D	O, P, H
6	<b>Chương 6: Kiểm Định</b> 2.1 Giới thiệu 2.2 Kiểm định kỳ vọng 2.3 Kiểm định tỷ lệ	6	4	L, S, D	O, P, H
7	<b>Chương 7: Hồi Quy</b> 2.1 Giới thiệu 2.2 Tương quan 2.3 Xây dựng đường thẳng hồi quy 2.4 Hồi quy trong thống kê	3	5	L, S, D	O, P, H
8	<b>Chương 2 Phân Tích Phương Sai</b> 2.1 Giới thiệu 2.2 One-way ANOVA	3		L, S, D	O, P, H

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Thường kì số 1	Trắc nghiệm, Tự luận	100%	50%
1	Giữa kì	Thực hành	30%	15%
2	Giữa kì	Thực hành	70%	35%
3	Cuối kì	Thi viết	40%	20%
4	Cuối kì	Thi viết	40%	20%
5	Cuối kì	Thi viết	40%	20%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết (Chọn 1 trong 2 cách đánh giá thường xuyên)	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 2)</b>	<b>20</b>
	- Project	15
- Hoạt động khác	5	

	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Đồ án	<b>30</b>
	Báo cáo nhóm	<b>20</b>

a. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 27 tháng 03 năm 2022

**Trưởng bộ môn:** TS. Nguyễn Chí Kiên

**Trưởng/phó khoa phụ trách:** TS. Lê Nhật Duy

## 2101595 - Trực quan hóa dữ liệu

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Trực quan hóa dữ liệu (2101595) (Data Visualization)

#### 2. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 3

Thực hành: 0

Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

TS. Nguyễn Chí Kiên

PGS. TS. Huỳnh Trung Hiếu

PGS.TS. Nguyễn Việt Linh

ThS. Lê Trọng Ngọc

ThS. Hồ Đắc Quán

#### 4. Tài liệu học tập

*Sách sử dụng*

[1] Visualization Analysis & Design by Tamara Munzner (2014)(ISBN 9781466508910)

[2] Interactive Data Visualization for the Web by Scott Murray 2nd Edition (2017)

[3] D3.js in Action by Elijah Meeks 2nd Edition (2017)

[4] ggplot2 Elegant Graphics for Data Analysis by Hadley Wickham

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về trực quan hóa dữ liệu. Biểu diễn dữ liệu thành những dạng đồ thị có thể đọc và phân tích dễ dàng.

- Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về việc đánh giá hiệu quả của thiết kế.

- Sinh viên có thể tạo các ứng dụng trực quan hóa dữ liệu sử dụng một số công cụ mã nguồn mở như Chart.js hay D3.js

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học được chia làm các phần chính là:

1. Mô hình hóa dữ liệu.

2. Xử lý dữ liệu.

3. Mapping các đặc trưng của dữ liệu sang các mô hình trực quan.

4. Hiện thực và đánh giá mô hình

##### c. Học phần học trước, tiên quyết, song hành

Không

##### d. Yêu cầu khác

- Mỗi nhóm sinh viên (2-3 sinh viên) phải hoàn thành 1 bài tập lớn (tiểu luận)

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

##### a. Chuẩn đầu ra của học phần.

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Thiết kế và xây dựng mô hình trực quan.	
2	Phân tích dữ liệu sử dụng trực quan	
3	Nhận ra cơ hội của việc ứng dụng mô hình trực quan trong	

	các lĩnh vực khác nhau	
4	Sử dụng công cụ mã nguồn mở để phát triển các ứng dụng trực quan trên môi trường Web.	

b. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

**L:** Lecture   **S:** Seminar   **D:** Discussion   **I:** Instructions in serving as model

**Si:** Simulation   **O:** Observation   **P:** Practices   **H:** Instruction for Homework

**WA:** Work Assignment

STT	Nội dung chính	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1. Tổng quan về trực quan hóa dữ liệu. 1.1 Giới thiệu 1.2 Giới thiệu một số công nghệ Web 1.3 Giới thiệu một số công cụ 1.3.1 SVG và CSS 1.3.2 JavaScript 1.3.3 VizHub 1.3.4 D3.js và Chart.js	3	3	L, I, S, O	S, O, H, WA
2	Chương 2. Xử lý dữ liệu 2.1 Các loại dữ liệu 2.2 Input cho Visualization 2.3 Load và parsing dữ liệu 2.4 Rendering 2.5 Tạo Scatter plot với D3.js và Chart.js	12	2	L, I, Si, P	Si, P, H, WA

3	Chương 3. Common Visualization Idioms 3.1 Bar Chart, Vertical and Horizontal 3.2 Pie Chart and Coxcomb Plot 3.3 Line Chart 3.4 Area Chart 4.5 Trực quan hóa dữ liệu không gian, mạng, và cây. 3.6 Sử dụng size và color trong visualization 3.7 Multivariate displays	15	1,4	L, D, I, Si, O, P	D, Si, O, P, H, WA
4	Chương 4. Tương tác 4.1 Dashboards 4.1 Các kỹ thuật tương tác 4.2 Multiviews 4.3 Data reduction	15	1,4	L, S, D, I, Si	S, D, Si, H
Tổng cộng		45			

### 8. Phương pháp đánh giá

a. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình, phương pháp đánh giá

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu %
1	Bài tập nhóm, kiểm tra chéo	30	25
	Kiểm tra giữa kỳ	30	25
	Project	40	35
2	Bài tập nhóm, kiểm tra chéo	10	10
	Kiểm tra 1 tiết	20	15
	Project	30	25
	Kiểm tra giữa kỳ	40	35
3	Kiểm tra 1 tiết	30	25
	Project	30	25
	Kiểm tra giữa kỳ	40	35
4	Bài tập nhóm, kiểm tra chéo	10	10
	Kiểm tra 1 tiết	20	15
	Project	30	25
	Kiểm tra giữa kỳ	40	35

b. Các thành phần đánh giá

	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng, %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	Bài kiểm tra	5
	Bài tập về nhà	5
	Project	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>

	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
--	-------------------------	-----------

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn:** tháng năm 2022

**Giảng viên biên soạn:**

PGS.TS. Huỳnh Trung Hiếu

**Trưởng bộ môn/Trưởng khoa:**

PGS.TS. Huỳnh Trung Hiếu

**2101525 - Những vấn đề xã hội và đạo đức nghề nghiệp**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Các Vấn Đề Xã Hội và Đạo Đức Nghề Nghiệp (2101525)**

**2. Số tín chỉ: 3(3,0,6)**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

ThS. Nguyễn Hữu Tình

TS. Nguyễn Thị Hạnh

TS. Phạm Thị Thiết

ThS. Phạm Thái Khanh

TS. Giảng Thanh Trọn

**4. Tài liệu học tập**

Tài liệu chính:

[1] Michael J. Quinn, *Ethics for the Information Age* (6th edition), Pearson/Addison Wesley, Boston, MA, 2015

Tài liệu tham khảo:

[2]. Terrell Ward Bynum , *Computer Ethics and Professional Responsibility*, Wileys 2003

[3]. <http://www.acm.org/about/se-code>

**5. Thông tin về học phần**

a. Mục tiêu học phần

- **GIẢI THÍCH** chính sách an toàn thông tin.
- **GIẢI THÍCH** pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ, khai thác phần mềm, thương mại điện tử.
- **TRÌNH BÀY** trách nhiệm, và đạo đức của Kỹ sư máy tính (CNTT).
- **TRÌNH BÀY** tác động và ảnh hưởng của CNTT đến xã hội, môi trường phát triển kinh tế.
- **MÔ TẢ** được các xu hướng mới về nghề nghiệp CNTT

b. Mô tả vấn đề học phần

- Tìm hiểu các vấn đề xã hội và nghề nghiệp ngành CNTT (Luật CNTT, ATTT, sở hữu trí tuệ, quy tắc khai thác phần mềm, trách nhiệm của Kỹ sư CNTT).
- Tác động và sự ảnh hưởng của CNTT đến thay đổi xã hội (ảnh hưởng của CNTT đến văn hóa, kinh tế, giáo dục, y tế, thể thao) và ngược lại.
- Sự phát triển của công nghệ mới và các xu hướng nghề nghiệp.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không.

d. Yêu cầu khác

Không

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	GIẢI THÍCH chính sách an toàn thông tin	
2	GIẢI THÍCH pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ, khai thác phần mềm, thương mại điện tử.	

3	TRÌNH BÀY trách nhiệm, và đạo đức của Kỹ sư máy tính (CNTT)	
4	TRÌNH BÀY tác động và ảnh hưởng của CNTT đến xã hội, môi trường phát triển kinh tế	
5	MÔ TẢ được các xu hướng mới về nghề nghiệp CNTT	
6	THUYẾT TRÌNH hiệu quả vấn đề được yêu cầu.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						
5						
6						

*I (Introduced)*

*R (Reinforced/practiced)*

*E (Emphasize)*

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Lịch sử máy tính và Internet	3		Thuyết giảng, Thảo luận.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thảo luận, trao đổi nhóm.</li> <li>• Thực hiện bài tập tình huống.</li> <li>• Thực hiện bài tập về nhà.</li> </ul>
2	Chính sách an toàn thông tin	6	1,3,4	Thuyết giảng, Bài tập tình huống, Thảo luận.	
3	Độ tin cậy và an toàn của hệ thống máy tính	3	1,3,4		
4	Luật CNTT: Bảo vệ phần mềm, Sở hữu trí tuệ, Thương mại điện tử.	6	2,3,4,6		
5	Tội phạm máy tính và các vấn đề pháp lý	6	2,3,4,6		
6	Đạo đức nghề nghiệp (ACM và IEEE)	6	3,4		
7	Ảnh hưởng của CNTT đến xã hội và môi trường phát triển kinh tế.	9	3,4,5,6		
8	Xu hướng mới về nghề nghiệp CNTT	3	4,5		

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
------	--------------	----------------------	----------	----------

1	Giữa kỳ	Thi giữa kỳ (tự luận)	100%	80%
2	Thường kỳ, Tiểu luận	Kiểm tra thường kỳ Báo cáo tiểu luận	100%	80%
3	Cuối kỳ	Thi cuối kỳ (tự luận)	100%	80%

b. Các thành phần đánh giá

<b>Phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỷ trọng %</b>
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	5
	- Tiểu luận	10
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

d. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** ngày 14 tháng 12 năm 2021

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng khoa:**

## 2101627 - Khai thác dữ liệu và ứng dụng

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Khai thác dữ liệu và ứng dụng (2101627)

#### 2. Số tín chỉ 3(2,2,5)

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 2      Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

TS. Phạm Thị Thiết

ThS. Hồ Đắc Quán

ThS. Võ Quang Hoàng Khang

#### 4. Tài liệu học tập

*Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)*

[1]. Slides bài giảng/Bài tập

[2]. Tan, Steinbach, Karpatne, Kumar, Introduction to Data Mining, 2nd Edition, 2018.

[ISBN-13: 9780133128901]

[3]. Ian Witten, Eibe Frank, Mark Hall, Christopher Pal. Data Mining: Practical Machine Learning Tools and Techniques, 4th Edition, Morgan Kaufmann Publishers, 2016. [ISBN: 9780128043578]

*Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)*

[1]. Mohammed J. Zaki, Wagner Meira, Jr., Data Mining and Machine Learning:

Fundamental Concepts and Algorithms, 2nd Edition, Cambridge University Press, March 2020. [ISBN: 978-1108473989]

[2]. Jiawei Han, Micheline Kamber. “Data Mining: Concepts and Techniques”, Third Edition, Morgan Kaufmann Publishers, 2012. [ISBN: 978-0-12-381479-1]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên

- Các kiến thức cơ bản về khai thác dữ liệu và ứng dụng KTDL
- Khả năng chuẩn bị dữ liệu cho phù hợp với nhiệm vụ khai thác dữ liệu
- Khả năng vận dụng các giải thuật như phân lớp, luật kết hợp, gom nhóm để tìm kiếm, rút trích ra thông tin hữu ích tiềm ẩn trong dữ liệu thô.
- Sử dụng công cụ phần mềm hỗ trợ thực hiện bài toán khai thác dữ liệu
- Chuẩn bị các kiến thức để có thể nghiên cứu trong lĩnh vực khai thác dữ liệu dễ dàng.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khai thác dữ liệu để giải quyết bài toán tìm kiếm thông tin có ích từ một khối lượng lớn dữ liệu thô thường gặp trong thực tế lần nghiên cứu học thuật. Nội dung môn học giới thiệu cho sinh viên các thuật ngữ, khái niệm và các thuật toán cơ bản trong lĩnh vực khai thác dữ liệu, tiền xử lý cũng như ứng dụng các thuật toán trong khai thác dữ liệu và máy học như: các kỹ thuật gom cụm, phân loại, khai thác luật kết hợp, mẫu tuần trên bài toán nhỏ trong phân tích dữ liệu. Bên cạnh đó, môn học sẽ rèn luyện cho sinh viên khả năng giải quyết vấn đề thông qua việc cài đặt hoặc sử dụng công cụ hỗ trợ, viết báo cáo về một số bài toán khai thác dữ liệu quy mô nhỏ.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Hệ Cơ sở Dữ Liệu (2101436) (A)

##### d. Yêu cầu khác

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày các lĩnh vực có ứng dụng khai thác dữ liệu	
2	Trình bày được giải thuật khai thác dữ liệu	
3	Áp dụng được giải thuật khai thác dữ liệu như khai thác luật kết hợp, phân lớp dữ liệu, gom cụm dữ liệu trên tập dữ liệu thô cho trước	
4	Sử dụng được công cụ phần mềm để thực hiện qui trình khai thác dữ liệu cụ thể như khai thác luật kết hợp, phân lớp dữ liệu, gom cụm dữ liệu	

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết LT/TH	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1: Tổng quan về khai thác dữ liệu</b> 1.1. Giới thiệu 1.1.1. Tại sao phải khai thác dữ liệu? 1.1.2. Các định nghĩa về khai thác dữ liệu 1.1.3. Các bước chính trong khám thác tri thức và KTDL 1.1.4. Các dạng dữ liệu có thể KTDL 1.1.5. Các lĩnh vực liên quan đến KTDL 1.2. Các bài toán chính trong KTDL 1.3. Ứng dụng KTDL 1.4. Các công cụ dùng trong KTDL 1.5. Những thách thức và xu hướng nghiên cứu chính trong KTDL	3/0	1	Thuyết giảng Thảo luận	Tổng quan về khai thác dữ liệu
2	<b>Chương 2: Tiền xử lý dữ liệu</b> 2.1. Tổng quan về dữ liệu 2.2. Tại sao cần tiền xử lý dữ liệu 2.3. Các bước tiền xử lý dữ liệu	6/3	4	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành Bài tập	Tiền xử lý dữ liệu

3	<b>Chương 3: Khai thác luật kết hợp</b> 3.1. Tổng quan về khai thác luật kết hợp 3.2. Các giai đoạn chính của quá trình khai thác luật kết hợp 3.3. Một số kỹ thuật khai thác tập phổ biến 3.4. Khai thác các luật kết hợp từ tập phổ biến 3.5. Những thách thức khi khai thác luật kết hợp	6/9	2, 3, 4	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành Bài tập	Khai thác luật kết hợp
4	<b>Chương 4: Phân loại dữ liệu</b> 4.1. Tổng quan về phân loại dữ liệu 4.2. Phân loại dữ liệu dựa trên xác suất 4.3. Phân loại dữ liệu dựa trên cây quyết định 4.4. Phân loại dữ liệu dựa trên luật 4.5. Một số phương pháp phân loại dữ liệu khác	9/12	2, 3, 4	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành Bài tập	Phân loại dữ liệu
5	<b>Chương 5: Phân cụm dữ liệu</b> 5.1. Tổng quan về phân cụm dữ liệu 5.2. Phân cụm dữ liệu dựa trên phân hoạch 5.3. Phân cụm dữ liệu dựa trên phân cấp 5.4. Các phương pháp phân cụm dữ liệu khác	3/3	2, 3, 4	Thuyết giảng Thảo luận Thực hành Bài tập	Phân cụm dữ liệu
6	<b>Chương 6: Khai thác chuỗi tuần tự</b> 6.1. Tổng quan về chuỗi tuần tự 6.2. Các khái niệm 6.3. Các phương pháp khai thác chuỗi tuần tự	3/0	2,4	Thuyết giảng Thảo luận Bài tập	Khai thác chuỗi tuần tự
7	<b>Ôn tập – kiểm tra</b>	0/3			

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Thường kỳ (tự luận, trắc nghiệm) Giữa kỳ (tự luận)	100%	60%
2	Thường kỳ (tự luận) Giữa kỳ (tự luận) Cuối kỳ (tự luận)	20% 30% 50%	60%

3	Thường kỳ (thực hành)	40%	60%
	Kiểm tra thực hành (thực hành)	60%	
4	Thường kỳ (tự luận)	20%	60%
	Giữa kỳ (tự luận)	30%	
	Cuối kỳ (tự luận)	50%	

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên/ Trắc nghiệm khách quan	10
	- Hoạt động khác	10
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài ở nhà	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>20</b>
	Báo cáo thực hành	<b>20</b>
	Kiểm tra thực hành	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/cập nhật:** tháng năm 2022

**Giảng viên biên soạn:**

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

Học hàm, học vị, tên trưởng/phó đơn vị phụ trách

## 2101623 - Lập trình hướng đối tượng

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã môn học: Lập Trình Hướng Đối Tượng (2101623)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

ThS. Nguyễn Thị Hoàng Khánh

ThS. Châu Thị Bảo Hà

ThS. Nguyễn Văn Thắng

ThS. Phạm Thanh Hùng

ThS. Trần Thị Anh Thi

ThS. Đặng Văn Thuận

#### 4. Tài liệu học tập

*Sách sử dụng (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)*

[1] C. Thomas Wu , An introduction to object-oriented programming with Java, Boston : McGraw Hill Higher Education, 2010.[100281471]

*Tài liệu tham khảo (liệt kê max. 3 tài liệu tham khảo)*

[2] Cay S. Horstmann, Core Java. Volume I, Fundamentals features , Boston : Prentice Hall, 2016. [100287779]

[3] Java Reference <https://www.codecademy.com/learn/learn-java>

#### 5. Thông tin về môn học

##### a. mục tiêu môn học

Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên:

- Hiểu những lợi ích của việc phát triển phần mềm theo hướng đối tượng.
- Hiểu được những khái niệm cơ bản và thuật ngữ trong lập trình hướng đối tượng.
- Hiểu vai trò của UML trong phân tích và thiết kế, ý nghĩa của các lược đồ phổ biến.
- Vận dụng được UML trong thu thập yêu cầu, phân tích và thiết kế .
- Hiện thực được các thiết kế bằng ngôn ngữ lập trình.
- Hiểu được sự ảnh hưởng của thiết kế để ứng dụng có thể thích ứng với sự thay đổi yêu cầu của người dùng.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên phương pháp tiếp cận và áp dụng hướng đối tượng trong lập trình. Giúp sinh viên trải nghiệm qua các giai đoạn phân tích, thiết kế sử dụng UML thông qua các case study. Sinh viên được học cách sử dụng Java để hiện thực chương trình.

##### c. Môn học trước/Môn song hành

Môn học trước: 2101405 – Kỹ thuật lập trình

##### d. Yêu cầu khác

- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, năng động trong tìm kiếm tri thức.
- Trung thực trong học tập, thực hiện các bài kiểm tra.
- Đoàn kết, giúp đỡ bạn bè, sinh viên khóa sau trong học tập.

#### 6. Chuẩn đầu ra của môn học

Khi hoàn thành môn học, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Giải thích được các đặc điểm của phương pháp lập trình HĐT (Abstraction, Encapsulation, Inheritance, Polymorphism)	
2	Trình bày được các bước cần thiết để giải quyết bài toán được yêu cầu	
3	Cài đặt được chương trình theo cách tiếp cận hướng đối tượng theo yêu	

	câu và ràng buộc của bài toán.	
4	Phát sinh được các testcase để kiểm thử các chức năng của đối tượng theo phương pháp giá trị biên/lớp tương đương.	
5	Báo cáo kết quả kiểm thử theo quy định.	

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLO	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						
5						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p><b>Chương 1: Tổng quan về cách tiếp cận hướng đối tượng</b></p> <p>1.1 Phương pháp tiếp cận của lập trình truyền thống</p> <p>1.2 Phương pháp tiếp cận hướng đối tượng</p> <p>1.3 So sánh sự khác biệt giữa hai cách tiếp cận</p> <p>1.4 Xu hướng phát triển của lập trình hướng đối tượng</p>	3/0	1,2	Lecture Seminar	Tài liệu giáo trình An introduction to object-oriented programming with Java xem từ trang 12 đến trang 23
2	<p><b>Chương 2: Những khái niệm cơ bản của lập trình hướng đối tượng</b></p> <p>2.1 Khái niệm đối tượng</p> <p>2.2 Định nghĩa và minh họa đối tượng</p> <p>2.3 So sánh Lớp (classes) và Cấu trúc (structures)</p> <p>2.4 Mô tả thành phần Private và Public của Lớp</p> <p>2.5 Định nghĩa các hàm của Lớp</p> <p>2.6 Phương pháp sử dụng các đối tượng và các hàm thành viên của Lớp</p> <p>2.7 Các ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng thông dụng</p>	8/3	3,4	Lecture Seminar	Tài liệu giáo trình An introduction to object-oriented programming with Java đọc từ trang 24 đến trang 69

	hiện nay				
3	<b>Chương 3: Giới thiệu về Java</b> 3.1 Lịch sử phát triển của Java 3.2 Kiến trúc chương trình xây dựng trên Java 3.3 Các cấu trúc dữ liệu cơ bản trên Java 3.4 Các cấu trúc lệnh trên Java 3.5 Case Study I (simple programs & language)	6/3	4,5	<b>Lecture Seminar Practices</b>	Đọc Giáo trình Addison Wesley Java Software Solutions 7th Edition
4	<b>Chương 4: Kế thừa và đa hình.</b> 4.1 Kế thừa (Inheritance) 4.2 Giao diện (Interface) 4.3 Các lớp trừu tượng (Abstract Classes) 4.4 Đa hình (Polymorphism) 4.5 Các lược đồ trong UML 4.6 Xử lý ngoại lệ (Exception) 4.7 Case Study II Object Oriented Programs	8/15	1,4,5	<b>Lecture Seminar Practices</b>	Tài liệu giáo trình An introduction to object-oriented programming with Java từ trang 24 đến trang 96  Trang 97 đến 103
5	<b>Chương 5: Tập Hợp (Collections)</b> 5.1 Khái niệm về Tập Hợp 5.2 So sánh Tập hợp và mảng 5.3 Các Lớp Tập Hợp trong Java 5.4 Ứng dụng của Tập Hợp trong lập trình	5/9	4,5	<b>Lecture Seminar Practices</b>	Tài liệu giáo trình An introduction to object-oriented programming with Java từ trang 111 đến trang 125

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Thường kỳ	Tự luận, vấn đáp	100%	60%
2	Thường kỳ	Tự luận	100%	65%
3	Thường kỳ	Tự luận	100%	70%
4	Thường kỳ	Tự luận	20%	75%
	Giữa kỳ	Thực hành	30%	65%
	Cuối kỳ	Thực hành	50%	70%
5	Thường kỳ	Tự luận	100%	70%

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng, %
Lý thuyết	Đánh giá thường xuyên (cách 1)	20
	Bài kiểm tra	5
	Vấn đáp	5
	Báo cáo trên lớp	5
Thực hành	Hoạt động khác	5
	Kiểm tra giữa kỳ	30
	Kiểm tra cuối kỳ	50

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

- Dự lớp: lý thuyết trên 80%
- Kiểm tra thường xuyên
- Tham gia giờ thực hành
- Thi giữa học phần
- Thi kết thúc học phần

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** ngày    tháng    năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/ phó khoa phụ trách:**

## 2101551 - Hệ thống và Công nghệ Web

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Hệ thống và công nghệ Web (2101551)

#### 2. Số tín chỉ 3(2,1,5)

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Tự học: 5

#### 3. Giảng viên phụ trách

- ThS. Đặng Thị Thu Hà
- ThS. Nguyễn Thị Hồng Lương
- ThS. Nguyễn Thị Hoàng Khánh
- ThS. Đặng Văn Thuận

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

[1] Patrick Carey; HTML5 and CSS3 7th Edition; Cengage Learning; 2017.

[2] Ved Antani; Mastering JavaScript; Packt Publishing; 2016.

[3] Matt Lambert; Learning Bootstrap 4 Second Edition; Packt Publishing; 2016.

*Tài liệu tham khảo*

[1] Laura Lemay, Rafe Coburn, Jennifer Kyrnin; Teach Yourself HTML, CSS & JavaScript Web Publishing in One Hour aDay; Pearson Education, Inc.; 2016.

[2] Silvio Moreto; Bootstrap By Example; Packt Publishing; 2016.

[3] Shaun Lewis and Mike Dunn; Native Mobile Development A Cross-Reference for iOS and Android; O'Reilly Media, Inc; 2020 [700000343]

#### 5. Thông tin về môn học

##### a. Mục tiêu học phần:

- Hiểu được những khái niệm cơ bản và thuật ngữ trong thiết kế Web, thiết kế Web trên các thiết bị di động, các ứng dụng Web.
- Hiện thực được bố cục trong trang Web dùng HTML và CSS.
- Hiểu được ngôn ngữ kịch bản Javascript ứng dụng trong trang Web.
- Vận dụng được ngôn ngữ kịch bản Javascript cho các hiệu ứng, kiểm tra hợp lệ dữ liệu, thay đổi nội dung các phần tử trên trang Web theo mô hình DOM.
- Hiểu và vận dụng được cách sử dụng thư viện mã nguồn mở như jQuery, Bootstrap.
- Triển khai được ứng dụng Web lên máy chủ.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần:

- Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về các hệ thống và công nghệ phát triển ứng dụng Web thực tế, đồng thời cung cấp các kiến thức và kỹ năng để thiết kế trang Web bằng HTML kết hợp với CSS.
- Ngoài ra, môn học cũng cung cấp các kiến thức về lập trình phía client bằng JavaScript và một số thư viện mở jQuery, Bootstrap.

##### c. Môn học trước/Môn song hành: không có

##### d. Yêu cầu khác

- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, năng động trong tìm kiếm tri thức.
- Trung thực trong học tập, thực hiện các bài kiểm tra
- Đoàn kết, giúp đỡ bạn bè, sinh viên khóa sau trong học tập.

#### 6. Chuẩn đầu ra của môn học

##### a. Chuẩn đầu ra của môn học.

Khi hoàn thành môn học, người học có khả năng:

CLOS	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
------	---------------------------	-------

1	Trình bày được các thành phần cơ bản và sự tương tác giữa chúng trong một ứng dụng Web.	
2	Chọn được kỹ thuật phù hợp để thiết kế trang Web.	
3	Xác định được các kỹ thuật dùng mã nguồn mở để xây dựng một trang Web cụ thể.	
4	Trên một biểu mẫu (form) của trang Web chứa các thành phần cần nhập thông tin, người học trình bày và thực hiện các ràng buộc cần thực hiện cho các thành phần trên form đó.	
5	Thiết kế được giao diện trang Web theo yêu cầu và triển khai lên máy chủ Web.	
6	Viết tài liệu báo cáo rõ ràng theo quy định (đúng cấu trúc, đầy đủ nội dung, trích dẫn, tài liệu tham khảo theo yêu cầu).	

b. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						
5						
6						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 10:</b> Giới thiệu Internet và Web 10.1. Giới thiệu 10.2. Giới thiệu Internet 10.3. Web và lịch sử phát triển của Web 10.4. Các loại ứng dụng Web phổ biến. 10.5. Kiến trúc cơ bản của 1 ứng dụng web. 10.6. Các thành phần của Web 10.7. Cách hoạt động của ứng dụng Web 10.8. Giới thiệu Web phía Client 10.9. Giới thiệu Web phía Server 10.10. Giới thiệu Web Services	3/0	1, 6	Lecture, Practices, Instruction for Homework	[1] Patrick Carey; HTML5 and CSS3 7th Edition; Cengage Learning; 2017. Tutorial 01 Section 1.1,1.2
2	<b>Chương 11:</b> HTML 11.1. Giới thiệu ngôn ngữ HTML 11.2. Giới thiệu HTML/XHTML - XML 11.3. Cấu trúc cơ bản của tài liệu HTML	6/6	2,5,6	Lecture, Practices, Instruction for Homework, Work	[1] Patrick Carey; HTML5 and CSS3 7th

	<p>11.4. Cách tổ chức thư mục trong ứng dụng Web</p> <p>11.5. Một số thao tác trong cửa sổ trình duyệt</p> <p>11.6. Các thẻ cơ bản trong HTML</p> <p>11.7. Định dạng văn bản</p> <p>11.8. Một số ký tự đặc biệt</p> <p>11.9. Giới thiệu các loại định dạng Image, Video và thêm vào tài liệu HTML</p> <p>11.10. List</p> <p>11.11. Link - Image</p> <p>11.12. Table</p> <p>11.13. Form</p>			Assignment	Edition; Cengage Learning; 2017. Tutorial 01 Section 1.3 Tutorial 06
3	<p><b>Chương 12:</b> Cascading Stylesheet</p> <p>12.1. Giới thiệu CSS</p> <p>12.2. Cách sử dụng CSS kết hợp HTML</p> <p>12.3. Các CSS cơ bản</p> <p>12.4. Position và Display</p> <p>12.5. Colors và Backgrounds</p> <p>12.6. Font</p> <p>12.7. Text</p> <p>12.8. Links</p> <p>12.9. Bullets</p> <p>12.10. Margin and Padding</p> <p>12.11. Border</p> <p>12.12. Bố cục tài liệu HTML sử dụng CSS</p> <p>12.13. CSS3</p> <p>12.14. Một số tiêu chuẩn thiết kế website tối ưu</p> <p>12.15. Triển khai website đơn giản lên máy chủ Web</p>	6/9	2, 5, 6	Lecture, Practices, Instruction for Homework, Work Assignment	[1] Patrick Carey; HTML5 and CSS3 7th Edition; Cengage Learning; 2017. Tutorial 02,03,04
4	<p><b>Chương 13:</b> JavaScript</p> <p>13.1. Giới thiệu về JavaScript</p> <p>13.2. Định nghĩa Java Script</p> <p>13.3. Cấu trúc JavaScript</p> <p>13.4. Khai báo biến và dữ liệu</p> <p>13.5. Toán tử và biểu thức</p> <p>13.6. Các lệnh trong JavaScript</p> <p>13.7. Các lệnh cơ bản</p> <p>13.8. Các câu lệnh điều kiện</p> <p>13.9. Các câu lệnh lặp</p> <p>13.10. Các câu lệnh trên đối tượng</p> <p>13.11. Hàm trong JavaScript</p> <p>13.12. Định nghĩa hàm</p> <p>13.13. Các hàm thông dụng trong JavaScript</p> <p>13.14. Mô hình đối tượng DOM (Document Object Model)</p>	6/6	3, 4, 6	Lecture, Practices, Instruction for Homework, Work Assignment	[1] Patrick Carey; HTML5 and CSS3 7th Edition; Cengage Learning; 2017. Tutorial 09,10

	13.15. Các sự kiện trên DOM 13.16. Thay đổi nội dung trên DOM 13.17. Kiểm tra tính hợp lệ dữ liệu phía client				
5	<b>Chương 14:</b> Các thư viện phổ biến (jQuery, Bootstrap) 14.1. JQuery 14.2. Cách kết hợp jQuery với tài liệu HTML 14.3. Thay đổi nội dung trên DOM 14.4. Bootstrap	5/9	3, 4, 6	Lecture, Practices, Instruction for Homework, Work Assignment	
6	<b>Chương 15:</b> Giới thiệu các rủi ro trên ứng dụng Web 15.1. Giới thiệu 15.2. Các rủi ro phổ biến trên ứng dụng Web	2/0	6	Lecture, Instruction for Homework	
7	<b>Chương 16:</b> Ứng dụng Web trên mobile 16.1. Các khái niệm cơ bản về ứng dụng Web trên mobile 16.2. Các phương pháp phát triển ứng dụng Web trên Mobile 16.3. Kiến trúc ứng dụng Web trên Mobile 16.4. Các bước triển khai ứng dụng Web trên Mobile	2/0		Lecture, Instruction for Homework	

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs)	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1,2,3	Thường kỳ	Tự luận, thường xuyên	100%	60%
4	Cuối kỳ	Thực hành	100%	60%
5	Giữa kỳ	Thực hành	100%	60%
6	Bài tập lớn	Báo cáo BT nhóm vấn đáp	100%	60%

b. Đánh giá môn học

	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	Đánh giá thường xuyên	5
	Bài kiểm tra	5
<b>Thực hành</b>	Bài tập thực hành theo module	5
	Báo cáo BT nhóm vấn đáp	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/cập nhật:

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## 2101661 - Kiến trúc hướng dịch vụ và Điện toán đám mây ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Tên và mã học phần: Kiến trúc hướng dịch vụ và điện toán đám mây (2101661)

2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3

Lý thuyết: 2

Thực hành: 1

Tự học: 5

3. Giảng viên phụ trách

- TS. Nguyễn Trọng Tiến
- Ths. Phạm Quảng Tri

4. Tài liệu học tập

*Sách sử dụng*

[1] Dan C. Marinescu, Cloud Computing: Theory and Practice, 2<sup>nd</sup> edition Morgan Kaufmann, 2017.

*Tài liệu tham khảo*

[1] John Rhoton, Cloud Computing Explained: Implementation Handbook for Enterprises, 2<sup>nd</sup> edition, Recursive Press, 2009

[2] <https://aws.amazon.com>

5. Thông tin về môn học

a. Mục tiêu môn học

Sau khi kết thúc học phần này, sinh viên có khả năng:

Vận dụng được các dịch vụ của điện toán đám mây

Xây dựng ứng dụng trên nền tảng đám mây

b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học giới thiệu những kiến thức nền tảng liên quan đến điện toán đám mây: IaaS, PaaS, SaaS, BPaaS.

Tiếp cận và sử dụng được các dịch vụ điện toán đám mây dựa nhà cung cấp dịch vụ điện toán đám mây

Sử dụng và khai thác các dịch vụ Big Data và Cơ sở dữ liệu quan hệ trên đám mây.

c. Môn học trước/Môn song hành

Môn học trước:

2101435 – Mạng máy tính, 2101405 – Kỹ thuật lập trình.

d. Yêu cầu khác

- Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, năng động trong tìm kiếm tri thức.
- Trung thực trong học tập, thực hiện các bài kiểm tra
- Đoàn kết, giúp đỡ bạn bè, sinh viên khóa sau trong học tập.

6. Chuẩn đầu ra của môn học

a. Chuẩn đầu ra của môn học.

Khi hoàn thành môn học, người học có khả năng:

CLOS	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Trình bày được các kiến thức tổng quát về điện toán đám mây, các khái niệm cơ bản, các xu hướng phát triển của điện toán đám mây.	
2	Triển khai được Big Data trên nền điện toán đám mây	
3	Xây dựng các ứng dụng dựa trên các dịch vụ điện toán đám mây	

4	Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả	
---	--	--

b. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
<b>1</b>						
<b>2</b>						
<b>3</b>						
<b>4</b>						

### 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Distributed Computing 1.1. Giới thiệu Distributed Computing 1.2. Các tính chất của Distributed Computing 1.3. Các mô hình Distributed Computing và Cloud Computing 1.4. Kiến trúc hướng dịch vụ	3/0	1	<i>Lecture</i>	Đọc tài liệu [1] trang 17-26
2	Chương 2: CLUSTER COMPUTING 2.1 Kiến trúc của cluster 2.2 Các kiểu cluster 2.3 Các thành phần chính của cluster computing 2.4 Các ứng dụng 2.5 Các ưu điểm và xu hướng phát triển của cluster	6/6	1	<i>Lecture, Practices, Discussion</i>	Đọc tài liệu [1] trang 125-141
3	Chương 3: VIRTUALIZATION 3.1. Giới thiệu ảo hóa 3.2. Các kiểu ảo hóa 3.3. Công nghệ ảo hóa	6/6	1,2	<i>Lecture, Practices, Discussion</i>	Đọc tài liệu [1] trang 149-156
4	Chương 4: Các dịch vụ điện toán đám mây 4.1. Dịch vụ tính toán 4.2. Dịch vụ lưu trữ 4.3. Dịch vụ mạng 4.4. Dịch vụ cơ sở dữ liệu 4.5. Dịch vụ di trú 4.6. Dịch vụ bảo mật 4.7. Dịch vụ IoT	9/12	3	<i>Lecture, Practices, Discussion</i>	Đọc tài liệu [1] trang 246-286

5	Chương 5: BIG DATA 5.1. Giới thiệu big data 5.2. Các tính chất của big data 5.3. Lược đồ và khóa 5.4. CRUD 5.5 Truy vấn dữ liệu 5.6 Quét dữ liệu	6/6	2,3	<i>Lecture, Practices, Discussion</i>	

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra của môn học (CLOs)	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Mục tiêu %
1	Thường kỳ	Tự luận	20%	80%
	Giữa kỳ	Tự luận	30%	70%
	Cuối kỳ	Thực hành	50%	70%
2	Thường kỳ	Tự luận	30%	80%
	Bài tập TH	Thực hành	70%	70%
3	Thường kỳ	Tự luận	20%	80%
	Bài tập TH	Thực hành	30%	80%
	Cuối kỳ	Thực hành	50%	70%
4	Thường kỳ	Tự luận	20%	80%
	Bài tập TH	Thực hành	30%	80%
	Cuối kỳ	Thực hành	50%	70%
5	Bài tập TH	Thực hành	50%	80%
	Cuối kỳ	Thực hành	50%	70%

### b. Đánh giá môn học

	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng, %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên 1</b>	<b>20</b>
	Bài kiểm tra	5
	Vấn đáp	5
	Báo cáo trên lớp	5
	Hoạt động khác	5
<b>Thực hành</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/cập nhật: ngày tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/ phó khoa phụ trách:

## 2101567 - Hệ thống Máy tính

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Hệ thống Máy Tính (2101567)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 4

Lý thuyết: 3

Thực hành: 1

Tự học; 7

#### 3. Giảng viên phụ trách

TS. Trần Thị Minh Khoa

#### 4. Sách sử dụng

[1]. Andrew S. Tanenbaum. *Structured Computer Organization*. 7<sup>th</sup>, Prentice Hall 2013. [100261646, 100261719]

[2]. William Stallings, *Operating Systems: Internals and Design Principles*, 8<sup>th</sup>, Prentice Hall 2012. [100262168-70]

*Tài liệu tham khảo*

[1]. A+ Guide to Managing & Maintaining Your PC (8th Edition) by Jean Andrews. [100273173]

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mô tả/mục tiêu môn học

- *Về kiến thức*: Môn học này cung cấp lần lượt các kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động và tổ chức các máy tính số, vấn đề đánh giá hiệu suất, tính toán số học, đường đi của dữ liệu và tín hiệu điều khiển, hệ thống bộ nhớ, giao tiếp với ngoại vi. Kiến trúc các bộ xử lý Intel được sử dụng làm minh họa cho môn học này. Nắm được tổng quan về hệ điều hành, nắm được định thì và các giải thuật định thì. Nắm được quản lý hệ thống file và cấu hình được máy tính.

- *Về kỹ năng*: Có kỹ năng xử lý các tình huống khi máy tính bị hư và kỹ năng làm việc nhóm, Nắm được nguyên lý hoạt động và tổ chức các máy tính số.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

- Mô tả các thành phần của 1 hệ thống máy tính
- Xác định các thành phần của 1 HTMT để đáp ứng 1 hiệu năng cho trước
- Xác định các thành phần và chức năng cần thiết của 1 OS
- Sử dụng 2 OS thông dụng Windows và Unix
- So sánh sự giống và khác nhau của 2 OS Windows và Unix
- So sánh hiệu năng của 2 máy tính chạy 2 OS khác nhau

##### c. Môn học trước

Nhập môn tin học [2101539], Nhập môn lập trình [2101540]

##### d. Yêu cầu khác

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

##### a. Chuẩn đầu ra của môn học.

Khi hoàn thành môn học, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Mô tả các thành phần của 1 hệ thống máy tính	
2	So sánh hiệu năng của 2 máy tính chạy 2 OS khác nhau	
3	Xác định các thành phần và chức năng cần thiết của 1 OS	
4	Sử dụng 2 OS thông dụng Windows và Unix	

b. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

LO/SO	SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1						
2						
3						
4						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1: Tổng quan về Kiến trúc máy tính</b> 1.1. Các khái niệm và định nghĩa cơ bản 1.2. Nguyên lý hoạt động 1.3. Phân loại máy tính 1.4. Lịch sử phát triển máy tính 1.5. Giới thiệu và ứng dụng của mô hình n-Tier	3	1	L: Lecture D: Discussion	Đọc và làm bài tập chương 1 giáo trình chính [1]
2	<b>Chương 2: Tổ chức tổng quát máy tính</b> 2.1. Bộ xử lý trung tâm 2.2. Pipeline 2.3. Bộ nhớ chính 2.4. Bộ nhớ thứ cấp 2.5. Hệ thống I/O	6	1, 2	L: Lecture D: Discussion	Đọc và làm bài tập chương 2 giáo trình chính [1]
3	<b>Chương 3: Kiến trúc tập lệnh</b> 3.1. Mô hình lập trình của máy tính 3.2. Giới thiệu chức năng và Phân loại tập lệnh 3.3. Kiến trúc tập lệnh Intel x86 (giới thiệu, tham khảo) 3.4. Giới thiệu tập lệnh và kiến trúc ARM	6	1, 2	L: Lecture D: Discussion	Đọc và làm bài tập chương 3 giáo trình chính [1]

4	<b>Chương 4 : I/O bus and device</b> 4.1. Bus systems: ISA, PCI, PCI-E, ATA, and SATA 4.2. COM interface 4.3. HDD, SSD	9	1, 2	L: Lecture D: Discussion	Đọc và làm bài tập chương 4 giáo trình chính [1]
5	<b>Chương 5: Operating System Overview</b> 5.1. Chức năng 5.2. Các thành phần ( <u>tap lenh</u> ) 5.2.1. Ví dụ các OS thông dụng: Windows, Linux	3	3	L: Lecture D: Discussion	Đọc và làm bài tập chương 1 giáo trình chính [2]
	<b>Chương 6: Process</b> 6.1. Tổng quan 6.2. Định thì hoạt động: các giải thuật: FIFO, Round Robin, LRU, SRTU 6.3. Thread trên các OS (giới thiệu) 6.4. Xử lý đồng bộ trên các OS: giới thiệu semaphore	9	3, 4	L: Lecture D: Discussion	Đọc và làm bài tập chương 3 giáo trình chính [2]
	<b>Chương 7: Memory &amp; File Management</b> 7.1. Quản lý bộ nhớ thực: phân trang 7.2. Bộ nhớ ảo: mục tiêu, kỹ thuật quản lý: phân trang on demand, <i>LRU algo</i> 7.3. Bộ nhớ ảo trên các OS: Windows, Linux 7.4. File system: các thành phần (Folder, File, Link), FAT, Index	6	4	L: Lecture D: Discussion	Đọc và làm bài tập chương 7&8 giáo trình chính [2]
	<b>Chương 8: Cấu hình sử dụng máy tính – OS</b> 8.1. Cài đặt OS	3		L: Lecture D: Discussion	Đọc và làm bài tập

	8.2. Quản lý Người dùng 8.3. Quản lý ứng dụng, service 8.4. Quản lý File system, phân quyền				chương 10 giáo trình chính [2]
--	---	--	--	--	--

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu %
1	Thường kỳ 1	5	85%
	Giữa kỳ	10	85%
	Thường kỳ 2	5	85%
2	Thường kỳ 1	5	85%
	Giữa kỳ	20	85%
	Thường kỳ 2	5	85%
3	Thường kỳ 3	5	85%
	Cuối kỳ	20	85%
3, 4	Thường kỳ 3	5	85%
	Thường kỳ 4	5	85%
	Cuối kỳ	30	85%

b. Các thành phần đánh giá:

	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng, %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường kỳ</b>	<b>20</b>
	Kiểm tra thường kỳ 1	5
	Kiểm tra thường kỳ 2	5
	Kiểm tra thường kỳ 3	5
	Kiểm tra thường kỳ 4	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
Thực hành	Bài tập thực hành 01	20
	Bài tập thực hành 01	30

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

$$\text{Điểm tổng kết} = (2*LT + THT) / 3$$

Ngày biên soạn: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

TS. Tạ Duy Công Chiến

Trưởng/phó khoa phụ trách:

**1. Tên và mã học phần: Mạng máy tính (2101425)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

ThS. Lê Thị Thủy

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

[1] J.F. Kurose, K.W.Ross, Computer networks-A top-down Approach. 7<sup>th</sup> edition, PEARSON publishing, 2017 [100287772]

*Tài liệu tham khảo*

[1] Behrouz A. Forouzan. TCP/IP protocol suite, McDraw-Hill, 2010. [100287801]

[2] A.S. Tanenbaum. *Computer Networking*, 5<sup>th</sup> edition, 2006. [100113565]

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

Khi hoàn thành môn học, người học có khả năng:

- Phân biệt được các thành phần cấu thành một hệ thống mạng máy tính, các mặt ứng dụng của mạng máy tính trong thực tế
- Diễn đạt được sự liên hệ của 1 quá trình truyền thông tin trên mạng trong mô hình OSI, họ giao thức TCP/IP
- Giải thích được nguyên lý vận hành của các thiết bị kết nối mạng như: Hub, Bridge, Switch, Router, modem, Access point ... và các phương tiện truyền dẫn như cáp đồng, cáp quang,...
- Giải thích được nguyên lý hoạt động của các giao thức cơ bản trong protocol stack TCP/IP như : DHCP, DNS, HTTP, SMTP, FTP, TCP, UDP, IP, ARP ...
- Giải thích được cơ chế định tuyến và chuyển mạch trong hệ thống mạng
- Đọc, hiểu và tổng hợp được các kiến thức nguồn tài liệu liên quan đến mạng máy tính cơ bản.
- Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm

*b. Mô tả vắn tắt học phần*

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngắn gọn và rõ ràng về mạng máy tính: phân biệt được các thành phần và giao thức truyền thông trên mạng theo từng tầng, giải thích được nguyên lý vận hành của các thiết bị trong mạng, các giao thức cơ bản, cơ chế định đường đi của các gói tin trong mạng

*c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

d. Yêu cầu khác

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	So sánh và đối chiếu(phân biệt) mô hình OSI và Internet (TCP/IP) khi áp dụng cho các giao thức truyền thông hiện đại, mạng thực tế	
2	Phân biệt được chức năng các thành phần cơ bản và các phương tiện truyền thông của mạng LAN và WAN	
3	Nêu được một số đặc tính kỹ thuật của một số loại cáp truyền dẫn	
4	Phân biệt được mô hình peer2peer và client-server	
5	Giải được bài toán về phát hiện lỗi và sửa lỗi dữ liệu (CRC, Hamming)	

CLOs	1	2	3	4	5	6
1						
2						
3						
4						
5						

**7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p><b>Chương 1: CÁC KHAI NIỆM CƠ BẢN VỀ MẠNG MÁY TÍNH</b></p> <p>1.1. Giới thiệu về mạng máy tính</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giới thiệu các thành phần của mạng máy tính                             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ Thiết bị thông dụng theo từng tầng</li> </ul> </li> <li>▪ Môi trường truyền dẫn</li> <li>▪ Mô hình mạng (p2p, client-server)</li> <li>▪ Hệ điều hành</li> </ul> <p>1.2. Mô hình OSI</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giới thiệu mô hình</li> <li>▪ Cách thức giao tiếp</li> <li>▪ Liên hệ giữa các tầng trong mô hình (giao thức,</li> </ul>	3	1, 2	L	Đọc và làm bài tập chương 1 giáo trình chính

	<p>dịch vụ)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Nguyên lý truyền tin</li> <li>▪ Hiện thực trong các mạng cụ thể (Windows, Unix, Netware)</li> </ul> <p>1.3. Mô hình TCP/IP</p>				
2	<p><b>Chương 2: TẦNG VẬT LÝ</b></p> <p>2.1. Vai trò</p> <p>2.2. Chức năng</p> <p>2.3. Cơ chế biến đổi tín hiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Số hóa</li> <li>▪ Kỹ thuật truyền số: baseband, broadband</li> </ul> <p>2.4. Môi trường truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Thiết bị (wired, wireless) <ul style="list-style-type: none"> <li>○ cáp xoắn, cáp đồng trục, cáp quang</li> <li>○ mô hình bus, star, ring, mesh</li> </ul> </li> <li>▪ Chuẩn kết nối</li> </ul> <p>2.5. Các thiết bị thông dụng trong tầng vật lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hub, Repeater</li> </ul>	6	3, 4	L	Đọc và làm bài tập chương 1 giáo trình chính
3	<p><b>Chương 3: TẦNG LIÊN KẾT DỮ LIỆU</b></p> <p>3.1. Vai trò</p> <p>3.2. Chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Kiểm soát lỗi truyền</li> <li>▪ Sửa lỗi (CRC, Hamming)</li> </ul> <p>3.3. Các phương thức kết nối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ stop-wait, sliding windows</li> <li>▪ Truy cập đường truyền: CDMA, Aloha, (Token ring)</li> </ul> <p>3.4. Các giao thức liên kết chuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ HDLC (High level Data Link Control)</li> <li>▪ Internet (PPP)</li> </ul> <p>3.5. Các thiết bị thông dụng của tầng liên kết dữ liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Switch</li> </ul>	6	2	L	Đọc và làm bài tập chương 6 giáo trình chính
4	<p><b>Chương 4: TẦNG MẠNG</b></p> <p>4.1. Vai trò</p>	9	5	L	Đọc và làm bài

	<p>4.2. Chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Định địa chỉ: địa chỉ logic</li> <li>▪ Phân gói tin</li> <li>▪ Định đường đi</li> </ul> <p>4.3. Định địa chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ đ/c IP: lớp đ/c, đ/c mạng LAN/WAN</li> <li>▪ chia subnet</li> <li>▪ VLSM</li> <li>▪ đ/c IP v6 (tuỳ chọn)</li> </ul> <p>4.4. Định đường đi</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cách thức định đường đi</li> <li>▪ Bảng đường đi, default gateway</li> <li>▪ Định tuyến tĩnh/ Định tuyến động</li> </ul>				tập chương 4, 5 giáo trình chính
5	<p><b>Chương 5: TẦNG VẬN CHUYỂN</b></p> <p>5.1. Vai trò</p> <p>5.2. Chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Truyền tin giữa các ứng dụng</li> <li>▪ đ/c dịch vụ (socket)</li> <li>▪ Phân gói tin: stream, datagram</li> </ul> <p>5.3. Cách thức truyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Các kiểu: kết nối, không kết nối</li> </ul> <p>5.4. UDP</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cách thức truyền</li> <li>▪ Cấu trúc bản tin</li> </ul> <p>5.5. TCP</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Cách thức truyền</li> <li>▪ Cấu trúc bản tin</li> <li>▪ <b>Điều khiển nghẽn</b></li> </ul> <p>5.6. Lý do chọn giao thức UDP hay TCP</p>	6		L	Đọc và làm bài tập chương 3 giáo trình chính
	<p><b>Chương 6: TẦNG ỨNG DỤNG</b></p> <p>6.1. Các mô hình ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ peer2peer</li> <li>▪ client-server</li> </ul> <p>6.2. Các dịch vụ cơ bản trên mạng máy tính</p>	12			Đọc và làm bài tập chương 2 giáo trình chính

	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hạ tầng: DHCP, DNS</li> <li>▪ File: FTP</li> <li>▪ Web: HTTP</li> <li>▪ Email: SMTP, POP3, IMAP</li> </ul>				
	<p><b>Chương 7: SƠ LƯỢC VỀ MẠNG KHÔNG DÂY</b></p> <p>7.2. Giới thiệu</p> <p>7.3. Một số giao thức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ 6LoWPAN, IEEE 802.15.x</li> </ul>	6			

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu %
1,2	Thường kỳ 01	5	85%
	Thường kỳ 02	5	85%
	Giữa kỳ (tự luận)	<b>30</b>	85%
3,4	Thường kỳ 03	5	85%
	Thường kỳ 04	5	85%
3	Cuối kỳ (tự luận)	<b>50</b>	85%

b. Đánh giá môn học

	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Kiểm tra thường kỳ 01	5
	- Kiểm tra thường kỳ 02	5
	- Kiểm tra thường kỳ 03	5
	- Kiểm tra thường kỳ 04	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn: tháng năm 2022

**Trưởng bộ môn:**

TS. Tạ Duy Công Chiến

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**1. Tên và mã học phần: Nguyên lý kế toán (2127402)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

ThS. Đoàn Thị Thùy Anh

ThS. Nguyễn Thị Vân Anh

ThS. Nguyễn Kim Nhất

ThS. Đỗ Thị Thu Thảo

ThS. Nguyễn Tài Yên

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)*

[1] TS. Nguyễn Thị Thu Hiền và tập thể tác giả, Nguyên Lý Kế Toán, Lưu hành nội bộ, năm 2016

*Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)*

[1] Nguyên Lý Kế Toán - Trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM, Nhà Xuất Bản Kinh Tế Tp.HCM, 2015.

[2] Luật số 88/2015/QH13, ngày 20 tháng 11 năm 2015

[3] Thông tư 200/2014/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2014

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần:*

- (1) Có kiến thức cơ bản về kế toán như khái niệm, vai trò, nguyên tắc, phương pháp, luật kế toán Việt Nam.
- (2) Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về kế toán để luận giải cho việc đo lường, ghi nhận và trình bày thông tin kế toán.
- (3) Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản của kế toán trong đo lường, ghi nhận và trình bày thông tin kế toán.
- (4) Có kỹ năng làm việc độc lập
- (5) Có đạo đức và trách nhiệm xã hội

*b. Mô tả vắn tắt học phần*

Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò và phương pháp của kế toán; Sinh viên có thể vận dụng các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp kế toán luận giải cho việc đo lường, ghi nhận và trình bày thông tin kế toán, giải thích được các thông tin trên chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính. Giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quát về công việc kế toán và nền tảng

để học tiếp tục các học phần cao hơn như: kế toán tài chính doanh nghiệp, kế toán quản trị, kế toán Nhà nước

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Không có

d. Yêu cầu khác

- Cách thức học tập

Mục đích của bài giảng là hướng dẫn các nội dung chính trước khi sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc trước tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình, ...). Vì các giảng viên không thể giảng dạy tất cả nội dung trong một bài giảng, do đó sinh viên không nên cho rằng các tài liệu dùng để đọc nhưng không được mô tả trong bài giảng là không quan trọng.

Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn giải bài tập. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp. Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Chúng tôi khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp. Hãy nhớ rằng việc đạt được tất cả các chuẩn đầu ra của môn học rất quan trọng với thành công của sinh viên sau này.

- Thông tin về việc tuân thủ sự đánh giá

Sinh viên tham dự học và kiểm tra theo quy chế học vụ hiện hành của Nhà trường.

Sinh viên lưu ý ngày hết hạn phải được tuân thủ chặt chẽ. Trách nhiệm của sinh viên là kiểm tra các ngày đến hạn của các hoạt động đánh giá và các mốc thời gian theo lịch làm việc của giảng viên. Theo quy định của Khoa thì các bài tập không được gia hạn về mặt thời gian nộp, nghĩa là sinh viên sẽ bị 0 điểm nếu nộp bài trễ.

- Vấn đề đạo văn

Đạo văn xảy ra khi ngôn ngữ, suy nghĩ, ý tưởng, hay cách diễn đạt của người khác được trình bày như là của riêng mình mà không có sự thừa nhận hoặc tham khảo thích hợp. Đạo văn là một vi phạm nghiêm trọng, là hành vi thiếu trung thực về mặt học thuật. Nếu sinh viên bị phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào sẽ bị 0 điểm tại bài làm mà sinh viên thực hiện.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Giải thích được các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp kế toán	
2	Giải thích được các thông tin trên chứng từ, sổ kế toán, BCTC	
3	Vận dụng các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp kế	

	toán luận giải cho việc đo lường, ghi nhận và trình bày thông tin kế toán	
<b>4</b>	Vận dụng các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp kế toán trong đo lường, ghi nhận và trình bày thông tin kế toán	
<b>5</b>	Có kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu và tự thực hiện công việc theo đúng tiến độ	
<b>6</b>	Có thái độ chuẩn mực và ý thức trách nhiệm xã hội	

*Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:*

<b>CDR chương trình</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
<b>CDR môn học</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
<b>1</b>						
<b>2</b>						
<b>3</b>						
<b>4</b>						
<b>5</b>						
<b>6</b>						

## **7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

<b>STT</b>	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số tiết</b>	<b>CLOs</b>	<b>Phương pháp giảng dạy</b>	<b>Nội dung và hướng dẫn tự học</b>
1	<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN</b> 1.1 Khái niệm kế toán và đối tượng kế toán 1.2 Đối tượng sử dụng thông tin kế toán 1.3 Các lĩnh vực của kế toán 1.4 Các nguyên tắc kế toán 1.5 Các phương pháp kế toán 1.6 Nhiệm vụ, vai trò và các yêu cầu cơ bản của kế toán 1.7 Đạo đức trong kế toán 1.8 Khung pháp lý kế toán Việt Nam	6	1,5,6	L, D, H	TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN

2	<b>CHƯƠNG 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> 2.1. Báo cáo tình hình tài chính 2.2 Báo cáo kết quả hoạt động 2.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính 2.4 Các đặc trưng định tính của thông tin tài chính hữu ích 2.5 Một số phân tích, đánh giá dựa trên thông tin của báo cáo tài chính	9	2,5,6	L, D, H	BÁO CÁO TÀI CHÍNH
3	<b>CHƯƠNG 3: CHỨNG TỪ KẾ TOÁN</b> 3.1 Khái niệm và ý nghĩa của chứng từ kế toán 3.2 Nội dung chứng từ kế toán 3.3 Phân loại chứng từ kế toán 3.4 Trình tự xử lý chứng từ kế toán	3	2,5,6	L, D, H	CHỨNG TỪ KẾ TOÁN
4	<b>CHƯƠNG 4: TÀI KHOẢN KẾ TOÁN VÀ GHI SỔ KÉP</b> 4.1 Tài khoản kế toán 4.2 Ghi sổ kép 4.3 Vận dụng phương pháp tài khoản kế toán và ghi sổ kép 4.4 Mối quan hệ giữa tài khoản kế toán với Báo cáo tình hình tài chính và Báo cáo kết quả hoạt động.	12	3,4,5,6	L, D, H, P	TÀI KHOẢN KẾ TOÁN VÀ GHI SỔ KÉP

5	<b>CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU TRONG DOANH NGHIỆP</b> 5.1 Khái quát chung về quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp 5.2 Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại 5.2 Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp thương mại (tt) 5.3 Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất 5.3 Kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp sản xuất	15	3,4,5, 6	L, D, H, P	KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU TRONG DOANH NGHIỆP
	Tổng	45			

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

1. Chuẩn đầu ra của môn học (CLOs)	Phương pháp đánh giá và tỷ trọng (%)		Chỉ tiêu
	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	
(1) Giải thích được các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp kế toán	Kiểm tra thường xuyên 1 (E-Learning)	50	80%
	Kiểm tra thường xuyên 2 (tại lớp)	50	
(2) Giải thích được các thông tin trên chứng từ, sổ kế toán, BCTC	Kiểm tra thường xuyên 1 (E-Learning)	25	80%
	Kiểm tra thường xuyên 2 (tại lớp)	25	
	Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	50	
(3) Vận dụng các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp kế toán luận giải cho việc đo lường, ghi nhận và trình bày thông tin kế	Kiểm tra thường xuyên 1 (E-Learning)	20	80%
	Kiểm tra giữa kỳ	30	

toán	(tự luận )		
	Kiểm tra cuối kỳ (tự luận)	50	
(4) Vận dụng các khái niệm, nguyên tắc, phương pháp kế toán trong đo lường, ghi nhận và trình bày thông tin kế toán	Kiểm tra thường xuyên 1 (E-Learning)	50	80%
	Kiểm tra cuối kỳ (tự luận)	50	
(5) Có kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu và tự thực hiện công việc theo đúng tiến độ	Kiểm tra thường xuyên 1 (E-Learning)	100	80%
(6) Có thái độ chuẩn mực và ý thức trách nhiệm xã hội	Hoạt động khác (thái độ tích cực, chuyên cần, ý thức thực hiện 5s, tác phong và hành vi chuẩn mực, có ý thức tự nghiên cứu tài liệu)	100	80%
(7) Có ý thức học tập suốt đời			

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Kiểm tra thường xuyên 1 (E-Learning)	6,7
	- Kiểm tra thường xuyên 2 (kiểm tra tại lớp)	6,7
	- Hoạt động khác(thái độ tích cực, chuyên cần, ý thức thực hiện 5s, tác phong và hành vi chuẩn mực, có ý thức tự nghiên cứu tài liệu)	6,6
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn:** 20 tháng 03 năm 2018

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**1. Tên và mã học phần: Hành vi tổ chức (2107415)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3 (3, 0, 6)    Lý thuyết: 3    Thực hành: 0

Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

TS. Nguyễn Thị Vân

TS. Bùi Văn Danh

ThS. Bùi Thành Khoa

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)*

[1] S. P. Robbins and T. A. Judge. *Essentials of Organizational Behavior (10th Edition)*. Pearson Education, Inc., New Jersey, 2010. [**Mã sách trong thư viện IUH**]

*Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)*

[1]. TS Nguyễn Hữu Lam, *Hành vi tổ chức*, NXB Giáo dục, 2010.

[2]. Greenberg J. *Managing behavior in organizations*. United State of America: Prentice Hall International Inc, 2005. [**Mã sách trong thư viện IUH**]

[3]. Th.S Tạ Thị Hồng Hạnh. *Hành vi tổ chức*, Đại Học Mở TPHCM, 2010

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

- Giải thích hành vi của cá nhân và nhóm trong tổ chức với các yếu tố chính ảnh hưởng đến hành vi của tổ chức.
- Ứng dụng một cách thích hợp lý thuyết động viên, tạo động cơ cho nhân viên trong tổ chức; Có thể đề xuất các khuyến nghị cách quản lý phù hợp với lý thuyết động viên.
- Giải thích được tác động của văn hoá tổ chức có ý nghĩa tác động đến hành vi cá nhân và nhóm.

*b. Mô tả vắn tắt học phần*

Sau khi kết thúc *học phần* này, sinh viên hiểu và giải thích được những kiến thức cơ sở hành vi cá nhân tác động đến nhóm và trong tổ chức; Vận dụng được các lý thuyết liên quan đến động viên vào kỹ năng lãnh đạo làm việc nhóm có hiệu quả. Lựa chọn hình thức truyền thông phù hợp với thông tin và vận dụng vào tình huống thực tế trong tổ chức đồng thời phân tích được tác động của văn hóa tổ chức (văn hoá và thay đổi) đối với hành vi cá nhân trong nhóm và tổ chức.

*c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

Kỹ năng giao tiếp (2510408) (A)

Quản trị nguồn nhân lực (2501597) (C)

*d. Yêu cầu khác*

Không

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm và tổ chức.	
2	Vận dụng được các lý thuyết động viên, lý thuyết kỳ vọng vào kỹ năng lãnh đạo làm việc nhóm có hiệu quả	
3	Giải thích được các yếu tố xây dựng và duy trì văn hóa tổ chức có tác động đến hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức.	

	1	2	3	4	5	6
CLO.1						
CLO.2						
CLO.3						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1. Khái quát về hành vi tổ chức</b> 1.1. Môi liên hệ giữa hành vi tổ chức với công việc của nhà quản lý 1.2. Khái niệm về hành vi tổ chức 1.3. Phân tích mô hình hành vi tổ chức 1.4. Những thách thức và cơ hội đối với môn hành vi tổ chức	6	1	Lý thuyết	Khái quát về hành vi tổ chức
2	<b>Chương 2. Cơ sở của hành vi cá nhân</b> 2.1. Đặc tính tiêu sử 2.2. Khả năng 2.3. Tính cách 2.4. Học tập	6	1	Lý thuyết Bài tập	Cơ sở của hành vi cá nhân
3	<b>Chương 3. Nhận thức, giá trị, thái độ và hài lòng trong công việc</b> 3.1. Nhận thức 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình nhận thức 3.3. Môi liên hệ giữa nhận thức và ra quyết định cá nhân 3.4. Giá trị	6	1	Lý thuyết	Nhận thức, giá trị, thái độ và hài lòng trong công việc

	3.5. Thái độ 3.6. Hải lòng trong công việc				
4	<b>Chương 4. Động viên người lao động</b> 4.1. Khái niệm về động viên 4.2. Các lý thuyết động viên 4.3. Ứng dụng của các lý thuyết động viên vào công tác quản lý	6	2	Lý thuyết	Động viên người lao động
5	<b>Chương 5. Cơ sở hành vi của nhóm</b> 5.1. Định nghĩa về nhóm và lý do hình thành nhóm 5.2. Mô hình hành vi làm việc nhóm 5.3. Xung đột nhóm	6	2	Lý thuyết Bài tập	Cơ sở hành vi của nhóm
6	<b>Chương 6. Truyền thông nhóm và tổ chức</b> 6.1. Truyền thông là gì? 6.2. Lựa chọn kênh truyền thông 6.3. Các yếu tố cản trở quá trình truyền thông 6.4. Các biện pháp nâng cao hiệu quả của quá trình truyền thông	3	2	Lý thuyết	Truyền thông nhóm và tổ chức
7	<b>Chương 7. Cấp độ tổ chức - cơ cấu tổ chức</b> 7.1. Xác định cơ cấu tổ chức 7.2. Các hình thức thiết kế tổ chức phổ biến 7.3. Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức	6	3	Lý thuyết	Cấp độ tổ chức - cơ cấu tổ chức
8	<b>Chương 8. Văn hóa tổ chức</b> 8.1. Tìm hiểu về văn hóa tổ chức 8.2. Xây dựng và duy trì văn hóa 8.3. Đưa văn hóa tổ chức đến với nhân viên	6	3	Lý thuyết Bài tập	Văn hóa tổ chức

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Bài tập ở nhà 1	15	80%
	Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan 1	15	
	Giữa kỳ (tự luận)	30	
	Cuối kỳ (tự luận)	40	
2	Bài tập ở nhà 2	15	80%
	Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách	15	

	quan 2		
	Giữa kỳ (tự luận)	30	
	Cuối kỳ (tự luận)	40	
3	Bài tập ở nhà 3	30	80%
	Giữa kỳ (tự luận)	30	
	Cuối kỳ (tự luận)	40	

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 2)</b>	<b>20</b>
	- Project	15
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn:** 18 tháng 03 năm 2018

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**1. Tên và mã học phần: Kế toán tài chính (2127482)**

**2. Số tín chỉ 3(2,2,6)**

Tổng số tín chỉ: 3    Lý thuyết: 2    Thực hành: 1    Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

Th.S Cồ Thị Thanh Hương

Th.S Nguyễn Thị Thu Hoàn

Th.S Nguyễn Mạnh Tuyển

Th.S Nguyễn Thị Ngọc Hải

Th.S Võ Thúy Hà

Th.S Nguyễn Thị Vân Anh

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính*

[1] Nguyễn Thị Thu Hiền (2016). Kế toán tài chính doanh nghiệp. Lưu hành nội bộ

*Tài liệu tham khảo*

[1] Tập thể tác giả khoa kế toán kiểm toán (2016). Kế toán tài chính - Trường Đại Học Kinh Tế TP.HCM, Nhà Xuất Bản kinh tế.

[2] Luật số: 88/2015/QH13, ngày 20 tháng 11 năm 2015

[3] Thông tư 200/2014/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2014

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

*Sau khi học xong học phần, người học:*

(1) Có kiến thức về kế toán tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

(2) Có khả năng vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để đo lường, ghi nhận và lập báo cáo tài chính ở mức độ cơ bản.

(3) Có khả năng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

(4) Có kỹ năng làm việc nhóm.

(5) Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

*b. Mô tả vấn đề học phần*

Kế toán Tài chính doanh nghiệp là học phần thuộc khối ngành không chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp bao gồm:

tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hoàn tất học phần sinh viên sẽ có khả năng vận dụng vào việc tổ chức công việc kế toán tại doanh nghiệp.

c. *Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

Nguyên lý kế toán (2527402) (A)

d. *Yêu cầu khác*

- *Cách thức học tập*

Mục đích của bài giảng là hướng dẫn các nội dung chính trước khi sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc trước tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình, ...). Vì các giảng viên không thể giảng dạy tất cả nội dung trong một bài giảng, do đó sinh viên không nên cho rằng các tài liệu dùng để đọc nhưng không được mô tả trong bài giảng là không quan trọng.

Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn giải bài tập. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp. Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Chúng tôi khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp. Hãy nhớ rằng việc đạt được tất cả các chuẩn đầu ra của môn học rất quan trọng với thành công của sinh viên sau này.

- Thông tin về việc tuân thủ sự đánh giá

Sinh viên tham dự học và kiểm tra theo quy chế học vụ hiện hành của Nhà trường.

Sinh viên lưu ý ngày hết hạn phải được tuân thủ chặt chẽ. Trách nhiệm của sinh viên là kiểm tra các ngày đến hạn của các hoạt động đánh giá và các mốc thời gian theo lịch làm việc của giảng viên. Theo quy định của Khoa thì các bài tập không được gia hạn về mặt thời gian nộp, nghĩa là sinh viên sẽ bị 0 điểm nếu nộp bài trễ.

- Vấn đề đạo văn

Đạo văn xảy ra khi ngôn ngữ, suy nghĩ, ý tưởng, hay cách diễn đạt của người khác được trình bày như là của riêng mình mà không có sự thừa nhận hoặc tham khảo thích hợp. Đạo văn là một vi phạm nghiêm trọng, là hành vi thiếu trung thực về mặt học thuật. Nếu sinh viên bị phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào sẽ bị 0 điểm tại bài làm mà sinh viên thực hiện.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (NVKT) liên quan đến tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi	

	phí và xác định kết quả kinh doanh ở mức độ cơ bản	
2	Lập chứng từ, ghi sổ kế toán liên quan đến các đối tượng kế toán đã được đề cập ở chuẩn đầu ra số 1.	
3	Lập báo cáo tài chính cơ bản	
4	Xét đoán các NVKTPS và thực hiện các ước tính liên quan đối tượng kế toán đã được đề cập ở chuẩn đầu ra số 1.	
5	Có các kỹ năng tổ chức, phối hợp, chia sẻ, thuyết phục trong hoạt động nhóm	
6	Có thái độ chuẩn mực và ý thức trách nhiệm xã hội.	

**BẢNG TÍCH HỢP GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

CLOs	1	2	3	4	5	6
1						
2						
3						
4						
5						
6						

**7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP</b> 1.1. Khái niệm, nguyên tắc cơ bản và phương pháp cơ bản của kế toán 1.2. Hệ thống chứng từ, sổ kế toán và hệ thống báo cáo tài chính 1.3. Hệ thống văn bản pháp quy kế toán tài chính Việt Nam	3	5,6,	L, D, H	Tổng quan
2	<b>CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU</b> 2.1. Kế toán tiền 2.2. Kế toán các khoản phải thu	6	1,2,3,4,5,6	L, D, H	Kế toán tiền và các khoản phải thu

3	<b>CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO</b> 3.1. Tổng quan về hàng tồn kho 3.2. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên 3.3. Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ 3.4. Tổng quan về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm 3.5. Kế toán chi phí sản xuất 3.6. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ 3.7. Kế toán giá thành sản phẩm	9	1,2,3,4,5,6	L, D, H	Hàng tồn kho
4	<b>CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b> 4.1. Tổng quan về tài sản cố định 4.2. Phương pháp tính giá tài sản cố định 4.3. Kế toán tài sản cố định 4.4. Kế toán khấu hao tài sản cố định	3	1,2,3,4,5,6	L, D, H	Tài sản cố định
5	<b>CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ</b> 5.1. Tổng quan về nợ phải trả 5.2. Kế toán phải trả người bán 5.3. Kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 5.4. Kế toán phải trả người lao động 5.5. Kế toán phải trả phải nộp khác	6	1,2,3,4,5,6	L, D, H	Nợ phải trả
6	<b>CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> 6.1. Tổng quan về vốn chủ sở hữu 6.2. Kế toán vốn đầu tư của chủ sở hữu 6.3. Kế toán lợi nhuận chưa	3	1,2,3,4,5,6	L, D, H	Vốn chủ sở hữu

	phân phối 6.4. Kế toán quỹ đầu tư phát triển				
7	<b>CHƯƠNG 7: KẾ TOÁN TIÊU THỤ SẢN PHẨM VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH</b> 7.1. Tổng quan về tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh 7.2. Kế toán tiêu thụ sản phẩm 7.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp 7.4. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác 7.5. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	9	1,2,3,4,5,6	L, D, H	Tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh
8	<b>CHƯƠNG 8: BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> 8.1. Tổng quan về báo cáo tài chính 8.2. Báo cáo tình hình tài chính 8.3. Báo cáo kết quả hoạt động 8.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 8.5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính	6	1,2,3,4,5,6	L, D, H	Báo cáo tài chính

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra của môn học (CLOs)	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh (NVKT) liên quan đến tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mức độ cơ bản	Bài kiểm tra thường xuyên số 1 (tự luận) Thi giữa kỳ (tự luận) Thi cuối kỳ (tự luận)	20 30 50	80%

2. Lập chứng từ, ghi sổ kế toán liên quan đến các đối tượng kế toán đã được đề cập ở chuẩn đầu ra số 1.	Bài kiểm tra thường xuyên số 1 (tự luận) Thi giữa kỳ (tự luận)	50 50	80%
3. Lập báo cáo tài chính cơ bản	Bài kiểm tra thường xuyên số 2 (tự luận) Thi cuối kỳ (tự luận)	50 50	80%
4. Xét đoán các NVKTPS và thực hiện các ước tính liên quan đối tượng kế toán đã được đề cập ở chuẩn đầu ra số 1.	Bài kiểm tra thường xuyên số 2 (tự luận)	100	80%
5. Có các kỹ năng tổ chức, phối hợp, chia sẻ, thuyết phục trong hoạt động nhóm	Hoạt h Hoạt động khác (Thái độ tích cực, chuyên cần, tác phong hành vi chuẩn mực, ý thức thực hiện 5S và ý thức tự nghiên cứu tài liệu)	100	80%
6. Có thái độ chuẩn mực và ý thức trách nhiệm xã hội.			80%
7. Có ý thức học tập suốt đời			80%

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên 1 (tự luận)	6.7
	- Bài kiểm tra thường xuyên 2 (tự luận)	6.7
	- Hoạt động khác (Thái độ tích cực, chuyên cần, tác phong hành vi chuẩn mực, ý thức thực hiện 5S và ý thức tự nghiên cứu tài liệu)	6.6
	<b>Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ (tự luận)</b>	<b>50</b>

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn: 20** tháng 03 năm 2018

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**1. Tên và mã học phần: QUẢN TRỊ BÁN HÀNG (2107490)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 03    Lý thuyết: 02    Thực hành: 1    Tự học: 06

**3. Giảng viên phụ trách**

1. ThS. Võ Thị Thúy Hoa
2. TS. Trần Phi Hoàng
3. ThS. Lê Bảo Hân
4. ThS. Chu Thị Thùy

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)*

[1] Giáo trình Quản Trị Bán Hàng, PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn, Ths. Võ Thị Thúy Hoa, 2016, lưu hành nội bộ.

[2] Giáo trình, Nghiệp vụ Bán Hàng, PGS TS. Nguyễn Minh Tuấn, Ths Võ Thị Thúy Hoa, NXB ĐHQG TP HCM, 2009.

*Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)*

[1] Chiến lược chính sách kinh doanh, PGS.TS Nguyễn Thị Liên Diệp, NXB Thống kê, 2010

[2] Quản trị chiến lược, TS.Bùi Văn Danh, Th.S Nguyễn Văn Dung, Th.S Lê Quang Khôi, NXB Phương Đông, 2011

[3] Quản trị nguồn nhân lực, TS.Bùi Văn Danh, NXB Phương Đông, 2011

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

Sau khi học môn này, sinh viên:

[1]. Nắm vững và trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị bán hàng như hoạch định kế hoạch bán hàng, về cơ cấu bán hàng, về thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ bán hàng, về giám sát và đánh giá toàn bộ đội ngũ và hoạt động bán hàng.

[2]. Thực hiện được một số kỹ năng quản lý bán hàng như kỹ năng dự báo bán hàng, kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng, kỹ năng tuyển dụng, đào tạo và giám sát bán hàng, kỹ năng phân bổ chỉ tiêu bán hàng, kỹ năng tính toán ngân sách bán hàng, xây dựng được kế hoạch bán hàng, kế hoạch nhân sự phục vụ công việc bán hàng, kế hoạch đào tạo bán hàng, Thiết kế được cơ cấu bán hàng, quy trình tuyển dụng đội ngũ bán hàng, thủ tục sử dụng trong tuyển dụng đội ngũ bán hàng, chế độ trả thù lao bán hàng, thủ tục sử dụng trong đào tạo bán hàng, quy trình và thủ tục quản lý bán hàng

[3]. Phát triển một số kỹ năng mềm trong học tập như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng nghiên cứu.

[4]. Xây dựng thái độ tích cực trong làm việc và học tập như nhận thức được sự tôn trọng đối thủ cạnh tranh, thân thiện với khách hàng, tận tâm với công việc,

việc chấp hành tốt nội quy, kỷ luật của doanh nghiệp, sự chấp hành tốt những qui định, pháp luật về luật cạnh tranh, luật lao động, thực hiện được hành vi, thái độ đạo đức trong công việc bán hàng và quản lý bán hàng đối với khách hàng, đối tác.

[5]. Đánh giá được năng lực, kiến thức, thái độ nghiêm túc trong việc thực hiện công việc của cá nhân sinh viên.

*b. Mô tả văn tắt học phần*

Môn học Quản Trị Bán Hàng được thiết kế cho sinh viên khoa Quản trị Kinh doanh và Marketing nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng quản trị đội ngũ bán hàng trong doanh nghiệp.

*c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

[A] Học phần trước: Tin học quản lý SPSS (2507412), Nghiên cứu trong kinh doanh (2507441), Quản trị nguồn nhân lực (2507420)

[B] Học phần tiên quyết: Marketing căn bản (2507405), Quản Trị Học(2507403), Kinh tế vi mô(2507404), Kinh tế vĩ mô(2507409), Quản trị nguồn nhân lực (2507420)

[C] Học phần song hành: Quản trị xuất nhập khẩu (2507436), Quản trị điều hành (2507425), Quản trị cung ứng (2507416), Quản trị dự án đầu tư (2507414), Quản trị chiến lược (2507419), Quản trị tài chính (2508432)

*d. Yêu cầu khác*

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Nắm vững kiến thức về quản trị bán hàng	6
2	Thực hiện một số kỹ năng quản lý bán hàng	
3	Phát triển một số kỹ năng mềm trong học tập	
4	Xây dựng thái độ tích cực trong học tập và làm việc	

	SO 1	SO 2	SO 3	SO 4	SO 5	SO 6
CL01						
CL02						
CL03						
CL04						

**7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy:**

ST T	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
------	--------------------	---------	------	-----------------------	------------------------------

1	<p><b>Chương 1: Tổng quan môn học Quản trị Bán Hàng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– 1.1. Khái niệm, vai trò, vị trí của hoạt động bán hàng trong kinh doanh.</li> <li>– 1.2. Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ của nhà QTBH.</li> <li>– 1.3. Đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu môn học.</li> <li>– 1.4. Lợi ích hoạt động bán hàng và những quan niệm sai lầm về nghề bán hàng.</li> <li>– 1.5. Những vấn đề của nghề bán hàng thế kỷ 21.</li> </ul> <p>1.6. Các vấn đề đạo đức trong hoạt động bán hàng.</p>		<p>CLO1</p> <p>CLO1</p> <p>CLO1</p> <p>CLO1</p> <p>CLO1</p> <p>CLO1</p>	L, D, H	Tổng quan môn học Quản trị Bán Hàng
2	<p><b>Chương 2: Xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch bán hàng</b></p> <p>2.1. Chiến lược tổng thể của doanh nghiệp và tác động của chiến lược marketing đến hoạt động BH.</p> <p>2.2. Lập kế hoạch BH.</p> <p>2.3. Thiết lập ngân sách.</p>		<p>CLO1</p> <p>CLO1, CLO2, CLO3 &amp; CLO4</p> <p>CLO1, CLO2, CLO3 &amp; CLO4</p>	L, D, H	Xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch bán hàng

3	<p><b>Chương 3: Cấu trúc tổ chức lực lượng bán hàng</b></p> <p>3.1. Phân loại lực lượng BH.  3.2. Lựa chọn kênh phân phối.  3.3. Lựa chọn cơ cấu tổ chức lực lượng BH.  3.4. Giám đốc bán hàng các cấp (toàn quốc, vùng, khu vực, giám sát bán hàng)  3.5. Tính toán số lượng nhân viên BH và khu vực địa lý  3.6. Thay đổi cấu trúc lực lượng BH.  3.7. Đội ngũ bán hàng hợp nhất.</p>		<p>CLO1  CLO1  CLO1,  CLO2</p> <p>CLO1,  CLO2,  CLO3 &amp;  CLO4</p> <p>CLO1,  CLO2  CLO3 &amp;  CLO4</p> <p>CLO1,  CLO2</p> <p>CLO1  CLO1</p>	L, D, H	Cấu trúc tổ chức lực lượng bán hàng
4	<p><b>Chương 4: Thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ bán hàng</b></p> <p>4.1. Thu hút lực lượng BH  4.2. Phát triển đội ngũ BH  4.3. Duy trì đội ngũ BH</p>		<p>CLO1,  CLO2,  CLO3  &amp;  CLO4  CLO1,  CLO2,  CLO3  &amp;</p>	L, D, H	Thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ bán hàng

			CLO4 CLO1, CLO2, CLO3 & CLO4		
5	<p><b>Chương 5: Kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng</b></p> <p>5.1. Kỹ năng bán hàng chính 5.2 Kỹ năng bán lẻ tại cửa hàng 5.3.Kỹ năng BH tại siêu thị 5.4.Kỹ năng BH cho khách hàng lớn (BH công nghiệp) 5.5.Kỹ năng BH qua điện thoại. 5.6. Thương mại điện tử và BH qua thư điện tử (Email). 5.7.Kỹ năng xử lý các tình huống khó trong BH. 5.8. Chăm sóc khách hàng.</p>		<p>CLO1, CLO2, CLO3 &amp; CLO4 CLO1, CLO2, CLO3 &amp; CLO4 CLO1, CLO2, CLO3 &amp; CLO4 CLO1, CLO2, CLO3 &amp; CLO4</p>	L, D, H	Kỹ năng bán hàng và chăm sóc khách hàng

			CLO4 CLO1, CLO2, CLO3 & CLO4  CLO1, CLO2, CLO3 & CLO4 CLO1, CLO2, CLO3 & CLO4		
6	<p><b>Chương 6: Đánh giá và nâng cao hiệu quả quản lý bán hàng</b></p> <p>6.1. Giám sát lực lượng bán hàng</p> <p>6.2. Đánh giá và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý bán hàng</p>		CLO1, CLO2, CLO3 & CLO4 CLO1, CLO2, CLO3 & CLO4	L, D, H	Đánh giá và nâng cao hiệu quả quản lý bán hàng

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ	Chỉ
------	----------------------	----	-----

		<b>trọng %</b>	<b>tiêu</b>
1	Bài tập trên lớp	1	80%
	Giữa kỳ (tự luận)	15	
	Cuối kỳ (tự luận)	25	
2	Bài tập trên lớp	1	80%
	Bài tập ở nhà 2	3	
	Hoạt động trên lớp	5	
	Cuối kỳ (tự luận)	15	
	Giữa kỳ (tự luận)	25	
3	Hoạt động trên lớp	5	80%
4	Hoạt động trên lớp	5	80%

*b. Các thành phần đánh giá*

<b>Phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỷ trọng %</b>
<b>Lý thuyết</b> <i>(Chọn 1 trong 2 cách đánh giá thường xuyên)</i>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Hoạt động trên lớp	15
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>10</b>
	Kỹ năng thực hành/ trả lời phản biện	<b>30</b>
	Báo cáo/ thuyết trình kết quả nghiên cứu	<b>30</b>
	Báo cáo thuyết trình nhóm	<b>30</b>
	Chuẩn bị bài	<b>10</b>

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn:** 22 tháng 03 năm 2018

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng Khoa/Phó Khoa phụ trách**

**1. Tên và mã học phần: Kế toán quản trị (2127483)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 2      Thực hành: 1      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

Học hàm, học vị, tên các giảng viên phụ trách:

TS. Huỳnh Tấn Dũng

TS. Trần Ngọc Hùng

TS. Nguyễn Ngọc Khánh Dung

Th.S Lê Thủy Ngọc Sang

Th.S Phạm Tú Anh

**4. Tài liệu học tập**

**-Sách, giáo trình chính:**

[1] Tập thể tác giả, Giáo trình kế toán quản trị, 2018.

**-Tài liệu tham khảo:**

[1] Garrison, Noreen, and Brewer, Managerial Accounting, 14th Edition, McGraw-Hill Irwin, 2012.

[2] Phạm Văn Dược và Đặng Kim Cương, Kế toán quản trị, Nhà xuất bản Thống kê, 2007.

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

- Có kiến thức cơ bản về các khái niệm, phương pháp, nguyên tắc để ghi nhận, đo lường và công bố thông tin kế toán quản trị
- Có kỹ năng ước tính chi phí, lập dự toán, đo lường thành quả hoạt động của đơn vị.
- Có tư duy phản biện để đánh giá thành quả hoạt động của đơn vị, đưa ra các phương án và lựa chọn giải pháp tối ưu
- Có kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu và tự thực hiện công việc theo đúng tiến độ
- Có thái độ chuẩn mực và ý thức trách nhiệm xã hội
- Có ý thức học tập suốt đời

*b. Mô tả vắn tắt học phần*

Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sinh viên trong việc giải quyết các vấn đề về ước tính chi phí, lập dự toán, đo lường và đánh giá

thành quả hoạt động của đơn vị, đưa ra các phương án và lựa chọn giải pháp tối ưu.

c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

*Không có*

d. Yêu cầu khác:

**+ Cách thức học tập**

Mục đích của bài giảng là hướng dẫn các nội dung chính trước khi sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc trước tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình, ...). Vì các giảng viên không thể giảng dạy tất cả nội dung trong một bài giảng, do đó sinh viên không nên cho rằng các tài liệu dùng để đọc nhưng không được mô tả trong bài giảng là không quan trọng.

Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn giải bài tập. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp. Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Chúng tôi khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp. Hãy nhớ rằng việc đạt được tất cả các chuẩn đầu ra của môn học rất quan trọng với thành công của sinh viên sau này.

+ Thông tin về việc tuân thủ sự đánh giá

Sinh viên tham dự học và kiểm tra theo quy chế học vụ hiện hành của Nhà trường.

Sinh viên lưu ý ngày hết hạn phải được tuân thủ chặt chẽ. Trách nhiệm của sinh viên là kiểm tra các ngày đến hạn của các hoạt động đánh giá và các mốc thời gian theo lịch làm việc của giảng viên. Theo quy định của Khoa thì các bài tập không được gia hạn về mặt thời gian nộp, nghĩa là sinh viên sẽ bị 0 điểm nếu nộp bài trễ.

+ Vấn đề đạo văn

Đạo văn xảy ra khi ngôn ngữ, suy nghĩ, ý tưởng, hay cách diễn đạt của người khác được trình bày như là của riêng mình mà không có sự thừa nhận hoặc tham khảo thích hợp. Đạo văn là một vi phạm nghiêm trọng, là hành vi thiếu trung thực về mặt học thuật. Nếu sinh viên bị phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào sẽ bị 0 điểm tại bài làm mà sinh viên thực hiện

## **6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

<b>CLOs</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần</b>	<b>SO/PI</b>
-------------	----------------------------------	--------------

<b>1</b>	Giải thích được các khái niệm, phương pháp, nguyên tắc để ghi nhận, đo lường và công bố thông tin kế toán quản trị	
<b>2</b>	Ước tính được chi phí	
<b>3</b>	p Lập được dự toán cố định và dự toán linh hoạt	
<b>4</b>	Đo lường và đánh giá được các vấn đề để đưa ra các phương án và lựa chọn giải pháp tối ưu	
<b>5</b>	Có kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu và tự thực hiện công việc theo đúng tiến độ	
<b>6</b>	Có thái độ chuẩn mực và ý thức trách nhiệm xã hội	

### **BẢNG TÍCH HỢP CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CLOs) VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA NGÀNH**

<b>CLOs</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
<b>1</b>						
<b>2</b>						
<b>3</b>						
<b>4</b>						
<b>5</b>						
<b>6</b>						

#### **7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

<b>STT</b>	<b>Nội dung giảng dạy</b>	<b>Số tiết(LT/TH)</b>	<b>CLOs</b>	<b>Phương pháp giảng dạy</b>	<b>Nội dung và hướng dẫn tự học</b>
1	<p><b>NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ</b></p> <p>1.1. Khái niệm KTQT</p> <p>1.2. Những kỹ năng cần thiết cho sự thành công của nhà</p>	4	1	L, P, H	Tổng quan

	<p>quản trị</p> <p>1.3. Sự cần thiết của KTQT đối với các chuyên ngành học</p>				
2	<p><b>CHI PHÍ VÀ PHÂN LOẠI CHI PHÍ</b></p> <p>2.1. Khái niệm chi phí</p> <p>2.2. Phân loại chi phí</p> <p>2.3. Giá thành sản phẩm</p>	10	1, 2	L, P, H	Chi phí và phân loại chi phí
3	<p><b>PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHI – KHÔI LƯỢNG – LỢI NHUẬN</b></p> <p>3.1 Những phân tích cơ bản về CVP</p> <p>3.2 Ứng dụng CVP trong việc lựa chọn cấu trúc chi phí</p> <p>3.3 Kết cấu của sản phẩm tiêu thụ</p> <p>3.4 Một số các giả định trong phân tích CVP</p>	18	1,3	L, P, H	Phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận
4	<p><b>HOẠCH ĐỊNH LỢI NHUẬN</b></p> <p>4.1 Khuôn khổ cơ bản của dự toán</p>	10	1,4	L, P, H	Hoạch định lợi nhuận

	4.2 Dự toán tổng thể				
5	<b>DỰ TOÁN LINH HOẠT VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH</b> 5.1 Dự toán linh hoạt 5.2 Biên động của dự toán linh hoạt 5.3 Dự toán linh hoạt với nhiều nhân tố dẫn dắt chi phí	10	1,4	L, P, H	Dự toán linh hoạt và phân tích hiệu quả kinh doanh
6	<b>ĐÁNH GIÁ THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC TỔ CHỨC CÓ SỰ PHÂN QUYỀN</b> 6.1 Phân quyền trong các tổ chức 6.2 Kế toán trách nhiệm 6.3 Đánh giá thành quả hoạt động của trung tâm đầu tư 6.4 Thu nhập thặng dư 6.5 Các thước đo thành quả hoạt động	8	1,4	L, P, H	Đánh giá thành quả hoạt động trong các tổ chức có sự phân quyền

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1			80%
	Bài kiểm tra thường xuyên 1 (tự luận)	50%	
	Giữa kỳ (tự luận)	50%	
2	Giữa kỳ (tự luận)	50%	80%
	Cuối kỳ (tự luận)	50%	
3	Bài kiểm tra thường xuyên 2 (tự luận)	50%	80%

	Cuối kỳ (tự luận)	50%	
4	Bài kiểm tra thường xuyên 2 (tự luận)	50%	80%
	Cuối kỳ (tự luận)	50%	
5,6,7	- Hoạt động khác (Thái độ tích cực, chuyên cần, ý thức thực hiện 5S, tác phong và hành vi chuẩn mực, có ý thức tự nghiên cứu tài liệu	100%	80%

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên số 1 (tự luận)	6.67
	- Bài kiểm tra thường xuyên số 2 (tự luận)	6.67
	- Hoạt động khác	6.67
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>
<b>Thực hành</b>	<b>Bài thực hành số 1</b>	<b>50</b>
	<b>Bài thực hành số 2</b>	<b>50</b>

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng Khoa/Phó Khoa phụ trách**

## 2108435 - Nguyên lý quản trị tài chính

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Nguyên lý quản trị tài chính (2108435)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

#### 3. Giảng viên phụ trách

NCS, ThS Đặng Thị Trường Giang

NCS, ThS Nguyễn Hữu Tuyên

ThS Thái Duy Tùng

#### 4. Tài liệu học tập

*Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)*

Peter Atrill. *Financial Management for Decision Makers, 7th Edition*. Pearson Education Limited, 2014.

*Tài liệu tham khảo*

[1] Nguyễn Tấn Bình. *Quản trị Tài chính*. Tp. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2013.

[2] Peter Atrill and Eddie McLaney. *Financial Accounting for Decision Makers, 7th Edition*. Pearson Education Limited, 2013.

[3] Stephen Ross, Randolph Westerfield, and Jeffrey Jaffe. *Corporate Finance, 10th Edition*. McGraw-Hill Education, 2012.

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Hiểu và áp dụng được những nguyên tắc và nội dung cơ bản trong hoạt động quản trị tài chính với vai trò là người ra quyết định.

- Giải thích được mục tiêu và nội dung của quản trị tài chính doanh nghiệp;

- Áp dụng được nguyên tắc lập và sử dụng thông tin trên Báo cáo Tài chính,

- Sử dụng được các phương pháp lập kế hoạch tài chính, các phương pháp thẩm định dự án đầu tư và đánh giá rủi ro của dự án đầu tư;

- Giải thích được các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp,

- Trình bày được kiến thức cơ bản về thị trường tài chính.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính từ góc độ của người ra quyết định. Chương trình học bao gồm những nội dung chính như sau: 1) mục tiêu và những hoạt động cơ bản của quản trị tài chính, 2) nguyên tắc lập và sử dụng thông tin trên báo cáo tài chính, 3) các phương pháp lập kế hoạch tài chính, 4) các phương pháp đánh giá và phân tích rủi ro của dự án đầu tư, 5) quy trình huy động vốn của doanh nghiệp, và 6) giới thiệu về thị trường tài chính.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

Nguyên lý Kế toán (2501532) (B).

##### d. Yêu cầu khác

Không có.

## 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Giải thích được các nguyên tắc lập và dự báo báo cáo tài chính	
2	Sử dụng được các thông tin trên báo cáo tài chính trong việc phân tích tình hình tài chính và lập kế hoạch tài chính	
3	Áp dụng được các nguyên tắc và phương pháp thẩm định có xét đến yếu tố rủi ro của dự án đầu tư dài hạn	
4	Giải thích được vai trò của thị trường tài chính đối với hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp	
5	Tổ chức, thực hiện, và báo cáo được các kết quả hoạt động theo nhóm	

CLOs	1	2	3	4	5	6
1						
2						
3						
4						
5						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị tài chính 1.1. Giới thiệu về hoạt động và vai trò của bộ phận tài chính trong doanh nghiệp 1.2. Mục tiêu của hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp	1	LO1	L, D	Tổng quan về quản trị tài chính
2	Chương 2: Đọc hiểu các báo cáo tài chính 2.1. Nội dung và nguyên tắc lập báo cáo tài chính - Bảng cân đối kế toán - Báo cáo kết quả kinh doanh - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và cách xác định dòng tiền của doanh nghiệp	11		L, D, I, P	Đọc hiểu các báo cáo tài chính

	<p>2.2. Phân tích và diễn giải các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm chỉ số tài chính cơ bản</li> <li>- Phân tích xu hướng</li> </ul>				
3	<p>Chương 3: Lập kế hoạch tài chính</p> <p>3.1. Vai trò của việc lập dự báo báo cáo tài chính</p> <p>3.2. Các phương pháp lập dự báo báo cáo tài chính</p> <p>3.3. Thực hiện lập dự báo báo cáo tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự báo báo cáo kết quả kinh doanh</li> <li>- Dự báo bảng cân đối kế toán</li> <li>- Dự báo dòng tiền và dự toán ngân sách</li> </ul>	9		L, D, I, P, WA, H	Lập kế hoạch tài chính
4	<p>Chương 4: Thẩm định dự án đầu tư dài hạn</p> <p>4.1. Bản chất mục tiêu của các quyết định đầu tư dài hạn, các nguyên tắc trong thẩm định dự án đầu tư</p> <p>4.2. Nguyên tắc giá trị tiền tệ theo thời gian và chi phí sử dụng vốn</p> <p>4.3. Các phương pháp thẩm định dự án đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp Tỷ suất lợi nhuận kế toán</li> <li>- Phương pháp Thời gian hoàn vốn</li> <li>- Phương pháp Giá trị hiện tại ròng (NPV)</li> <li>- Phương pháp Tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR)</li> </ul>	15		L, D, I, P, H	Thẩm định dự án đầu tư dài hạn
5	<p>Chương 5: Phân tích và đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án đầu tư</p> <p>5.1. Rủi ro của dự án đầu tư và mức độ chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp</p> <p>5.2. Một số phương pháp đo lường và đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án đầu tư</p>	3		L, D, I, P, H	Phân tích và đánh giá rủi ro trong thẩm định dự án đầu tư

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích độ nhạy</li> <li>- Phân tích kịch bản</li> <li>- Các ứng dụng mô phỏng</li> <li>- Sơ đồ cây sự kiện</li> <li>- Độ lệch chuẩn và phân phối xác suất</li> </ul> <p>5.3. Hiệu ứng đầu tư theo danh mục và khả năng giảm thiểu rủi ro</p>				
6	<p>Chương 6: Huy động vốn và hoạt động của thị trường tài chính</p> <p>6.1. Hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nguồn vốn chính trong doanh nghiệp</li> <li>- Các phương thức huy động vốn của doanh nghiệp</li> </ul> <p>6.2. Hoạt động của thị trường tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản chất và vai trò của thị trường tài chính đối với hoạt động huy động vốn của doanh nghiệp</li> <li>- Các quy trình nghiệp vụ cơ bản của các định chế tài chính trung gian</li> </ul>	6		L, D, S, WA	Huy động vốn và hoạt động của thị trường tài chính

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Bài tập nhóm	50%	80%
	Thi giữa kỳ (Tự luận)	30%	
	Thi cuối kỳ	20%	
2	Bài tập nhóm	50%	80%
	Thi giữa kỳ (Tự luận)	30%	
	Thi cuối kỳ	20%	
3	Kiểm tra thường kỳ (tự luận)	20%	80%
	Thi giữa kỳ (Tự luận)	30%	
	Thi cuối kỳ (Tự luận)	50%	
4	Tiểu luận nhóm	70%	80%
	Thi cuối kỳ (Tự luận)	30%	
5	Bài tập nhóm	50%	80%

Tiểu luận nhóm	50%
----------------	-----

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết <i>(Chọn 1 trong 2 cách đánh giá thường xuyên)</i>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	2
	- Bài tập ở nhà	3
	- Bài tập nhóm	10
	- Tiểu luận nhóm	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn:** 16 tháng 3 năm 2018

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng Khoa/Phó Khoa phụ trách**

## 2107420 - Quản trị nguồn nhân lực

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1) Tên và mã học phần: Quản trị nguồn nhân lực (2107420)

#### 2) Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

#### 3) Giảng viên phụ trách

ThS. Lê Thúy Kiều

ThS. Võ Điền Chương

#### 4) Tài liệu học tập

*Sách, giáo trình chính*

[1] Trần Kim Dung (2015). *Quản trị nguồn nhân lực*. NXB Kinh Tế TP.HCM, 2015

*Tài liệu tham khảo*

[1] Bùi Văn Danh, Nguyễn Văn Dung, Lê Quang Khôi (2011). *Quản trị nguồn nhân lực*. NXB Phương Đông, 2011

[2] Nguyễn Hữu Thân (2012). *Quản trị nhân sự*. NXB Lao động xã hội, 2012

[3] Nguyễn Ngọc Quân và Nguyễn Vân Điềm (2015). *Quản trị nhân lực*. NXB Kinh Tế Quốc Dân, 2015

#### 5) Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất để có thể giải thích được những nội dung và những tình huống có liên quan đến 3 nhóm chức năng: thu hút, đào tạo - phát triển và duy trì nguồn nhân lực của hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học này để xây dựng một số công cụ cơ bản trong QTNNL như: bảng mô tả công việc, thông báo tuyển dụng và bảng đánh giá thành tích của nhân viên.

##### b. Mô tả vắn tắt học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan đến hoạch định nhân lực; thiết lập bảng mô tả công việc; xây dựng qui trình tuyển dụng; xác định chương trình đào tạo và phát triển; biết cách đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên; tìm hiểu và thiết lập hệ thống lương bổng - đãi ngộ cho doanh nghiệp; lựa chọn hình thức kỷ luật lao động phù hợp, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động và thỏa mãn nhu cầu nhân viên.

##### c. Học phần học trước

Sinh viên đã học xong môn Quản trị học: 2507403

d. *Yêu cầu khác*

Sinh viên bắt buộc phải tham dự  $\geq 80\%$  số tiết học trên lớp

**6) Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành môn học, người học có khả năng:

- ✓ **CLOs 1:** Giải thích được những nội dung cơ bản và những tình huống có liên quan của nhóm chức năng thu hút nguồn nhân lực.
- ✓ **CLOs 2:** Giải thích được nội dung cơ bản và tình huống có liên quan của nhóm chức năng đào tạo - phát triển nguồn nhân lực.
- ✓ **CLOs 3:** Giải thích được những nội dung cơ bản và những tình huống có liên quan của nhóm chức năng duy trì nguồn nhân lực.
- ✓ **CLOs 4:** Xây dựng được một thông báo tuyển dụng và các thành phần cơ bản của bản mô tả công việc.
- ✓ **CLOs 5:** Xây dựng được bảng đánh giá thành tích nhân viên.

*Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.*

	1	2	3	4	5	6
<b>CLOs 1</b>						
<b>CLOs 2</b>						
<b>CLOs 3</b>						
<b>CLOs 4</b>						
<b>CLOs 5</b>						

**7) Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy**

ST T	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLO s	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Chương 1: Giới thiệu về quản trị nguồn nhân lực</b> 1.1 Khái niệm, vai trò và ý nghĩa của QTNNL 1.2 Quá trình hình thành và phát triển	4	1	Thuyết giảng	Giới thiệu về quản trị nguồn nhân lực

	<p>của QTNNL</p> <p>1.3 Các chức năng cơ bản của QTNNL</p> <p>1.4 Mô hình QTNNL</p> <p>1.5 Vai trò của phòng nhân lực</p>				
2	<p><b>Chương 2: Hoạch định nguồn nhân lực</b></p> <p>2.1 Khái niệm và vai trò hoạch định nhân lực</p> <p>2.2 Quá trình hoạch định nguồn nhân lực</p> <p>2.3 Các phương pháp hoạch định nhân lực</p> <p>2.4. Tình gián biên chế</p> <p>2.5 Tình huống về hoạch định nhân lực</p>	5		Thuyết giảng và thảo luận tình huống	Hoạch định nguồn nhân lực
3	<p><b>Chương 3: Phân tích công việc</b></p> <p>3.1 Khái niệm và ý nghĩa của phân tích công việc</p> <p>3.2 Những thông tin cần thu thập trong phân tích công việc</p> <p>3.3. Nội dung, trình tự thực hiện phân tích công việc</p> <p>3.4 Các phương pháp thu thập thông tin phân tích công việc</p> <p>3.5 Nội dung chính của bản mô tả công việc và bản tiêu chuẩn công việc</p> <p>3.5 Dòng công việc và định biên nhân sự</p>	6		Thuyết giảng, thảo luận tình huống	Phân tích công việc
4	<p><b>Chương 4: Quá trình tuyển dụng</b></p> <p>4.1 Khái niệm, nguồn ứng viên</p>	6		Thuyết giảng, thảo luận tình	Quá trình tuyển dụng

	<p>4.2 Nội dung, trình tự của quá trình tuyển dụng.</p> <p>4.3 Trắc nghiệm và phỏng vấn</p> <p>4.4. Đánh giá hiệu quả của hoạt động tuyển dụng</p> <p>4.5 Tình huống phỏng vấn tuyển nhân viên</p>			<p>huống và thực hiện phương pháp sắm vai</p>	
5	<p><b>Chương 5: Định hướng và phát triển nghề nghiệp</b></p> <p>5.1 Mục đích của việc nghiên cứu định hướng và phát triển nghề nghiệp.</p> <p>5.2 Các giai đoạn phát triển nghề nghiệp.</p> <p>5.3 Định hướng nghề nghiệp cá nhân.</p> <p>5.4 Ảnh hưởng của môi trường đến phát triển nghề nghiệp.</p> <p>5.5 Thực hiện mục tiêu nghề nghiệp.</p> <p>5.6 Vai trò của doanh nghiệp</p>	3		<p>Thuyết giảng</p>	<p>Định hướng và phát triển nghề nghiệp</p>
6	<p><b>Chương 6: Đào tạo và phát triển</b></p> <p>6.1 Mục đích, khái niệm về đào tạo và phát triển</p> <p>6.2 Phân loại các hình thức đào tạo</p> <p>6.3 Các nguyên tắc cơ bản trong học tập</p> <p>6.4 Quy trình đào tạo</p> <p>6.5 Đánh giá hiệu quả đào tạo</p>	6		<p>Thuyết giảng và thực hiện semina</p>	<p>Đào tạo và phát triển</p>
7	<p><b>Chương 7: Đánh giá kết quả thực hiện công việc</b></p> <p>7.1 Khái niệm, mục đích và lợi ích của đánh giá kết quả thực hiện công</p>	6		<p>Thuyết giảng và thảo luận tình huống</p>	<p>Đánh giá kết quả thực hiện công việc</p>

	việc 7.2 Nội dung, trình tự thực hiện đánh giá kết quả thực hiện công việc 7.3 Các phương pháp đánh giá kết quả thực hiện công việc 7.4 Nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả thực hiện công việc 7.5 Tình huống về đánh giá kết quả thực hiện công việc				
8	<b>Chương 8: Trả công lao động</b> 8.1 Khái niệm 8.2 Cơ cấu thu nhập của người lao động 8.3 Mục tiêu của hệ thống tiền lương 8.4 Các hình thức tiền lương 8.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến trả lương 8.6 Hệ thống thang, bảng lương 8.7 Bài tập về tiền lương	6		Thuyết giảng và làm bài tập	Trả công lao động
9	<b>Chương 9: Quan hệ lao động</b> 9.1 Công đoàn 9.2 Nội quy lao động 9.3 Thỏa ước lao động tập thể 9.4 Tranh chấp lao động	3		Thuyết giảng	Quan hệ lao động

## 8) Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra của môn học (CLOs)	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
CLOs 1: Giải thích được những nội dung cơ bản và những tình huống có liên quan của nhóm chức năng thu hút nguồn nhân lực.	Thảo luận nhóm	20	80%
	Kiểm tra 1 tiết	20	
	Thuyết trình	20	
	Kiểm tra giữa kỳ	40	
CLOs 2: Giải thích được nội dung cơ bản	Thảo luận nhóm	20	80%

và tình huống có liên quan của nhóm chức năng đào tạo - phát triển nguồn nhân lực.	Kiểm tra 1 tiết	20	
	Thuyết trình	20	
	Kiểm tra cuối kỳ	40	
<b>CLOs 3:</b> Giải thích được những nội dung cơ bản và những tình huống có liên quan của nhóm chức năng duy trì nguồn nhân lực.	Thảo luận nhóm	20	80%
	Kiểm tra 1 tiết	20	
	Thuyết trình	20	
	Kiểm tra cuối kỳ	40	
<b>CLOs 4:</b> Xây dựng được một thông báo tuyển dụng và các thành phần cơ bản của bản mô tả công việc	Thảo luận nhóm	20	80%
	Kiểm tra 1 tiết	20	
	Thuyết trình	20	
	Kiểm tra giữa kỳ	40	
<b>CLOs 5:</b> Xây dựng được bảng đánh giá thành tích nhân viên.	Thảo luận nhóm	60	80%
	Kiểm tra 1 tiết	40	

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên	5
	- Thảo luận nhóm	5
	- Thuyết trình	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn:** Ngày 10 tháng 3 năm 2018

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng Khoa/Phó Khoa phụ trách**

**1. Tên và mã học phần: Kiểm toán cơ bản (2127439)****2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

Stt	Họ và tên
1.	TS. Huỳnh Tấn Dũng
2.	ThS. Nguyễn Quốc Nhất
3.	ThS. Tăng Thị Thanh Thủy
4.	ThS. Nguyễn Thị Như Hương
5.	ThS. Huỳnh Huy Hạnh
6.	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Bích
7.	ThS. Hoàng Đình Vui

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính*

[1] TS. Huỳnh Tấn Dũng - ThS. Nguyễn Quốc Nhất -ThS. Huỳnh Huy Hạnh, Kiểm toán cơ bản, lưu hành nội bộ Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM, 2016

[2] TS. Huỳnh Tấn Dũng - ThS. Nguyễn Quốc Nhất -ThS. Huỳnh Huy Hạnh, Bài tập Kiểm toán cơ bản, lưu hành nội bộ Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM, 2016

*Tài liệu tham khảo*

[1] Tập thể tác giả - Bộ môn Kiểm toán - Khoa Kế toán - Kiểm toán - Trường ĐH Kinh Tế Tp.HCM, Kiểm toán, NXB Lao động - Xã hội 2012

[2] Tập thể tác giả - Bộ môn Kiểm toán - Khoa Kế toán - Kiểm toán - Trường ĐH Kinh Tế Tp.HCM, Bài tập Kiểm toán, NXB Lao động - Xã hội 2012

[3] Grant Gay Roger Simnett, Auditing & Assurance Services - 4e, Published by McGraw-Hill Australia Pty Ltd, 2010

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

1. Có kiến thức về các loại hình kiểm toán, kiểm soát nội bộ, bằng chứng, trọng yếu và rủi ro kiểm toán, quy trình kiểm toán và báo cáo kiểm toán.

2. Có khả năng vận dụng các phương pháp kiểm toán vào quy trình kiểm toán báo cáo tài chính

3. Có kỹ năng làm việc nhóm

#### 4. Có đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm xã hội

##### *b. Mô tả văn tắt học phần*

Học phần cung cấp kiến thức về khái niệm kiểm toán, các đặc điểm chung trong môi trường kiểm toán, bằng chứng, rủi ro, trọng yếu, các phương pháp kiểm toán và quy trình kiểm toán báo cáo tài chính

##### *c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

Nguyên lý kế toán (2527402) (A)

*Yêu cầu khác*

##### **- Cách thức học tập**

Mục đích của bài giảng là hướng dẫn các nội dung chính trước khi sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập (đọc trước tài liệu trước khi lên lớp, làm bài tập, thuyết trình, ...). Vì các giảng viên không thể giảng dạy tất cả nội dung trong một bài giảng, do đó sinh viên không nên cho rằng các tài liệu dùng để đọc nhưng không được mô tả trong bài giảng là không quan trọng.

Sinh viên cần đọc các tài liệu được yêu cầu và hoàn thành bài tập hàng tuần trước khi giảng viên tiến hành hướng dẫn giải bài tập. Nếu sinh viên gặp khó khăn với bất kỳ nội dung nào, hãy thảo luận với bạn bè và giảng viên giảng dạy trực tiếp. Sinh viên cần đảm bảo đã hiểu đầy đủ từng nội dung trước khi sinh viên bắt đầu nghiên cứu nội dung tiếp theo. Chúng tôi khuyến khích sinh viên tương tác trong các giờ học bằng cách đặt câu hỏi, cung cấp câu trả lời và tham gia thảo luận trong lớp. Hãy nhớ rằng việc đạt được tất cả các chuẩn đầu ra của môn học rất quan trọng với thành công của sinh viên sau này.

##### **- Thông tin về việc tuân thủ sự đánh giá**

Sinh viên tham dự học và kiểm tra theo quy chế học vụ hiện hành của Nhà trường.

Sinh viên lưu ý ngày hết hạn phải được tuân thủ chặt chẽ. Trách nhiệm của sinh viên là kiểm tra các ngày đến hạn của các hoạt động đánh giá và các mốc thời gian theo lịch làm việc của giảng viên. Theo quy định của Khoa thì các bài tập không được gia hạn về mặt thời gian nộp, nghĩa là sinh viên sẽ bị 0 điểm nếu nộp bài trễ.

##### **- Vấn đề đạo văn**

Đạo văn xảy ra khi ngôn ngữ, suy nghĩ, ý tưởng, hay cách diễn đạt của người khác được trình bày như là của riêng mình mà không có sự thừa nhận hoặc tham khảo thích hợp. Đạo văn là một vi phạm nghiêm trọng, là hành vi thiếu trung thực về mặt học thuật. Nếu sinh viên bị phát hiện đạo văn dưới bất kỳ hình thức nào sẽ bị 0 điểm tại bài làm mà sinh viên thực hiện.

#### **6. Chuẩn đầu ra của học phần**

<b>CLOs</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần</b>	<b>SO/PI</b>
-------------	----------------------------------	--------------

<b>1</b>	Giải thích được các loại hình kiểm toán, kiểm soát nội bộ, bằng chứng, trọng yếu và rủi ro kiểm toán, quy trình kiểm toán BCTC, thông tin trên báo cáo kiểm toán	
<b>2</b>	Vận dụng phương pháp thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản vào quy trình kiểm toán báo cáo tài chính	
<b>3</b>	Có kỹ năng tổ chức, phối hợp, chia sẻ thuyết phục trong hoạt động nhóm	
<b>4</b>	Có thái độ chuẩn mực và ý thức trách nhiệm xã hội	

*Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

CLOs	1	2	3	4	5	6
<b>1</b>						
<b>2</b>						
<b>3</b>						
<b>4</b>						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<p><b>Chương 1. Tổng quan về kiểm toán</b></p> <p>1.1. Khái niệm kiểm toán</p> <p>1.2. Chức năng của kiểm toán</p> <p>1.3. Đối tượng kiểm toán</p> <p>1.4. Khách thể kiểm toán</p> <p>1.5. Phân loại kiểm toán</p> <p>1.6. Các tổ chức kiểm toán và hoạt động của tổ chức kiểm toán</p> <p>1.7. Trách nhiệm của kiểm toán viên và tổ</p>	9	1,3	L,D,P	Tổng quan về kiểm toán

	chức kiểm toán 1.7				
2	<b>Chương 2. Các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán</b> 2.1 Hệ thống kiểm soát nội bộ 2.2 Gian lận và nhầm lẫn 2.3 Trọng yếu 2.4 Rủi ro kiểm toán 2.5 Bằng chứng kiểm toán	15	2,3	- L,D,P	Các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán
3	<b>Chương 3. Phương pháp kiểm toán</b> 3.1 Phương pháp tiếp cận kiểm toán 3.2. Các phương pháp kiểm toán	9	2,3	L,D,P, WA	Phương pháp kiểm toán
4	<b>Chương 4. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính</b> 4.1. Lập kế hoạch kiểm toán 4.2. Thực hiện kiểm toán 4.3. Tổng hợp, kết luận và Lập báo cáo kiểm toán	12	2,3	L,D,P	Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính

**L:** Lecture    **S:** Seminar    **D:** Discussion    **I:** Instructions in serving as model    **Si:** Simulation  
**O:** Observation    **P:** Practices    **H:** Instruction for Homework    **WA:** Work Assignment

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1			80%
	Bài kiểm tra thường xuyên 1 (theo nhóm)	50%	
	Giữa kỳ (tự luận)	50%	
2	Giữa kỳ (tự luận)	50%	80%
	Cuối kỳ (tự luận)	50%	
3	Bài kiểm tra thường xuyên 2 (theo nhóm)	50%	80%
	Cuối kỳ (tự luận)	50%	

4	Bài kiểm tra thường xuyên 2 (theo nhóm)	50%	80%
	Cuối kỳ (tự luận)	50%	
5,6	- Hoạt động khác (Thái độ tích cực, chuyên cần, ý thức thực hiện 5S, tác phong và hành vi chuẩn mực, có ý thức tự nghiên cứu tài liệu	100%	80%

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên 1	6.67
	- Bài kiểm tra thường xuyên 1	6.67
	- Hoạt động khác	6.67
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng Khoa/Phó Khoa phụ trách**

**2101537 - Quản lý quy trình nghiệp vụ**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Quản lý quy trình nghiệp vụ (2101537)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

Học hàm, học vị, tên các giảng viên phụ trách

ThS Thái Lê Mỹ Loan

**4. Tài liệu học tập**

*Sách, giáo trình chính (thường chiếm từ 50% nội dung sử dụng trở lên)*

[1] Clifford F.Gray, Erik W.Larson. Project management: The managerial process. McGraw-Hill, 2006. [100075173]

*Tài liệu tham khảo (liệt kê tối đa 3 tài liệu tham khảo)*

[1] Steven M. Bragg. Outsourcing: a guide to...selecting the correct business unit...negotiating the contract...maintaining control of the process 2nd. John Wiley, 2006. [100227705]

**5. Thông tin về học phần**

*a. Mục tiêu học phần*

- Mô hình hóa được quy trình nghiệp vụ
- Xác định quy trình cải tiến cho nghiệp vụ của doanh nghiệp.

*b. Mô tả vắn tắt học phần*

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng làm việc với 1 ngôn ngữ hàng đầu được đưa vào ứng dụng rộng rãi trong lập trình và khoa học máy tính (Python), đồng thời cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu để xây dựng các ứng dụng trong các hệ thống lớn hay để phân tích dữ liệu.

*c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)*

Nguyên lý kế toán

*d. Yêu cầu khác*

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

- Mô hình hóa được quy trình nghiệp vụ
- Xác định quy trình cải tiến cho nghiệp vụ của doanh nghiệp.

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Mô hình hóa được quy trình nghiệp vụ của 1 tổ chức	
2	Đề xuất cải tiến cho quy trình nghiệp vụ chưa hoàn chỉnh	

CLOs	1	2	3	4	5	6
------	---	---	---	---	---	---

1						
2						

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	Chương 1: Giới thiệu về quản lý quy trình nghiệp vụ 1.1 Tổng quan về quản lý quy trình nghiệp vụ 1.2 BPM lifecycle 1.3 Các thành phần trong quy trình nghiệp vụ	6	1	Lecture, Discussion	Giới thiệu về quản lý quy trình nghiệp vụ
2	Chương 2: Mô hình hóa quy trình nghiệp vụ 2.1 Kiến trúc của quy trình nghiệp vụ 2.2 Các thành phần để mô hình hóa quy trình nghiệp vụ	21	1,2	Lecture, Discussion, Assignment	Mô hình hóa quy trình nghiệp vụ
3	Chương 3: Phân tích quy trình nghiệp vụ 3.1 Xác định quy trình 3.2 Phân tích quy trình bằng định tính 3.3 Phân tích quy trình bằng định lượng	9	1,2	Lecture, Discussion, Assignment	Phân tích quy trình nghiệp vụ
4	Chương 4: Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ (Process re-engineering)	9	1,2	Lecture, Discussion, Assignment	Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ

## 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng %	Chỉ tiêu
1	Bài tập ở nhà 1	20	80%
	Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan 1	15	
	Giữa kỳ (tự luận)	35	
	Cuối kỳ (tự luận)	30	

2	Bài tập ở nhà 2	5	80%
	Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan 2	15	
	Giữa kỳ (tự luận)	50	
	Cuối kỳ (tự luận)	30	
	Bài tập ở nhà 3	10	

*b. Các thành phần đánh giá*

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
Lý thuyết <i>(Chọn 1 trong 2 cách đánh giá thường xuyên)</i>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>20</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên	5
	- Bài tập ở nhà	5
	- Báo cáo trên lớp	5
	- Hoạt động khác	5
	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 2)</b>	<b>20</b>
	- Project	15
	- Hoạt động khác	5
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>30</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>50</b>

*c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.*

**Ngày biên soạn:** 7 tháng 3 năm 2018

**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng Khoa/Phó Khoa phụ trách**

**1. Tên và mã học phần: Tiếng Anh 1 (2111108)****2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

Phan Thị Tuyết Nga, Ph.D.

Ngô Thị Thùy Như, M.A.

Đinh Thị Hoa, M.A

Hoàng Thị Phong Linh, M.A.

**4. Tài liệu học tập****Sách, giáo trình chính**

1. John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett *Life A2-B1(Student's book)*, 2<sup>nd</sup> ed, Vietnam edition, National Geographic Learning, 2019.

2. John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett *Life A2-B1(Workbook)*, 2<sup>nd</sup> ed, Vietnam edition, National Geographic Learning, 2019.

**Tài liệu tham khảo**

1. Andrew Betsis, Lawrence Mamas *Simply A2 Key for Schools*, Global ELT, 2019.

2. *A2 Key for school trainer*, Cambridge University press, 2019.

**5. Thông tin về học phần****a. Mục tiêu học phần**

Học phần được thiết kế để giúp người học:

- hiểu được câu và những cụm từ thường xuyên sử dụng liên quan tới những chủ đề cụ thể.
- khi cần có thể giao tiếp với những chủ đề cụ thể ở mức căn bản

**b. Mô tả vắn tắt học phần**

Môn học giúp sinh viên có thể hiểu và lĩnh hội được những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của tiếng Anh. Thêm vào đó, môn học cũng có những bài học kỹ năng đi kèm với các hoạt động nói tạo cơ hội cho sinh viên lĩnh hội và thực hành từ vựng và ngữ pháp.

**c. Học phần học trước**

Không có

**d. Yêu cầu khác**

Sinh viên phải tham dự 80% tổng tiết học

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Hiểu được những văn bản và bài báo bằng tiếng Anh có nội dung đơn giản liên quan tới những chủ đề thường gặp như thông tin căn bản về bản thân, gia đình, sức khỏe, thể thao. giao thông, sự mạo hiểm, mua sắm, môi trường, những thay đổi).

2	Hiểu được những đoạn độc thoại và hội thoại có những từ vựng và cụm từ liên quan tới các chủ đề thường gặp.
3	Viết được những ghi chú và những câu chuyện ở mức đơn giản.
4	Có thể giao tiếp ở mức cơ bản nhưng nội dung liên quan đến thông tin cá nhân miễn là người nói nói ở tốc độ chậm và rõ ràng.

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

ST T	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>Giới thiệu về môn học</b>	1		Thuyết trình	
2	<p><b>Unit 1: LIFESTYLES</b></p> <p><b>1a. How well do you sleep?</b> Vocabulary: Everyday routines Reading: How well do you sleep? Grammar: Present simple and adverbs of frequency Pronunciation: /s/, /z/, /iz/ Speaking: Your habits</p> <p><b>1b. The secret of a long life</b> Reading: The Island of Okinawa Word building: Collocations with <i>do</i>, <i>play</i> and <i>go</i> Listening: In search of a long life Grammar: Simple present and present continuous. Speaking: Your current life</p> <p><b>1c. Nature is good for you</b> Reading: Nature and health Word focus: <i>feel</i> Critical thinking: Giving examples Speaking: Making life healthier</p> <p><b>1d. At the doctor's</b> Vocabulary: Medical</p>	6	1,2,3,4	Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà	<p>-Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 1.</p> <p>-ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 1 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 1.</p> <p>- làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.</p> <p>- SV nghe lại các bài nghe trong Unit 1 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo,SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.</p> <p>-luyện nói về những thói quen hàng ngày và cách để cải thiện phong cách sống,nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác</p>

	<p>problems Pronunciation: one or two syllables? Real life: Talking about illness</p> <p><b>1e. Personal information</b> Writing: Filling in a form Writing skill: Information on form</p>				- luyện viết bằng cách điền vào những mẫu đơn bằng tiếng Anh ở mức độ căn bản.
3	<p><b>Unit 2: COMPETITIONS</b></p> <p><b>2a. Crazy competitions</b> Reading: Crazy competitions Vocabulary: Sport Grammar: Verbs for rules Speaking: Rules for a competition</p> <p><b>2b. Winning and losing</b> Word building: suffixes Listening: Competitive sports Grammar: <i>ing</i> form Pronunciation: /ŋ/ Speaking: opinion about sports</p> <p><b>2c. Bolivian wrestlers</b> Reading: Women in sport Critical thinking: Reading between the lines Word focus: <i>like</i> Speaking: Olympic sports</p> <p><b>2d. Joining a group</b> Speaking: Clubs and membership Real life: talking about interests Pronunciation: silent letters</p> <p><b>2e. Advertising for members</b> Writing: an advert or notice Writing skill: checking your writing</p>	6	1,2,3,4	Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà	<p>- Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 2.</p> <p>-ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 2 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 2.</p> <p>- làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.</p> <p>- nghe lại các bài nghe trong Unit 2 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo,SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.</p> <p>-luyện nói về những điều mình yêu thích và các môn thể thao mình yêu thích,nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác</p> <p>-luyện viết về những điều mình yêu thích và các môn thể thao mình yêu thích.</p>
4	<b>Kiểm tra thường kì 1</b>	1	1,2,3		

	Từ vựng + Ngữ pháp				
5	<p><b>Unit 3: TRANSPORT</b></p> <p><b>3a. Transport solutions</b>  Reading: Transport solutions  Vocabulary: Transport nouns  Grammar: Comparatives and superlatives  Pronunciation: <i>than</i>  Speaking: Everyday journeys</p> <p><b>3b. Transport around the world</b>  Listening: using animal for transport  Grammar: as ... as  Pronunciation: sentence stress  Vocabulary: Transport adjectives  Grammar: Comparative modifiers  Speaking: Travel advice</p> <p><b>3c. The end of the road</b>  Reading: Traditional transport  Vocabulary: Transport verbs  Critical thinking: Opinions for and against  Speaking: Alternative transport</p> <p><b>3d. Getting around town</b>  Vocabulary: Taking transport  Real life: Going on a journey  Pronunciation: Intonation</p> <p><b>3e. Quick communication</b>  Writing: notes and messages  Writing skill: Writing in note form</p>	6	1,2,3,4	Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 3.</li> <li>- ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 3 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 3.</li> <li>- SV làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.</li> <li>- SV nghe lại các bài nghe trong Unit 3 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo, SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.</li> <li>-SV luyện nói về những phương tiện giao thông yêu thích và đưa ra lời khuyên về tham gia giao thông cho người nước ngoài lần đầu đến Việt Nam, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác.</li> <li>- luyện viết về những môn thể thao yêu thích và luyện viết một tin nhắn ngắn tới bạn bè về các chủ đề thường gặp như xin lỗi, cảm ơn, .....</li> </ul>
6	<p><b>Kiểm tra thường kì 2</b>  Đọc</p>	1	1,2,3		
7	<p><b>Unit 4: CHALLENGES</b></p> <p><b>4a. Adventures of the years</b></p>	6	1,2,3,4	Thuyết giảng, Thảo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language</li> </ul>

	<p>Reading: adventurers' stories Grammar: Past simple Pronunciation: /d/, /t/, /id/ Speaking: your past</p> <p><b>4b. An impossible decision</b> Vocabulary: personal qualities Listening: An impossible decision Grammar: Past continuous and past simple Pronunciation: was/were Speaking: Events you remember</p> <p><b>4c. Challenge yourself</b> Reading: challenge your brain Critical thinking: looking for advance Word building: verbs and nouns Writing and speaking: Challenges in English</p> <p><b>4d. True stories</b> Real life: telling a story Pronunciation: intonation for responding</p> <p><b>4e. A story of survival</b> Writing: a short story Writing skill: structure your writing</p>			<p>luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà</p>	<p>game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 4. -ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 4 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 4. - SV làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ. - nghe lại các bài nghe trong Unit 4 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo,SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe. -luyện nói về những sự kiện khó quên đã xảy ra trong quá khứ và đưa ra những bí quyết học tiếng Anh cho người mới bắt đầu, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác. -luyện viết bằng cách viết kể về những sự kiện khó quên đã xảy ra trong quá khứ</p>
8	<p><b>Thi giữa kì</b> Nói</p>		4		
9	<p><b>UNIT 5: THE ENVIRONMENT</b></p> <p><b>5a. Recycling</b> Vocabulary: Recycling Reading: e-rubbish Grammar: Quantifiers Speaking: Your rubbish</p> <p><b>5b. Managing the environment</b> Vocabulary: results and</p>	6	1,2,3,4	<p>Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà</p>	<p>-Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 5. -ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 5 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong</p>

	<p>figures</p> <p>Listening: Environmental projects</p> <p>Grammar: Articles</p> <p>Pronunciation: /ðə/ &amp; /ði:/</p> <p>Writing and speaking: knowledge of the world</p> <p><b>5c. A boat made of bottles</b></p> <p>Reading: The Plastiki</p> <p>Critical thinking: close reading</p> <p>World focus: <i>take</i></p> <p>Speaking: Changing behavior</p> <p><b>5d. Online shopping</b></p> <p>Reading: A company website</p> <p>Real life: Phoning about an order</p> <p>Pronunciation: Sounding friendly</p> <p><b>5e. Emails about an order</b></p> <p>Writing: Emails</p> <p>Writing skill: Formal words</p>				<p>Unit 5.</p> <p>- làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.</p> <p>- nghe lại các bài nghe trong Unit 5 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo, SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.</p> <p>-luyện nói về chủ đề môi trường và tái chế rác thải, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác.</p> <p>-luyện viết emails.</p>
10	<p><b>Kiểm tra thường kì 3</b></p> <p>Nghe</p>		1,2		

10	<p><b>UNIT 6: STAGES IN LIFE</b></p> <p><b>6a. Changing your life</b>  Vocabulary: Describing age  Reading: How a couple changed their life  Grammar: to + infinitive +  Pronunciation: /tə/  Speaking: The trip of a lifetime</p> <p><b>6b. World party</b>  Reading and Vocabulary: Celebrations  Listening: Preparing for a festival  Grammar: Future forms  Pronunciation: contracted forms  Speaking: Planning a celebration</p> <p><b>6c. Coming of age</b>  Reading: Celebrating change  Critical thinking: analyzing the writer's view  Word focus: get +  Speaking: events in the years</p> <p><b>6d. An invitation</b>  Speaking: Formal and informal events  Real life: inviting, accepting and declining  Pronunciation: emphasizing words</p> <p><b>6e. A wedding in Madagascar</b>  Writing: A description  Writing skill: Descriptive adjectives</p>	6	1,2,3,4	Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà	<p>- Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 6.</p> <p>-ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 6 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 6.</p> <p>- làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.</p> <p>- nghe lại các bài nghe trong Unit 6 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo,SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.</p> <p>-luyện nói về lên kế hoạch cho một chuyến đi , một buổi lễ và mô tả về một sự kiện xảy ra hàng năm, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác.</p> <p>-luyện viết một đoạn văn mô tả về người,đồ vật mà mình yêu thích.</p>
11	<b>Ôn tập</b>	5	1,2,3,4	Thảo luận, Giao bài tập về nhà	<p>-tự ôn lại từ vựng theo chủ đề và những cấu trúc ngữ pháp đã học. Ôn lại những chủ đề nói, viết đã học. Luyện nghe thêm các bài học phù hợp với trình độ.</p>

12	Thi cuối kì – Viết		3		
<b>Total</b>		<b>45</b>			

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

Course Learning Outcomes (CLOs)	Kiểm tra đánh giá		Tỉ trọng	Mục tiêu
	Bài thi và phương pháp đánh giá	Loại hình đánh giá		
1. Hiểu được những văn bản và bài báo bằng tiếng Anh có nội dung đơn giản liên quan tới những chủ đề thường gặp	Kiểm tra thường kì 1	Đánh giá thường xuyên		85%
	Kiểm tra thường kì 2	Đánh giá tổng kết	100%	85%
2. Hiểu được những đoạn độc thoại và hội thoại có những từ vựng và cụm từ liên quan tới các chủ đề thường gặp.	Kiểm tra thường kì 3	Đánh giá tổng kết	100%	75%
3. Viết được những ghi chú và soạn được những lá thư cá nhân ở mức độ đơn giản.	Thi cuối kì	Đánh giá tổng kết	100%	70%
4. Có thể giao tiếp ở mức cơ bản nhưng nội dung liên quan đến thông tin cá nhân miễn là người nói nói ở tốc độ chậm và rõ ràng.	Thi giữa kì	Đánh giá tổng kết	100%	70%

### b. Các thành phần đánh giá

Bài thi và phương pháp đánh giá		Tỉ trọng %
Lý thuyết	Bài KT Thường Kỳ 1	20
	Bài KT Thường Kỳ 2	
	Bài KT Thường Kỳ 3	
	KT Giữa Kỳ	30
	KT Cuối Kỳ	50

### d. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 18 tháng 03 năm 2022

**Trưởng bộ môn:** ThS. Hoàng Thị Phong Linh

**Trưởng khoa/Phó trưởng khoa:** TS. Phan Thị Tuyết Nga

**1. Tên và mã học phần: Tiếng Anh 2 (2111188)****2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 3      Lý thuyết: 3      Thực hành: 0      Tự học: 6

**3. Giảng viên phụ trách**

Phan Thị Tuyết Nga, Ph.D.

Ngô Thị Thùy Như, M.A.

Hoàng Thị Sơn, M.A

Hoàng Thị Phong Linh, M.A.

**4. Tài liệu học tập****Sách, giáo trình chính**

3. John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett *Life A2-B1(Student's book)*, 2<sup>nd</sup> ed, Vietnam edition, National Geographic Learning, 2019.

4. John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett *Life A2-B1(Workbook)*, 2<sup>nd</sup> ed, Vietnam edition, National Geographic Learning, 2019.

**Tài liệu tham khảo**

3. Andrew Betsis, Lawrence Mamas *Simply A2 Key for Schools*, Global ELT, 2019.

4. *A2 Key for school trainer*, Cambridge University press, 2019.

**5. Thông tin về học phần****a. Mục tiêu học phần**

Học phần được thiết kế để giúp người học:

- hiểu được những câu và cụm từ thường được sử dụng liên quan đến những chủ đề trừu tượng trong ngữ cảnh liên quan đến công việc chuyên môn.

- có thể tương tác bằng những bài tập đơn giản đòi hỏi việc trao đổi thông tin trực tiếp và đơn giản ở những ngữ cảnh thường gặp và những ngữ cảnh liên quan tới công việc.

**b. Mô tả vắn tắt học phần**

Môn học giúp sinh viên có thể mở rộng và lĩnh hội những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của tiếng Anh. Thêm vào đó, môn học cũng có những bài học kỹ năng đi kèm với các hoạt động nói tạo cơ hội cho sinh viên lĩnh hội và thực hành từ vựng và ngữ pháp.

**c. Học phần học trước**

Đậu môn Tiếng Anh 1

**d. Yêu cầu khác**

Sinh viên phải tham dự 80% tổng tiết học

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Hiểu ý chính của các văn bản chuẩn về các chủ đề quen thuộc thường gặp trong ngữ cảnh liên quan tới công việc như nghề nghiệp, công nghệ, du

	lịch, lịch sử
2	Hiểu được những đoạn độc thoại và hội thoại ngắn và đơn giản có các từ vựng thường gặp liên quan tới bối cảnh công việc.
3	Soạn thảo được thư và email trong bối cảnh công việc.
4	Giao tiếp trong những công việc đơn giản và thường ngày đòi hỏi sự trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc và thường ngày.

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

ST T	Nội dung giảng dạy	Số tiết	CLOs	Phương pháp giảng dạy	Nội dung và hướng dẫn tự học
1	<b>COURSE INDUCTION</b>	1		Presentation	
2	<p><b>Unit 7: LIFESTYLES</b></p> <p><b>7a. Changes in Pennsylvania</b> Vocabulary: Jobs Reading: Changes in working life Grammar: Present perfect and past simple Grammar: Present perfect with for and since</p> <p><b>7b. X-ray photographer</b> Vocabulary: Parts of a building Listening: Phone calls in an office Grammar: Prepositions of place and movement Pronunciation: Intrusive /w/ Speaking: Giving directions</p> <p><b>7c. Twenty-first century cowboys</b> Reading: A traditional job Critical thinking: Analyzing comparisons in a text Word focus: <i>make</i> or <i>do</i> Speaking: Job satisfaction</p> <p><b>7d. A job interview</b> Vocabulary: Job adverts Real life: A job interview</p>	6	1,2,3,4	Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 7.</li> <li>- ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 7 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 7.</li> <li>- làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.</li> <li>- nghe lại các bài nghe trong Unit 7 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo, SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.</li> <li>- luyện nói về những trải nghiệm trong quá khứ và</li> </ul>

	<p><b>7e. Applying for a job</b> Writing: a CV Writing skill: Missing out words in CVs</p>				<p>công việc, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác -Sv luyện viết bằng cách điền vào CV và soạn thảo một CV hoàn chỉnh của bản thân</p>
3	<p><b>Unit 8: TECHNOLOGY</b> <b>8a. Mobile technology</b> Vocabulary: Internet verbs Reading: An explorer's blog Grammar: Zero and first conditional Speaking: Planning a trip <b>8b. Invention for the eyes</b> Speaking: Famous inventions Listening: A science program Grammar: Defining relative clause Speaking: A new invention <b>8c. Designs from nature</b> Reading: Biomimetics Critical thinking: The writer's sources Word building: Dependent prepositions Speaking: Technology <b>8d. Gadgets</b> Vocabulary: Instructions Pronunciation: Linking Real life: Finding out how something works <b>8e. An argument for technology</b> Writing: A paragraph Writing skill: Connecting words</p>	6	1,2,3,4	<p>Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà</p>	<p>- Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 8. - ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 8 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 8. - làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ. - nghe lại các bài nghe trong Unit 1 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo, SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe. - luyện nói về những phát minh hoặc công nghệ yêu thích, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác - luyện viết những đoạn văn trong đó có sử dụng từ mới.</p>
4	<p><b>Kiểm tra thường kì 1</b> Từ vựng + Ngữ pháp</p>	1	1,2,3		
5	<p><b>Unit 9: HOLIDAYS</b></p>	6	1,2,3,4		<p>- Làm các bài tập trong</p>

	<p><b>9a. Holidays stories</b>  Reading: A holiday problem  Vocabulary: Holiday collocations  Grammar: Past perfect simple  Pronunciation: 'd  Speaking: A holiday story</p> <p><b>9b. A different kind of holiday</b>  Listening: Interview with a tour guide  Word building: -ed/-ing adjectives  Pronunciation: Number of syllables  Grammar: Subject questions  Speaking: The holiday of a lifetime</p> <p><b>9c. Two sides of Paris</b>  Reading: Two sides of Paris  Critical thinking: The author's purpose  Word focus: Place  Speaking: A place you know</p> <p><b>9d. Tourist information</b>  Real life: Requesting and suggesting  Pronunciation: /dʒə/  Speaking: Tourist information</p> <p><b>9e. Requesting information</b>  Writing: An email requesting information  Writing skill: Formal expressions</p>				<p>sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 9.</p> <p>Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà</p> <p>-ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 9 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 9.  - làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.  - nghe lại các bài nghe trong Unit 9 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo, SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.  -luyện nói về kì nghỉ và lên kế hoạch cho một kì nghỉ, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác  -luyện viết email yêu cầu cung cấp thông tin</p>
6	<b>Kiểm tra thường kì 2</b> Nghe	1	1,2,3		
7	<b>Unit 10: PRODUCTS</b> <b>10a. A lesson in logos</b>	6	1,2,3,4	Thuyết giảng,	- Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại

	<p>Reading: A lesson in logos Word building: Word forms Grammar: The passive Speaking: Famous products</p> <p><b>10b. Product design</b> Vocabulary: Describing design Listening: Product design Grammar: <i>used to</i> Pronunciation: /s/ or /z/ Speaking: Habits in the past</p> <p><b>10c. Is stuff winning</b> Reading: Is stuff winning? Critical thinking: Fact or opinion? Speaking: Using less stuff</p> <p><b>10d. Website design</b> Vocabulary: Websites Real life: Giving your opinion</p> <p><b>10e. A review</b> Writing: A review Writing skill: Giving your opinion</p>			<p>Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà</p>	<p>Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 10.</p> <p>- ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 10 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 10.</p> <p>- làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.</p> <p>- nghe lại các bài nghe trong Unit 10 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo, SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.</p> <p>- luyện nói về những việc đã từng làm trong quá khứ, những sản phẩm nổi tiếng, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác</p> <p>- luyện viết một nhận xét trong đó sử dụng những cụm từ nêu lên ý kiến cá nhân.</p>
8	<p><b>Thi giữa kì</b> Nói</p>		4		
9	<p><b>UNIT 11:</b> <b>HISTORY</b> <b>11a. The history of video gaming</b> Reading: The history of video gaming Word building: verb + preposition</p>	6	1,2,3,4	<p>Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà</p>	<p>- Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 11.</p> <p>- ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 11</p>

	<p>Grammar: Reported speech Speaking: Talking about games</p> <p><b>11b. Messages from the past</b> Vocabulary: Communication Listening: A message in a bottle Grammar: Reporting verbs (<i>say</i> and <i>tell</i>) Speaking: Reporting a story</p> <p><b>11c. Stealing history</b> Vocabulary: Ancient history Reading: Stealing history Critical thinking: Emotion words World focus: <i>one</i> Speaking: Saving history</p> <p><b>11d. A journey to Machu Pichu</b> Real life: Giving a short presentation Pronunciation: Pausing</p> <p><b>11e. The great mountaineer</b> Writing: A biography Writing skill: punctuation in direct speech</p>				<p>và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 11.</p> <p>-làm thêm các bài tập Reading trong Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.</p> <p>- nghe lại các bài nghe trong Unit 11 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo, SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.</p> <p>-luyện nói về những trò chơi yêu thích của đất nước mình, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác</p> <p>- luyện viết thông điệp gửi trong chai thả trôi trên biển và viết tiểu sử của một người mà mình yêu thích.</p>
<b>10</b>	<b>Kiểm tra thường kì 3</b> Đọc	1	1,2		
<b>11</b>	<p><b>UNIT 12: NATURE</b></p> <p><b>12a. What if ...?</b> Vocabulary: Extreme weather Reading: What if ...? Grammar: Second conditional Pronunciation: would / wouldn't / 'd Speaking: Hopes and dreams</p> <p><b>12b. Nature in one cubic foot</b></p>	6	1,2,3,4	Thuyết giảng, Thảo luận, Thực hành, Giao bài tập về nhà	<p>- Làm các bài tập trong sách Workbook, xem lại Wordlist và làm Language game trên Web app để củng cố các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học ở Unit 12.</p> <p>-ghi chú lại các từ mới được học trong Unit 12 và đặt câu với các từ vựng và cấu trúc câu đã học trong Unit 12.</p> <p>- làm thêm các bài tập Reading trong</p>

	<p>Vocabulary: Nature</p> <p>Listening: A documentary</p> <p>Grammar: <i>anywhere, everyone, nobody, something</i></p> <p>Speaking: Questions with <i>any</i></p> <p><b>12c. Living with chimpanzees</b></p> <p>Reading: Living with chimpanzees</p> <p>Critical thinking: close reading</p> <p>Word focus: <i>start</i></p> <p>Speaking: An interview</p> <p><b>12d. Discussing issues</b></p> <p>Real life: Finding a solution</p> <p><b>12e. The Eden Project</b></p> <p>Writing: An article</p> <p>Writing skill: Planning an article</p>				<p>Workbook và tham khảo thêm các bài đọc phù hợp với trình độ từ các nguồn phù hợp với trình độ.</p> <p>- nghe lại các bài nghe trong Unit 12 và làm các bài tập nghe thêm trong Workbook, khi nghe cố gắng ghi lại những gì mình nghe và tập đọc theo, SV cũng nên nghe thêm bài hát, xem phim và nghe những chủ đề mình yêu thích bằng tiếng Anh để củng cố khả năng nghe.</p> <p>-luyện nói về những hi vọng hoặc ước muốn trong tương lai, nên luyện nói cùng bạn hoặc một nhóm bạn để tăng khả năng tương tác</p> <p>-luyện viết một bài báo về nơi mình biết hoặc muốn tới thăm</p>
12	<b>Ôn tập</b>	5	1,2,3,4	Thảo luận, Giao bài tập về nhà	
13	<b>Thi cuối kì – Viết</b>		3		
<b>Total</b>		<b>45</b>			

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

Course Learning Outcomes (CLOs)	Assessment		Tỉ trọng	Mục tiêu
	Assessment methods	Types of assessment		
1. Hiểu ý chính của các văn bản chuẩn về các chủ đề quen thuộc thường gặp trong ngữ cảnh liên quan tới công việc như nghề nghiệp, công nghệ, du lịch, lịch sử	Kiểm tra thường kì 1	Đánh giá thường xuyên		85%
	Kiểm tra thường kì 3	Đánh giá tổng kết	100%	85%

2. Hiểu được những đoạn độc thoại và hội thoại ngắn và đơn giản có các từ vựng thường gặp liên quan tới bối cảnh công việc.	Kiểm tra thường kì 2	Đánh giá tổng kết	100%	75%
3. Soạn thảo được thư và email trong bối cảnh công việc.	Thi cuối kì	Đánh giá tổng kết	100%	70%
4. Giao tiếp trong những công việc đơn giản và thường ngày đòi hỏi sự trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc và thường ngày.	Thi giữa kì	Đánh giá tổng kết	100%	70%

***b. Các thành phần đánh giá***

<b>Bài thi và phương pháp đánh giá</b>		<b>Tỉ trọng %</b>
	Bài KT Thường Kỳ 1 Bài KT Thường Kỳ 2 Bài KT Thường Kỳ 3	20
	KT Giữa Kỳ	30
	KT Cuối Kỳ	50

***c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.***

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** 18 tháng 03 năm 2022

**Trưởng bộ môn:** ThS. Hoàng Thị Phong Linh

**Trưởng khoa/Phó trưởng khoa:** TS. Phan Thị Tuyết Nga

**2101521 - Thực tập doanh nghiệp**  
**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**1. Tên và mã học phần: Thực tập doanh nghiệp (2101521)**

**2. Số tín chỉ**

Tổng số tín chỉ: 5      Lý thuyết: 0      Thực hành: 10      Tự học: 5

**3. Giảng viên phụ trách**

- Ths Võ Ngọc Tấn Phước
- Ths Nguyễn Phúc Hưng

**4. Tài liệu học tập**

Sách, giáo trình chính

Tài liệu tham khảo

**5. Thông tin về học phần**

**a. Mục tiêu học phần**

- Cung cố về mặt kiến thức được đào tạo tại trường, giúp sinh viên thích nghi với môi trường thực tế tại doanh nghiệp.
- Nâng cao kỹ năng viết cho sinh viên thể hiện qua quyền báo cáo thực tập tốt nghiệp.
- Nâng cao kỹ năng thuyết trình các chuyên đề chuyên môn trước doanh nghiệp hoặc giảng viên giám sát thực tập.

**b. Mô tả vắn tắt học phần**

Thực tập tốt nghiệp như bước đệm để sinh viên trở thành người kỹ sư có thể tham gia làm việc chính thức tại các doanh nghiệp. Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức thực tế giúp sinh viên giải quyết được các yêu cầu chuyên môn tại doanh nghiệp, ngoài ra các kỹ năng viết báo và thuyết trình cũng được củng cố thêm trong môi trường doanh nghiệp.

**c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)**

Công nghệ mới trong phát triển ứng dụng CNTT (2101561) (A)

**d. Yêu cầu khác**

- Tham gia thực tập đầy đủ các buổi theo yêu cầu của công ty.
- Báo cáo tiến độ thực tập trước giảng viên hướng dẫn.
- Kết thúc khóa thực tập tốt nghiệp bằng quyền báo cáo thực tập và bài thuyết trình trước giảng viên hướng dẫn hoặc tại công ty.

**6. Chuẩn đầu ra của học phần**

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng:

<b>CLOs</b>	<b>Chuẩn đầu ra của học phần</b>	<b>SO/PI</b>
<b>1</b>	vận dụng được kiến thức để giải quyết được các yêu cầu chuyên môn tại doanh nghiệp.	SO6-PI3-E
<b>2</b>	Trình bày được nội dung thực tập dưới dạng viết báo cáo kỹ thuật.	SO6-PI1-E
<b>3</b>	Thuyết trình hiệu quả các vấn đề được yêu cầu trước doanh nghiệp.	SO4-PI1-E

<b>4</b>	Trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình thực tập	
----------	--	--

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

CLOs	1	2	3	4	5	6
1						
2						PI3-E
3						PI1-E
4				PI1-E		

I (Introduced), R (Reinforced), E (Emphasize)

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

### 8. Phương pháp đánh giá

a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	Kiểm tra thường xuyên	Báo cáo	100%	80%
2	Kiểm tra thường xuyên	Báo cáo	100%	80%
3	Kiểm tra thường xuyên	Báo cáo	100%	80%
4	Kiểm tra thường xuyên	Báo cáo	100%	80%

b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Lý thuyết</b>	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 1)</b>	<b>0</b>
	- Bài kiểm tra thường xuyên / Trắc nghiệm khách quan	0
	- Bài tập ở nhà	0
	- Báo cáo trên lớp	0
	- Hoạt động khác	0
	<b>Đánh giá thường xuyên (cách 2)</b>	<b>0</b>
	- Project	0
	- Hoạt động khác	0
	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>0</b>
	<b>Kiểm tra cuối kỳ</b>	<b>0</b>
<b>Thực hành</b>	Chuẩn bị bài	<b>25</b>
	Kỹ năng thực hành	<b>0</b>
	Báo cáo thực hành	<b>50</b>
	Đồ án	<b>0</b>
	Báo cáo nhóm	<b>25</b>

c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Ngày biên soạn/ cập nhật: tháng năm 2022

Trưởng bộ môn:

Trưởng/phó khoa phụ trách:

## 2101700 - Khóa luận tốt nghiệp

### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

#### 1. Tên và mã học phần: Khóa luận tốt nghiệp (2101700)

#### 2. Số tín chỉ

Tổng số tín chỉ: 8      Lý thuyết: 0      Thực hành: 8      Tự học: 8

#### 3. Giảng viên phụ trách

Giảng viên Bộ môn Hệ thống thông tin

#### 4. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

Giảng viên tự chọn tùy nội dung đề tài

Tài liệu tham khảo

Giảng viên tự chọn tùy nội dung đề tài

#### 5. Thông tin về học phần

##### a. Mục tiêu học phần

- Nhận diện ra được một bài toán thực tế,
- Phân tích và thiết kế một giải pháp để giải quyết một bài toán thực tế,
- Viết được một tài liệu báo cáo kỹ thuật những công việc mà mình thực hiện,
- Trình bày và bảo vệ được một kết quả mà mình đã làm trước một hoặc nhiều người.

##### b. Mô tả vấn đề học phần

Học phần này giúp sinh viên diễn đạt được cách tiếp cận của vấn đề trong thực tế, vận dụng được những kiến thức đã học vào việc thực hiện một dự án nhỏ, có tính ứng dụng trong thực tế; tính toán theo lý thuyết để thiết kế và dự đoán kết quả đạt được; phân tích, đánh giá, xử lý được số liệu thu được từ kết quả thực tế, so sánh với lý thuyết đã tính toán.

##### c. Học phần học trước (A), tiên quyết (B), song hành (C)

##### d. Yêu cầu khác

#### 6. Chuẩn đầu ra của học phần

Khi hoàn thành học phần, người học có khả năng: *(viết từ 3 – 5 chuẩn đầu ra, chỉ viết những gì mà người học có thể thực hiện được sau khi kết thúc học phần)*

CLOs	Chuẩn đầu ra của học phần	SO/PI
1	Xác định được yêu cầu của khóa luận cần thực hiện.	
2	Phân tích yêu cầu (hiện trạng, nghiệp vụ) và mô hình hóa được yêu cầu của đề tài.	
3	Thiết kế một hệ thống thông tin/đưa ra giải pháp đáp ứng được yêu cầu của đề tài.	SO2 / PI1
4	Hiện thực hóa hệ thống thông tin theo thiết kế đã đưa ra/Hiện thực giải pháp đã đưa ra.	SO2 / PI2
5	Viết được báo cáo khóa luận tốt nghiệp.	
6	Trình bày được các kiến thức nền tảng liên quan đến đề tài khóa luận.	
7	Đánh giá việc hiện thực khóa luận đáp ứng yêu cầu đề tài khóa	SO2 / PI3

	luận.	
8	Bảo vệ kết quả khóa luận trước giảng viên hướng dẫn và phản biện.	SO3 / PI1
9	Khả năng phỏng vấn đề thu thập yêu cầu khách hàng.	SO3 / PI2

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

SO \ LO	1	2	3	4	5	6
1						
2						
3		PI1 – E				
4		PI2 – E				
5						
6						
7		PI3 – E				
8			PI1 – E			
9			PI2 – E			

I: Introduced, R: Reinforced, E: Emphasize

## 7. Nội dung học phần và kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung chính	Hoạt động	
		Giảng viên	Sinh viên
1	<b>Giới thiệu chung</b> 1. Giới thiệu về nội dung đề tài. 2. Giới thiệu các mục tiêu cần đạt được của đề tài. 3. Lên kế hoạch thực hiện đề tài và phân công nhiệm vụ cho các thành viên.	Cung cấp lịch hẹn gặp SV Cung cấp tài liệu liên quan đến khóa luận Giới thiệu mục tiêu cần đạt được của đề tài Đưa ra các yêu cầu thảo luận sinh viên về hướng thực hiện.	Tạo sổ nhật ký, sổ ghi chép (ghi lại nhưng yêu cầu và nhận xét của) Tiếp nhận yêu cầu từ giảng viên. Lập kế hoạch cho đề tài Phân công và thực hiện nhiệm vụ
2	<b>Tổng quan tình hình nghiên cứu hiện nay</b> 1. Tìm hiểu về tình hình nghiên cứu của đề tài trong nước 2. Tình hình nghiên cứu của	Đọc phản hồi các nội dung liên quan qua email. Gặp sinh viên theo lịch, nghe sinh viên trình	Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ Tìm tài liệu, tổng hợp nội dung từ các thành viên Viết báo cáo gửi giáo viên, trao đổi các vấn đề liên quan qua

Tuần	Nội dung chính	Hoạt động	
		Giảng viên	Sinh viên
	đề tài nước ngoài	bày. Góp ý các nội dung.	email Gặp giáo viên theo lịch, trình bày các nội dung đang thực hiện Nhận các thông tin góp ý từ giáo viên ghi nhận vào sổ nhật ký
3	<b>Thiết kế hệ thống</b> 1. Thiết kế hệ thống theo sơ đồ 2. Thiết kế các chức năng. 3. Kiểm tra thiết kế bằng các phương pháp phân tích, đánh giá, phản biện.	Đọc phản hồi các nội dung liên quan qua email. Gặp sinh viên theo lịch, nghe sinh viên trình bày. Góp ý các nội dung.	Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ Tìm tài liệu, tổng hợp nội dung từ các thành viên Viết báo cáo gửi giáo viên, trao đổi các vấn đề liên quan qua email Gặp giáo viên theo lịch, trình bày các nội dung đang thực hiện Nhận các thông tin góp ý từ giáo viên ghi nhận vào sổ nhật ký
4	<b>Thiết kế các chức năng</b> 1. Thiết kế chi tiết cho từng chức năng 2. Xác định các phương pháp thu thập dữ liệu 3. Kiểm tra thiết kế bằng các phương pháp phân tích, đánh giá, phản biện.	Đọc phản hồi các nội dung liên quan qua email. Gặp sinh viên theo lịch, nghe sinh viên trình bày. Góp ý các nội dung.	Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ Tìm tài liệu, tổng hợp nội dung từ các thành viên Viết báo cáo gửi giáo viên, trao đổi các vấn đề liên quan qua email Gặp giáo viên theo lịch, trình bày các nội dung đang thực hiện Nhận các thông tin góp ý từ giáo viên ghi nhận vào sổ nhật ký
5	<b>Mô phỏng thiết kế</b> 1. Tiến hành mô hình hóa từng phần trên phần mềm 2. Mô hình hóa toàn bộ hệ thống trên phần mềm 3. Mô phỏng và nhận xét kết quả	Đọc phản hồi các nội dung liên quan qua email. Gặp sinh viên theo lịch, nghe sinh viên trình bày. Góp ý các nội dung.	Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ Tìm tài liệu, tổng hợp nội dung từ các thành viên Viết báo cáo gửi giáo viên, trao đổi các vấn đề liên quan qua email Gặp giáo viên theo lịch, trình bày các nội dung đang thực hiện Nhận các thông tin góp ý từ giáo viên ghi nhận vào sổ nhật ký

Tuần	Nội dung chính	Hoạt động	
		Giảng viên	Sinh viên
6	<b>Thực hiện từng chức năng</b> 1. Thực hiện chi tiết từng phần 2. Thu thập dữ liệu và đánh giá kết quả cho từng chức năng	Đọc phản hồi các nội dung liên quan qua email. Gặp sinh viên theo lịch, nghe sinh viên trình bày. Góp ý các nội dung.	Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ Tìm tài liệu, tổng hợp nội dung từ các thành viên Viết báo cáo gửi giáo viên, trao đổi các vấn đề liên quan qua email Gặp giáo viên theo lịch, trình bày các nội dung đang thực hiện Nhận các thông tin góp ý từ giáo viên ghi nhận vào sổ nhật ký
7	<b>Thực hiện toàn bộ hệ thống</b> 1. Ghép nối toàn bộ hệ thống 2. Đánh giá kết quả thu được	Đọc phản hồi các nội dung liên quan qua email. Gặp sinh viên theo lịch, nghe sinh viên trình bày. Góp ý các nội dung.	Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ Tìm tài liệu, tổng hợp nội dung từ các thành viên Viết báo cáo gửi giáo viên, trao đổi các vấn đề liên quan qua email Gặp giáo viên theo lịch, trình bày các nội dung đang thực hiện Nhận các thông tin góp ý từ giáo viên ghi nhận vào sổ nhật ký
8	<b>Đánh giá kết quả</b> 1. Tổng hợp kết thu được 2. Đánh giá kết quả thu được 3. Thực hiện bài báo cáo theo chuẩn qui định của khoa hoặc trường	Đánh giá giữa kỳ Nghe SV báo cáo Nhận xét và đánh giá	Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ Viết báo cáo Thuyết trình
9	<b>Kiểm thử</b> Kiểm thử chức năng của ứng dụng theo kế hoạch	Đọc phản hồi các nội dung liên quan qua email. Gặp sinh viên theo lịch, nghe sinh viên trình bày. Góp ý các nội dung.	Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ Viết báo cáo kết quả kiểm thử theo kế hoạch. Viết báo cáo gửi giáo viên, trao đổi các vấn đề liên quan qua email Gặp giáo viên theo lịch, trình bày các nội dung đang thực hiện Nhận các thông tin góp ý từ giáo viên ghi nhận vào sổ nhật ký

Tuần	Nội dung chính	Hoạt động	
		Giảng viên	Sinh viên
10	<b>Báo cáo với các giảng viên phản biện</b>	<p>Đọc báo cáo của sinh viên gửi qua email.</p> <p>Gặp sinh viên theo lịch, nghe sinh viên trình bày.</p> <p>Góp ý các nội dung.</p> <p>Đánh giá kết quả</p> <p>Ghi nhận xét.</p>	<p>Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ</p> <p>Nhận danh sách các GVPB</p> <p>Gửi báo cáo (file doc và ppt ) đến giáo viên phản biện qua email</p> <p>Gặp giáo phản biện theo lịch, trình bày các nội dung đã thực hiện</p> <p>Nhận các thông tin góp ý từ giáo viên phản biện, ghi nhận vào sổ nhật ký</p>
11	<p><b>Đánh giá hiện thực của khóa luận để đáp ứng yêu cầu người dùng.</b></p> <p>Trình bày và giải thích được sản phẩm đầu ra trước các doanh nghiệp dưới dạng các poster.</p>	<p>Ghi nhận và đánh giá kết quả.</p>	<p>Nhóm thảo luận và phân chia nhiệm vụ.</p> <p>In poster</p> <p>Thuyết minh poster trước người xem (doanh nghiệp, người tuyển dụng...)</p>

## 8. Phương pháp đánh giá

### a. Phương pháp đánh giá các chuẩn đầu ra của học phần

CLOs	Bài kiểm tra	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chỉ tiêu
1	(1) GVHD đánh giá giữa kỳ: CLO ( 1,2,3,4,5)	<p>Báo cáo thường kỳ</p> <p>Báo cáo với GVHD</p> <p>Báo cáo với GVPB</p> <p>Báo cáo Poster</p> <p>Báo cáo Hội đồng</p> <p>Thưởng thành tích NCKH</p>	100%	80%
2				
3				
4				
5				
6	(2) Hội đồng đánh giá cuối kỳ: CLO( 1-->9)			
7				
8				
9				

### b. Các thành phần đánh giá

Phương pháp đánh giá		Tỷ trọng %
<b>Đề tài Khóa luận tốt nghiệp</b>	Báo cáo với GVHD	1/3
	Báo cáo với GVPB	1/3
	Báo cáo Poster/Hội đồng	1/3
	Thưởng thành tích NCKH	Cộng điểm tối đa 20%

### c. Thang điểm đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

**Ngày biên soạn/ cập nhật:** tháng      năm 2022  
**Trưởng bộ môn:**

**Trưởng/phó khoa phụ trách:**

**PHẦN 3 : BẢNG TÍCH HỢP CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

STT	MÃ MÔN HỌC	MÔN HỌC	STUDENTS OUTCOME (SO)					
			SO1	SO2	SO3	SO4	SO5	SO6
1	2112012	Triết học Mác - Lê Nin						
2	2112013	Kinh tế chính trị Mác-Lênin						
3	2112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh						
4	2131472	Pháp luật đại cương						
5	2113431	Toán cao cấp 1						
6	2113432	Toán cao cấp 2						
7	2132001	Kỹ năng làm việc nhóm						
8	2113433	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học						
9	2120405	Giáo dục thể chất 1						
10	2120406	Giáo dục thể chất 2						
11	2120501	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 1						
12	2120502	Giáo dục Quốc phòng và an ninh 2						
13	2112014	Chủ nghĩa xã hội khoa học						
14	2112015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam						
15	2113434	Toán ứng dụng						
16	2113436	Hàm phức và biến đổi Laplace						
17	2113435	Phương pháp tính						
18	2113437	Vật lý đại cương						
19	2113438	Logic học						
20	2107402	Địa lý kinh tế Việt Nam						
21	2132002	Kỹ năng xây dựng kế hoạch						
22	2123800	Môi trường và con người						
23	2101777	Công nghệ thông tin trong chuyên đổi số						
24	2104486	Ứng dụng hóa học trong công nghiệp						
25	2104487	Ứng dụng 5S và Kaizen trong sản xuất						
26	2106529	Hội họa						
27	2113439	Xã hội học						
28	2132003	Âm nhạc – Nhạc lý và Guitar căn bản						
29	2111492	Tiếng Việt thực hành						
30	2110585	Tâm lý học đại cương						
31	2111491	Cơ sở văn hóa Việt Nam						

32	2101727	Kỹ năng sử dụng bàn phím và thiết bị văn phòng						
33	2101539	Nhập môn tin học						
34	2101436	Hệ cơ sở dữ liệu	X	X				
35	2101425	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu						X
36	2101628	Phân tích và quản lý yêu cầu	X		X			
37	2101600	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật với Python						
38	2101411	Nhập môn an toàn thông tin	X					
39	2101584	Lập trình phân tích dữ liệu 1						
40	2101625	Phân tích thiết kế hệ thống	X	X	X			
41	2101579	Phát triển ứng dụng Web		X				X
42	2101652	Thương mại điện tử	X			X		
43	2101546	Bảo mật cơ sở dữ liệu						X
44	2101595	Hệ thống thông tin quản lý				X		
45	2101657	Phát triển ứng dụng	X	X	X			
46	2101658	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	X					X
47	2101860	Lập trình hướng dịch vụ						
48	2101543	Hoạch định tài nguyên doanh nghiệp	X	X				
49	2101561	Công nghệ mới trong phát triển ứng dụng CNTT (có đồ án)			X			X
50	2110651	Quản lý dự án Hệ thống thông tin	X		X			
51	2101689	Giao dịch định lượng						
52	2101726	Phân tích định lượng						
53	2101428	Tương tác người máy						
54	2101589	Lập trình phân tích dữ liệu 2						
55	2101544	Tiếp thị điện tử						
56	2101725	Nguyên lý mô hình hóa định lượng						
57	2101545	Các hệ thống thông minh doanh nghiệp						
58	2101728	Cơ sở dữ liệu nâng cao						
59	2101582	Nhập môn dữ liệu lớn						
60	2101729	Nguyên lý các hệ cơ sở dữ liệu						
61	2101622	Nhập môn lập trình						
62	2101405	Kỹ thuật lập trình		X				
63	2101624	Thống kê máy tính và ứng dụng						
64	2101595	Trực quan hóa dữ liệu						
65	2101655	Những vấn đề xã hội và đạo đức nghề nghiệp			X	X		

66	2101627	Khai thác dữ liệu và ứng dụng						
67	2101623	Lập trình hướng đối tượng						
68	2101551	Hệ thống và công nghệ Web						X
69	2101661	Kiến trúc hướng dịch vụ và Điện toán đám mây						
70	2101567	Hệ thống máy tính						
71	2101435	Mạng máy tính						X
72	2127402	Nguyên lý kế toán						X
73	2107415	Hành vi tổ chức						
74	2127482	Kế toán tài chính						
75	2107490	Quản trị bán hàng						X
76	2127483	Kế toán quản trị						X
77	2108435	Nguyên lý quản trị tài chính						X
78	2107420	Quản trị nguồn nhân lực						X
79	2127439	Kiểm toán cơ bản						X
80	2101537	Quản lý quy trình nghiệp vụ						X
81	2111108	Tiếng Anh 1						
82	2111188	Tiếng Anh 2						
83	2101700	Khóa luận tốt nghiệp		X	X			
84	2101523	Thực tập doanh nghiệp			X	X		